

THƯ QUÁN BẢN THẢO

Tập 7

tháng 9 năm 2002



Thư Quán Bản Thảo
Tuyển tập văn học nghệ thuật

TẬP BẢY, THÁNG CHÍN NĂM 2002

Độc trong số này:

Viết chung 5 * Phạm Thiên Thư: *thơ* 29 * Hoài Khanh: *thơ* 30 * Mang Viên Long: *bèo dạt hoa trôi* 31 * Lê Văn Thiên: *một dấu hỏi* 36 * Nguyễn Phan Thịnh: *thơ* 43 * Nguyễn Lệ Uyên: *vợ chồng già* 46 * Trần Tuấn Kiệt: *thơ* 59 * Đặng Tấn Tới: *thơ* 61 * Từ Thế Mộng: *lòng mẹ bao la* 62 * Hải Phương: *thơ* 67 * Nguyễn Nhung: *những cánh chim cô đơn* 71 * Trần Nhật Tân: *lời người con đãng tử* 83 * Nguyễn Tôn Nhan: *thơ* 87 * Nguyễn Bạch Dương: *thơ* 88 * Vĩnh Hảo: *thú hoang* 89 * Thái Tú Hạp: *thơ* 100 * Trần Hoài Thư: *đêm rừng trầm* 101 * Ý Yên: *thơ* 119 * Nguyễn Bắc Sơn: *thơ* 120 * Phạm văn Nhân: *hương xưa* 121 * Phạm cao Hoàng: *thơ* 134 * Hoàng Xuân Sơn: *thơ* 135 * Lữ Kiều: *Rosee và con bướm chết bên thành cửa sổ* 137 * Nguyễn Đức Bạtngàn: *thơ* 141 * Cao Vị Khanh: *rau răm ở lại...* 144 * Hạc Thành Hoa: *thơ* 175 * Ng~ thị Tường Vy: *thơ* 176 * Trần Bang Thạch: *mẹ từ trên mây* 178 * Võ Tấn Khanh: *thơ* 188 * Nguyễn Minh: *chuyến tàu cuối năm* 190 *

Tranh bìa: Trần Quý Thoại

Viết chung

Cà Kê với bạn bè

Ng~ L.U

36 độ C, cộng với những ngọn gió Lào lúc âm âm, lúc hùng hục xô nghiêng mái lá, nhưng sao vẫn cảm thấy như đang đứng trên cao, mát mẻ? Một mình ta bay bổng tận trời cao như con chiến chiến nhỏ bé lú lo giọng hót reo vui. Phải rồi. Không vui sao được, bổng đứng trong tay ta đang nắm kéo được bạn bè xa cũ? Không mừng sao được khi trước mặt mình là đám bạn ngày nào, đang cười nói. Cái thời trai trẻ xa lắt xa lơ tưởng đâu đã bay biến vào thinh không, giờ bổng hiện về: tuổi trẻ của vô tâm, tuổi trẻ của khổ đau, tuổi trẻ của đạn bom, tuổi trẻ của đầy đọa dẫn vật một thời khói lửa... cùng vô vàn những tuổi trẻ khác lướt thướt bay qua cuộc đời chúng ta. Tưởng đã mất, vậy mà giờ này bổng hiện về, gần gũi mà có lúc cầu nguyện phép màu của những bà tiên nhân từ cũng không thể tìm thấy được.

Cầm những tập bản thảo trong tay mà cứ ngỡ như trong giấc mơ trẻ thơ. Đọc những câu viết quen thuộc ngày nào bỗng thấy mình trẻ lại tuổi hai mươi.

Không còn nghĩ ngờ điều gì nữa.

Văn chương của những cảm xúc chân thật tuôn trào chứ không hề lên gân, đánh bóng, không sơn phết, tô vẽ như những mặt nạ người. Đọc mà cứ sững run cả người. Cái cảm giác lâng lâng ấy cứ bám riết theo bước chân anh “*bần cố nông*” ra tận bờ ruộng. Ngồi cắt cỏ bờ để lúa không bị chìm lún trong lớp cỏ phủ hối, đầu óc lơ mơ, như khi trở thành *bần cố nông* ngày nào, miệng cứ lẩm

nhắm hoài câu nhật tụng:

Ngày mai chẳng biết ra sao cả

Mà có ra sao cũng chẳng sao (!)

Không hẳn là sợ đói, sợ chết mà chỉ sợ nổi bị lún xuống bùn hôi.

Xoay bên này là chum gai bàn chải.

Nghiêng bên kia một bụi xương rồng.

Ngửa mặt nhìn trời, thấy chiếc chổi giờ cao.

Cúi mặt xuống dễ hóa thành sâu bọ.

Cái sống mà đã khó đến vậy thì nói chi chuyện đùa giỡn với chữ nghĩa? Nhưng khổ thay những động mạch, tĩnh mạch...chỉ đến những vì ti huyết quản đã dấu sẵn con vi trùng *gùng nghệ ột tỏi dấm chanh* nên chẳng dặng. Chân tay bị cái đầu điều khiển làm ngứa ngáy. Tưởng là dị ứng của riêng mình, hỏi ra mấy ông bạn vong niên một thời *gùng nghệ* nửa đêm cũng ngứa ngáy, bèn trối dậy, lôi giấy ra cào sột soạt rồi cất vôi dưới đáy thùng carton. Hứng chí thì xổ ra, mà phải dòm trước ngó sau, coi thiệt kỹ mặt mũi thằng người ngồi đối diện. Cái mồm be be như chiếc ống a lô rách hồi đánh Tây thì phải coi chừng. Chuyện văn chương mà cứ y như bị lôi xuống địa bất lợi hết ngày này sang ngày khác, nên có anh sợ. Sợ bị cảm hàn, sợ bị phong thấp bèn kéo theo chiếc thùng carton nhấn chìm xuống đáy ao sâu.

Tắm ao ta không xong, bèn liếc sang ao người: xum xuê, tươi tốt còn hơn bữa tiệc thịnh soạn được vua ban. Ké né ngồi vào, ghé đít bên mép bàn bóng lộn. Mẹ cha ơi, gắp một đĩa bỏ vào miệng nhai nghe sừng sực, nuốt nghe cái mùi lạ hoắc. Cố ngồi đến khi mãn tiệc, chân thấp chân cao bước ra như người bị động kinh, giật thót người.

Hơ hải về đến nhà, tỉnh trí lại mới hay mình đang ở tầng cấp khác, khó lòng hòa tan với đường, với dấm.

Ồi hời những ông bạn cố tri tuổi đang vào chỗ *ngũ thập tri thiên mệnh, lục thập hường xuân* (chữ của cụ Vương

Hồng Sển hồi gặp nhau dưới Mỹ Tho, đứng ở công viên Lạc Hồng nghe cụ giảng giải về đồ cổ) đã nổi máu yên hùng, vẫn gồng nghệ để kéo bạn bè nơi cố xứ, hâm nóng trà cá kho để quên trên gác bếp, thiếu chút nữa là thiui thúi. Ai dám bảo những ông *trung niên thi sĩ* (chữ của đại ca Bùi Giáng), *lão niên văn sĩ* nơi đất khách đã “gác bút bỏ quên đời”? Hẳn những người bạn ấy của chúng ta, không ai có tham vọng trở thành những đại gia gồng nghệ như cái cảnh bên này trời, vẫn thường xảy ra. Vậy thì vì một lẽ gì hồi các bạn cố tri, cố cự, cố thương nhau, cố lang bạt với nhau một thời đau khổ và hạnh phúc lao vào nhau bằng chữ nghĩa nếu không vì máu còn đỏ, nghiệp chướng còn đeo nặng?

Hóa ra họ không vì cái gì cả cho riêng mình. Căn cơ là bè bạn. Chính điều này nên mới hay lão Đèo Văn Trấn còn sống mà có lần cụ Nguyễn Đình Vượng và Trần Phong Giao nói với tôi về cái tên lạ hoắc, tức cười(?) ; chính điều này mới nhớ lại Nguyễn Cát Đông ở ĐHSP... Và nhiều nữa, và vân vân...

Ờ, cái sợi dây mỗi ngày cứ dài mãi, chặt mãi phải không Nhàn, Thư, Cát Đông, Cao Hoàng... ?

Nơi cố xứ tháng 6 ngày 29 năm con Ngựa.

Tập ghi rời

Trần Hoài Thư

1-

Rời nhà lúc 6 giờ sáng. Đã quá quen thuộc với những cuộc đi xa. Mang theo tập thơ Lẽo Đẽo Một Phương Quy của nhà thơ Từ Thế Mộng làm hành trang. 10 giờ đến

trạm nghỉ. Mang thơ đến chòi trống gió. Bóng mát che
ngợp trên đầu. Một bài thơ của Từ Thế Mộng viết về
Phan Thiết được sáng tác vào năm 1970 đã làm ta phải
bồi hồi nhớ lại một thời tuổi trẻ:

*Đứng sững trong đêm gần sáng lạnh
đèn soi không rõ bóng khuya xanh
cây cầu vắt một đường êm ái
đường mang hơi thở buồn trăm năm*

*Những con đường sáng chạy mơ hồ
phố dài đưa mắt ngó vu vơ
nghiêng sâu trên dải sông êm ái
nước - một - lâu cao sâu ngập bờ*

*Tôi mang hơi gió lạnh căm căm
hơi của trùng dương thuyền bập bênh
- chủ quán! Một cà phê thật đậm
chờ, nghe hạnh phúc cả trăm năm*

Đó là cái thời mà tuổi trẻ phải gánh mang những tấn
nặng nề của oan khiên lịch sử. Và cũng là thời mà chúng
tôi nương tựa nhau, chia xẻ nhau từng niềm vui, nỗi
buồn, hạnh phúc. Cái thời mà quán như một mái nhà hò
hẹn. Muốn gặp bạn bè cứ ra ngồi ở quán. Hết tiền cũng
tìm đến quán. Trước sau gì cũng có một thằng bạn sẵn
sàng bao cho mình một ly cà phê hay mời mình một
điếu thuốc. Cái thời mà những đôi mắt bạn bè thấy trên
đáy cốc, khi mới gặp hôm qua, hôm nay lại chia xa.
Quán sớm dù lạnh vì sương và vì trống gió nhưng đây ấp
tình thân.

*Quán sớm cô hàng nhăn nếp lụa
Tóc còn vương vít lòng chiếu chắn
Nước sôi reo ấm gian nhà chật*

Bếp lửa hồng. Gió tắt. Mùa đông

*Gọi cốc cà phê un khói gió
Mấy thằng râu tóc chụm thanh xuân
Vách trống, sát vào nhau đỡ lạnh
Trời ngoài kia sương phủ mệnh mông*

*Năm giờ. Thành phố còn im lặng
Những chuyến xe dầu run rẩy qua
Con đường sương khói hai hàng nến
Những nhánh cây đen đung mái nhà
(Quán sớm, thơ THT)*

Từ giữa cỏi người, sáng nay, có kẻ đang đốt lên những sợi khói hoài niệm. Không còn nữa, cô hàng cho xin ly cà phê nhỏ. Tôi uống cho đầy đôi mắt trong (thơ THT) hay - chủ quán! Một cà phê thật đậm chờ, nghe hạnh phúc cả trăm năm (thơ TTM). Không còn nữa bếp lửa hồng và ấm nước reo sôi. Không còn nữa cô hàng tóc tai vẫn còn biếng chải, đôi mắt còn ngái ngủ bừng cốc xây chừng. Không còn nữa những thằng tóc râu thanh xuân chụm nhau điều thuốc. Và từng hộp nhỏ, cho em, cho ta, cho bạn, cho một ngày về lại phố, cho những chú bồ câu đậu trên hàng dây điện phố thân quen. Bây giờ, quán sớm đã xa biệt. Và ta thì cũng xa biệt quán sớm của ta.

May mà còn mái nhà này. Mái nhà TQBT.

2-

Phải. Mái nhà chữ nghĩa. Mái nhà mà bạn gửi về ta những gì lâu lắm ta chưa hề đọc. Bạn khiến ta bồi hồi như nhớ lại quán sớm xa xưa.

Như vậy, Thứ Quán Bản Thảo tập 7 lại có mặt. Như một giấc mơ. Như một chuyện hoang tưởng. Và có lẽ điên rồ.

Bạn thấy không: Thử so sánh TQBT với bất cứ một tạp chí văn học nghệ thuật nào có mặt ở hải ngoại. Không một trang quảng cáo. Không bán. In bằng tay mà kỹ thuật không kém gì kỹ thuật trong nhà in chuyên nghiệp. Và càng lúc càng qui tụ những tên tuổi của một thời văn học thời chiến miền Nam cực thịnh nhất trước năm 1975, những tên tuổi mà chúng ta rất lâu chưa hề được dịp đọc lại sáng tác của họ. Chưa có một tập san văn học hải ngoại hay một tuyển tập nào ở hải ngoại lại qui tụ hầu như đầy đủ trọn vẹn những người viết cũ như TQBT, trong nước..

Họ tìm đến chúng tôi, mang cho chúng tôi niềm vui và an ủi vô biên. Họ giúp cho chúng tôi tiếp tục con đường chúng tôi đi. Khi họ đến với chúng tôi không phải đơn giản như ở hải ngoại này. Mà trái lại, e mail họ phải trả tiền, đó là chưa kể những thử thách khác khỏi cần nói. Nhưng họ vẫn đến. Và gởi gắm. Và tin cậy.

Vì sao. Vì sao chúng tôi có những bài thơ mới nhất, tuyệt vời nhất của Phạm Thiên Thư, Hoài Khanh, Trần Tuấn Kiệt, Nguyễn Bắc Sơn...trong khi chưa chắc có một tạp chí văn học nào ở đây có thể có được.

Vì sao. TQBT lại tiếp tục có mặt. Và số này lại thêm Phụ bản đặc biệt: Tập thơ Lẽo đẽo Một Phương Quỳnh của Từ Thế Mộng.

Vì sao những người chủ trương có kẻ làm ca ngày, có người làm ca đêm, một lã cùng hệ lụy áo cơm, nửa đêm vẫn còn chong mắt thức.

Chỉ có những kẻ điên rồ mới dám làm.

Không phải thế đâu. Vì tấm lòng của bạn bè, người đọc, thân hữu.

Xin cảm ơn quý bạn.

**tháng chín, mùa thu,
ở hai đầu nỗi nhớ...**

Cao Vi Khanh

Tháng chín. Tháng của rỉ rả mưa đêm, của lã chã cánh phượng và hiu hiu mùa chuyển.

Tháng chín. Tháng của líu ríu chim sẻ kêu nhau bỏ đi và xôn xao học trò rủ rê trở lại.

Tháng chín... *khi lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc.*

Tháng chín bây giờ, xứ lạ đã thành quen và tháng chín hồi đó, rất quen mà chừng như đã lạ.

Tháng chín ở một thành phố nhỏ, giữa miền Nam nắng cháy mưa lầy, nơi tôi đã sống lụi như tình nhân và tăm tức bỏ đi như người bị ruồng rẫy.

Tháng chín ở đó với không biết bao nhiêu là kỷ niệm của những mùa thu giả tưởng. Phải rồi, làm gì có thu đến thu đi theo kiểu mấy bài hát ngêu ngao làm người ta tưởng như mùa màng cũng theo chân mấy người tình tới lui lui lui mà thay hình đổi dạng. Thật ra có gì khác lạ đâu ở bên ngoài lòng người, chỉ là hai mùa mưa nắng. Vậy mà mỗi lượt nghe ai đó cất giọng rầu rĩ thu đi cho lá vàng rơi... là lòng dạ lại cứ nao nao... làm như nghe được cả tiếng chân thu đang chuyển dịch sẽ sàng. Chắc tại mình quá mơ mộng. Hay tại vì nhịp mùa có chuyển cũng chuyển từ trong tâm tưởng? Trời đất thay đổi rất vô tình. Tại mình tiếp tay với trời đất cho nên mùa màng mới có chuyện. Xứ sở đâu có bốn mùa vẫn cứ cố bày ra cho được. Trời miền Nam quanh năm suốt tháng nắng nướng đến dòn da mà cái đầu thì cứ mê muội bày đặt đủ thứ tứ thời tám tiết. Hết xuân hồng ta muốn cắn vào người đến anh vẫn thấy em ngồi đây tóc ngắn. *mà mùa thu dài lắm*

ở chung quanh... Minh lợi dụng trời đất vào tình riêng riết rồi lậm lúc nào không hay. Đến nỗi hể nghe xuân tới là cứ rậm rất hy vọng mà hay tin thu về thì lại đắm ra buồn ngẩn buồn ngơ.

Truy cho ra nguyên ủy chắc cũng đã xa lắm lắm, đâu từ đời Đường đời Tống bên Tàu, có thể gần hơn một chút thì Lamartine với Chateaubriand bên Tây. Gần hơn chút nữa thì cũng cỡ những năm 20 khi bà Tương Phố viết Giọt lệ thu buồn đến ngất-ngư-con-tàu-di làm cái đám sanh sau đẻ muộn lỡ học rồi cũng đắm ra sầu thu đến chảy nước mắt, từ đó. Ai biểu.

Vài chục năm sau, ở một thành phố nằm trên vĩ độ 45 bắc, đột nhiên giữa một buổi chiều cuối tháng tám, tôi thấy mùa thu thật sự trở lại. Đúng ra chắc cũng đã có sửa soạn từ nhiều ngày trước mà không ai hay, từ bên kia dãy núi chắn ngang phía bắc thành phố. Ở đó rừng núi mênh mông, cây lá mênh mông, mặc tình cho trời đất xun xoe làm dáng. Ở đó, trên những chòm núi ngất ngưỡng cao đã thấy quàng thâm những ngum mây xám xám. Và chắc ở đó cây lá cũng đã len lén đổi màu từ khi mặt trời cứ bỏ đi ngủ sớm. Ở dưới này giữa lòng phố, ngày đã ngắn lại đâu từ giữa tháng, mỗi ngày một chút. Và gió cũng đã đổi hướng, mỗi lúc một lạnh lạnh. Lòng người ta bén nhảy còn hơn đài khí tượng, đánh hơi mùa ngay từ khi máy móc chưa kịp tính toán xong.

Vậy đó, một buổi chiều cuối tháng tám, tôi bỗng thấy mùa thu trở lại. Mặc dầu mùa hè vẫn chưa chịu bỏ đi.

Bắt đầu là một cơn gió lạ. Cũng không biết từ đâu thổi tới. Chỉ biết khi tôi thấy thì nó đã ra tới giữa lòng đường. Lúc đó đâu khoảng giờ cơm chiều nên lòng đường trống trơn, duỗi dài như một cánh tay mệt mỏi sau khi đã vật vã mệt nhoài với mớ xe cộ hối hả qua lại lúc nãy, khi tan sở. Mặt đường xám ngắt, một lì giữa hai hàng cây im

sững. Cơn gió lách tới bất ngờ, quợn qua quợn lại một chút rồi bốc thẳng lên, mang theo một chút bụi và một chiếc lá vàng đã nằm sẵn đó tự hồi nào, thổi ngược vào lề thả lá bay vút vường một đỗi rồi rút đi để lại chút gai gai lạnh trên cánh tay trần của người khách bộ hành vừa trở tới. Một chút động đậy thôi trong một giờ chiều rất tĩnh, bỗng nhiên làm quậy lên lao xao một cái gì rất lạ. Một cái gì rất mơ hồ, nhẹ hửng, chẳng đâu ra đâu vậy mà như đủ sức khuấy dậy giữa lòng người một ý niệm, hay đúng hơn, một ấn tượng... *Ngô đồng nhất điệp lạc. Thiên hạ cộng tri thu.*

Vậy đó rồi đâm ra buồn ngang, buồn ngửa, buồn ngất trên vai áo theo kiểu của thi sĩ du tử họ Lê.

Mà buồn cái gì? Mùa thu ở đây, ở vùng đông bắc này rồi sẽ đẹp gần chết mà buồn nỗi gì. Trời hanh nắng, gió hiu hiu lạnh, khoác chiếc áo dạ len thả hở hàng nút, kéo cao cổ áo phủ ốt, một tay dứt túi, một tay quơ quơ hốt nắm sương là đà, chân thả lang thang coi trời đất đổi màu. Xanh vàng tím đỏ rồi xanh xanh vàng vàng tím tím đo đo có loạn thị cách mấy cũng phải chịu là đẹp. Vậy tại sao lại còn đòi buồn đòi tủi. Vâng thì đẹp. Mà điều cái đẹp là cái bây giờ, ở đây. Còn cái buồn là cái hồi đó, còn vận đến chừng này, trong tâm tưởng.

*Ngoài hiên giọt mưa thu thánh thót rơi, trời lắng u buồn
mây hắt hiu ngừng trôi, nghe gió thoảng mơ hồ, trong
mưa thu ai khóc ai than thở...*

Đố ai đã từng nghe Giọt mưa thu của Đặng Thế Phong một lần mà không thấy ngậm ngùi tới xót ruột. Nhất là ở cái thời mới lớn.

Rồi dọc theo cái thời tập tành yêu-đương-phụ-tình-tình-phụ đó là không biết bao nhiêu mùa thu nữa lằng lằng theo mấy nốt nhạc làm phong cho chàng tình nhân trẻ tuổi thả trái tim mình ba chìm bảy nổi theo mấy dòng tóc

mây thu. Dĩ nhiên là chắc chìm nhiều hơn nổi cho nên
rớt lại cứ nghe tới thu là đâm ra rầu miết.

Đến khi Phạm Duy đem nhạc phổ thơ Mùa Thu chết của
Appolinaire thì ôi thôi chắc mềm thu ơi thu sao mà buồn
lắm vậy! *Em ngắt đi một cụm hoa thạch thảo. Em biết
cho mùa thu đã chết rồi... Mùa thu đã chết...*

Nhạc đã vậy, còn văn thơ thì khỏi nói. Trong một chục
bài văn thu với thơ thu thì đã có tới 99,99% nói về thu
buồn, thu nhớ, thu sầu, thu khổ... thu nước mắt ngăn nước
mắt dài... (đến nổi mới nghe tới hơi thu là đã ngủ ngay
mùi ẩm mốc, dầu rằng thiếu chi ngày thu khô ráo)

Hãy nghe bà Tương Phố ở cái thời đàn bà chỉ biết có kim
chỉ mà cũng đem thu ra than van thảm thiết về với anh
mùa thu, tiễn đưa anh mùa thu, mất anh cũng lại mùa
thu, cho nên mỗi năm cứ đến độ thu sang thì em lại bồi
hồi nhớ trước tưởng xưa mà lòng thu một tấm cũng ngây
ngất sầu... thì đến đá tảng khi đựng tới mùa thu cũng
phải rụng rời nói chi trái tim thanh niên mềm như lá liễu.
Tới ông Tản Đà, thì thu quả nhiên buồn đến hết nói.
*Trận gió thu phong rụng lá hồng. Lá rơi tường bắc lá
sang đông. Hồng bay mấy lá năm hồ hết. Thơ thần kia ai
vẫn đứng không.* Đâu mà toàn là chuyện trắc trở với lại
phòng không chiếc bóng. Nghe mà nhào cả người.

Rồi Nguyễn Bính giang hồ rất mực ra bắc vào nam như
ăn cơm bữa mà lại cũng chọn cho được mùa thu để thất
tình. *Tôi về gom hết ba thu lại. Đốt hết cho cô khỏi then
lời.*

Thậm chí tới mấy cái chuyện cổ tích cũng vậy. Mới nứt
mất ra là ngón không biết bao nhiêu chuyện tình oan
trái. Mở đầu là câu chuyện của anh chàng chăn trâu
Ngưu Lang với cô nàng dệt vải Chức Nữ. Yêu chi mà
yêu khổ. Yêu chi mà mỗi năm chỉ cho gặp có một lần.
Mà phải có bầy chim ô thước thương tình bắt cầu cho
qua sông Ngân tái ngộ. Đêm mừng bảy tháng bảy. Khóc

mừng hay khóc tủi mà lụt lội trần gian. *Nước mắt mùa thu khóc duyên phận người...*

Kể ra thì cũng oan ức cho cái mùa thứ ba của trời đất. Mùa nào không lấy cứ đề mùa thu ra mà gán ép bao nhiêu oái oăm ngang trái tương tư thất tình phụ bạc anh-đi-đường-anh-tôi-đường-tôi cho đành đoạn. Bộ yêu nhau rồi phụ nhau vào mùa xuân không được sao? Hay mùa hè? Hay mùa đông? Mà cũng lạ. Thiên hạ yêu nhau hồi nào đâu không biết mà hể tới lúc chia tay rẽ rúng, em về lấy chồng anh đi lấy vợ là cứ kéo cho được mùa thu ra làm cảnh và làm chứng. Cả cái cô Thúy Kiều và ông thương gia Thúc Sinh cũng một điệu. *Người lên ngựa, kẻ chia bào. Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san...* Riết rồi, ai nấy cứ khẳng khăng mùa thu là phải buồn dẫu là tôi-buồn-không-biết-vì-sao-tôi-buồn, là phải nhớ, dẫu là nhớ vẫn nhớ vợ hay là nhớ có nơi có chỗ, nhớ độc chiếc hay là nhớ song phượng, nhớ tam giác hay ngũ lục giác gì cũng được. Miễn là có nhớ cho ra cái điều... *con nai vàng ngơ ngác.*

Bởi vậy mà dẫu muốn hay không, thì ở đây, nơi mùa thu được coi là mùa lộng lẫy nhất trong năm, người khách tha hương vẫn cảm thấy buồn buồn ngay khi mùa thu vừa trở tới.

Giữa khi trời đất vàng rực huy hoàng thì lòng người bỗng chùng xuống, tối mịt những kỷ niệm. Mà kỷ niệm thì không vui. Kỷ niệm chỉ có buồn thôi vì kỷ niệm là cái đã mất. Giống như mùa thu chỉ để buồn thôi vì mùa thu chỉ là sự gắng gượng làm vui của trời đất khi sắp lịm vào cơn mê thiếp. Cũng kỳ. Ở đậu xứ người mà không chịu vui với người. Người ta tổ chức hết lễ lá đến lễ màu. Mà lòng mình thì chỉ có mỗi một lễ duy nhất. Lễ nhớ. Mà hể nhớ thì buồn. Mà đã buồn thì lại nhớ. Tại cái mùa thu đó, nó gợi nhớ. Hay tại mình, mình không chịu quên.

Không dừng mà lại nhớ đến một câu trong bài tùy bút của Đinh Hùng viết đầu từ vài chục năm trước về một mùa thu Thu trở lại. Lâu quá đã quên gần hết chỉ còn nhớ loáng thoáng, hình như là... *Nắng ở đây vẫn là nắng ấm ngày xưa và linh hồn tôi vẫn là linh hồn tôi năm trước...*

Ồ linh hồn tôi vẫn là linh hồn tôi năm trước. Năm nào năm nào. Mà có cần xác định một thời điểm chính xác trong cái chuỗi nhớ thương dằng dặc đó. Năm nào mà chẳng được. Khi đã là quá khứ thì ngày tháng cũng mù sương. Trí nhớ chập chùng, kỷ niệm thì trùng điệp. Nhưng vẫn có đó. Đôi khi lộn đầu lộn đuôi. Nhưng có cần không một thời biểu rõ ràng cho mớ hình sương bóng khó.

Mùa thu. Mùa của năm học bắt đầu. Những buổi tựu trường. Tiếng trống giục giã. Áo trắng quần xanh. Tóc rẽ bảy ba. Sách vở, viết mực, hàng chữ nắn nót... Rồi phấn trắng bảng đen, thi cử, ly cà phê trắng mất, lá thư tình thứ nhất...

Mùa thu. Mùa của trăng đêm hò hẹn. Cửa giận hờn. Cửa xin lỗi. Cửa vụn dãi dễ thương như một lầm lỡ.

Mùa thu. Mùa của biệt ly. Cửa cửa sông đen ngòm. Cửa ngọn đuốc lập lòe. Cửa bỏ cha bỏ mẹ, bỏ bảy bỏ bạn, bỏ nước bỏ quê.

Mùa thu. Mùa của điêu tàn. Cửa nát tan. Cửa khúc ruột đứt lìa. Cửa ngón tay vượt mắt.

Ồi mùa thu thương khó từ trong tâm thức. Có nhớ có thương năm nay thì cũng chỉ là nối tiếp cái thói quen thương nhớ từ năm kia năm kia. Mà sao cứ nhớ thương hoài vậy. Rồi không chừng lại nhớ tiếp luôn tới năm sau, năm sau nữa? Bộ khoảng giữa của hai đầu thương nhớ nó nhún nhún nhún nhún như cao su vậy sao mà kéo dài tới chừng nào cũng được.

Bộ chỉ có cái trí nhớ là đức tính cần thiết và dai dẳng nhất của con người sao?

Còn đến chừng nào thì lãng quên sẽ là đức tính cần thiết hơn nữa...?

CAO VỊ KHANH

Thật ra thiên hạ cũng kỹ lưỡng lắm. Người ta đã tính toán cẩn thận, phân chia hẵn hoi. Ngày xuân phân... rồi lại thu phân... Nhưng mà thiên nhiên đâu có chịu rạch ròi như vậy. Đầu phải gỡ tờ lịch ghi ngày 21 tháng 3 là mùa xuân đã chực chờ ngoài cửa. Cũng như đầu có chuyện bàn giao một cách thẳng thắn và lịch sự giữa một ngày hè nắng riu riu và một ngày thu nắng rười rượi. Giống y như lòng con người ta vậy. Có lần ranh nào để đóng khung một tâm trạng. Có sự khác biệt nào giữa giọt nước mắt chia tay và hạt lệ mừng. Thiên hạ vẫn hay nói mừng mừng tủi tủi... *Khi vui muốn khóc buồn tênh lại cười...*

Trời đất cây cỏ cũng lấp la lấp lửng như vậy. Và lòng người cũng có khác gì đâu. Vậy thì ai lôi kéo ai vào cuộc chạy đua đoạn trường này. Nói như Nguyễn Du rồi có đúng không. Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu. Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ

Hay thật ra, giữa ta và vật, giữa người và cảnh đâu có sự biện biệt nào ra hồn đến nỗi phải phân chia. Bởi vậy mà mới giữa tháng tám, tháng còn hè, tôi đã thấy mùa thu trở lại. Mà trở lại thật tình.

Những Trang Viết Từ Houston:

LANG THANG NGOÀI NGÕ

Trần Bang Thạch

Những trang chữ này được viết vào thượng tuần tháng Tám. Vào thời điểm này, mỗi năm, Houston có những

ngày nắng đổ lửa và những ngày mưa tầm tã, lụt lội. Đang nóng rất da, bỗng cơn mưa trút nước bất ngờ. Khó mà biết trước. Như là tánh tình của một người nữ, buồn vui bất chợt, hờn giận bất thường, ghét thương vô cớ. Nóng bỗng người thì cũng phải đi, mưa đầy trời thì cũng phải đến. Giữa trưa nắng gắt vẫn phải lái xe đi làm, chỉ mong cái máy xe còn hơi sức để kéo cái máy lạnh. Giữa đêm khuya khoắt lái xe về nhà, chỉ mong cơn mưa chậm lại để còn thấy được mấy thước đường nhập nhòa trước mặt và để nước ngập trên đường chưa lên quá nửa vòng bánh xe. Không quên được những ngày đầu trên xứ lạ: Vợ chồng con cái chất đầy trên cái xe con cóc, không máy lạnh, chỉ có “ cái nóng nung người nóng nóng ghê” trong cái hạt mít uể oải lăn trên xa lộ. Cũng không thể nào quên những đêm mưa bão đã qua, xe không thể lội nước để về đến sân nhà, đành phải ngồi sau tay lái dõi mắt nhìn mưa suốt đêm. Và nhìn thân phận mình bập bênh trong cơn mưa bão cuộc đời.

Cõi trời thì vậy mà cõi người cũng lắm cái không ngờ.

Cho nên, từ Houston, xin được một chút lang thang trong cõi người, trước cửa ngõ Tháng Chín, tháng của mùa tựu học, của mầm non, của mùa hy vọng; tháng của Tập 7 TQBT, đưa con chung mỗi ngày một nụ cười dễ thương; và tháng của ngày đầy năm 11 tháng 9, một ngày động trời dậy đất một năm trước.

Một thành phố lớn như Houston làm sao tránh khỏi những cảnh đời nghe thấy mà đau lòng, dù biết rằng nhiều thấy thì lắm ma. Gần cuối tháng 7 và đầu tháng 8 có những cái đau lòng dồn dập. Như bà nha-sĩ-vợ vì ghen tuông mà lái cái Mercedes-Benz đụng chết ông nha-sĩ-chồng, rồi quành xe lại mấy lượt cán qua cán lại cán tới cán lui cái thân thể đã cùng với mình mười mấy năm

chấn gối. Rồi chỉ tuần lễ sau, một người VN chủ một quán ăn vùng tây nam thành phố đã vì một lý do nào đó mà gây cuộc thảm sát hải hùng: người vợ của chủ quán và 2 thực khách, mỗi người bị 2 viên đạn bắn vào đầu. Chủ quán nguyên là 1 nhà giáo, 1 sĩ quan, 1 tù nhân chánh trị, và cũng là 1 người làm thơ. Trong 1 bài thơ ca tụng sắc đẹp của vợ mình, nhà thơ này đã viết những câu cuối như vậy: *Anh qua phố chợ đông người, tìm trong hoa nở nụ cười môi em. Và trong sinh hoạt hàng đêm, nhìn đâu cũng thấy bóng em tuyệt vời.* Vậy mà 2 viên đạn oan nghiệt đã đưa em về với thiên thu! Một chút cảnh đời như vậy chắc không đủ để nhuộm đen cuộc đời. Đời vẫn còn nhiều ánh sáng hơn bóng tối, nhiều lành hơn dữ, nhiều hy vọng hơn tuyệt vọng. Hơn hai tuần trước, cuộc đua Pháp quốc lần thứ 89, kéo dài 21 ngày đã kết thúc tại Arc de Triomph trên đại lộ Champs Elysées của kinh thành ánh sáng Ba Lê với tay đua mặc áo vàng chiến thắng là Lance Armstrong. Như vậy từ 4 năm nay, tay đua của Austin, thủ phủ của Texas, đã 4 lần mang vinh quang về cho nước Mỹ. Lance Armstrong, người đã từng bị bệnh ung thư dịch hoàn, có lúc vì trùng ung thư lan lên tới não bộ. Tự tin, năng động, yêu đời là những yếu tố khiến chứng ung thư phải bước lùi. Lance cũng là biểu tượng của ý chí vượt khó, của sức chịu đựng và của hy vọng. Hy vọng cũng không quên một quê hương ta nghèo khó. Tại xứ Bạc Liêu của VN xa xôi, một bé trai 13 tuổi, từ cả chục năm nay phải tủi hổ lấy tấm khăn che cái túi bàng quang càng ngày càng phình to bên ngoài cái thân thể ốm yếu; cũng như cơn bệnh quái ác đã làm tiêu tan giấc mộng ăn học thành tài của em bé. Nhưng, như một ân sủng từ trời, những người giàu lòng nhân ái tại New Jersey biết được việc này và đã đưa em Quang đến New Jersey trị liệu. Như cái tên tiền định của mình, từ chỗ tối tăm Quang bước ra vùng ánh sáng, để ước mơ được xách cặp da đi học ngành điện toán của em từ ngày

còn bé có cơ may thành tựu. Có phải hy vọng đã nhúm lên từ đây? Rồi hôm nay Hy Vọng cũng thật là đầy ắp trong một đại tửu lầu tại Houston này, địa điểm được Hội Văn Hóa Khoa Học dùng tổ chức Ngày Truyền thống hàng năm, trong đó có tiết mục thật độc đáo là tặng quà cho các học sinh VN có thành tích học hành xuất sắc tại các trung học trong vùng. Đặc biệt trong số 15 thủ khoa và á khoa năm nay, đa số là những em đã được sanh trưởng từ VN, khi sang Mỹ chưa biết một tiếng Anh nào. Có một em nữ sinh đã phát biểu: *“Ở trường, em như bị quăng vào trong một môi trường xa lạ nơi mà em trở nên vừa điếc vừa câm. Em không thể hiểu một lời nào khi người ta nói với em, em cũng không thể chuyện trò được với bất kỳ ai ở xung quanh”*. Vậy mà mấy năm sau người nữ sinh này đậu thủ khoa tại 1 trường trung học lớn, cũng là người đoạt giải nhất cuộc thi luận văn Người giỏi nhất trong những người giỏi nhất (Best of the Best) vì các học sinh tham dự cuộc thi đều là các thủ khoa và á khoa. Sĩ số học sinh VN tại các trung học đệ nhị cấp chiếm không quá nửa phần trăm, vậy mà thủ khoa và á khoa VN đã có mặt 15 trong số 80 trường trong vùng Houston và phụ cận! Biết đâu còn những em thủ khoa và á khoa khác chưa kịp tham dự ngày hôm ấy? Chưa hết, tại một buổi phát thưởng khác cũng được tổ chức trong thành phố cùng ngày, 18 em học sinh VN được tuyên dương là những học sinh có số điểm học lực tối đa liên tục từ lớp 5 đến lớp 12, và 1 phần thưởng được trao cho 1 em lớp 10 là người đoạt giải nhất trong cuộc thi quốc tế viết về cha mình nhân ngày lễ Từ Phụ 2002, có 12000 học sinh các lớp dự thi. Hy vọng cũng đã nhúm lên từ đây, có phải?

Và chắc chắn hy vọng cũng thật nhiều cho những người thực hiện TQBT. Những thư đi, tin lại giữa người thực hiện, người viết và người đọc càng làm cho niềm vui lớn

mạnh mỗi ngày. Cây cầu bị gián đoạn nhiều năm, nay, dần dần qua 6 tập TQBT, cây cầu đã có thêm nhiều nhịp. Nhiều thư gửi từ quê nhà, từ những cây bút quen thuộc, tầm tiếng ngày xưa, người nhận chỉ biết gõ lên giàn phím chữ KHOÁI rồi chuyển tiếp cho người trong nhóm chủ trương cùng đọc và cùng khoái với mình. Có thư nói về cái nhiệt tình văn hóa văn nghệ của những cây bút cũ và mới trong TQBT. Có người thấy cái nét lãng mạng của những người chủ trương: làm TQBT bị thiệt thòi đủ thứ mà càng ngày càng hăng; có thư cũng kể chuyện về nỗi háo hức, niềm thiết tha khi bạn bè cầm trên tay TQBT. Cũng từ đó mà TQBT nhận được những sáng tác mới, viết riêng cho TQBT mà ta sẽ thấy lần lượt có mặt. Chắc là đã lâu rồi ta thấy thiếu cái không khí sinh hoạt viết lách của thời thập niên sáu mươi. Những tạp chí văn học ở Sài gòn, ở các tỉnh thành, ở các đại học và các giai phẩm xuân tại các trường trung học.... là nơi tập hợp thật nhiều cây bút có chân tài; để từ đó một bầu không khí sinh hoạt văn học nghệ thuật thật sinh động cho tới ngày 30 tháng 4 năm 75. Và TQBT có mặt từ tháng 10/2001 với cái ước muốn gây lại cuộc chơi mà anh em bỏ dở từ đó. Muốn là một việc, thành hay bại hay thành tới đâu là một việc khác. Ngày xưa, có lẽ viết lách đối với đa số những cây bút gọi là trẻ của chúng tôi chỉ là một trong nhiều cách chơi, bên cạnh một cuộc chiến khốc liệt. Điều này đã được Lữ Kiều gợi lại như sau: “Tuởng là chơi thôi, đâu ngờ đã vận vào đời mình cái mê hoặc của văn chương trở nên nghiệp dĩ, mang theo suốt cuộc sống thăng trầm cho đến hôm nay” (TQBT, tập 5, tháng 5-2002). Quả thực là như vậy. Cuộc sống nổi, chìm tại quê nhà hay quê người tuy có làm xáo trộn ao hồ chữ nghĩa trong những khoảnh giây nào đó, nhưng cái nghiệp chữ nghĩa đã vận vào thì ... chắc là phải chơi cho đến chết! Thấm thoát mà TQBT đã gần đầy tuổi tôi. Tập 7 phát hành tháng 9 đã đánh dấu ngày

đầy năm của TQBT.

Cũng tháng 9 này là đầy năm của một tai họa thảm khốc của nhân loại: Chỉ trong mấy phút phù du hơn 3000 người chết mang hơn 80 quốc tịch khác nhau và hàng trăm ngàn giọt lệ lăn đầm đìa từ đó. Năm ngoái, sau ngày 11 tháng 9, bé trai 5 tuổi tên Aidan Fontana mỗi ngày cứ mong người cha từ cửa bước vào căn chung cư. Cho đến tháng 12 thì xác của ba nó được tìm thấy. Theo lời trần trối với một đồng nghiệp trước khi người bạn này nhòai người ra khỏi một lỗ hổng bị bít kín liền sau đó, tro cốt của Trung Úy Dave Fontana thuộc đội cứu hỏa Brooklyn đã được phân phối cho 4 nơi: 1 cho đất tổ là Ái Nhĩ Lan, 1 cho vùng biển nơi anh đã lớn lên, 1 cho khu công viên nơi anh nói lời cầu hôn với vợ, và 1 cho nghĩa trang. Gần 1 năm đã qua rồi, dù cho ai nói gì thì nói, bé Aidan ngày ngày vẫn cứ mong người cha hiện ra từ khung cửa gỗ! Aidan hay mẹ nó là góa phụ Marian chắc chắn sẽ đau khổ suốt đời. Và hàng ngàn những gia đình khác cũng sẽ đau khổ suốt đời. Những Dave là những anh hùng tử sĩ. Những Aidan, những Marian là những giọt sầu thiên thu. Một du khách mới viếng New York, khi nhìn tượng Nữ Thần Tự Do, bà nói bà thấy pho tượng chảy nước mắt. Có người bây giờ vẫn có những cơn mơ hải hùng. Cũng trong cảnh đất ngã trời nghiêng đó, TQBT 1 ra đời. Có thể đó chỉ là một trùng hợp tình cờ. Nhưng biết đâu từ một tâm thức bị thương của những người chủ trương mà TQBT có mặt để tìm những ân tình, dang tay mình ra để bắt những bàn tay ấm bằng hữu. Còn nhớ trang đầu của TQBT 1, người thực hiện đã cố kịp thời in bức ảnh New York sau ngày đại nạn 11 tháng 9, phía trên bức ảnh là 4 câu thơ:

*Ta đứng bên này bờ Nữu Ước
Bên kia thành phố khói che mờ
Dưới đống hoang tàn thê thảm ấy*

Xin tìm giùm anh em mất tích Twin Towers

Thời tiết Houston từ tháng 9 sẽ bớt nóng và bớt bão bùng. Những trẻ em VN sẽ tiếp tục mang cái thông minh sẵn có của dân tộc mình vào trường lớp mới. TQBT sẽ có cái cười thật tươi cho ngày thôi nôi tròn 1 tuổi. Và nhân ngày 11 tháng 9, xin được ước nguyện rằng: Từ nay 11 tháng 9 sẽ vẫn là một ngày bình thường đáng yêu của trời đất. Và 364 ngày còn lại vẫn là những ngày tràn đầy hạnh phúc, an vui và hy vọng cho tất cả mọi người.

Người bạn và cuốn sách cũ.

Phạm văn Nhàn

Tôi nhớ đầu vào khoảng năm 1973 thì phải , người lính trong đơn vị đến tiểu đoàn tôi đưa cho tôi một tờ giấy nói: là của bạn tôi gửi. Tôi cầm và mở ra xem. Đúng. Của bạn tôi, anh Mang Viên Long. Có lẽ anh đã nhìn thấy cái phù hiệu của người lính đó mang trên cánh tay áo trái mà biết cùng một đơn vị với tôi . Có điều tôi không ngờ là anh vào quân đội, và đang thụ huấn tại Trường Sĩ Quan Thủ Đức, nhưng sao lại viết giấy gửi đến tôi từ Ninh Hòa?

Đất nước trong tình trạng chiến tranh, thì : xếp bút nghiên theo việc đao cung, cũng là lẽ thường tình. Nhưng tại sao anh lại ở Ninh Hòa, không ở Thủ Đức? Tôi cứ thắc mắc mãi, mong cho tới ngày chủ nhật xuống Ninh Hòa gặp anh. Ninh Hòa, đối với tôi không lạ. Thị trấn mà cuối tuần tôi phải đi ngang đó một lần để về Nha Trang. Phố xá chỉ có một con đường duy nhất chạy ngang qua, với cảnh tấp nập buôn bán. Và một quốc lộ khác chạy ngược lên Dục Mỹ, chỗ đơn vị tôi đồn trú.

Xuống Ninh Hòa gặp anh tôi mới hiểu là nhà trường đưa các khóa sinh đi “ chiến dịch ” (lâu quá tôi quên tên chiến dịch mà anh đã nói cho tôi nghe). Bạn bè lâu ngày gặp lại thật vui. Nhìn anh trong bộ quân phục tác chiến, nón sắt, ba lô, súng garat M1, tóc hớt cao (SVSQ) dày dạn với nắng mưa, không còn trắng trẻo của một ông thầy giáo, vừa dạy học vừa rảnh rỗi viết văn nơi thành phố Tuy Hòa. Nhìn anh trong bộ quân phục tác chiến rộng thùng thình của một khóa sinh SQ chẳng khác nào như con chim non mới tập vỗ cánh bay, chập chững. Con chim đó không bay vào một cánh đồng êm ả, hay bay vào một khu vườn đầy hoa thơm trái lạ; mà “ con chim tân khóa sinh ” Mang Viên Long này đang tập bay vào một chiến trường đầy lửa dối và nguy hiểm mà tôi đã trải qua. Ninh Hòa trước mắt anh là phố thị có an ninh. Nhưng qua khỏi cây cầu mống (cầu xe lửa) là một miền quê trải rộng, với ruộng vườn và lũy tre bao bọc, chẳng khác nào quê anh ở Thành Đồ Bàn. Bình Định. Lẽ đương nhiên chính quyền quận không thể nào đưa những SVSQ còn mới toanh này vào nơi nguy hiểm . (mà thật ra Ninh Hòa cũng đã có an ninh rồi) . Tuy nhiên, nhìn bên ngoài, ban đêm cũng “ lo ” lắm. Có thể một tiếng súng “ cắc cù ” nổ vu vơ đâu đó, một mạng người ngã xuống dễ dàng. Không dặn anh những điều đó, mà gặp anh để thăm hỏi, vấn an và nhìn anh đang đi trên con đường tôi đang đi. Từ lúc anh đi chiến dịch đó tôi được mấy lần chủ nhật gặp anh. Và sau lần anh đi chiến dịch trở về quân trưởng Thủ Đức lại , tiếp tục học để ra trường mang “ lon ” chuẩn úy. Tôi không còn gặp anh nữa cho mãi đến tháng 4 năm 1975. Tuy nhiên tôi vẫn nghe bạn bè nói là khi ra Thủ Đức anh có lệnh biệt phái về ngành giáo dục trở lại.

Thật oái oăm, tháng tư bảy mươi năm, tôi vào trại cải tạo. Chuyển qua nhiều trại để rồi cuối cùng đến trại A.30, Tuy Hòa, Phú Khánh. Ngày ra trại, đón chuyển xe

lam về Tuy Hòa mong làm sao gặp lại những người bạn mà trước đó tôi quen để tìm chút dư âm ngày cũ, như: Nguyễn Lệ Uyên, Mang Viên Long, anh Trần Huệ Ân, Phạm Ngọc Lữ, Phạm Cao Hoàng, và HĐHQ. Trong số những anh em đó trước 1975 có người không làm việc tại Tuy Hòa, cũng có người không sinh trưởng tại Tuy Hòa như Mang Viên Long, như Phạm Ngọc Lữ. Nhưng biết đâu sau tháng 4 năm 1975 có người trở về quê, và có người vẫn còn ở đó. Có ai để cho tôi gặp lại không? Mong lắm, khi ngồi trên chiếc xe lam chạy về thị xã. Chẳng gặp ai trong lòng phố cũ cả. Lang thang một đổi nhờ lại con đường vào nhà anh HĐHQ, ghé lại hỏi thăm và người nhà của anh chỉ tôi tới chỗ anh làm. Đứng trước ngôi nhà lầu thấy có treo tấm bảng: Nhật Báo Nhân Dân Tỉnh Phú Khánh. Tôi khựng lại một chút và đứng nép qua một bên để chờ anh ra, sau khi hỏi tên anh. Chính anh cũng ngạc nhiên khi thấy tôi ốm yếu ho hen, quần áo tù, đội nón bao cát, mang dép Bình Trị Thiên. Và lúc đó tôi có hỏi qua anh một số bạn bè, anh trả lời không rõ lắm. Vả lại, hỏi để có hỏi, chứ trong lòng cũng sợ các bạn tôi bị liên lụy, vì tôi là tù mới được “phóng thích”. Nhưng lòng thì vẫn muốn mong gặp (mâu thuẫn bản thân). Cuối cùng tôi không gặp được ai ngoài anh HĐHQ hôm ấy. Tôi ra quốc lộ 1 để đón xe về lại quê nhà. Xe qua cầu Đà Rằng, tôi biết tôi không thể nào có dịp ra Tuy Hòa lại để mong gặp bạn bè.

Sau khi ra trại nhiều năm, cuộc sống vẫn còn khó khăn đối với tôi. Đi đứng lại càng khó khăn hơn khi biết chắc chắn là không có đủ tiền để đi xe đò thăm bà con, bạn bè ở xa. Tôi chỉ biết quanh quẩn giới hạn trong một nơi chỉ định về cư trú.

2/

Thế mà khi tuổi đời đã cao thì tôi lại xa nơi chốn hằng

nửa quả đất. Quê hương ở mút tận mù khơi. Lúc còn ở trên quê hương, bạn bè còn chưa gặp lại được. Nhưng không ngờ hôm nay tôi gặp lại gần đủ. Cũng vì một tấm lòng cùng với anh em, mà trong một “ giây phút vui nào đó ” rủ nhau làm tờ báo “ cho vui ”. Lấy tên Thư Quán Bản Thảo. Thư Quán Bản Thảo ra được ba số thì hầu như gặp lại đầy đủ anh em cùng một thời với nhau (dù chỉ nói chuyện trên điện thoại hay liên lạc qua email). Chỉ thiếu là tôi chưa nói chuyện với Phạm Ngọc Lữ, Lê Văn Trung (nghe nói Lê Văn Trung sau khi ra khỏi trại tù, anh lang thang kiếm sống khắp ngả đường Trung Nam, có khi ở chỗ này vài ba hôm rồi đi, không nhất định, anh em trong nước khó gặp) , Đặng Tấn Tới, Nguyễn Bắc Sơn và Mang Viên Long. Nhưng, hiện tại Mang Viên Long đang ở trước mặt tôi đây, sau một thời gian khoảng ba tháng anh đi “ rong chơi ”, làm tôi chờ đợi hoài. Bởi vì Nguyễn Lê Uyên đã nói cho tôi biết là: một tập truyện ngắn của Mang Viên Long đang gửi tới tôi. Chờ gần ba tháng, cuối cùng tập truyện của anh cũng đã đến.

Vâng. Tôi như thấy lại mang Viên Long ngày nào khi tập truyện của anh đang ở trước mặt tôi. Nhìn lại anh qua tấm hình còn rất trẻ với bộ râu con kiến trên mép, để tạo cho ông thầy có một chút lãng mạn trông thật dễ thương. (Hình in trong tập truyện).

Tuy nhiên tôi vẫn khoái nét vẽ của “ thiền sư Đặng Tấn Tới ” hơn khi vẽ về Mang Viên Long. Trên mặt lõm chồm vài sợi râu, sợi lông, sợi tóc. Trông bất cần đời.

Tập truyện tới tôi đã long gáy, rách bìa, vàng ố với thời gian. Mà không vàng ố sao được từ năm 1970. Đây là tập truyện thứ hai của anh ra đời: tập Mùa Thu Trống Trãi; mà tôi biết chắc chắn là anh không còn giữ tập truyện nào của chính anh đã xuất bản trước 1975. Như những bạn tôi thử hỏi có ai còn giữ được đứa con tinh thần của mình ở bên mình như dạo nào? Nhiều lắm, chỉ

kể vài người, như Trần Hoài Thư, như Nguyễn Bắc Sơn, như Nguyễn Lệ Uyên, như Phạm Cao Hoàng, và Mang Viên Long... Thế mà: Mùa Thu Trống Trãi ra sau tập truyện Trên Đỉnh Sa Mù , rồi kế tiếp là những tập truyện khác được phát hành, như: Có Những Mùa Trăng. Như Giọt Sương. Nói với Người Yêu. Một Đời Mơ Ước... đang ở bên cạnh tôi.

Và anh, hôm nay lại viết trở lại để gửi qua cho anh em cái truyện thật mới viết vào tháng 7 năm 2002. Truyện: Bèo Dạt Hoa Trôi.(Do Nguyễn Lệ Uyên email qua)

3/

Khi nhận được tập truyện Mùa Thu Trống Trãi của anh. Nguyễn Lệ Uyên viết cho tôi vài dòng như sau: *Tìm mãi mới ra được một cuốn. Máy quẩy kia MVL đã thu hồi lại, vì sau 75 tác phẩm của anh bị thất lạc. Tôi hỏi chỗ của anh Trần Huyền Ân cũng thế . Anh còn hai quẩy, nhưng là do MVL photo đưa lại. Gửi qua Nhân để làm kỷ niệm.*

Vâng. Tôi phải gìn giữ nó như gìn giữ một tấm lòng với những anh em chơi với nhau trước 1975. Và, ngoài những truyện mà anh viết sau này gửi ra cho TQBT. Chắc chắn 6 truyện ngắn trong tập truyện Mùa Thu Trống Trãi của anh sẽ lần lượt đi lại trên TQBT những số kế tiếp.

Tập truyện dù đã ố vàng, bong gáy với thời gian, Nhưng hàng chữ trên trang sau cùng vẫn còn in đậm nét, để cho ta thấy giấy phép số và niên hiệu . Giấy phép số: 4968/BTT/PHNT ngày 14-11-1970.

Từ tháng 11 năm 1970 đó cho đến hôm nay gần 32 năm . 32 năm với tập truyện duy nhất của anh mà tôi có được do bạn Nguyễn Lệ Uyên gửi qua thật quý hóa vô cùng. Khi mà: cái cũ vẫn gợi lại cho tôi nhiều nỗi nhớ.

Hôm nay nghe Uyên nói là anh trở về quê sống, không

sống nơi thành phố Tuy Hòa nữa, Thỉnh thoảng anh cũng có về thăm lại Núi Nhạn, Sông Đà. Nhưng gặp anh rất khó, thoáng cái rồi mất tiêu.

Anh về lại quê. Tôi nhớ thời chiến tranh. Quê anh tôi đi lại nhiều lần . Thử hỏi lại Trần Hoài Thư xem có đúng không? Còn nhớ trận đánh nào Thư tham dự ở Đập Đá? Mấy ngày sau tôi đi ngang qua vẫn còn nghe mùi tử khí. Còn nhớ y nguyên khi vào chơi trong thành Bình Định để nhớ người xưa và nhớ người nay: Đặng Tấn Tới. Ra lăng Võ Tánh, Ngõ Tùng Châu để nhìn thấy cái khí tiết của một vị quan giữ thành, giữ nước. Để rồi khi đi ngang qua thành Đồ Bàn với ánh mặt trời vừa nhô lên trên những thửa ruộng ngập nước mênh mông đó, thành Đồ Bàn với hai ngọn tháp như “ tháp vàng ” lóng lánh dưới ánh mặt trời đẹp tuyệt vời. Nơi đó, anh đã sinh ra.

Đồ Bàn, mảnh đất nơi anh chốn cuốn nhau , từ đó lớn lên, vào đời bạn bè vẫn còn nhớ anh mãi, thật khó quên Mang Viên Long ơi.

Phạm Thiên Thư

Thị Trấn Hồng

Thung lũng trắng sương mù
Thị trấn hồng mái cỏ
Chiếc xe bò qua đó
Cọc cạch từng nan hoa

Có một gánh hàng hoa
Quẩy sương vào phố chợ
Đôi bướm vàng bờ ngõ
Đập cánh vờn theo chân

Có hơi thở mùa xuân
Nấp trong tà áo trắng
Có mắt nhìn thâm lặng
Theo tiếng guốc ròn tan

Mặt trời đóng dấu than
Trên đỉnh đồi gỗ biếc
Sương hồng neo tấm thiếc
Cong một chữ cà phê

Cỗ xe bò lặn về
Bên sườn đồi rạn lục
Trong khu vườn bạch cúc
Lạnh một tiếng sơn ca

Sương mù dần tan ra
Thị trấn hồng như mộng
Một rừng tùng âm động
Ngân một bản tình ca □

Hoài Khanh

Tương Tư Đất

tặng Tuệ Sĩ

Người đi về đâu bóng đời hiu hắt
Ngọn đèn xưa ai thấp sáng bên sông
Nỗi niềm xưa ai canh cánh bên lòng
Có phải vì ngọn gió thu đông thổi mạnh ?
Đêm nay cơn mưa dầm lại đến
Và một màu trăng trằm uất cũng bỏ ta rồi
Kể từ ngày mây gió cũng pha phôi
Em lẳng đàng bên trời đông vắng quạnh
Bạn bè quyến thân mỗi người mỗi mảnh
Con sông dài sao chẳng nối tình nhau
Ngọn đèn xưa ai thấp ở nơi nào
Mà mối tình xưa sao vô cùng hiu hắt
Có phải hồn ta hoang mang vì cơn gió bắc ?
Chợt thổi về từ biển lạnh ngàn năm
Chợt thổi về từ núi đá âm thầm
Chờ đợi mãi con người chưa xuất hiện
Con người đi đâu đã tan đã biến
Hay đã mất rồi trên mặt đất biển dâu
Mặt đất biển dâu ngàn năm thỏ thẻ
Xin gửi trao người ẩn ngữ: cuộc mong manh
Mai kia đất có nói gì trầm trọng
Chỉ cúi xin người thở lại chút dư thanh □

Mang Viên Long

Bèo Dạt Hoa Trôi

Gặp lại Đào, tôi nhớ ngay lời nàng đã hỏi tôi hơn ba mươi năm trước: “Nhà văn có nói dối không?” .

Hồi ấy tôi đi dạy học, lương dư dả sống; tôi không đi dạy thêm ở các trường tư thục, nên có nhiều thời gian rong chơi và viết lách lai rai... Viết là một nhu cầu rất cần thiết với tôi lúc bấy giờ. Thích là viết, không nghĩ tới bất kỳ chuyện gì khác. Sống bình thường. Bởi vậy, câu hỏi của Đào đã khiến tôi bối rối, khó trả lời cho nàng thỏa mãn.

Có thể nói Đào là người con gái tôi quen thân đầu tiên ở Tuy Hòa. Nàng là chị của một cậu học trò lớp tôi hướng dẫn. Thỉnh thoảng, nàng ghé lại nhà trọ của tôi, để *“ba má em nhờ thầy cho biết học lực và hạnh kiểm của Lân...”*.

Dĩ nhiên là tôi đã tiếp nàng rất ân cần, đúng mực, bởi trước hết, nàng là “phụ huynh” học trò của tôi. Sau đó vì nàng rất hiền và đẹp.

Sau nhiều lần nghe nàng trách xa gần: *“Thầy nói mà không giữ lời hứa”* , tôi xam mình đến thăm gia đình Đào vào một buổi sáng chủ nhật.

Phố Tuy Hòa cuối xuân đầu hè, trông như rộng thêm ra, vắng , và dễ thương. Tôi đếm bước chân rãi dọc theo phố Hưng Đạo, xuống ngã chợ. Tôi cũng không vội vã gì đến nhà Đào, để bỏ một buổi sáng đầu hè lồng lộng gió nồm mát rượi và thanh thản. Hơn thế, tôi chưa tìm ra lời giải đáp chính đáng: *“Mình đến nhà Đào để làm gì?”*.

Chiều hôm qua, tôi cũng vừa nhận được thư của Giang; nàng cho biết đang bận lo thi tốt nghiệp; sẽ cố gắng đạt

cao, để có thể chọn nhiệm sở nơi nào tùy ý – nhất là sẽ chọn về Phú Yên. Phần “tái bút” nàng còn hỏi tôi một câu hóc búa: “Anh định bao giờ sẽ làm lễ hỏi?”.

Nghĩ ngợi lan man cũng là điều thú vị lúc đi bộ một mình. Tôi đã rẽ vào ngã chợ, dừng lại trước cửa nhà Đào. Nàng đang ngồi thu hai chân trong chiếc ghế salon, bộ jupe hoa ngấn, vội đứng dậy, chạy ra cửa:

“Chào thầy, mời thầy vào nhà chơi”

“Hai bác có ở nhà không?” – Tôi hỏi.

“Ba má em vừa đi về quê – Nàng cười, hôm nay là ngày giỗ ông nội”.

“Đào không thích đi ăn giỗ sao?”

“Thích chứ! – Im lặng một chút, nhưng... ở nhà đón thầy, vui hơn!”

Tôi thầm nghĩ: “cô bé này thông minh và dễ thương đấy chứ?”.

Nàng pha hai tách trà lipton, mang đến một đĩa đường miếng; nhìn tôi – chúm chím cười (nụ cười rất quen thuộc và hồn nhiên): “Mời thầy uống trà...”

“Hình như tôi có nói với Đào đôi ba lần rồi, tôi có dạy dỗ gì Đào đâu, mà cứ gọi tôi là *thầy* hoài vậy?”

“Em biết gọi bằng gì? – Nàng hơi cúi đầu, để tóc chảy qua mặt.

“Tùy *hảo tâm* của em thôi!”.

Sau buổi sáng chủ nhật hôm ấy, chị em Đào thường hay đến nhà trọ thăm tôi. Chúng tôi có đôi lần qua sông Chũ, rong chơi ở xóm Ngọc Lãng để ăn dưa. Cũng có lần rủ nhau xuống biển mùa trăng vắng tên. Tôi cũng đã cùng Đào ngược lên cầu ông Chũ, về Hòa Trị tây – quê nội của nàng, để thăm lại trường xưa, nhà cũ.... Tóm lại, nhờ Đào, tôi hiểu thêm Tuy Hòa, thương và nhớ Phú Yên mỗi lúc đi xa. Có lẽ tình yêu đã làm cho cuộc đất trở nên mầu nhiệm, quyến rũ hơn chăng?

Trở lại Tuy Hòa sau nhiều năm xa cách, tôi thật sự không muốn tìm gặp ai cả. Tôi trôi dạt đến Tuy Hòa thì đúng hơn. Tôi muốn đi qua những con đường đã đi, ngồi lại vài nơi đã từng ngồi. Nhìn ngó đất trời Tuy Hòa đã từng sống. Chỉ có vậy thôi! Nhưng Đào đã nhận ra tôi.

- Em sống ở đây một mình sao? –Tôi đưa mắt nhìn căn nhà trống trải

- Không, với bà ngoại các cháu...

- Một mình em nuôi được hai đứa con vào đại học, thật giỏi!

- Đó là bản năng sinh tồn, có gì là giỏi đâu anh? – Nàng ghéch miệng cười.

Từ ngày Minh – chồng nàng, chết; gia đình nàng trở nên sa sút hơn. Muốn nuôi con vào đại học, Đào phải dìu dắt con vào Sài Gòn, làm đủ mọi việc, kể cả nhận làm việc nhà (lau nhà, nấu cơm, rửa chén bát, giặt đồ...) cho nhiều hộ trong ngày để kiếm tiền lo cho con ăn học. Đứa con gái đầu đã tốt nghiệp, ngành kinh tế – đang làm việc tại một công ty liên doanh với nước ngoài; Cậu con trai út, đang theo học năm thứ tư – đại học kỹ thuật. Đào cho biết nàng mới trở về Tuy Hòa vài tháng nay, để chăm sóc cho mẹ đang nằm điều trị ở bệnh viện.

Nghe nàng nhắc, kể lại chuyện nhà, chuyện chồng con, bạn bè tôi có cảm giác như đã từ lâu lắm, nàng chưa được nói. Chưa được tâm sự. Chưa có chút thời gian nào thư thả để nhìn lại quá khứ, nhìn lại đời mình! Khi con người chỉ mãi loay hoay, quần quật với cuộc sống: thì mọi vật và thời gian, chỉ là những ý niệm trừu tượng, hay trống rỗng. Qua nàng, tôi đã được biết những người bạn đã chết, những người quen còn sống gặp thời, những người đang phiêu bạt. Thời gian chỉ ngắn ấy năm, ngoảnh lại như một giấc mộng.

- Chị và các cháu vẫn khỏe cả chứ anh? – Nàng nhìn tôi áy náy.

- Vẫn khỏe! – Tôi đáp.

- Anh ở lại chơi với Tuy Hòa được mấy hôm?

- Chưa biết là mấy hôm.

- Thông dong dữ vậy à?

- Tôi rất hay thông dong.

Tôi chỉ cho Đào nhìn lại chiếc xách tay cũ, nhỏ gọn, đang nằm ẩn mình dưới chân – cười: “Hành trang chỉ hai bộ đồ, vài quyển kinh sách”.

- Anh định đi tu sao? – Nàng cười chúm chím (nụ cười hơn ba mươi năm đã trở lại).

- Tu thì nơi nào tu mà chẳng được. “Phật pháp tại thế gian” mà (*), tôi đi rong chơi như một cánh bèo.

Im lặng một lát, nàng nói như với chính mình: “Cũng có nhiều lúc em đã nghĩ tới việc xin vào ở trong chùa, ngày đêm vui với kinh kệ, cho vơi bớt phiền não, nợ trần”.

- Em nghĩ dễ vậy, chứ đâu phải vậy? – Tôi cười. Em đã sống như lâu nay, là đã tu rồi. Nợ trần chúng ta còn nặng, có phải vậy không?

Chiều hôm ấy tôi theo nàng xuống bệnh viện để thăm lại mẹ nàng như để từ biệt bà, vì Đào cho biết bà đang bị ung thư dạ dày giai đoạn cuối. Gặp tôi, bà thoáng nhìn tôi giây lâu, rồi gật đầu, rồi khép lại đôi mắt lóm sâu giữa hai gò má xương xẩu. Tôi không còn nhìn thấy chút dấu vết gì của cái thời son trẻ, giàu sang nơi bà, hơn hai mươi năm về trước. Tất cả đều im lặng và tan biến dần.

- Bây giờ em còn muốn đi đâu nữa không?

- Tùy anh.

Ra khỏi bệnh viện, tôi và nàng thả bộ, đi về hướng biển.

Nhìn chậm lên mắt nàng, tôi hỏi:

- Em còn muốn anh trả lời câu hỏi cách đây hơn ba mươi năm nữa không?

- Không – Nàng đáp, đã gần đến tuổi năm mươi, em đã hiểu rồi anh à!

Tôi cầm lấy tay nàng, thầm cảm ơn □

Tháng 7. 2002

(*)

“Phật pháp tại thế gian

Bất ly thế gian giác

Ly thế mịch Bồ Đề

Khấp như tầm thổ giác”

(Lục Tổ Huệ Năng)

Nhà văn Mang Viên Long sinh tại thành Đồ Bàn. Bình Định. Trước năm 1975, anh là nhà giáo. Tôi nhớ hình như vào khoảng năm 1973 anh động viên vào Sĩ quan học tại Trường Sĩ Quan / Thủ Đức. Nhưng sau khi ra trường anh được biệt phái về Bộ Giáo Dục và dạy học trở lại cho đến tháng 4. 1975.

Hiện nay anh sống tại Huyện An Nhơn- Bình Định. Bên cạnh anh, còn có người bạn thân để anh nói chuyện thơ văn hằng ngày, đó là nhà thơ “ thiền sư ” Đặng Tấn Tới.

Trước 1975 truyện ngắn của anh thường hay có mặt trên các tạp chí ở Sài Gòn, như: Văn, Bách Khoa..v.v...

Những tác phẩm đã xuất bản: Trên Đỉnh Sa Mù (Tập truyện), Mùa Thu Trống Trãi (Tập Truyện), Có Những Mùa Trắng (Tập Truyện), Như Giọt Sương (Truyện dài), Nói Với Người Yêu (Tùy bút), và Một Đời Mơ Ước (tập Truyện).

Truyện ngắn : Bèo Dạt Hoa Trôi là truyện mới nhất anh viết vào tháng 7 năm 2002 dành riêng cho Thư Quán Bản Thảo để kịp đi trong số tháng 9 năm 2002. (PVN)

Lê Văn Thiện

Một Dấu Hở

Tôi lo ngại, khi Tường An-vợ tôi- chơi thân, tiếp xúc thường xuyên với Điệp. Hai người quấn quít nhau như nhân tình. Tuần nào họ cũng gặp nhau hai ba lần, mỗi lần kéo dài hàng buổi. Tôi ngạc nhiên khi nghe họ nói say sưa những chuyện lông bông, không đâu vào đâu, loại chuyện có thể nói là trên trời dưới đất, ngồi lê đôi mách. Tường An sẵn sàng xếp sách báo qua một bên, bỏ xem chương trình phim truyện trên truyền hình để tán gẫu với Điệp từ 7 đến 10 giờ tối. Tôi không hiểu nổi. Có một điều gì đó khiến tôi bồn chồn, không yên tâm. Đến khi Tường An bắt đầu có thai thì tôi lo sợ.

Còn nhớ trước đây tôi đã đọc ở đâu đó viết rằng người phụ nữ có thai thường nhìn thấy các hình ảnh tươi tắn, rực rỡ, thường gặp những con người khôi ngô, tuấn tú thì sẽ sinh ra đứa con xinh đẹp. Điều đó đúng tới đâu tôi chưa biết. Nhưng tôi cảm thấy dường như nó có lý, ít nhiều có thể tin được. Dĩ nhiên tôi không nói với ai về những ý nghĩ này, bởi sợ bị chê là tin nhảm nhí.

Mấy tháng qua, làm như vô tình, tôi mua nhiều ảnh thắng cảnh trong nước, đem treo lên tường nhà trên, nhà dưới; ảnh người mẫu Đức C. Schiffer, cầu thủ Ý R. Baggio dán trong phòng ngủ; ảnh diễn viên Mỹ G. Gerre, ca sĩ Pháp V. Paradis treo ở phòng khách! Tường An khen những cảnh, những người ấy đẹp nhưng hình nàng không quan tâm nhiều đến chúng. Tính Tường An vốn hơi hợt, nàng lười trang điểm, chưng diện, ít thích những thứ “không ăn được” như bông hoa, cây cảnh, xe cộ.

Đẹp cũng là hình ảnh Tường An thường nhìn thấy, nhưng cô ta tương phản với cái đẹp khuôn mẫu tôi muốn phô

bày trước mắt Tường An. Điệp đen đúa, cục mịch, nhan sắc nói chung dưới mức trung bình. Sắc đẹp là món của quý trời ban, có tính cách may rủi, không theo một quy ước, một tiêu chuẩn nào; nên người có lý trí không ai dè bủ, chê bai những kẻ kém may mắn. Nhưng tôi để ý đến việc này vì Tường An đang mang thai. Tôi không muốn Tường An đối mặt Điệp quá nhiều. Bởi gương mặt ấy gom đủ những nét thô thấp, xấu vụng: mắt nhỏ tí, sưng hum húp. Miệng rộng, môi dày cộm. Răng to kỳ cục, màu vàng bản. Mũi tròn, lớn, đỏ như mũi các anh hề.

Khốn nỗi, Điệp gần như là bạn thân nhất của Tường An. Tôi không thể ngăn cấm hai người giao du với nhau, chưa nghĩ được phương cách để ngăn “mối nguy hiểm tiềm ẩn” này xâm nhập vào nhà mình.

Nhiều lần tôi nói với Tường An, nói xa xa, như chuyện tạt ngang, không dụng ý:

- Lạ, có gì thú vị mà hai chị nói hàng buổi không biết mệt.
- Chuyện làng nhàng, thế giới đàn bà, con gái vui lắm.
- Xem truyền hình, đọc báo sướng mắt, hay hơn nhiều chứ.

Tường An ngáy tôi và cười giòn:

- Đàn ông đàn ang, biết gì. Tivi, báo sách là đồ hộp, còn cái mừng này là thực phẩm tươi sống! – Nàng giải thích thêm – Anh không biết đâu, chẳng những thú vị mà lắm chuyện nghe rất bổ ích!

- Ích lợi?

- Chớ sao! Nó mở rộng tầm mắt, cho ta hiểu thêm về con người, nhìn được nhiều mặt của xã hội... Anh phải biết, Điệp bằng hai ký giả năng nổ; nó đi nhiều, sục mũi vào khắp các ngõ ngách vùng này, chuyện nhà ai nó cũng rõ... mình chỉ bỏ công nghe thôi, có tốn kém đồng xu nào đâu.

- Giọng nói của cô ấy sao nó chất, chua chua... còn tiếng cười thì, như cái gì nhỉ? Nghe cứ the thé, tưng tức! – Tôi

quanh co, không muốn bộc lộ hết những điều mình muốn nói. Tường An nghiêng đầu ngắm tôi:

- Anh làm sao vậy? Ta đâu phải bồ bịch của nó mà lưu ý tới mấy khoản đó...Nhưng này, Điệp cũng có người thương đang hoàng nghe bạn.

- Biết rồi, một chàng mua lông vịt.

- Hai người yêu nhau mê mết, mặn nồng lắm.

- Mong sao tay ấy rước quách cô nàng đi cho được việc.

- Anh chàng cũng muốn “đưa nàng về dinh” nhưng lo thủ tục ly dị vợ lớn chưa xong. Gay cấn nằm ở chỗ đó!

Tôi thử mở hé một góc ý nghĩ thâm kín của mình:

- Anh trông cho Điệp bớt đi lung tung, và không đến đây nhiều như lâu nay.

Tường An không để ý đến câu nói của tôi. Nàng nói có vẻ mông lung:

- Tính tình con người ta thường khác nhau. Như trong việc đi giải trí chẳng hạn: người này ưa tìm tới chỗ đô hội, náo nhiệt; kẻ khác lại thích lui về miền quê thanh vắng, tâm tình với sông hồ, đồng cỏ... Em yêu cả hai ý thích đó.

“Vấn đề ở đây chẳng phải là thích hay không. Nó rắc rối, tế nhị hơn nhiều”. Tôi nghĩ vậy nhưng không nói ra.

oOo

Thấy Điệp và Tường An thân thiết, gần bó, trong trí tôi lại nảy ra nỗi lo mới: “Gần mực thì đen”, tôi sợ Tường An bị nhiễm các thói tật của Điệp. Điệp chẳng có gì đáng để học hỏi, noi theo. Giống cô ta cũng như bị lây bệnh, hoặc chúi đầu vào soi gương ố mờ. Tối qua lại nghe một tin thời sự nóng sốt:

- Con Chi lên tỉnh ở mấy tháng, mới về trưa nay, chị nghe chưa?... Con này khéo, cực kỳ khôn lanh. Nó vừa thu dọn gọn ghẽ một vụ động trời, qua mặt làng xã ngon ơ.

- Hình hự nó đi học uốn tóc, trang điểm cô dâu.
- Không học gì. Để em nói nhỏ chị nghe: nó đi đẻ. Phải, đẻ con, sinh sản đấy!

- Thật à?

- Chị ngạc nhiên cũng phải... Chưa rõ nó đẻ hay phá, con còn hay mất. Chỉ biết rằng nay nó lại thành con gái nhà lành!

Tường An kêu lên, nôn nóng:

- Con khỉ, úp mở mãi! Cho chị biết ngay thủ phạm là ai?

Diệp thích thú, kéo dài giọng như khoe khoang:

- Có ba tên nằm trong danh sách bị tình nghi: ông Phàm, thằng Viên và thằng Hiệp. Để em điều tra kỹ lại đã.

Tường An tắc lưỡi:

- Gớm, mủ mủ lù khù mà lại ranh!

- Sao lại lù khù, chị chưa nhìn gần tướng mặt nó đấy thôi. Cái lối ăn mặc, tô điểm của nó...Cái cách nói năng đi đứng của nó...Ồ là là!

- Quỷ! Bề ngoài nom con bé hiền như tượng.

Khi Diệp về, tôi nói với Tường An:

- Chuyện nàng Chi hấp dẫn, nếu em và Diệp ghi lại đầy đủ thì chắc thành pho tiểu thuyết điểm tình, có thể bán cho các báo được.

- Anh cũng biết châm biếm sâu cay! Nhưng đó là chuyện thật, đâu phải Diệp bịa đặt để nói xấu thiên hạ.

- Có thể là thật. Nhưng anh thấy Diệp nói bằng giọng điệu vui thích, nghe nó hơi bất nhẫn.

- Chắc anh thành kiến với nó...

- Dễ có cảm tưởng, cô ấy mong chờ những chuyện ấy xảy ra.

Tường An khó chịu:

- Không nên suy diễn, áp đặt ý tưởng của mình cho người khác... Em thấy rằng Diệp thẳng thắn, rộng rãi, tốt bụng... Lạ thật, sao anh chê, ghét nó nhỉ?

“Nếu mặt mũi Diệp không nặng nề, nếu cô ta đổi lốt,

đẹp ra, thì chắc anh sẽ quý mến mau chóng”. Nghĩ vậy nhưng tôi không nói ra.

oOo

Chúng tôi chờ đón ngày chào đời của đứa con đầu lòng trong náo nức, hồi hộp; coi đây là sự kiện trọng đại, “lịch sử”. Khâu chuẩn bị được thực hiện chu đáo. Các vật dụng cần thiết đã mua sắm từ lâu. Mỗi tháng Tường An đi bác sĩ khám thai một lần, sức khỏe nàng khả quan. Chúng tôi phấn khởi, chi tiêu không hạn chế.

Tường An chuyển dạ vào một buổi sáng và sinh ngay trưa hôm đó. Hoàng nam! Đúng như ước muốn của Tường An, con trai. Nhưng đến đây bỗng xuất hiện một trục trặc: “dung nhan” thằng bé. Nó bụ bẫm, nặng ba ký bảy, nhưng khá xấu xí: nước da nó đen sạm, mặt có nhiều nét giống Diệp. Giống từ đôi mắt đến mũi, miệng. Tôi chưng hửng. Tường An thì bàng hoàng và thất vọng. Nàng râu rĩ, thở dài sườn sượt không giấu giếm... Hơi ngạc nhiên nhưng thực lòng tôi không buồn. Mình không đẹp làm sao con đẹp? Hơn nữa, tôi cũng biết coi trọng trí tuệ, kính phục, yêu mến những kẻ tài giỏi, “đầu óc đậm đặc hơn bản mặt sặc sỡ” !

Một lần Tường An hỏi: “Vì sao thằng bé giống Diệp nhỉ?”. Tôi đáp bừa:

- Do ngẫu nhiên. Đứa này giống chú, cô. Đứa kia giống ngoại, dì. Có khi lại giống một tay đua xe đạp nổi tiếng, hoặc một minh tinh màn bạc. Lắm đứa chẳng giống ai cả... Tất cả chúng nó – bọn trẻ ấy – suy cho cùng, đều là tác phẩm của Thượng đế!

Tôi hơi văn hóa, khác thường, nhưng dường như Tường An không nhận thấy. Nàng nhìn chăm chăm vào tường, như bận nghĩ ngợi đâu.

Sợ sự phiền muộn ảnh hưởng xấu đến sức khỏe Tường

An, tôi ráng tạo cho mình bộ mặt bình thản, ra sức khuyên giải, an ủi nàng. Nhưng mặc cho tôi nói, Tường An vẫn xuống tinh thần. Tôi bàn việc mua thêm áo ấm cho bé, Tường An bảo “tùy anh”. Tôi đề xuất chuyện đặt tên cho bé, Tường An hỏi lại: “Tên? Đặt sớm vậy?”... Tôi lập đi lập lại để Tường An thấm: đối với con trai, chắc không quan trọng. Người xưa thường nói “trai tài gái sắc”, trai chỉ cần tài. Tôi đùa: “chúng ta không nhất thiết buộc con sau này phải thành ca sĩ hay diễn viên điện ảnh. Trên đời còn có muôn vàn ngành nghề khác... Con trai cần nhất sức lực và trí thông minh. Cầu trời cho thằng bé mau lớn và học giỏi... Anh mong nó lanh lợi, vạm vỡ, tài năng hơn người. Nó sẽ là họa sĩ bậc thầy như Van Gogh, là ông Trọng như Mạc Đĩnh Chi... Chúng ta sẽ tự hào về nó!” . Tường An biết rõ những tên tuổi đó, nàng cười. Nhưng nụ cười chỉ thoáng hiện trong chớp mắt, trông khá mờ nhạt, tới độ tôi tự hỏi chẳng hiểu có phải đúng là Tường An vừa cười đó không. □

nhà văn Lê Văn Thiện sinh năm 1947 tại thôn Tân Dân, Vạn Ninh, Khánh Hòa. Học Trung học Võ Tánh Nha Trang. Sau khi đậu Trung học cũng là lúc cha anh mất, chỉ còn duy nhất một bà mẹ già. Vậy là anh bỏ học giữa chừng để: “đầu quân vào lính nuôi mẹ già” . Thiện viết văn khá sớm. Truyện ngắn đầu tay xuất hiện trên tạp chí Văn khoảng năm 1966-1967 và được đánh giá là một trong những cây bút trẻ miền Nam đầy triển vọng. Anh viết không nhiều như Mường Mán, Trần Hòa Thư, Ngụy Ngữ... nhưng những truyện anh viết trên Văn, Bách Khoa... đều đọng lại trong lòng người đọc một chút buồn phiền, một chút cười dí dỏm mà cay đắng, một chút yêu đời kiểu “khó bay nòng súng”. Trước năm 75 anh có 2 tập truyện ngắn do Văn Uyển và Côi Sơn xuất bản: Một Cách Buồn Phiền, Sao Không Như Ngày Xưa?

Nhiều người nhận xét, dù anh là người lính (Trung Úy BB SD9) nhưng giọng văn không gay gắt với súng đạn chiến tranh mà chỉ phảng phất chút lính trong một anh nông dân rặt. Hiện anh đang làm rẫy trồng khoai tại quê nhà, và những lúc buồn, không biết làm gì thì lại cầm bút viết nhăng, viết cuội như cách nói của anh.

(NLU)

Nguyễn Phan Thịnh

Anh Khờ

ngay cả những ngôi sao sáng nhất
cũng mất tích trong đêm tăm tối
có hề gì một vì sao nhỏ bé xa xăm
tự thấp sáng tự mình cứu rỗi,

dù cô đơn đối diện với vô cùng
hay đứng lẫn giữa bầy sao chói lọi
dù thăm thẳm đêm đen mờ mịt với hư không
hay thao thức dưới mặt trời thiêu cháy,

có hề gì một vì sao trên trời
hay một vì sao trong lòng đất
một vì sao có hay không
mơ hồ như cổ tích
trong phiêu du cô tịch của anh khờ !

Độc Hành Ca

độc hành !
Kinh Kha qua sông Dịch
não nùng mặt nước trắng khăn xô
chủ tử còn tanh tươm huyết hận
tiếng dịch chàng Cao vọng mấy bờ,

độc hành !
ôi độc hành mấy thuở

Phạm Thái nào say men ngắt ngư
múa gươm cho đất trời nghiêng ngửa
đâu tìm thấy bóng một Quỳnh Như,

độc hành hề !
lòng mấy khúc
mà đau trường đoạn với văn chương
máu ứa đầu ngọn bút
âm thầm hơn chi giọt sương,

độc hành hề !
Sở Từ cay đắng
còn dập dìu âm sóng Mịch La
đội về đêm Tầm Dương trắng quạnh
vang tận nghìn xưa Ulysse xa,

độc hành hề !
ung dung thơ thới hề !
đầu non hái lá bờ suối bẻ măng
gót chân Trạng Trình dấu hài Vạn Hạnh
bao dặm dài lịch sử sao bắn khoăn,

độc hành hề !
rượu uống một mình say chẳng thiết
chàng Lưu kia ngắt ngưỡng bổng thương thân,

độc hành hề !
vũ trụ một đường bay
lệch quỹ đạo rồi
là vô định trong tồn tại tỉ tỉ năm
cùng triệu triệu ngôi sao nhấp nháy mắt u buồn,

độc hành ư ?
trăng lạnh đấy !
có đêm xưa trăng vàng lộng lẫy

người hát ta nghe khúc độc hành,

rượu rót tràn đôi chén long lanh
người nức nở uống trăng vàng chết đuối
xưa Lý Bạch ôm trăng trôi nổi
trên sông đêm chưa về tới biển khơi,

mà đêm nay trăng lạnh lắm người ơi
ta nơi đây người ở một phương trời
bốn hướng cuồng quay bơ vơ lốc bụi
ta độc hành lặng lẽ với xa xôi □

Nguyễn Lê Uyên

Vợ Chồng Già

Căn nhà rộng hoang hoác, trống vắng đến đìu hiu. Ban ngày hết thấy bóng nắng, lại nhìn mưa đổ và gió và lá rung xào xạc. Đêm, tiếng côn trùng gáy tràn, rít sâu vào giấc ngủ chập chờn. Bác sĩ nói tuổi già ít ngủ là chuyện bình thường. Nhưng cái thao thức của vợ chồng ông Võ chưa hẳn do tuổi tác mà là sự thiếu vắng tiếng cười nói, tranh luận của đám con, nay mỗi đứa một ngả. Trước kia bà Võ vẫn hay căn nhắc mỗi khi thằng Thạch ú ở trên giường với mùi men nồng nặc, nhưng sau đó bà mang sự căn nhắc chạy tuốt ra sau vườn hái vội nhúm lá bồ ngót xay, lọc lấy nước đổ vào miệng thằng con “hoang toàng”, hay chiếc áo hở lưng của con Bội Lan làm bà giận đến cả tuần liền... xem ra không hề làm suy giảm tinh thần. Nay, bỗng dưng mọi thứ đều quay ngoắt đến một trăm tám mươi độ. Không còn cơ để căn nhắc, không còn cơ để giận dỗi. Suốt ngày chỉ thấy mặt hai vợ chồng già. Thui thủi. Cô độc.

Và cũng như tất cả mọi ngày, kể từ lúc đám con đi làm ăn xa, buổi sáng ông Võ thức dậy sớm tự pha cho mình ấm trà và ly cà phê, ngồi nơi hàng hiên vừa nhấm nháp vừa ngó mong ra khu vườn rộng. Bà Võ vừa tranh thủ làm bữa sáng vừa xách xô thực phẩm đổ vào máng ăn của đàn gà chỉ còn độ mười con. Bữa ăn sáng được dọn ngay chỗ ông Võ ngồi. Hai vợ chồng mời nhau và bắt đầu ăn, uể oải. Mười bữa như chục chỉ có hai vợ chồng đối mặt, ngó nhau với cặp mắt không còn tinh anh như ngày xưa, và thậm chí nói với nhau rằng: vậy đó, cuối cùng cũng chỉ còn mình ông và tôi.

Nhưng sáng nay thì không. Bà Võ đặt hai tô cháo thơm

phức lên bàn, mặt rạn rở:

- Ông đoán coi cháo gì nào?

Ông Vỹ hít hít mùi thơm của hành, tiêu và hình như có cả mùi đại dương menh mông trong tô cháo:

- Chắc chắn là cháo cá rồi. Cái ngữ này chỉ có thể là cá.

- Ờ trúng đó. nhưng mà chỉ trúng một nửa.

- Thì thiếu đậu cút tàu, hột sen – ông nói bừa.

- Cho nói lại, bà nhoe nộ cười rất xinh như hồi hai người mới yêu nhau.

Ông Vỹ lắc đầu:

-Chịu thôi. Cả đời tôi chỉ biết có ăn. Tài nghệ bếp núc sao tôi qua mặt bà được, phải không bà – mấy chữ sau ông cố tình kéo dài ra như nịnh.

Bà phẩy tay:

- Thôi ông ơi, đừng có mà sơn phếch nữa. Ăn mòn chân răng còn giả bộ. Cháo hầu đó. Ông ăn đi. Nguội hết ngon. Lóng rày, tôi thấy sức khỏe ông kém lắm rồi đó. Ăn uống lơ là, đổ bệnh mệt lắm.

Ông Vỹ múc muống cháo cho vào miệng. Chưa nuốt vội mà đã nghe mùi thơm bay lên tận đỉnh đầu, mát xuống tận ruột non, ruột già nghe chừng như trái tim còm cõi cũng bắt đầu rung lên, ngậm ngùi. Nó thơm mát không chỉ hương vị của món cháo, mà có lẽ từ lời nói, cung cách chăm sóc của bà đối với ông.

- Mà làm gì mới mờ sáng đã có hầu nấu cháo? – Ông hỏi.

- Thăng Thạch gửi về.

- Uở, nó ở tận út Ô Môn, sao có hầu mà gửi về?

Sao có hầu mà gửi về. Bà giật thót người. Tận xứ đồng nước sông rạch menh mông ấy làm sao tìm ra con hầu biển. Mà ví như có đi chẳng nữa thì gửi về bằng cách nào? Có ai đi gửi củi về rừng bao giờ? Cũng tại bà nhớ nó, nhớ đồng nước mang mang tiếng hò thời thơ ấu và

thương ông ngày mỗi già đi nên mới bày vẽ ra chuyện, làm như thể mọi người đang còn sống quây quần bên nhau. Để có được hạnh phúc cho gia đình, bà không ngần ngại đối bất kỳ thứ gì trên đời, tạo ra nhiều cơ để mọi người vui, như tô cháo hầu sáng nay vậy. Trong tâm thức, bà luôn nhớ những bữa cơm đầy ắp tiếng cười, hạnh phúc be tràn trên các đĩa thức ăn. Bà không muốn và chưa hề muốn mang nỗi buồn đến cho bất kỳ ai. Chắc vì thế nên khi thấy suốt tuần nay gió Lào thổi sạt sạt như hơi lửa bay ra từ lò than nóng hừng hực, rồi nhìn thấy ông mỗi mệt, bản thân bà vội nghĩ ngay chuyện mua cân hầu nấu cháo, thêm mấy hột sen và trứng gà so tẩm bổ cho ông.

Xem cung cách ông Võ thông thả mức từng múng cháo cho vào miệng thì chưa hẳn ông đã thích món cháo hầu của bà, nhưng tự đáy lòng, bà có linh cảm: hình như ông đang thầm cảm ơn sự hy sinh của vợ. Cả đời, bà luôn lênh đênh theo những bước chân của chồng con. Hồi ông quyết định lấy bà, nhiều người trong gia đình đã lên tiếng phản đối, viện ra đủ mọi lý do để phản đối, nào là gái nam bộ quen tính phóng khoáng, làm sao có thể về làm dâu ở cái xứ đầy cát và nóng như đổ lửa này. Tệ hơn, có người còn độc miệng, rằng gái Nam kỳ tính tình đẽnh đoảng, tí toác như ngựa không cương, khó bề mà kềm giữ. Còn cỏ non xanh, còn nước trong thì nó ở, sông khô cạn, đồng cỏ cháy khô thì nó đông thẳng vào rừng sâu ! Hẳn nhiên ông Võ phải chịu nhiều khổ sở về những lời đơm đặt, thù dệt khóm hoa đại ven đường thành bấy rần độc, nhưng cái tình yêu kỳ diệu như những vẩy nước của bà tiên hiền lành trên trời cao, xóa sạch hết mọi vết lợn cợn chung quanh, để sau đó ông hiền ngang dặt tay bà xuống xe, hiền ngang đeo chiếc nhẫn cưới xinh đẹp vào tay bà trước bàn thờ gia tiên, trước mặt họ hàng. Những điều khó chịu này, ông Võ không hề hé răng,

nhưng với bản năng nữ giới, bà hiểu tất cả và càng thương ông hơn. Riêng ông, ông không hề và chưa hề tin rằng, từ những lời chống báng kia mà vợ ông chỉ chu với gia đình chồng nhiều hơn. Không phải vậy. Bản chất của bà là vậy. Thấy chuyện khó nghe, bà không ngần ngại quang quác, nổi nóng. Còn thường ngày, bà vẫn là người đàn bà dịu dàng như thời thiếu nữ.

Trong sự yêu thương, nghĩa vợ chồng của ông bà Vỹ cũng có lắm điều hơi khác so với bình thường. Chẳng hạn, hồi hai ông bà còn ở miệt Cái Tắc, có hôm thấy ông thần thờ ngoài mé đìa, nhìn chăm chăm vào bụi bồ ngót xanh rờn, bà hiểu ngay rằng ông đang thèm tô canh tập tàng nấu với tép giã nát; hay khi đang ngồi trong bàn ăn, gấp đũa mắm linh, ông nói bóng gió: “cái thứ mắm này chỉ miền Nam mới có và mới ngon, thịt mềm, ngọt khác với miền Trung mắm cái cứng hơn, thơm đậm đà hơn. Mắm cái mà ăn bánh tráng nướng lúc xế chiều thì không chê vào đâu được”. Nói và ông chống đũa hướng về phương Bắc như thể chờ mong thứ gì đó sẽ đến ngay tức khắc với ông. Bà Vỹ đoán ra ngay. Tuần lễ sau có hũ mắm cái thơm lừng đặt trong chạn bếp khiến ông vui và trẻ lại đến mười tuổi.

Nay thì ông Vỹ phải quay về nơi chôn nhau cắt rốn để phụng tự ông bà theo truyền thống. Dĩ nhiên ông không trở về một mình mà, mang theo cả bầu đoàn thể tử để, lần nữa phải thiết lập lại trật tự cho cuộc sống. Mọi chuyện đều ổn. Chỉ có điều không ổn, y như khi ông còn theo bà trong Nam, đôi lúc bà lại xa xôi nhưng nhớ. Không phải bà nhớ cái thời chống xuống, tắm sông, bơi ra giữa dòng bắt những bông lục bình tím để cất nhà chòi, mà nhớ băng quơ về một cụm khói: khói đốt đồng, loại khói mà theo bà nó còn thơm hơn cả hương trầm kỳ, loại khói toả ra từ những tinh thể của đất trời hợp lại. Ông chịu, không tài nào tìm ra khói đốt đồng để đưa bà

tối mà hít mà thở cho vơi dịu nỗi nhớ nhưng. Chịu. Giá như bà nhớ bông điên điển chấm mắm linh hay nhớ món lườn cá tra béo ngậy trong tô canh chua, hay cá kèo nấu lẩu rau đắng... thì ông có thể tìm ngay cho bà. Đàng này là một loại khói sương bàng bạc giữa đất trời, làm sao có để túm lại cho vào túi xách? Nỗi nhớ ấy khiến mỗi năm một lần ông phải để bà về quê cũ tắm mình trong lớp khói lung linh. Con cái đi xa, nỗi nhớ càng đầy hơn, đầy mãi tựa con nước lên, tràn sâu tận đồng lác, đồng lung.

Có đêm, trời mưa gõ lác cắc, rào rào trên mái ngói, bà bỗng choàng dậy, đặt tay lên ngực ông, lay:

- Nè, ông ơi, dậy đi. Trời mưa kìa.

Ông ú ớ lăn trở, bà càng lay dữ .

- Dậy đi. Trời mưa!

- Trời mưa thì mắc mớ chi?

Bà thấp giọng, thâm thì như thế đó là giọng nói của người bị mộng du hay bị chứng tự kỷ ám thị, vừa đủ cho riêng mình nghe:

- Tháng tư, mưa đầu mùa chắc chắn cá rô từ các lỗ mọi trong bờ ruộng chui ra tắm nước, rồi ốc lác nữa. Cũ này, sáng mai tụi nhỏ sẽ tranh nhau ra đồng bắt cá, bắt ốc. Ồ, trời đất cũng thiệt lạ. Mấy tháng ròng, trời nắng như đổ lửa, đến cây cỏ cũng khô cháy, đồng khô nứt nẻ phơi chân rạ đá nghiêng lên mí bờ. Vậy mà chỉ một cơn mưa đổ ào xuống, đủ đọng thành vũng tức khắc, nào cá, nào ốc nhảy ra giỡn mừng như lũ trẻ con tắm truồng dưới mưa. Chúng nấp đâu đó dưới hang sâu, trong bụi rậm rình chờ cơ hội có nước là chui ra ngay. Cái giống cũng thiệt kỳ, ba bốn tháng không có chút mỗi bỏ bụng mà bắt con nào cũng mập mồm, nung núc. Ốc lác hấp nước cốt dừa, cá rô nướng dầm mắm nhĩ, đến thần thánh cũng nhảy a vào mâm cơm. Béo ới là béo! Thơm ới là thơm!

Mà cái ông cũng thiệt vô tâm. Ăn mồn chươn răng mà sao trời mưa đầu mùa lại không thấy nhớ? Ông quên hết rồi chắc. Rõ cái giống đàn ông!

Ông nằm im lắng nghe giọng thăm thì, lâm râm của bà như giọng cầu kinh của tín đồ mộ đạo, như cái giọng khát khao của con sơn ca bị nhốt trong lồng tre cất tiếng hót não nuột nhớ trời cao lồng lộng, nhớ mây xanh và nhớ nắng mai ấm áp. Cái giọng có vẻ như đứng dừng, lạnh lùng nhưng sao nghe bùi ngùi đến hắt hiu se thắt cõi lòng. Ông đâu phải loại người vô tâm như bà thoáng nghĩ. Nắng mưa đã gặm mòn cả đời ông. Bao táp đã dập vùi cả đời ông. Cuộc đời đã trở mặt xô đẩy ông vót sâu hết ngỗ cụt này đến bờ vực khác. Ông đã vịn bà mà đứng dậy. Ông đã vịn những bụi gai bàn chải, xương rồng mà đứng dậy. Ông đã ôm cành bần, bẹ dừa nước để vượt qua những ngọn sóng hung bạo... Ông đâu phải loại người vô tâm. Nếu như không có ngăn ấy thứ trên đời, chắc ông đã quy ngã từ lâu rồi. Nhớ đảng ông bị đuổi việc, quay về quê cũ, từ anh công chức quèn phải lột xác để tập làm lão nông dân, ông đã loay hoay, lúng túng đến chừng nào. Ông lóng ngóng bưng thúng giống ra đồng, gieo chỗ dày chỗ thưa, vãi phân chỗ đậm chỗ lợt. Mọi thứ đều phải học từ đầu. Ngay cả việc cất những túm cỏ bờ bắt đầu lẩn hồn ruộng lúa, ông cũng phải đi hỏi hết người này đến người khác. Ông ngồi kéo lê đôi chân dài ngoằng trên bờ nước, bụng dạ tự hỏi và tự trả lời: “Ngày mai rồi sẽ ra sao nhỉ? Mà có ra sao cũng chẳng sao!”. Đúng. Mọi chuyện rồi cũng chẳng có gì là ghê gớm, bởi ông còn có bà và còn có được một vài người bạn thừa thớt, hiểu được ông.

- Ông ngủ hả – bà bầu vào vai ông lay.

- Tôi đâu ngủ được, vẫn nghe mưa rào rào ngoài kia đó chứ.

- Thiệt không? Ông có nghe mưa thiệt không? Nhớ hồi tui mình về dạy ở Cái Tắc, cũng cỡ này, lần đầu đám học trò dẫn ra ruộng bắt cá, bắt ốc lấm lem cả quần áo. Nhớ ngày đó thiệt vui. Thầy cô giáo gì mà áo quần dính đầy bùn đất, y như người đi cày, ham vui còn hơn cả lũ nhỏ.

- Hồi đó bà lớn với ai? Cô giáo mới ra trường tuổi suýt soát đám học trò trong bưng. Tôi nhớ có mấy đứa lớp Đệ Nhị A2 đứng cao hơn bà cái đầu. Tôi chắc có lấm đứa đem lòng yêu cô giáo chớ chẳng chơi.

- Tầm bậy. Ông chỉ giỏi tầm bậy. Học trò hồi đó hể nhìn thấy cô giáo sợ một phép. Đứa nào lơ ngơ, bữa sau gọi lên truy bài là hồn vía lên mây.

- Đã đành, nhưng ai cấm chúng nó đem lòng yêu thầm nhớ trộm kia chứ?

-Không nhắc chuyện tầm phào đó nữa – nói và bà thở dài, nằm dịch ra mép giường, hai tay đặt ngang bụng, mắt lơ mơ ngó mong lên trần nhà trong lớp quần sáng hắt lên yếu ớt từ vách tường.

Ông Vỹ nằm im. Hai mắt khép lại lim dim. Chắc hẳn ông đang nghĩ đến những con cá rô, những con ốc lác, bông điên điển và cơn mưa vẫn tiếp tục giọt ngấn giọt dài ngoài kia. Bụng dạ ông cồn cào theo nỗi nhớ quê của vợ. Ông mà có đôi cánh để bay được, sẽ không ngần ngại ngồi bật dậy đội cơn mưa dày bay tuốt về phương Nam, tìm con cá rô cho vợ. Ông bật cười lách nhích trong cổ như người ngủ say đang ngáy, vừa đủ mình ông nghe. Thiệt lạ, vợ ông không phải loại tiểu thư con nhà danh gia vọng tộc gì, chỉ độ mười mẩu ruộng dưới quê và căn phố buôn bán vải trên chợ. Xét về đẳng cấp thì gia đình bà không phải thuộc tầng lớp nông dân hay thương gia rông. Mỗi thứ đều dính vào tí chút để mưu sinh, bảo đảm

cho con cái học hành đến nơi đến chốn. Ông thừa biết bà, từ nhỏ tới khi lấy chồng, chưa hề thò chân xuống ruộng bùn, chưa biết cắm cây mạ xuống ruộng sao cho ngay hàng thẳng lối. Vậy mà mỗi khi “trái gió trở trời” bà lại nghĩ, nhớ rất những chuyện của anh nông dân “chuyên dụng”. Ông chưa hề nghe bà nhắc đến những buổi dạ vũ, những cuộc rong chơi thời son trẻ cùng những son phấn, gấm vóc lụa là bao giờ, mà toàn chuyện ruộng đồng!

Nằm im một lúc, bà quay về phía ông, nhỏ nhẹ:

- Ông nè, để tôi vào Cần Thơ ít bữa. Cũng phải lo chuyện vợ con cho thẳng Thạch cho xong. Ba mươi tuổi rồi còn gì. Như người ta đã có cháu bông cháu bế rồi đó. Ông nhớ con Dung dạy Lý-Hóa không? Nó lên chức bà ngoại bà nội từ hồi nào lận. Đám con Hoa, thằng Vĩnh cũng vậy. Chỉ có tui mình là muộn mằn.

- Ba mươi tuổi đâu đã già néo, ế ẩm mà bà phải lo.

Ông nói lạ. Chừng ấy tuổi còn bảo chưa già? Cảnh cha già con muộn sau sẽ khổ.

- Tôi nghĩ bà có thể vào thăm chúng nó. Chuyện chồng vợ bà không phải bận tâm. Tối khi chúng hối thúc bà chạy mười chân cũng không kịp.

- Nhưng mà nhà cửa vắng hoe. Không có tiếng la khóc của trẻ con?

- Rồi sẽ có. Không phải một đứa mà đầy nhà. Lúc đó tha hồ nghe la, nghe khóc như một giàn kèn đồng chơ chẳng chơi. Bà còn nhớ không? Bà ra trường sau tôi tới bốn năm, thuộc lớp đàn em xa lắc nên tôi vẫn coi bà như em út, chẳng có tình ý gì ráo. Vậy mà đừng một cái, như sét đánh. Tôi ngã quỵ dưới chân bà...

- Nói gì thì nói, tùy ông. Tôi vẫn phải đi lo cho chúng.

Giọng bà chùng xuống như hờn dỗi, như trách móc.

oOo

Bà đi rồi, căn nhà đã vắng càng trống vắng hơn. Mùa màng đã xong, ông chẳng còn việc gì để làm. Hết đọc sách lại mở mấy đĩa nhạc cổ điển để nghe Brahms, Strauss, Ketelby... như để lấp bớt phần nào chỗ thiếu hụt. Cơm nước thì bữa đực bữa cái, mặc dù bà đã cần thận nhờ con. Chắc nhà bên đi chợ, nấu nướng giúp, nhưng xem ra cái sự ăn có vẻ như không cần thiết với ông lúc này. Những buổi chiều xuống chậm, ông thường đứng bên này hàng rào bông bụt đợi ông anh họ sang nhà ngồi nói chuyện tào lao uống rượu. Những bầu rượu thuốc cứ với dần đi và ông lại phải nhờ con Chắt mua đồ thêm vào để “lỡ bà về bất ngờ”. Chuyện rượu chè ông không ham, nhưng đôi lúc cảm cảnh, ông có thể uống năm bảy chung. Chưa bao giờ ông ngồi uống rượu khan một mình như anh nghiện. Vậy mà chiều nay ngồi nhìn bóng nắng chạy dài ra phía sau rồi mất dần, vắng cả ông anh họ, nên ông đã phá lệ, tự cho phép mình uống tới chung thứ ba để nghe ngóng những tiếng động chung quanh. Ban đầu là tiếng con gà mái tục con dần về chuồng, sau đó là tiếng con chìa vôi gọi đàn. Khi bóng tối tràn sâu, cũng là lúc đám côn trùng bắt đầu thi giọng thấp cao. Chúng miên man như những nghệ sĩ tài hoa trong giàn nhạc giao hưởng. Những khúc trong đục, trầm bổng không hề lỗi nhịp. Ông lắng nghe những âm giọng nỉ non réo rắt kéo dài mãi với một sức lực phi thường và lòng say mê mãnh liệt, không hề mệt mỏi.

Gian nhà tối dần lên, và ông không buồn bật đèn. Bóng đêm tràn ngập. Những lùm cây trước sân nhòa nhạt,

không rõ hình thù. Chỉ còn lại âm thanh và mùi hương trên giàn bông lý thoang thoảng xa gần quanh ông.

Ông Vỹ còn đang chìm lún trong lớp mỏng manh của thứ âm thanh như hơi thở, thì ngoài đầu ngõ, tiếng ông hai Đờn Cò đột ngột vang lên, tựa kẻ phá đám:

- Chú Ba ngủ sớm vậy cà, đèn đóm tối thui.

Hai Đờn Cò khật khưỡng chân thấp chân cao. Chiếc áo the đen quần quanh cổ – trong bóng tối, trông ông như hình nộm – hai tay xách hai chiếc dép làm như nếu mang dưới chân thì sẽ bị kẻ trộm lừa lúc ông lơ hênh, tụt mất.

- Uầy, thím Ba vẫn chưa về hả? – ông lên tiếng tiếp.

- Dạ, chưa về anh Hai.

- Tội nghiệp! Cả năm thím ấy mới về trông một lần – ông nói và chép miệng, tỏ vẻ thông cảm.

- Dạ.

- Cái sự đời nó vậy – ông lại chép miệng, hồi còn son trẻ, con cái xúm xít đầy nhà. Tối khi chúng có lông có cánh thì bay biến tận đâu đâu. Ngó lui, ngó tới chỉ còn hai vợ chồng già. Nhưng mà chú thím vẫn còn phước, vẫn hôm sớm có nhau. Như tui, ngoài bảy chục lùi lùi một mình. Những hôm trái gió trở trời, muốn uống chén trà nóng, chẳng biết kêu ai – ông thở dài đánh sụt – xin lỗi, có bữa tui phải bò, chống hai tay xuống đất mà bò tới bếp. Nhúm được bếp lửa, mệt muốn tắt hơi, mồ hôi nhột vã ra như tắm. Nói tuồng xấu hổ, đám con tui đâu phải mặt, chú. Đứa nào cũng nứt đổ đổ vách. Nhưng chẳng đứa nào muốn tui sống bên chúng: đứa thì sợ vợ khinh; đứa sợ chồng nặng nề phải cưu mang một lão già vô tích sự.

Ông Vỹ thấy lòng nao nao:

- Thì anh chẳng nói sự đời là gì? Nước mắt đổ xuống chứ

có bao giờ chảy ngược lên đâu.

- Chí phải. Chú nói chí phải. Là tui chỉ nói vậy thôi – Nói và ông hai Đờn Cò định thò tay múc ly rượu nữa, nhưng ông Vỹ đã kịp ngăn lại.

- Vừa đủ rồi anh. Tuổi già uống nhiều rượu không tốt đâu.

- Vậy tui kiếu. Chú ngủ sớm cho khỏe. Coi bộ nhớ thím nó rồi à ghen.

- Anh hai giận tôi sao?

- Làm gì có chú ơi! Mình đàn ông con trai mà. Không uống bữa này thì bữa khác. Tui chỉ muốn làm thêm vài ly, về ngủ một lèo tới sáng, khỏi nghĩ ngợi lung tung, khổ thân.

- Thôi thôi – ông xua tay – hết hứng rồi.

Hai Đờn Cò đứng dậy, bước đi liêu xiêu, nặng nhọc và tan mất vào bóng tối âm âm. Sự cô độc của Hai Đờn Cò như muốn tràn sang bên ông.

Còn lại một mình, ông Vỹ cũng không biết sẽ làm gì. Ngủ sớm thì ông không có thói quen ngủ trước mười một giờ. Đọc sách hay nghe nhạc lúc này, ông không còn can đảm. Rồi tự trách, giá cứ để ông hai Đờn Cò ngồi lại, nói nhăng nói cuội có lẽ hay hơn là ngồi một mình giữa căn nhà mênh mông rộng này. Nhớ hồi sáng sau khi đi chợ về, con Chắc rón rén thưa: “bác ba nè, con mua thịt kho tàu ba bữa cho bác. Tối bữa bác chỉ bắc nồi cơm, hâm soong thịt thôi. Cháu về Hà Bằng giỗ ông ngoại, tối bữa kia mới về lận!”. Ông giật mình. Nó chỉ là đứa cháu hàng xóm, không phải là thành viên chính thức trong gia đình. Chỉ khi nào đi xa, lâu ngày vợ chồng ông mới trông cậy vào nó. Vậy nhưng, khi nghe nó báo vắng ba bốn ngày, tự dưng ông thấy bị hẫng hụt thật sự. Và ông nghĩ ngay tới chuyện sáng mai qua bên nhà ông anh họ mời ông sang ở với mình vài hôm “cho có bạn”. Đầu óc ông cứ đập dềnh loay hoay những chuyện không đâu như vậy,

cho tới khi có chuông điện thoại đổ trong kia. Ông mò mẫm bật đèn, chậm rãi nhấc ống nghe lên.

- Ông đấy hả, tôi đây. Ông ăn uống, ngủ nghỉ ra sao?

- Ờ, vẫn bình thường như có bà ở nhà.

- Sao nghe giọng ông khàn khàn vậy? Bệnh hả?

- Đầu có. Bệnh hoạn gì đâu. Anh hai vừa ngồi đây, làm với ảnh vài ly.

- Thôi được. Mai tôi về. 7 giờ ông xuống ga đón tôi nghe.

- Lên Saigon hồi nào, sao không nói?

- Con Trâm lôi lên ở với nó vài ngày. Con gái nó mới ra trường. Nó bảo tụi mình sui gia với nhau. Toii thấy mặt con nhỏ rồi. Xinh đẹp, hiền hậu, nét na...

- Còn gì nữa không?

- Sao không. Tôi kêu thằng Thạch nhà mình lên hôm qua. Tôi thấy hai đứa hợp nhau lắm. Vợ chồng con Trâm cũng bằng lòng. Dẫu gì cũng chỗ bạn bè “đồng liêu” ngày trước mà.

- Cho tôi gửi lời thăm vợ chồng Trâm. Mai tôi xuống ga. Nói và ông gát máy.

Ông Vỹ không rõ lòng mình có ấm lại và vui lên hơn không?

Căn nhà vẫn rộng mênh mông mà có vẻ như không đủ chỗ để chứa giọng nói của bà còn đang vắng vắng đâu đây □

(tháng 8-2002)

Nguyễn Lệ Uyên. Độc giả không lạ gì với anh vào những thập niên 60, 70 trên các tạp chí văn học nghệ thuật phát hành ở Sài Gòn trước 1975, như: Văn, Bách Khoa, Khởi Hành, Văn Học...

Trước 1975 anh là một nhà giáo. Sau 1975 anh không

còn đứng bực để giảng dạy nữa. Anh trở về quê ở Tuy Hòa sống một cuộc đời giản dị tại một miền quê, nơi anh đã lớn lên, với nghề nghiệp hiện tại là: con trâu đi trước, anh đi sau (làm ruộng)

Viết văn như một cái “ nghiệp “ anh không thể bỏ được. Ngày lao động ở dưới ruộng. Tối về anh ngồi viết không mệt nghỉ. TQBT vừa nhận một cái Floppy Disk 3.5” gồm nhiều truyện ngắn anh mới viết, và: Hương Vị Đồng Quê Phú Yên.

Với truyện ngắn: Vợ Chồng Già anh viết xong vào tháng 8 năm 2002 dành cho TQBT 7. Sau mấy mươi năm bất tin, anh em đã liên lạc lại với nhau, và vẫn giữ được cái tình như ngày nào chơi thân. (PVN)

Trần Tuấn Kiệt

Đêm

tặng Phạm Cung

Đêm lang thang lữ xì ke ma túy
Đời cũng buồn bụi bặm kém chi người
Đêm đơn độc vượt nanh chìa nhọn hoắc
Trăng xa xăm đầu bạc phếu bên trời

Đêm dĩ thỏa ở trong lòng khát vọng
Đêm điểm đàng gió tạt lạnh mưa rơi
Đêm đỏ thắm tối tăm màu máu lệ
Đêm đi hoài đi mãi đi quên thôi

Đêm ngồi lại giữa lộ buồn thăm thẳm
Ngã ba đường ôi lối rẽ quê hương
Đêm chó má Đêm đái đường ướt đẫm
Đêm tụng kinh ma quỷ để xa đời

Đêm Phạm Cung với “ Bầy Người ” nhục thể (1)
Đêm cô hồn các đản kiếm tìm xôi
Đêm tự do vô cùng trong đói rách
Đêm thê lương tàn bạo bóng ma người

Đêm cảm tưởng phố sâu như mở rộng
Đền lư thưa rấn rết bò lang thang
Đêm rực lửa trẻ em không cơm áo
Đêm già nua kể lể bóng ma Chàm (2)

Đêm Thượng đế ngồi chơi sòng bạc mới
Thả rừng mây trên chiếu bạc lăm than
Đêm quỷ vương vẫn kêu gào địa ngục
Đêm nhà thờ kiếng lạnh bóng ngân vang

Đêm 31/5/2002

(1) “ Bầy Người ” tác phẩm sơn dầu Phạm Cung

(2) “ Buồn Dị Sử ” tác phẩm sơn dầu hạm Cung

Đặng Tấn Tới

Trước Đèn Khuya

Việc vặt trong nhà vừa tạm yên
Khuya chong đèn nhỏ sáng trời riêng
Còn nuôi một điểm hồng trang trắng
Bút mực về xa, nóng lửa thiêng.

Chợt Cảm

Bao nỗi nhọc nhằn lắng chút thơ
Thêm rêu, sương đọng ánh trăng mơ
Tình em thâm lặng xanh màu lá
Soi biếc đời nhau thoáng sống sờ.

Trùng Cửu, Chạnh Ghi

I

Hề rượu đời ta quá chén say!
Nên giờ lại tỉnh mịt mù mây
Máu xương cạn nhé lòng sông biển
Một nắm tay vơi cứ rớt đầy

II

Hề rượu trắng nồng trưa cố quận!
Đất trời từng trận cạn trong ta
Uống đi, hộp uống trường giang ấy
Trôi chảy trong ngân lượng xót xa □

Từ Thế Mộng

(Tùy bút)

Lòng Mẹ Bao La

(Kính dâng Nhạc Mẫu)

Tặng hai em Nhàn và Thu

Mẹ từ Phan Thiết vào thành phố ở với con cháu “ cho vui ”. lời mẹ nói. Quả là vui thiệt: Mẹ đã tham dự lễ hỏi rồi lễ cưới của cháu ngoại- hai lễ cách nhau ba tháng - ngày rộng tháng dài, vui ới là vui ! Mẹ cười, nụ cười móm mém mà luôn tròn đầy hạnh phúc.

Chỉ thiếu một tuổi là đầy 80 mà mẹ đọc sách không cần mang kính. Mê sách số một, có thể đọc suốt ngày không chán. Sách, thường là loại truyện Tàu như Thủy Hử, Tam Quốc, tái Sanh Duyên...hoặc các truyện cổ tích dành cho trẻ nhỏ. Nhờ vậy mẹ có cả một kho chuyện, chuyện sách, chuyện đời kể cho con cháu nghe. Mẹ kể xuôi rọt, lổp lang một cách kỳ lạ, làm mở to những cặp mắt, những cái miệng hau háu...Làm như chúng nghe bằng miệng mới “ đã thêm ” vậy ! Mẹ cũng biết thêm thắt, vẽ chuyện cho thêm phần hấp dẫn. Lũ cháu cứ nhấp nhồm, ngồi đứng không yên quanh bà. Chúng nghe đã rồi, vẫn còn thòm thềm muốn nghe nữa, thì ừ bà kể nữa, để thôi mà ! Con cháu biết mẹ thích cải lương, phim hài, hay phim xã hội mùi mùi một chút đủ để làm mẹ - ớt - nước - mắt mới sướng, liền mượn băng về phục vụ tại chỗ. Nhà có ti vi, có đầu máy sẵn, tha hồ mẹ coi !

....Sáng đó, mẹ theo đám rước dâu của họ đàn trai, vui vẻ dự tiệc, nói ít, nghe nhiều. Tính mẹ vốn vậy, ai nói gì cũng cười. Mẹ mặc chiếc áo dài nhung màu huyết dụ và cái quần “ xoa Pháp ” màu trắng bóng của đứa con gái thứ Tám từ Mỹ gửi về để mẹ - diện - cho - sang ! Đứa

con gái thứ Sáu ở thành phố thấy vậy liền mua cho mẹ đôi dép da chính hiệu để mẹ - mang - cho - xứng ! Mẹ mang vào thấy nó dẹt, dép lại nặng, chân bước cứ lắt cẫ như đưa con nít mới tập đi, kỳ quá. Mẹ nhất định không chịu, đòi phải thay dép khác. “ Dép nào cũng được, nhưng phải dễ đi, con à - mẹ nói - Kệ, má già rồi, có què một chút cũng đâu có sao ! ”.

Tiệc xong, mẹ lại theo xe chở họ đàng gái về nhà, chuẩn bị chu đáo mọi thứ để sáng sớm mai cùng rể về Phan Thiết luôn. Nghe về, mẹ nôn lắm. Nào ai ngờ mẹ lại về sớm hơn cả dự định !!

Cả ngày mệt nhọc, mẹ lên gác nằm nghỉ. Chẳng bao lâu thấy trời đã về chiều, con cháu đi chơi hết, mẹ xuống nhà lấy thịt heo quay đàng trai đi lễ hồi sáng chặt để chia phần cho những người thân mỗi người một ít. Xong, mẹ đi rửa tay, bước chỉ vài bước là tới vòi nước. Bỗng đứng mẹ khuyu xuống, kêu lên một tiếng. May mà đứa con gái còn ở nhà, vẫn chú ý theo dõi mẹ, hốt hoảng kêu: “ Anh Tư, anh Tư, má sao rồi nè ? ”.

Thằng con rể nhảy ba bật thang từ trên gác xuống, nâng mẹ lên:

- Má sao vậy má?

- Tối thui hà con. Đầu nặng quá ! - Mẹ trả lời, thều thào, mắt nhắm nghiền.

Sao người mẹ nặng một cách kỳ lạ ! Giường chỉ cách chỗ mẹ khuyu xuống chừng hai mét mà thằng rể thấy xa vô cùng, nâng má cũng không nổi phải cùng em vợ phụ vào mới đưa được mẹ lên giường. Người mẹ oặt oẹo, mềm như không còn một chút gân cốt nào. Đầu ngoẹo sang một bên. tóc sổ dài tơ tả, mẹ không còn biết gì nữa, miệng bập bập để thở. Người con gái quýnh quýnh đập chồng dậy, miệng meo máu, lay mẹ hỏi: “ Má, má có sao không má ? ”.

Má đã về trời rồi, còn sao gì nữa em !

Bác sĩ lập tức được mời tới, cũng lắc đầu, bảo phải đưa

đi bệnh viện gấp. Bệnh viện cũng lắc đầu theo. Mọi sự cứu chữa đều vô hiệu.

Mẹ mất, mất một cách lạ lùng, như người đang đi bỗng bước hẳn một cái, là qua thế giới khác !

Xác mẹ tức tốc được đưa lên xe 14 chỗ ngồi, thuê riêng chuyển, chở ngay đêm đó về quê nhà. Trời cũng tức tưởi làm mưa bay theo. Đêm Phan Thiế, bão theo mưa ào ạt tới. Lũ con cháu đang khuya, bỗng nghe tiếng đập cửa, ngơ ngác thức giấc. Khi hiểu chuyện, tất cả đều khóc rống. Chúng chỉ còn biết ôm xác mẹ, đầm ngực kêu trời, sững sờ không tin là thật. Nước mắt hòa với sấm chớp mưa giăng chảy tràn trong căn nhà hẹp.

Mẹ mất, như chỉ đi chơi xa rồi chợt về, nằm đó, yên nghỉ. Tóc bạc trắng đầu như mây phủ êm ả, tĩnh lặng. Mẹ nằm ngủ, thiên thu một giấc.

oOo

Mẹ là cô gái quê miệt Đại Mấm, cách Phan Thiế chừng hơn cây số. Mặt trái xoan, tóc dài, vẻ người thon thả, hai mươi tuổi mẹ lấy chồng, dung dị như con gái tới kỳ phải lấy. Vậy thôi, mẹ chưa phải lòng ai!

Chồng mẹ lại khác, hào hoa, có nhiều tài lạ. lái xe cũng hay, sửa máy cũng giỏi, ai cần gì cũng xắn tay áo ra giúp, nhất là phái yếu. Khi mẹ sinh đứa con thứ tư, thứ năm gì đó - mẹ rất mắn đẻ - chồng liền giúp ngay một bà goá còn trẻ măng về nâng khăn sửa túi. Mẹ ức lắm, nhưng tánh quen nín nhịn, chỉ biết ôm con khóc thầm, không dám ghen tuông gì. Vậy mà đôi khi thấy chồng vồn vã với vợ lớn, cô vợ nhỏ còn ghen ngược, mới kỳ !

Thằng con đầu của cô vợ ỏ ẻn đó được chồng đưa về nhà giao cho mẹ nuôi - để hai người dễ cùng nhau bay nhảy - mẹ cũng sẵn lòng cam chịu, sẵn sóc như con mình. Anh chàng này lớn lên, viết văn, không ngớt ca tụng mẹ, vì mẹ như bà tiên hiện ra ban phép mầu cho nó.

hay tin mẹ mất, anh chàng ôm xác mẹ khóc, hai hôm liền quên ăn, thân thể gầy nhom chỉ còn hai con mắt lộ. Hình như ai cũng thương mẹ, và mẹ hình như...thương tất cả mọi người ! Hai người lính đóng quân ở gần nhà bị sốt rét, què tít mù xa đâu có ai là thân nhân, mẹ đem về hết sức chữa chạy cho. hai người luôn miệng gọi mẹ ơi mẹ hỡi, dù sau này đã đổi đi một phương trời khác. Một thầy giáo người Hà Nội, trường sát bên, chạy qua chạy lại thấy mẹ sao thương quá, sao giống mẹ mình ở quê nhà quá. Đi đâu xa về, việc đầu tiên là tới hầu mẹ, hỏi thăm sức khỏe mẹ. Và mẹ, thấy thầy lại nhớ đến những đứa con xa, đi đâu cũng dài con mắt ngóng. Thương lắm là người ăn xin cụt chân mặt, khoảng trên 30 tuổi, phải một nách nuôi hai con, một lần tới xin, mẹ lân la hỏi chuyện. Rồi nay một lon gạo, mai một bộ quần áo cũ, kia một nải chuối chín thơm mật...Dần dần mẹ yêu thương như con, cái gì cũng muốn để dành cho nó. Hôm mẹ sắp về cũng đã chuẩn bị một gói quần áo to đùng và một số thực phẩm để dành sẵn. Tôi nghiệp, hôm nó lên thăm, bỏ gậy, òa khóc khi hay tin mẹ mất như một đứa con nít ! Cảm động nhất là con Nu, con chó có bộ lông vàng muốt do con gái thứ Sáu của mẹ đem về tặng, được mẹ quý như vàng. Nâng niu, tằm tấp, cho ăn uống, nhất nhất đều do một tay mẹ lo hết. Mẹ mất, nó nằm bẹp dưới hòm mẹ, xụi lơ, lặng lẽ khóc. Có quàng một vành khăn tang trắng, bộ lông vàng muốt cũng mờ đi, xụ xuống một cách ủ rũ. Không ai nỡ đuổi nó đi chỗ khác, cảm cái nghĩa tình khôn nguôi của nó dành cho mẹ, có người xúc động đến ứa nước mắt !

Tôi là con rể mẹ trên 30 năm, được mẹ dành cho biết bao nhiêu tình cảm đậm đà yêu quý. Khi tôi còn là chàng trai nghèo đeo đuổi con gái mẹ - một cô gái đẹp - liền trong bảy năm gặp biết bao nhiêu trắc trở ngỡ không vượt qua nổi, may mà có mẹ kề bên dài tay che chở...Hôm tôi từ Phan Thiết vào Sài Gòn dự đám cưới

cháu, mẹ mừng rỡ gọi tôi lên gác, nói nhỏ: “ Má trông con quá chừng. Ngủ chỉ mong trời mau sáng ! ”.

Mẹ tôi đó! Tôi biết từ nay mình đã mất đi người mẹ thương yêu ! Mẹ, tuy vẻ ngoài đơn sơ, nhưng trong lòng chứa biết bao nhiêu nguồn sông suối. Con, cháu mẹ thấm đẫm ơn sâu đó mà lớn nên người !

Con đốt những dòng chữ này, cháy lên thành nắm nhang thấp trên bàn thờ mẹ, thay lời nguyện cầu dâng lên mẹ, mẹ hiền ơi !

Phan Thiết , mồng 9 tháng giêng, Ất hợi (1995)

Từ Thế Mộng tên thật là Nguyễn Đình Tư. Bạn bè thường gọi thân mật là Tư Đình. Trước tháng Tư năm 1975, anh là một giáo chức. Động viên vào Thủ Đức khóa 18 . Ra trường phục vụ tại SĐ 22/ BB, Trung đoàn 47. Sau về TTHL/SĐ 22 ở Phú Tài/ Bình Định. Lên Thiếu úy biệt phái về lại giáo chức. Sau tháng tư 1975 anh không còn dạy học nữa. Sống qua ngày nhờ cái quán cóc nhỏ xíu trước nhà anh, vì không có vốn.

Tuy thế anh vẫn sáng tác không ngừng nghỉ hơn bốn mươi năm nay. Trước 1975 thơ và tùy bút của anh thường có mặt trên các tạp chí văn học ở Sài Gòn.

Tùy bút : Lòng Mẹ Bao La anh viết về cái chết của Mẹ chúng tôi từ Phan Thiết gửi ra cho TQBT. (PVN)

Hải Phương

**Uống Rượu Dưới
Chân Lầu Ông Hoàng**

Với Hoài Khanh

Ngày về mở cửa phù vân
cài then thiên cổ mưa gần nắng xa
bút hoa hứng trận phong ba
miếng môi ngậm cứng vành tà huy không.

mở trang vô tự phiêu bồng
mái hiên ngôn ngữ mái lòng thênh thang.

Với Trần Tuấn Kiệt

Ngày về lưng chén vô thanh
cạn môi tiền kiếp ngậm canh lưu ly
mở trang vô tự xuân thì
áo em lá biếc gió khuya quên cài.

uống vầng trăng nửa hiên ngoài
nửa hiên trong tiếng đàn hoài cổ nhân.

Với Đài Nguyên Vu

Ngày về cỏ rối dưới chân
chén thình không cạn bước ngần ngại qua
sông Cà Ty trận mưa và
phố Lầu Phan Rí rộng tà áo bay.

thiên sư thả con diều mây
tràng kinh niệm đến đoạn này đứt dây.

Với Từ Thế Mộng

Biển xưa sóng vỗ cồn bầy
bến bên kia bãi bên này rộng rinh
biết đâu rượu uống một mình
môi cay nhín gỏi ngọn tình ra roi.

mở trang vô tự ra coi
môi khuya thấp ngọn lửa cời bếp xanh.

Với Nguyên Minh

Ngồi trong bàn tiệc dậm trường
chén chưa cạn chén vô thường phù hư
ngày về cát bụi hình như
ở trong cát bụi còn dư phận mình.

mềm môi đáy chén trắng tan
chén lưng xế bóng chén tràn vong thân.

Với Trần Nhật Tân

Chìm trong hồ mắt giai nhân
môi hưng phức loạn phong trần đêm qua.

Sớm mai tình thể ra ma
phù dung ra nhánh chiều tà ra bông
ngày về ngọn cỏ phiêu bông
ngọn rau nường tựa cội lòng em riêng.

Thành sầu cạn chén trắng nghiêng
cần khôn dựng đứng cội phiền muộn cao.

Tháng Năm 2002

Khi ở Phan Thiết

Đêm đọc ngữ vựng của thượng đế vắng mặt

Đêm đọc ngữ vựng của thượng đế vắng mặt thứ ngôn ngữ xúc giác tốc hành trên đồi ngực trần rịn ứa mùi cỏ tháng giêng bài tiết lá non trong vườn em rây nhẹ hạt mưa phùng ký ức khô khốc mùa hạn râm rang mọc nhánh sinh tồn.

Đêm đọc ngữ vựng của thượng đế vắng mặt khi loài thú xa nhau chắc cạn tình thể tình yêu trên bước trở về mai sau còn ngân vang xào xạc chiếc lá khô khua nhịp hành trình u nhả.

Đêm đọc ngữ vựng của thượng đế vắng mặt bên trang nhà em những ngón tay thực nữ đồng thiệp ra chiều gõ trên mặt keyboard mất trí những tín hiệu lằng đằng từng trường canh thời tiết báo trước cơn bão khát về trùng điệp dựng đứng bình minh lâm chung và gió.

Đêm đọc ngữ vựng của thượng đế vắng mặt trên thân xác em bày biện lấp lánh hằng hà sa số ẩn ngữ lung linh như những vì sao khát vọng tỏa sáng địa cầu hằng hà sa số điệu nhạc luân vũ đôi chân thuở thiếu thời nhẩy múa trên cánh đồng cỏ quê nhà vang vọng tiếng chim buổi sáng mai thức dậy lú lo trong bụi uất hương kim vàng hằng hà sa số sắc màu thế kỷ và những gam màu của trí nhớ trộn lẫn phấn bụi thời gian phơi pha quét lên thành lũy lãng quên và tàn phai nguy nga.

Đêm đọc ngữ vựng của thượng đế vắng mặt thứ ngôn ngữ lưu vong trong chuyến tử sinh của gió làm tốc vấy em nữ sinh viên đứng trước hiên trường đại-học-hàng-me qua khỏi đỉnh non mù làm bầu trời sống sót sau cơn địa chấn làm gần một trăm năm chữ nghĩa hiện thực thành thứ giẻ rách rác rưởi và trò cười rẻ tiền lảng nhách kiểu anh chàng hề hạng bét cùng bọn đười ươi và bầy quạ đen

tuyên án tử hình mặt đất và biển nơi bí tích của loài còng
được giải mã bằng lời cầu hôn với mỹ nhân ngư và mặt
trắng □

Khi ở San Jose
tháng bảy 02
haiphuong68@hotmail.com

Nguyễn Nhung

Những Cánh Chim Cô Đơn

Từ khi chia tay với chồng, Ngọc sống trong tâm trạng chán chường và buồn tẻ, đời sống mất hẳn ý nghĩa nếu như bên nàng không còn hai đứa con an ủi. Cho đến năm nay khi đứa con gái út đi học xa, căn nhà vắng lặng chỉ còn có mình nàng vào ra. Ngoài giờ đi làm, Ngọc quanh quẩn ngoài khu vườn sau, vun bón, xới tủa những luống hoa, cây cối trong vườn, để tạm quên đi nỗi ngậm ngùi của người đàn bà cô đơn.

Lá thư của chị Hà tận thành phố biển, mang cho Ngọc một chút ấm áp, khi chị đề nghị mùa hè năm nay Ngọc thu xếp tới chơi với gia đình chị ít lâu cho thanh thản tâm hồn. Hai đứa con tuy chưa có gia đình, nhưng dường như cũng có cuộc đời riêng, bởi vậy dù nghỉ hè, mỗi đứa vẫn có những hẹn hò với bạn bè để vui với những niềm vui tuổi trẻ. Tuy Ngọc chưa già lắm, nhưng nàng vẫn cảm thấy giữa hai thế hệ đã có những khác biệt, nàng vẫn không thể hòa nhập vào đời sống của con nàng như khi chúng còn nhỏ, chính vì lẽ đó mà nàng quyết định tới chơi với gia đình của chị mình, để chị em có dịp sống lại những kỷ niệm ngày thơ ấu.

Đúng là mỗi con người đã có một số mệnh khác nhau, như bàn tay có ngón dài ngón ngắn. Ngọc chưa bao giờ hình dung được có ngày mình lại trở thành cô độc, và nàng cũng không hiểu nổi được rằng tại sao vợ chồng lại có thể không chịu nổi nhau, như nàng đã chịu đựng tính nết độc đoán và cố chấp của Huy trong suốt hai mươi năm ròng rã. Tất cả nguyên nhân làm đổ vỡ gia đình, khi giải pháp cuối cùng là chia tay người ta thường đổ lên đầu phụ nữ, và cho là chỉ có đàn bà hay thay đổi. Thực sự, đó chỉ là quan niệm quá ích kỷ khi cuộc đời thường

hay gắn chặt vào người phụ nữ những bản tính như hy sinh, chịu đựng và chấp nhận sự lùi bước trước mọi nghịch cảnh.

Ngọc cũng thế, sau khi chia tay với chồng thì nàng cũng được người đời nhìn bằng những cặp mắt kỳ cục, khó thông cảm. Làm như chỉ có nàng hoàn toàn gây ra những đổ vỡ ấy, và Huy giờ này đã đóng vai một kẻ hoàn toàn chiến thắng, chứ có ai biết rằng : " không ở trong chăn, đâu biết chăn có rận".

Những ngày sau đó, Ngọc sống trong cô đơn với một sự êm ả tuyệt vời, vì dầu có cô đơn, nàng vẫn cảm thấy tâm hồn mình hoàn toàn yên lặng để chịu đựng nỗi cô đơn ấy. Đâu có ai biết được cái lăm lăm ngáy thơ của Ngọc khi gặp Huy thuở ban đầu, hình như chính vẻ độc đoán , lì lợm của chàng hồi ấy lại có sức thu hút Ngọc , khiến Ngọc tưởng nàng sẽ tìm được tình yêu trong sự che chở của chàng. Điều kỳ cục là càng sống với nhau lâu dài, Ngọc mới biết rằng Huy còn muốn kiểm soát luôn tư tưởng nàng để xem Ngọc hay nghĩ gì, cho ai trong bất cứ mọi sinh hoạt thường ngày của nàng. Đôi khi trong bóng tối, Ngọc vẫn thường bĩu môi và cười một mình, khi cho rằng còn lâu lắm người ta mới biết được cái sâu thẳm của tâm hồn nhau, huống gì Huy lại yêu Ngọc bằng cái tâm ích kỷ như vậy. Hai đứa con hồi còn bé, thấy bố mẹ cãi nhau, nhìn mẹ khổ sở với những dòng nước mắt ngấn dài, vì những day nghiêng dấn vặt của bố, tiếng bác tiếng chửi của những họ hàng bà con, chúng nó chỉ biết giương đôi mắt ngáy thơ, sợ hãi rồi ôm mẹ vào lòng trong nỗi thương cảm rất trẻ con. Sau này, lúc lớn lên, chúng mới nhìn ra nỗi khổ tâm của mẹ, chính vì thế mà khi cuộc hôn nhân dẫn đến sự đổ vỡ, chỉ các con nàng mới hoàn toàn thông cảm nỗi đớn đau của mẹ.

Ngọc có được hai tuần lễ để nghỉ ngơi nơi thành phố biển, sống với gia đình người chị. Vào mùa hè, mỗi sáng mai khi nắng lên rực rỡ, nhìn từ xa biển vẫn lao xao hát khi mặt trời lừng lững nhô lên, ánh sáng chan hòa trên mặt nước giống như những viên thủy tinh lung linh muôn màu sắc. Buổi sáng khi chị Hà còn bận bịu chuyện trong nhà, Ngọc vẫn một mình đi ra biển, thong thả đi trên mặt cát khô hay lội xuống mấp mé bờ nước, để cảm thấy những hạt cát đang lao xao dưới đôi bàn chân. Lúc ấy Ngọc hoàn toàn dễ chịu vì không khí của biển mỗi buổi sớm mai, nó hoàn toàn trong lành và lắng đọng, chỉ có vài cánh chim hải âu dập dờn sớm đang chao lượn trên mặt sóng để tìm mồi.

Ước gì đời cứ được mãi như thế, hay ước gì trong lòng Ngọc, hoàn toàn rũ bỏ những nỗi buồn của dĩ vãng, vẫn như những bóng ma quần quanh để làm nằng đôi lúc vẫn khó chịu vì sự ám ảnh đó. Nó đã tước đoạt mất nơi Ngọc sự tin yêu vào cuộc đời, vào lòng người, khiến đôi khi đối diện với một tâm hồn khác, trong cái vui của lần gặp gỡ, Ngọc liền liên tưởng đến sự chia lìa. Như vết sẹo của một vết thương đã lành da, lại có thể khiến Ngọc thà chấp nhận sự cô đơn thiếu vắng, còn hơn là một lần xôn xao rồi chuốc lấy nỗi khổ vào lòng.

Sáng hôm đó, khi ra biển Ngọc cầm theo một cuốn tiểu thuyết, vì lát nữa khi đi đã mỏi chân, Ngọc hay ngồi nghỉ chân trên chiếc ghế đá dưới rặng thùy dương ven bờ biển, nàng có thể đọc nốt câu truyện ngắn dở dang mà nàng thích. Và từ chỗ này, Ngọc vẫn thích thú nhìn những rặng thùy dương lá ngọn về một phía, như mái tóc của người con gái, cuốn theo chiều gió để nghiêng cái bóng mềm mại vào bờ. Tất cả những cây trồng ven biển đều đứng theo chiều hướng ấy, khiến Ngọc hình dung ra cuộc đời của những người đàn bà, chắc cũng vẫn phải đi

theo chiều hướng đó để làm thành một cái bóng đẹp cho một người đàn ông, vì nó không thể cưỡng chống nổi với những oái ăm của định mệnh. Vậy mà khi bốn mươi tuổi, Ngọc vẫn dám can đảm cưỡng lại sự sắp đặt ấy, đi ngược lại với những cơn sóng đẩy vào bờ những xác chết vô hồn rệu rã, liệu rằng có ai đã thông cảm được với nằng sự đau khổ đó hay không?

Nắng đã mênh mông trên mặt biển, nhưng nắng không rạng rỡ như những hôm trước, không nghe tiếng chim hải âu xôn xao như mọi ngày. Từ xa, những lượn sóng đẩy vào bờ dữ dội hơn, những bọt nước trắng xóa liên tiếp cưỡi đầu lên nhau, từng lớp từng lớp theo chân sóng đẩy vào bờ, khiến những tảng phi lao cũng lả đi theo cơn gió từ đại dương thổi vào đất liền. Ngọc cảm thấy lạnh, nằng vội khoác thêm chiếc áo gió, rồi tìm một chỗ khuất bên một ghềnh đá độc sách, để nghe tiếng sóng biển vỗ rì rào dội vào bờ cát. Đó là tiếng kể lể của đại dương, từ khi Trời sinh ra biển có lẽ biển đã biết kể chuyện, và những câu chuyện của biển thì có lẽ chỉ có người tri âm, tri kỷ của nó mới hiểu hết mà thôi.

Từ chỗ này, Ngọc cũng có thể nhìn thấy nhiều chiếc tàu đánh cá đậu san sát bên kia bãi biển vắng, khu bên này để dành cho du khách và người đi tắm biển, thỉnh thoảng có một chiếc tàu đánh cá từ khơi chạy vào bờ, đã thấy đàn chim hải âu bay theo con tàu để kiếm ăn. Đời sống nơi nào cũng vậy, con người biết tìm nơi kinh tế phát triển để tìm việc làm sinh sống, bầy chim cũng khôn ngoan bay theo những con tàu để được những con tôm, con cá nhỏ của người đánh cá bỏ đi.

Ngọc lấy cuốn tiểu thuyết đọc nốt câu chuyện viết về một người đàn ông sống ở một thành phố ven biển, sau khi vợ qua đời ông sống một mình với những đứa con. Rồi một ngày những đứa con cũng phải đi xa vì nhu cầu việc làm, ông ta chỉ còn lại một mình trong căn nhà vắng lặng, ngày ngày người ta thấy ông đi ra bờ biển, đem

theo một cuốn vở và cây viết. Mỗi ngày trong cuộc sống hiu quạnh , ông đi tìm một cội ấm áp cho riêng mình, bằng cách tạo nên một nhân vật trong quá khứ, và ngày ngày ông trở về với người thơ trong cội mộng của mình. Câu chuyện này đã làm Ngọc thú vị, nhưng đoạn kết thì buồn quá, khi nhân vật chạy theo những trang bản thảo bị gió thổi bay đi, và ông đã bị vấp ngã đến gãy chân để rồi sau đó, không bao giờ có thể đi tìm nguồn thơ bên bờ biển vắng. Ngọc thấy mình phần nào giống với nhân vật trong truyện, giờ đây, tuy chưa già mà cũng không còn trẻ, tâm hồn Ngọc như cũng bị vấp ngã đến gãy chân, bỗng què quặt nhìn đời bằng lăng kính màu xám xịt.

Đang đọc dở dang cuốn truyện, Ngọc linh tính như mình đang bị ai nhìn trộm phía sau. Bất giác nàng quay lại, để thấy một người đàn ông Á Châu độ hơn năm mươi tuổi, nước da mận mòi như được tắm gội thường xuyên với nắng gió biển khơi. Ông ta ngồi ở ghềnh đá phía sau , thấy Ngọc quay lại bất gặp cái nhìn của mình, vội mỉm cười như xin lỗi. Nhìn cuốn truyện trong tay nàng, ông ta làm quen:

" Cô là người Việt?"

Ngọc gật đầu, nhìn cuốn sách rồi hóm hỉnh trả lời:

" Ông biết rồi đấy."

Vô tình cuốn sách lại làm hai người đồng hương dễ dàng làm quen với nhau để bắt đầu những mẩu chuyện tiếp theo. Người đàn ông cho Ngọc biết ông ta đang làm việc trên một chiếc tàu đánh cá, nhưng hôm nay biển động, tàu không ra khơi, ông lại loay quanh nơi bờ biển trong những ngày nghỉ ngơi bất đắc dĩ như thế này. Ông ta nhìn cuốn sách trên tay Ngọc, rồi tâm sự:

" Thỉnh thoảng trong những giờ rảnh rỗi, tôi cũng thích đọc sách. Thuở nhỏ, nhà tôi ở ven biển, tôi cũng thường ra ngồi dưới bóng mát của rừng phi lao, và đã say mê ngấu ngiến không biết bao nhiêu cuốn sách vào đầu.

Bây giờ quên mất nhiều, chỉ nhớ cốt truyện mà không nhớ nổi tên cuốn sách hay nhân vật của truyện. Đời đời khi cũng phải quên bớt cho nhẹ lòng."

Ngọc ngạc nhiên. Qua lối nói chuyện thì ông không phải là người quê mùa, chỉ biết ngày ngày ra khơi giăng lưới để tìm những mẻ cá, mẻ tôm làm nguồn sống. Nàng hỏi: " Ông không đi chơi đâu sao? Sống hoài trên tàu, đi ra đi vào lúc nào cũng thấy biển, có lúc nào ông cảm thấy chán biển không?"

Người đàn ông đốt một điếu thuốc, bàn tay đen đui với những sợi gân nổi hằn trên lưng bàn tay, chứng tỏ ông phải làm việc khá vất vả. Khói thuốc bay theo hướng gió, như một chút mây trắng bị kéo đi trên nền trời màu xám nhạt, ông ta thong thả hít những hơi thuốc dài rồi trả lời Ngọc:

" Thật ra tôi không phải là người sinh ra đã làm nghề chài lưới, nhưng tôi thích biển vì chỉ có biển mới cho tôi cảm giác mình là người tự do, không bị gò bó vào cái xã hội đầy những thứ kềm tỏa áp đặt trên con người. Cô nhìn xem, cái mệnh mông của biển nó rộng lượng biết là dường nào, nó làm sạch buồng phổi, nở buồng tim, và quét sạch những rác rưởi trong con người mình."

Ngọc mỉm cười thầm nghĩ: " Lại một gã khủng sắp sửa đem cuộc đời ra để mổ xẻ", tuy vậy, nàng vẫn thấy ông ta có những nhận xét rất hợp với sự suy nghĩ của nàng, vì chỉ một tuần lễ nghỉ ngơi với gia đình người chị, mỗi ngày đi ra biển, ngắm nhìn biển trong nhiều khía cạnh khác nhau, từ bình minh cho tới hoàng hôn, khi mặt trời mọc hay lúc nhìn trăng treo trên mặt sóng, Ngọc thấy cái thênh thang của biển, đã làm lòng mình lắng đi nhiều nỗi ưu tư, ray rứt.

Người đàn ông ngó ra phía biển, nét mặt nghiêng tạo thành một đường viền của bức tượng đồng nghệ thuật, ông ta hỏi nàng, nhưng vẫn có vẻ nói với chính mình:

" Cô đã đọc cuốn " Ngư ông và biển cả" của

Hemingway chưa? Chính vì tác phẩm này mà tôi lại càng thấy mình cần phải phấn đấu với biển, như phấn đấu với những nghiệt ngã trong cuộc đời. Lâu lắm rồi tôi không được nói chuyện với một người thích đọc sách, cho nên khi thấy cô đọc sách nơi bãi biển thì tôi chợt nhớ lại cái thời trẻ tuổi của mình, có lẽ mình khổ vì những cuốn sách cũng nên."

Ngọc im lặng không nói, vì bỗng nhiên nàng phát hiện rằng không phải chỉ mình nàng mới cần có người để trút đi những dằn vặt của tâm hồn. Ông ta lại đốt thêm một điếu thuốc, khiến Ngọc ái ngại kêu lên:

" Ông hút thuốc nhiều quá, không tốt đâu."

Người đàn ông vội giụi tắt điếu thuốc, rồi nhìn nàng với cái nhìn thật biết ơn:

" Xin lỗi cô, lâu lắm không ngồi với một phụ nữ, tôi đã quên không xin phép khi hút thuốc."

Ngọc vội lắc đầu, cải chính:

" Không phải vậy, nhưng tôi muốn lưu ý ông vì lý do sức khỏe, ông không sợ bị ung thư phổi sao?"

Ông ta nhếch mép cười:

" Vậy ư? Thế mà đã có lúc tôi hút liên miên chỉ vì muốn chết quách đi cho rồi, mà nó lại không chết, còn có người chẳng hút một điếu thuốc nào, lại vẫn bị ung thư phổi. Đó chẳng qua là mệnh Trời, ai cũng phải có một con đường để đi về bên kia, không đi bằng kiểu này cũng đi bằng kiểu khác."

Ngọc bật cười vì sự lý luận bất cần đời của ông ta, nàng đoán ông là một loại dở hơi, hay có khi cũng đồng bệnh với nàng, nhìn đâu cũng thấy nghi ngại. Hôm nay, tự nhiên run rủ hai kẻ chán đời gặp nhau, chắc cũng là chuyện ngẫu nhiên không tính trước. Nếu nàng không một mình lang thang ra biển, nếu biển không động để người đàn ông không theo tàu ra khơi đánh cá, nếu nàng không cầm theo cuốn sách để đọc, thì đã không có chuyện hai người đồng hương gặp nhau nói chuyện tầm

phào như lúc này.

Cũng chẳng có chi mà ngại. Chỉ một vài ngày nữa, những ngày nghỉ sẽ qua, Ngọc lại trở về thành phố nàng cư ngụ, sẽ trở lại đời sống đơn độc của mình như bao lâu nàng đã dễ chịu chấp nhận nó. Vài ngày nữa biển lặng, người đàn ông cũng theo tàu ra khơi, những lưới cá nặng trĩu sẽ đem niềm vui cho ông ta và những bạn đồng hành, ông ta sẽ vui với cái vui của biển. Ông ta neho mắt nhìn nàng:

" Cô đi biển có một mình?"

Ngọc buồn cười, vì câu hỏi của ông ta cứ như là câu trả lời. Nhưng hỏi để mà hỏi ông ta lại thao thao nói tiếp câu chuyện theo lối của ông, như ông đã nhìn thấu được tâm hồn nàng, mà mỗi chuyện lại là một lối giải quyết cho những u uẩn, khúc mắc của đời vậy:

" Hồi ấy, tôi cũng cứ hay khắc khoải một mình, rồi khi buồn chỉ biết lấy điếu thuốc và cuốn sách làm bạn. Những ngày biển lạnh không có điếu thuốc nó nhạt miệng lắm, cũng như khi buồn không có cuốn sách để quên đi đó mà. Nhưng cũng chỉ thế thôi, không đi sâu vào những thứ khác. Con người sẽ hư hỏng đi, nếu không biết kềm chế, nó sẽ trở thành đồng rác thối trong đời mình, rồi không có cách gì đỡ đi được."

Ngọc lại buồn cười, cứ để ông ta đi lan man hết chuyện này sang chuyện kia, cũng không dò hỏi tên tuổi, hay nỗi niềm của người đàn ông, vì nàng rất thông cảm với ông ta. Cứ xem như hai người cùng là con bệnh của nhau, và giờ đây nàng đang đóng vai một bác sĩ tâm lý học, để nghe bệnh nhân của mình trút ra những nỗi niềm mà ông ta cần phải tâm sự, để lấy lại sự quân bình cho nội tâm.

Buổi sáng nắng yếu ớt, mặt biển phản chiếu những áng mây xám, khiến toàn thể vùng biển trước mặt như trũng xuống một nỗi buồn. Nghe người đàn ông nói chuyện nàng cũng thấy vui vui, ít ra thì sau chuyến nghỉ hè này, nàng sẽ có thêm một người bạn, hay là cũng có một câu

chuyện để nhớ. Người đàn ông lại tiếp tục câu chuyện, sau khi xin phép Ngọc hút thêm một điếu thuốc nữa. Ông ta nói rất buồn cười:

" Cô thấy chưa? Nếu hôm nay không gặp cô, tôi đã không phải xin phép ai khi đốt một điếu thuốc để hút. Mất tự do là ở chỗ đó, nhưng bù lại tôi vẫn cảm động, vì có người đã lo cho sức khỏe của tôi. Cảm ơn cô nhiều, tôi sẽ ghi nhớ lần gặp gỡ này vào tâm khảm. Bây giờ tôi kể tiếp cho cô nghe, tại sao có những điều người ta cần phải quên, như đổ bớt đi những đồng rác trong đời mình." Ngọc nhướng mắt nhìn ông ta, có phải ông ta đang định nói hộ nàng điều gì đó chẳng? Hay giờ đây ông ta đóng vai người bác sĩ tâm thần, mà nàng thì trở lại vai bệnh nhân cần phải được giải tỏa vài khía cạnh tâm lý. Tuy thế, nàng vẫn im lặng nghe ông ta nói:

" Hồi ấy, lúc vừa qua Mỹ, tôi " share" phòng với gia đình người bà con ở một khu phố khá đẹp. Thế nhưng mỗi tuần chỉ đổ rác có một lần, vào ngày thứ năm trong tuần. Thôi thì hôm ấy có bao nhiêu thứ rác rưởi trong nhà phải cố thu nhặt mà đem ra thùng rác, cứ sáng sớm đã phải dậy để xem có còn chút rác rưởi nào mà vứt đi, lỡ quên, phải một tuần sau mới có xe rác tới. Có những thứ bẩn thỉu và hôi hám, để tới một tuần sau thì chắc là không ai chịu được, bất tiện quá cô nhỉ? Cứ tới ngày đổ rác là cái nhà ấy ồn ào lên như cái chợ, vì bà mẹ lại phải tắt bật đi thu dọn và la hét những đứa con, khiến mình cũng phải khó chịu. Lúc đầu tôi cảm thấy bức mình nhất ngày thứ năm trong tuần, nhưng sau hể tới ngày ấy, tôi cũng tự nhiên như bị ai nhắc nhở cần phải thu dọn cho sạch sẽ nhà cửa. Sau từ chuyện ấy tôi lan man nghĩ tới chuyện khác, đôi khi mình vẫn phải thu dọn con người mình, cái gì không cần thì vứt đi cho sạch sẽ, cả những thứ dĩ vãng buồn phiền cũng là một thứ rác rưởi, ôm nó vào lòng thì khác gì ôm một mớ rác bẩn. Những thứ rác rưởi ấy, không hẳn là của người mang tới cho mình, có khi nó

chính là của mình, của bản thân, mà muốn cho cuộc đời quang đãng, thì cũng vẫn phải vứt nó đi, đừng nuôi tiếc." Gần như Ngọc muốn ngồi xuống đây khi nghe ông ta nói tới đây. Người đàn ông nói với Ngọc điều gì vậy? Sao ông ta có thể hiểu nổi những điều nàng đang mang trong lòng mà bình thản nói một câu chuyện đời đơn giản mà lại sâu sắc như vậy. Thốt nhiên, không kềm chế được, Ngọc bật lên hỏi ông ta:

" Sao ông lại nói với tôi chuyện đó?"

Ông ngơ ngác hỏi lại Ngọc:

" Tôi đang nói chuyện của tôi mà, chẳng lẽ cô cũng đang mang trong lòng những đồng rác của dĩ vãng?"

Rồi ông ta cười, nụ cười hiền của một tâm hồn đầy bao dung và độ lượng:

" Tôi tên Niệm, cô có thể cho tôi biết tên của cô không?"

Tự nhiên, Ngọc thấy mình như một con nai ngờ ngệch, hay là Ngọc đã lấy lại được phần nào tự tin để nhìn đời một cách khoan dung hơn:

" Tôi tên Ngọc, nếu khi nào có dịp tới đây, tôi sẽ đến đây để có thể gặp ông lần nữa."

Hai người trao đổi thêm vài câu chuyện vui cho không khí ấm đạm của một ngày biển mưa dờ ảm đạm. Sau đó, Ngọc đứng dậy ra về, vì trời hình như sắp mưa. Cơn mưa buổi sáng để những cánh chim hải âu không bay theo những con tàu ngoài bến đậu. Hai người chia tay nhau, chỉ trao nhau vồn vện một cái tên, nhưng lạ lùng là hình như nhiều lắm cho một buổi sáng nơi bãi biển vắng người. Nhìn theo bóng người đàn ông đi siêu siêu về phía những con tàu bên kia bãi đậu, vai ông ta như oằn đi vì những trần trở của đời, Ngọc cứ thấy lòng nao nao trong dạ. Một cánh chim cô đơn trong dòng đời đầy bão tố, có lẽ biển đã giúp ông ta quên đi phần nào nỗi đau khổ, như đã đổ xuống giòng nước những đồng rác bản mang theo trong giòng đời, cho nhẹ đi nỗi buồn mà vượt

vai đứng dậy.

Mấy ngày sau đó biển mưa hoài, Ngọc không thể đi ra biển mỗi buổi sáng. Trong không khí ẩm áp của gia đình chị Hà, Ngọc gần như lấy lại được sự tin yêu vào cuộc đời, vào lòng người, nhất là khi Ngọc kể cho chị Hà nghe về người đánh cá nàng tình cờ gặp trên bãi biển. Chỉ đến hôm cuối cùng khi trời hết bão, biển lại chan hòa nắng mai, lung linh những viên thủy tinh trên mặt nước xanh biếc, Ngọc cũng chỉ còn một hôm là phải trở về nhà. Lúc đó, tự nhiên nàng cảm thấy có cái ao ước được gặp lại người đánh cá một lần nữa, để nhìn lại khuôn mặt trầm tư và nghe lại lối kể chuyện ngộ nghĩnh của ông ta, có lẽ đã có được từ khi ông ta làm quen với đời sống của biển, cảm được cái bao la của nó mà quên đi những vương mắc nhỏ nhoi trong cuộc sống.

Khi hướng mắt về bãi đậu của những chiếc tàu đánh cá, Ngọc thấy chỉ còn một bãi cát vắng hoe. Những con tàu đã ra khơi, để lại một khoảng trống trên bờ biển, không biết bao giờ tàu sẽ về bến, mang theo niềm vui của những người thủy thủ, và những khoang cá tôm đầy ắp từ biển khơi. Những con chim hải âu xếp thành hàng trên bờ đá, mắt hướng về phía biển trông chờ những chiếc tàu đánh cá trở về, Ngọc có cảm tưởng mình cũng là một cánh chim cô đơn đậu trên hàng cây, bên bờ biển vắng □

Trần Nhựt Tân

Lời Người Con Đấng Tử

Ta yêu bầu trời những từng mây thay màu tình tự vô về một linh hồn vẽ lại ảnh-tượng-ngày-xưa mắt ta nhắm lại một giọt lệ. Ta yêu biết mấy hơi màu-xanh-quê-nhà có chờ ta mái ngói đỏ khói lên nhẹ hơi thở yên bình vậy gọi ta trở về. Ta trở về đây... ta sẽ trở về những bóng đêm có còn rủ chùm đam mê làm nôi ru kỉ niệm những tế bào kí ức nắm tay nhau khiêu vũ điệu nhạc xa khơi cùng tiếng hát của bầy nhân ngư còn muốn nhắn gửi ta niềm tin lưu lạc réo gọi ta trở về và ta... sẽ trở về.

Kìa ngọn hải đăng vẫn tung hô những tia sáng cho bao con tàu mù khơi tròn kiếp đi hoang uống sóng thay rượu hợp cần làm no giấc người thủy thủ già còn mang mãi tiếng hát ru em trong lòng qua cơn bão tố cùng nắng nghiêng miền xích đạo hay tuyết kia vẫn yên lặng hằng thế kỉ trên miền bắc vắng bóng người dệt thần thoại sưởi ấm môi em. Và ta cũng yêu biết mấy những đại dương màu xanh bầm quuyến luyến đường chân trời như một tình yêu hư vô mà có thật và là một tình yêu có thật đã hư vô tự bao giờ ta còn nhớ những lời tình ngày xưa có thật mà cũng đã hư vô đó sao hơi các em. Ôi những đôi mắt e ấp đường thi những khóe môi lãng mạn còn níu giữ ta như một loài bảo tàng viện siêu hình có thật hay những hang động tuổi thơ khôn nguôi thương nhớ.

Hằng đêm ta vẫn còn nghe các nàng liễu trai nô giỡn trong khu vườn hoài hương tóc các em buông xõa thành muôn lưới thơ ngây vây bắt chàng thi sĩ đang cười con tuần mã thời hoang mộng gọi ta và ta đã hẹn hò các em bên kia chân mây là nơi ta sống lưu lạc là nỗi-nhớ-ca-hoài-khúc-nhạc-tình mà các em là những chủ đề dệt khúc giao hưởng khiến ta trở thành một hữu thể khâm liệm

bằng hương tóc các em trong tấm quan-tài-làm-bằng-nối-nhớ-các-em-hoài-hoài mà sao nghe nhạc rơi xuống từ những vì sao như bao viên ngọc trên một nền cẩm thạch thời tím tím bóng mây.

Vẫn ngất nồng những làn môi những hương tóc những trái đồi non nuôi hạnh phúc khiến ta đã ngất ngây tự lòng bản thể mà không còn thấy cõi đời nào hạnh phúc hơn bởi nhớ là bến hẹn của các em và người con đang tử trong một tiếng khóc thật hoang vu thật hẻo lánh... Ta còn nhớ rõ ánh mắt các em là quỹ đạo của một cuộc tình chơi vơi trên hành lang trái tim của gã mà gã thì đã lịm người trong những vết thương vĩnh viễn vì những vút kiếm siêu hình từ các đôi môi huyền thoại ấy những nhát rặng mầu nhiệm ấy a ha ta đang đứng hát trên vành môi một người con gái đã cho ta trái-chín-của-nàng a ha ta đang ngủ say trên mái tóc nàng mà hơi thở em là nha phiến và mỹ tửu mà các nàng hồ li đánh cắp từ bao nhiêu năm hồng sử nhân loại trùng tu trong hang động tiền sử. Như giục giã bên tai giọng nói các em mà nhạc ẩn tượng làm rung chuyển thật huyền hoặc một giấc mơ các em còn gọi tên gã và các em nắm tay gã chạy nhanh lên một sườn đồi rồi moi tìm gã ăn sống còn gã thì cười ngây ngất vô cùng hạnh phúc các em ơi hơi những bờ vai còn khuyết sử cho ta viết lên một lời di chúc bằng máu tim các em có một người con đang tử đã chết trên bờ biển một đêm trăng sao tắt thở các em quỳ cạnh xây thành lăng mộ các em bẻ cánh tay mình trồng cành ngọc lan mọc mắt làm ngọc nạm quan tài và hơi thở các em đầu thai làm hương yêu vĩnh viễn vĩnh viễn gã đã chết vì tình yêu các em cho vừa cơn mê các em đã bỏ lại trong kinh sử bộ lạc.

Các em trở về thành phố như những bộ xương hổ phách ngây ngây mà loài người cứ ngỡ gái liễu trai khát tình đang đi tìm một-nửa-linh-hồn-lưu-lạc các em ơi gã đã

*chết rồi mà quê nhà còn chờ như một ước hẹn vĩnh cửu
dưới bầu trời chùng mây bay tung bao nhiêu ngôn ngữ
của thi sĩ lúc giọng sáo buồn nghìn trùng không tiếng nói
phảng phất chốn quê nhà.*

Các em cười ngạo ngễ khóc rằng tình yêu tìm thấy các em ném từng chiếc răng vào vũ trụ thành muôn vì sao nhìn địa cầu mà bao nhiêu quang niên mờ dần địa chỉ hay dấu chân của con người đang tử phục sinh giữa chốn địa đàng và đang tìm kiếm tình yêu kết tinh từ nỗi trầm luân. Ta nói gì hơn lòng mình phơi buồm giữa gió đại dương cuồng sóng mà ta cứ trôi giạt trôi giạt về một bến chôn tên nó giữa gấm đá hoa cương.

Phan Rang

Tặng Nga My và Đỗ Quang Em.

Trở về ta muốn trở về...

*Ngày xưa nơi đây gió mát mặt mùa nắng cháy trời xanh
chậm chạp những nẻo phố heo hút cuốn theo một tuổi thơ
lênh đênh vô ngã.*

Trường Nam tiểu học Phan Rang im lìm trong nắng tuổi thơ bóng lim bao phủ êm ả một vùng giờ chơi màu đỏ thấp nển trên đỉnh phượng rực rỡ nuôi nắng bao tâm hồn (thật) ta muốn trở về là LỜI NGƯỜI DU TỬ.

Ta còn nhớ rõ tuổi thơ màu sữa đục dưới những hàng me xanh yêu thương quyện tay nhau vẫy gọi cùng những hàng me tây sẫm uất áp ủ nhiều kỷ niệm khiến ta thêm khát một ngày về hôm nay.

Mái trường còn in bóng những người xưa và khoảnh sân vô cảm sao còn rộn những âm thanh đã tắt thời gian tuôn chảy siêu tốc ngược chiều mộng ước bỏ lại một bến hẹn rừng rưng.

Tuổi thơ chúng ta hiền như ánh mắt Nga-My một khuôn

mặt vời vợi biết bao chừng xây tủa khung trời xưa và
hiền như những giọt nắng trong các câu chuyện vô nghĩa
trở thành một hiện thực hoàng hôn còn lại làm hành
trang cho vĩnh cửu.

Ninh-Chữ cũng im lìm trong nắng mái thùy dương êm ả
đong đưa trong gió biển gửi sóng hôn lên cát từng cơn
cảm xúc ta nghe như giọng hát Nga-My Thuyền Viễn
Xứ.

Những ngày nghỉ học gửi thân cho nắng và gió tiếng
cười hoa huệ rạt rào giỡn sóng thời gian nuốt từng ngụm
đi văng tiếng hát nhân ngư réo gọi người du tử trở về.

*Một thành phố hộp có thể tích đầy nắng-và-nắng nắng
ướp nồng nổi nhớ ta nhớ Nga-My như một dáng tình cổ
tích soi gương trên bầu trời đùng đưa tháng ngày còn đó
nổi hoài hương □*

Nguyễn Tôn Nhan

Đà Lạt

Xuống đồi anh hái vội cành khô
Tặng cho em tượng đá chút sương mù
Hôm nay bằng giá như hôm trước
Như hôm nào mưa rét bất ngờ
Rồi anh về thở chẳng ra hơi
Trời quá ư cao đến tím người
Và rừng thông ấy xanh non lắm
Anh chẳng làm sao hết mộng đời □

Nguyễn Bạch Dương

Khi về Tùng Nghĩa

(tặng Phạm Thành Tín)

Không có mình kiếp trước
Chẳng hẹn chờ kiếp sau
Anh biết mình trễ bước
Tùng Nghĩa ngày mưa mau

Bên đồi trà gió ngược
Hình như chẳng đổi màu
Theo chung trà bữa trước
Thơm một mùi rất Blao

Hỏi em về thôn cũ
Trồng lại rừng cây con
Anh bỏ đời đao phủ
Chôn rìu bên sườn non

Đồng vọng lời chim nhủ
Ven đồi hoa véo von
Anh tìm khe suối cạn
Vạch khơi mạch nước nguồn

Hoa cà phê trắng muốt
Thơm đậm chiều sương buông
Anh biết mình trễ bước
Tùng Nghĩa chờ khoan dung □

Vĩnh Hảo

Thú hoang

Đó không phải là căn nhà hoang. Chỉ vì cái vẻ u tịch thanh vắng của nó mà người ta cảm thấy vậy thôi.

Chung quanh, năm dặm vuông, không một bóng người. Thỉnh thoảng có xe qua lại thì đó là xe của những người ở xa đến cắm trại nơi một công viên tọa lạc cuối con đường chạy ngang trước nhà anh.

Nói "nhà anh" thì nghe kêu quá, vì anh đâu có nhà cửa gì. Anh chỉ là kẻ giữ nhà cho người ta mà thôi. Chủ nhà là chỗ quen biết, tin cậy anh nên mới giao cho căn nhà và thửa vườn rộng thênh thang này. Căn nhà mới mua lại của một gia đình người Mỹ. Chủ mới thì bận công việc ở phố—kinh doanh hay gì đó anh nào biết—lâu lâu mới về ăn một miếng, đánh một giấc, nói chuyện gẫu với anh một chút rồi phóng xe đi. Dĩ nhiên anh khỏi phải trả tiền nhà mà chủ nhà cũng khỏi phải trả tiền thuê cho cái công giữ nhà của anh. Đôi lúc anh cũng thắc mắc rằng ông ta mua căn nhà này làm gì mà không ở. Có lẽ mua để cho thuê, hoặc mua để chờ giá nhà lên thì bán lại kiếm lời. Mua để cho thuê thì chắc là không đúng vì nơi này xa xôi hẻo lánh quá ai mà chịu đến ở. Để bán thì có lý hơn. Nhưng thôi, chuyện người ta anh chẳng muốn xía vào làm gì. Thuê hay bán cũng chẳng ăn nhập gì đến anh cả. Giao kèo bằng miệng giữa anh với chủ nhà là anh sẽ ở đây một năm miễn phí và trách nhiệm của anh là thỉnh thoảng lau chùi trong nhà, tưới sơ ba chậu kiểng ngoài vườn, và có ai gọi điện thoại tới hỏi ông chủ nhà thì nhớ lấy message, tức là nhớ hoặc ghi lại những gì người gọi muốn nhắn lại với ông ấy. Thế thôi, còn chuyện ông mua nhà làm gì thì mặc ông.

Tuy nhiên, không muốn nghĩ tới cũng phải nghĩ. Một thằng tị nạn mới từ đảo qua còn ăn trợ cấp, chưa vào đại học, rảnh rỗi như anh, có quá thừa thì giờ để suy nghĩ đủ chuyện. Mà chuyện trước mắt là chuyện cái căn nhà mà anh đang sống đây. Chẳng biết chừng căn nhà này có cái gì bất thường—như ma quỷ hay yêu tinh chẳng hạn—khiến chủ cũ bán vội mà đi và chủ mới mua rồi, thấy hơi, chẳng dám ở. Nghĩ vậy, anh cũng thấy ớn ớn. Một mình trong căn nhà sáu phòng ngủ và một phòng khách rộng rinh, anh phải chia cho mỗi phòng được tiếp anh một đêm. Tính luôn một đêm ngủ trên xa-lông phòng khách thì cũng vừa khít một tuần chạy quanh. Như vậy, mỗi tuần, anh chỉ ngủ trong phòng (mà chủ nhà đã chỉ định như là phòng của anh) một đêm. Chủ nhà chẳng bảo anh ngủ vòng quanh các phòng như thế. Chỉ là ý anh thôi. Có lẽ anh làm vậy để căn nhà, với các phòng, sẽ có vẻ như quen thuộc, xóa đi cái cảm giác nó bị bỏ hoang ít nhất là một thời gian nào đó trước đây. Phòng nào cũng sẽ có hơi người và vết tích của sự sống—dù là sống trong giấc ngủ—phảng phất trong đó. Ngủ lòng vòng các phòng như thế đã gần một tháng mà anh chẳng thấy yêu ma gì. Nhà cửa ở Mỹ mà, tìm con muỗi, con gián cũng khó, nói chi con ma. Mà thôi, đừng nhắc tới chữ MA nữa, thấy ớn quá, anh tự nói với mình như vậy.

Nhưng rõ thật khung cảnh thâm u của núi rừng bao bọc, ngày như đêm vắng ngắt như tờ, khó mà ngăn nổi sức tưởng tượng của một kẻ độc thân tương đối nhàn rỗi. Ban đêm, đang nằm đọc sách, cứ nghe tiếng gì rục rịch có vẻ khác thường nơi đâu là anh xách đèn bin tìm tới, rọi, nhìn; cũng không bao giờ quên mang theo một cây gậy phòng thân: gặp ăn trộm thì xán cho nó một cái; gặp cướp gỗ cửa hay phá cửa thì cứ việc nhắm số điện thoại cấp cứu "911" mà bấm; còn như gặp ma thì... "Làm thế nào nhỉ? Chạy?" anh tự hỏi rồi thử tưởng tượng có một

con ma đứng trong xó tối hành lang thấy mình thì nhẩn rãng cười (chứ không phải nhe răng dọa dẫm như thường thấy trong phim ảnh), và rồi chắc anh cũng nên cười nhe một cái đáp lễ hoặc giả đồ không thấy, cứ việc vào phòng đóng cửa trùm chăn thôi. "Cha", anh nhủ thầm, "thực ra thì nhẩn rãng cười còn rùng rợn hơn là nhe răng nanh mà dọa gấp trăm lần." Điều kỳ lạ là từ nhỏ đến giờ hề nghe thấy cái gì bị gán cho là có ma quỷ, anh nhất định tìm tới ngó cho bằng được. Anh sợ ma thật, nhưng không có cái tật sợ trước khi nhìn rõ đó là con ma hay chỉ là bụi cây, cái áo, cái quần phất phơ trước gió. Hồi trước, lúc còn ở Việt Nam, có lần anh và một người bạn đi chơi về khuya trên một con đường làng có những bụi tre kẽo kẹt đong đưa chung quanh nghĩa trang. Thằng bạn làm bộ tỉnh, nói chuyện om sòm như thể ta đây anh hùng lắm vậy, trong khi đôi mắt hấn cứ ngó chằm chằm dưới đất mà bước, chẳng dám liếc qua liếc về. Phần anh, thấy cái gì khả nghi là anh đứng lại, nhìn. Thằng bạn quá bước phả lật đật quay lại chụp cùi chỏ anh, hỏi:

"Gì vậy?"

"Tao thấy cái gì nhúc nhích trong kia."

"Kệ nó, đi về mau!"

Hấn thường to tiếng để lấp cái sợ, mà anh thì lại thấy cần phải nhìn thẳng vào sự đe dọa nào đó để biết chân tướng nó. Về tới nhà hấn mới dám nói câu này:

"Lần sau đi đường mày đừng đứng lại ngó ngó chỉ chỗ cái gì hết ghen, thấy ớn. Giả như mày thấy con ma ở đó thì sao?"

"Thì xỉu. Còn hơn là để nó cứ lờn vờn theo mình hoài."

Quả đúng như vậy, lập trường của anh đối với ma quỷ

rất dứt khoát: thà thấy rõ nó rồi xỉu ngay lập tức còn hơn để cái vô hình của nó rà theo mình riết rồi mình bỏ chạy. Cứ tưởng tượng cái cảnh bị ma đuổi, anh đã thấy lạnh xương sống. Nó sẽ chặn đầu này, chặn đầu kia. Nó chỉ giỡn vậy thôi chứ thực ra mình chạy đâu có thoát, nó có phép mà, ai cũng nói vậy. Chạy cho bán mạng rồi cuối cùng mình cũng bị nó bắt kịp, và mình xỉu. Thế thì xỉu trước cho rồi chứ chạy chi cho kéo dài nỗi kinh hoàng đó! Cũng cùng lý luận đó, anh thấy có lẽ ngán nhất là bị đuổi bởi một con ma cụt giò. Phải chi nó chạy nhanh, bắt kịp mình để mình xỉu luôn cho khỏe; đằng này, nó chạy cà nhót, té lên té xuống, làm bộ như là theo không kịp, rồi bỗng vụt một cái, đứng chình ình trước mặt, nhe răng... cười. Ôi, có lẽ Thượng đế sinh ra loài ma để cho cuộc sống thêm phần sinh thú hồi hộp đó mà. Nhưng ngài có biết đâu hình ảnh một con ma cũng làm giảm thọ nhiều người trên đời!

Cho đến lúc này, có lẽ anh cũng chẳng khác xưa là bao. Ngán thì ngán, nếu phải gặp; còn không gặp thì dĩ nhiên là chẳng có lý do gì để sợ. Có điều, bây giờ anh tin rằng nếu phải chạm trán một con ma hay quỷ yêu gì đó, ắt hẳn sẽ có một cuộc đối thoại. Anh sẽ hỏi nó: "Mày muốn gì?" nếu nó là con ma Việt Nam; và "May I help you?" nếu là con ma Mỹ. Hoặc là đọc một câu thần chú trừ ma để nó biến đi, chứ không đến nỗi gì phải xỉu. Dẫu sao, sống một mình giữa một cảnh đẹp và thanh vắng như thế này, anh cũng hài lòng lắm. Có thể nói, hơn mười năm nay, anh mới có được những ngày yên bình như trong thời gian này.

Hôm ấy là một đêm trăng mờ mờ. Anh khoác áo lạnh dạo chơi trong vườn. Trăng lẩn trong mây và những cành cây khô vươn lên giữa sương mù như hàng ngàn cánh tay gầy đang cố với bắt nó. Tuyết rơi mấy ngày trước vẫn

còn đọng trắng xóa quanh vườn khiến cho bầu trời đêm như được thấp lên bằng thứ ánh sáng huyền ảo của một thiên giới xa lạ nào. Bất chợt, anh cảm thấy quanh mình, những hàng cây khô khê lay mình trong đêm lạnh như những tiên nữ khỏa thân tắm trắng, không thoáng e thẹn vì không hay sự hiện diện của một chàng trai hạ giới đang đi những bước chậm và nhẹ trên mặt tuyết xốp. Anh đứng lặng một lúc lâu trong trạng thái mơ màng kỳ diệu đó, cơ hồ muốn lắng nghe cả tiếng cười đùa của các tiên nữ, và như thể anh e rằng chỉ động bước sẽ làm cho các tiên nữ giật mình biến mất. Nhưng trạng thái đó không kéo dài được bao lâu, anh lại trở về với thực tế rằng anh đang đứng đấy, giữa những thân cây trụi lá của một cánh rừng tịch mịch; và dưới bóng trăng mờ, bước chân anh vẫn còn ghi lại những vết tích lãng mạn trên làn tuyết mỏng. Anh thở dài và có thể nghe được nỗi tiếc nuối băng quơ vương theo tiếng thở đó. Đúng ra, anh nghĩ, tiên nữ mà trần trụi thì chắc là không đẹp. Cũng như người vậy thôi, lỏa thể thì thô quá—không còn để lại một chút gì cho óc tưởng tượng như là người Mỹ thường nói. Chẳng nên chứng kiến một cảnh tượng như vậy. Thế thì anh tiếc cái gì? Có lẽ không phải là tiếc mà là trong phút chốc, bỗng dưng thấy mình như một khách lạ, có mặt trên cõi đời này để tìm lại một cái gì đó bị đánh mất, nhưng chẳng nhớ nổi mình đã đánh mất cái gì. Bạn bè, người yêu, gia đình thân thuộc và con người, cả nhân loại này, cũng chẳng có nghĩa gì: chỉ như hàng cây khô hay tiên nữ đùa giỡn dưới trăng mà thôi.

Bỏ nước ra đi, như nhiều người khác, anh tìm tự do, hay đúng hơn, tìm một cuộc sống ổn định cho cả xác lẫn hồn, vì ở quê nhà, mọi thứ đều bấp bênh—bấp bênh từ nơi ăn chốn ở cho đến cả lời nói và ý nghĩ nữa. Anh đã không có những bữa cơm ngon ngồi quây quần với gia đình; không có những đêm ngủ an giấc ngay chính trong ngôi

nhà của mình; không có những cuộc nói chuyện cho thật thoải mái với bạn bè thân; không có đủ thời gian để nằm đọc một cuốn sách và cũng không còn sách hay để đọc kể từ khi người ta muốn tắm cho cả nước bằng một màu đỏ loét. Hơn mười năm xác bác xang bang vì miếng cơm manh áo và để được ngủ cho qua giấc từ nhà này sang nhà kia, anh thực chẳng khác gì một kẻ du thủ du thực, hay tệ hơn nữa, một con chó ghẻ lang thang. Anh cho rằng xã hội ruồng bỏ anh. Phải, một xã hội đỏ loét thì không cách chi khứng nhận một tâm hồn xanh lơ. Cái xã hội đó như ngọn lửa hung bạo đốt cháy cả rừng xanh mà anh như một con thú hiền lành phải kinh hãi lẫn tránh. Con thú vùng chạy bất kể phương hướng, miễn sao tìm được chỗ an toàn mới thôi. Đến khi thực sự thoát khỏi hiểm nguy, con thú mới hoàn hồn và rồi ngơ ngác nhìn cảnh vật chung quanh. Đất an toàn cho một con thú lánh nạn thường khi không phải là cánh rừng cũ từng nuôi lớn bao kỷ niệm. Nơi đó, nó lại bắt đầu cuộc sống mới với những bất toàn khác. Bây giờ, trước mắt con thú, cũng những lùm cây, bụi cỏ, ghềnh đá ẩm rêu, suối chảy róc rách, nhưng mới lạ quá, nào biết đằng sau chúng tàng ẩn những bất trắc gì. Để lánh nạn, con thú đã bỏ lại bầy đàn và hang ổ của nó, hay ngược lại? Không.

Anh bước vào nhà, khép cửa lại, vừa buông một tiếng "không" thật khô, cùng lúc với tiếng khóa cửa lách cách. "Không phải con thú cố tình bỏ quên bầy đàn của nó, cũng chẳng phải bầy đàn đã bỏ nó. Chỉ vì lửa mà thôi." Anh nằm dài trên xa-lông, nói chuyện với mình mà như nói với một người bạn vậy. Giữa đám đông mà nói lảm nhảm một mình e rằng người ta cho mình điên. Nhưng ở đây chỉ có anh, tha hồ nói lảm nhảm và thực là quá cần thiết để nói lảm nhảm khi anh đang sống lẻ loi như bây giờ. Anh nằm đó, đốt một điếu thuốc, nhìn khói bay, thấy hồn mình lơ lửng, trống rỗng, và cô đơn khủng khiếp...

Nỗi cô đơn này thật khó hiểu vì nó không thúc bách anh đi tìm đối tượng để chia sẻ hay đồng hóa. Nó lấp lửng và cơ hồ muốn đẩy anh vào nỗi khao khát được tan biến đi như làn khói thuốc. Nó là cơn buồn chán đến tận gốc rễ sự hiện hữu của chính mình. Cầm mãi điếu thuốc trên tay mà quên hút, anh lặng yên, lắng nghe một cách thấm thía sự tan loãng của lòng mình vào cõi không. Nhưng bên khung kiếng cửa sổ, anh bỗng nhác thấy một bóng đen động đậy. Cảm giác buồn chán vụt vắng một lúc rồi tan biến, nhường lại cho nỗi sợ và thoáng rừng lạnh liếm nhẹ trên da anh. "Gì đây? Té ra cuối cùng rồi cũng gặp ma hay sao?" Anh không vội nhìn ra cửa sổ, dụi nhẹ điếu thuốc trên gạt tàn, cố trấn tĩnh một lúc trước khi nhìn thẳng vào cái gì rờn rợn bên ngoài cửa sổ mà anh có cảm giác đang chăm chăm ngó mình. Trong khi chuẩn bị tinh thần, anh nghe rõ tiếng gõ nhẹ vào cửa kiếng. Tiếng gõ thưa, nhẹ và lịch sự của một con ma hiền không có ý quấy phá hay ác ý gì. Có lẽ nó xin ẩn tuyết, vì tuyết đang rơi nhẹ từ khi anh trở vào nhà. Anh nghe lạnh buốt cả xương sống, lạnh hơn khi lao vào cơn băng giá ngoài trời nữa. Rồi anh quay phắt lại, nhìn thẳng vào bóng đen đó: một con mèo.

Anh đứng dậy, như một quả đấm, xua đuổi nó:

"Tổ cha mày! Làm tao hết hồn."

Từ bệ cửa sổ, con mèo phóng đi mất dạng. Anh thở phào, ngồi xuống lại, hơi thắc mắc về con mèo. Nó muốn gì đây? Kiếm ăn? Trốn lạnh? Nhà nó ở đâu? Chủ nó đâu? Chắc là mèo hoang. Thôi mặc, lâu nay nó sống được thì bây giờ cũng sống được. Không thể thương nỗi một con mèo đã làm mình hoảng vía. Đâu phải anh không biết thương loài vật. Bầy nai, thỏ, sóc thường đùa giỡn trong vườn mỗi sáng không phải đã làm anh thích thú và yêu

mến vô cùng đó sao! Nhưng con mèo này thì chẳng thương nổi, nó đã làm anh sợ. Nó to lớn như mèo rừng, đen mun một cách man rợ. Nó mang cái vẻ hiểm ác, tàn bạo, đầy thú tính—hùm, cái thú tính của một con vật đủ bản lĩnh để tự sống trong rừng—mà người ta có thể yên tâm không cần phải lo lắng cho nó.

Anh về phòng lấy gối chăn, vào phòng khách ngủ. Cầm sách đọc mà anh chẳng hiểu gì. Xếp sách, nằm trần trọc mãi đến khuya. Tuyết bay phát phơ ngoài cửa kiếng khiến anh chợt hiểu rằng anh không thể yên ngủ khi bỏ một con mèo đói lạnh ngoài trời. Anh vùng dậy, xách đèn bin, mở cửa ra ngoài. Anh gọi con mèo bằng những tiếng "meo, meo" thân thuộc và tình cảm y như trước đây anh gọi con mèo nuôi trong nhà anh ở Việt Nam vậy. Chẳng mấy chốc, con mèo nghe được tiếng anh, chạy vụt đến. Không sợ hãi, nó quẩn quít bên anh, cạ mình nó vào chân anh tìm hơi ấm. Anh cúi xuống vuốt ve nó một lúc rồi đưa nó vào nhà. Mở tủ lạnh, nhìn trên nhìn dưới, anh chẳng thấy thứ gì cho nó ăn được. Chỉ toàn rau cải, bơ, pho mát và sữa tươi. Anh múc cơm vào một cái đĩa giấy, xịt chút nước tương cho nó ăn. Nó chê. Anh rót sữa tươi, nó cũng chê nốt. Anh hâm nóng sữa nó mới chịu liếm sạch. Chắc tại nó lạnh. Sau đó, ôm nó vuốt ve một hồi anh mới dọn chỗ cho nó ngủ cạnh lò sưởi.

Sáng hôm sau, chủ nhà về. Thấy con mèo, ông la inh ỏi:

"Í, cho nó vào đây làm gì! Quen rồi nó ở luôn đó. Thứ quỷ này dơ lắm, ỉa đầy nhà cho mà xem."

Anh lật đật xua con mèo đi. Nó chẳng chịu ra ngoài, cứ chạy lòng vòng trong nhà. Ông chủ xách cây đuổi nó, anh mở sẵn cửa cho nó ra rồi đóng sập lại. Chủ nhà tiếp tục càm ràm:

“Nuôi đồ quỷ đó mất công dọn dẹp. Nó phá lắm.”

Lúc đó anh mới giật mình nhớ lại rằng mèo mà phóng uế thì phải biết, thối đến long óc đi được. May mà đêm qua nó chẳng làm gì bậy bạ. Tuy vậy, anh cũng thấy tội nghiệp cho nó. Chủ nhà đi rồi, anh lại ra ngoài tìm con mèo, kêu mãi chẳng thấy đâu. Anh vào ga-ra dọn một góc đầy đủ chăn êm nệm ấm cho nó.

Đến chiều, con mèo trở lại. Anh không cho nó vào nhà mà tiếp nó ngoài trời, vuốt ve, nói chuyện với nó. Xong, anh đưa nó đến ga-ra chỉ cho nó biết nơi ăn chốn ở của nó. Anh lại lấy một đĩa cơm trộn chút bơ, chan chút nước tương cho nó. Lần này, nó cũng chẳng chịu ăn. Anh chẳng biết làm gì hơn. Anh ăn sao thì cho nó ăn vậy nhưng con mèo này đòi hỏi quá. Có lẽ nó ăn thịt thà quen rồi. Mèo chó của Mỹ thường có thức ăn riêng của chúng, đóng hộp, vô bao bì, vô bao bì, vô bao bì, cho nên nó chê đồ ăn của anh là phải. Anh cứ đặt đĩa cơm cạnh chỗ nó nằm rồi đi vào nhà. Con mèo ngoan ngoãn không đi theo anh, có lẽ nó đã biết ý chủ nhà và biết rõ hơn là anh chẳng có thẩm quyền đem nó vào trong.

Sáng hôm sau ra thăm nó, thấy cái đĩa không, anh khoái quá. Và cứ thế, anh cho nó ăn cơm và uống sữa tươi mỗi ngày. Nhìn nó ăn ngon, anh gõ gõ trên đầu nó, nói:

"Vậy cũng là sang lắm rồi nghe mày. Mày mà ở Việt Nam thì chỉ được ăn khoai mì thôi, mà cũng chưa chắc là có đều đặn mỗi ngày nữa. Ở Việt Nam tao không được ăn cơm trắng như vậy đâu, mày có biết không!"

Con mèo ngó anh, ra vẻ thông cảm lắm. Ăn xong, nó liếm mép rồi dúi đầu vào lòng anh. Họ đã là đôi bạn thân suốt tuần lễ đó.

Nhưng tuần sau, chủ nhà lại về. Chạy xe vào ga-ra, thấy một đồng nào quần áo cũ, nào thảm lót dơ và chình ình trên đó một con mèo đen, ông hét:

"Trời, lại con mèo này nữa!"

Ông chưa kịp tìm cây gậy, con mèo đã phóng chạy. Nó thật nhạy cảm, biết ngay là ai chẳng ưa mình. Ông chủ nhà đuổi theo nó đến tận hàng rào sau vườn. Ông chịu khó làm vậy để con mèo mang ấn tượng kinh khiếp là sẽ bị đánh đập hoặc có thể bị giết để nó không còn dám bén mảng trong sân nhà ông nữa. Anh chẳng biết nói sao, đành chịu lỗi với chủ nhà thôi.

Đến trưa, đang ngồi trò chuyện với chủ nhà ở mé hiên, anh thấy con mèo quay lại. Ông chủ nhà cũng nhìn thấy nó. Hai cục mỡ gần mép tai ông giật giật lên như thể muốn báo động là ông sắp sửa tấn công con mèo nào. Trong lúc đó, con mèo thông thả bước vào ga-ra. Nó chẳng biết là chiếc giường êm ấm của nó do anh bày biện cũng đã bị chính anh dọn sạch đi rồi. Để ông chủ yên tâm là anh sẽ không chấp chứa con mèo khi vắng ông nữa, anh đứng dậy đuổi nó đi. Anh thầm nghĩ trong bụng: "Tao phải đuổi mày. Vì nếu tao không đuổi mày thì có người đuổi tao, mày có biết không?" Con mèo ngơ ngác ngó anh, không chạy mà còn có vẻ như muốn đến gần anh, quẩn quít bên anh như mọi hôm. Anh tiếp tục quơ tay xua đuổi nó. Nó đứng yên, nhìn anh, không chạy. Có lẽ nó không tưởng tượng nổi một người bạn thân như anh lại có thể xua đuổi nó. Anh phải vờ tháo giấy ném nó mới chịu lững thững chạy. Nó không chạy hốt hoảng bạt vía như khi bị ông chủ nhà rượt mà chỉ chạy một cách lững khờ như đang còn tiếc rẻ nơi ăn ở của nó, hay đang còn thắc mắc về thái độ bạc bẽo của anh. Chốc chốc nó quay lại nhìn, đôi mắt buồn thảm. Anh đứng đối

theo bóng nó mất hút sau lùm cây mà cảm nghe như chính mình đã xua đuổi mình vậy.

Ông chủ đi rồi, anh lại tìm nó, gọi nó, chẳng thấy đâu. Anh thương đôi mắt nó quá. Một con thú hoang mà cũng biết ứa lệ sao! Chút tiền trong túi, anh lái xe ra phố mua cho con mèo vài hộp thịt. Rồi anh lại tìm nó, kêu nó, không thấy nó trở lại. Một ngày, hai ngày, ba ngày, rồi một tuần, rồi một tháng, con mèo đi biệt. Cánh rừng trở nên hoang dã hơn khi vắng bóng một con mèo.

Đêm ấy, ngoài trời, lại một đêm trăng mờ và cũng một vườn tuyết trắng xóa. Anh có thể nhìn những hàng cây khô như bao ước vọng đâm chồi từ vực đáy lòng mình, vươn lên giữa khoảng trời nặng trĩu hơi sương. Và anh thêm được ngắm những tiên nữ trần trụi tắm trăng, thêm được ma quỷ quấy phá, thêm được một con mèo quẩn quít nơi chân.

Xa quê hương, ăn ngủ nhờ, không bạn bè, không người yêu, không người thân thuộc, đứng một mình hiu hắt giữa rừng đêm, anh chẳng phải là một kẻ đi hoang, lạc bầy đó sao! Bất giác, anh buông một tiếng hú dài, lạnh lạnh, vang cả góc rừng.

Tiếng hú không nhằm kêu gọi ai, chỉ như hình gọi bóng, như mình gọi mình, đầy thú tính, man rợ. Tiếng kêu của một con thú đủ bản lãnh để tự sống giữa rừng hoang □

Thái Tú Hạp

Lời buồn treo cao

cho đêm bùng đóa mặt trời
cho thân thể mẹ qua rồi đón đau
cho em tiếng hát ngọt ngào
cho vùng suy tưởng chở vào giấc thương
cho chim hoa bướm mùa xuân
cho lời kinh kệ tan cơn oán thù
cho tàn binh lửa đôi bờ
cho cảnh dương nước cam lồ vô biên
cho tiêu tan chuyuyện ưu phiền
cho quê hương đẹp trăm miền tỉnh khô
cho em thôi giọng ngậm ngùi
cho sông biển ngọt tuổi đời xanh yêu
cho mây hôn ánh mắt chiều
cho cơn khói quện mái nghèo thiết tha
cho âu yếm chốn ruột rà
cho ngàn năm đón thực thà vào tim
cho phai hờn giận triền miên
cho tha thứ hết lỗi lầm trong anh
cho vui thắm mộng đồ dành
cho nghìn oan ức tan tành theo chuông

(trích GTQM số 7 và 8 ngày 1 tháng 2 năm 1966)

Trần Hoài Thư

Đêm rừng tràm

Thường thường buổi trưa ông vẫn từ hăng lái xe ra giòng kinh để ăn trưa. Ông thích được ngồi bên bờ, dưới tàn cây rậm rạp đầy bóng mát, vừa ăn thông thả vừa nhìn mây nước. Ông muốn quên một buổi sáng đầy căng thẳng với những email gửi về từ khắp nước Mỹ, và cả bốn lục địa, những cú điện thoại, những than phiền hay yêu cầu của khách hàng. Ông muốn quên những hệ lụy áo cơm buồn năn. Nơi đất người, ông phải tranh đấu để sống còn, nhưng đôi khi ông muốn phó mặc. Sáu mươi tuổi rồi. Chưa đủ để mà dừng lại hay sao. Chưa dừng được. Đập nước chắn ngang giòng, âm âm thác đổ. Sức mạnh của thác lũ như sức mạnh của xứ sở này. Không thể buông xuôi thả xuống theo giòng. Trái lại phải tranh đấu để tự tồn.

Trưa nay ông cũng lái xe trở lại giòng kinh cũ. Chùm bông dâm bụt đã nở rộ những cánh bông màu tím nhạt. Giữa giòng, con vịt mẹ đang dẫn đàn vịt con lông vàng mướt. Vài người câu cá đang ngồi dưới gốc cây sồi cao lớn. Họ mang bên mình tấm giấy phép "fishing license" được quyền câu cá nước ngọt khắp tiểu bang. Vài người đang đi bộ. Ông bỏ bị đồ ăn lên chiếc bàn gỗ, thông thả ung dung. Ông muốn tận hưởng một buổi trưa quá đổi êm đềm. Trên đầu ông chim chóc vang lừng. Mặt nước thì phẳng lặng không một gợn sóng. Bên cạnh, hòn đá nhỏ có gắn tấm bảng đồng cho biết về lịch sử con kinh đào. Kinh dài 78 dặm, bề rộng 30 feet. Khởi công từ thế kỷ 18, do những người di dân Ái Nhĩ Lan đầu tiên đào bằng tay. Mục đích chính của con kinh này là giúp cho việc chuyển vận than từ Pennsylvania về Nữ ước được dễ dàng và mau chóng hơn. Kinh ngưng hoạt động từ đầu

thế kỷ 20 sau khi xe lửa được phát minh và sau khi hệ thống đường sắt bắt dọc theo dòng kinh được hoàn thành. Kể từ ngày ấy, con kinh trở thành một di sản của quốc gia.

Tấm bản đồng đã cũ, cùng những luật lệ nghiêm ngặt về xả rác, về việc câu cá, ngay cả những thanh sắt, những bánh sắt răng cưa ở chỗ đập vẫn giữ nguyên gốc, đủ chứng tỏ xứ sở này vẫn luôn luôn coi trọng những công trình của tổ tiên họ. Rõ ràng, người ta nhìn về tương lai, nhưng quá khứ người ta vẫn không chối bỏ. Nó đã trở thành một truyền thống để dân tộc này tự hào. Không phải là truyền thống chỉ có máu và máu, chỉ có người Việt giết người Việt, cắt cổ móc tim người Việt, xem người cùng giống nòi như kẻ nô lệ. Truyền thống ấy là mồ hôi, nhưng kèm theo nụ cười. Người đào kinh được trả tiền công, không phải là trâu bò. Còn ở xứ ông, không có tấm bảng đồng nào được dựng lên ở đấy thời thì ông đành tự dựng lên vậy. Ông nhớ lại...

oOo

Ngày đầu tiên đến với rừng tràm, hơn 500 người phải ngủ ngời ngời đứng trên một bãi hoang đầy cỏ sậy. Bởi họ phải di chuyển bộ ít nhất 5 cây số và đến địa điểm thì mặt trời cũng sắp lặn. Không ai có thì giờ để tìm một chỗ che sương. Dưới chân là bùn sinh. Bao bọc tứ phía là vắt và muỗi. Và trên đầu là sao. Ông kéo hai tay áo xuống. Ông rúm co người để chống cự cái lạnh. Phải đâu có nghĩa gì. Đời ông đã nếm quá nhiều những cảnh như thế này. Ông đã từng qua cả đêm giữa các gò mả. Ông cũng đã từng ngủ đứng dưới con rạch trong những đêm xa xưa. Ông cũng đã từng đội sương nằm đất trong thời luân lạc giang hồ. Còn chuyện này là chuyện lẻ tẻ.

Ngày đầu tiên đến với rừng tràm, ông mới hiểu hơn về thân phận của những người lưu dân xa xưa. Vùng đất này chắc có lần in dấu những người bất hạnh, bị đày đoạ trong thời chúa Nguyễn. Từ những làng xóm xa với cố quốc dưới rừng Trường Sơn hay bên bờ biển miền Trung ấy, người xưa đã bị buộc xa quê nhà, để đến một nơi trời đất lạ lẫm, thiên nhiên hung bạo. Nhưng ngày xưa kiếp đời của những người lưu dân chắc phải khá hơn, có lẽ. Bởi họ là chủ. Họ dùng khối óc và sức lực để chế ngự thiên nhiên. Họ có xuống, có dao, có búa, có cả chó săn, có cả rượu cho ấm lòng bầu bạn cùng khổ. Họ khai khẩn đất không phải cho ai mà cho họ. Dù thiên nhiên và đất đai hung hiểm nhưng ít ra họ làm chủ được đời mình. Còn bây giờ, thì khác. Những người đến đây bị dí súng vào lưng, bị xem là những con vật, để thay trâu bò. Họ được thả vào đầm sậy, không dao, không búa, không xuống, không mái lá che mưa che nắng.

Đêm đầu tiên ông cứ chôn đôi chân như thế mà ngủ đứng. Dưới chân là địa. Và bên tai là muỗi. Và lạnh rét. Và tiếng ếch nhái dạ trùng, tiếng chim đêm, tiếng ho sù sù. Ông đã từng trải qua những cửa địa ngục. Từ địa ngục của chiến tranh và bây giờ lại thêm một địa ngục môn khác nữa. Kiếp phận con người Việt Nam là thế chẳng. Nói hoài thì cũng đau con tim. Kể ngoài thì cũng nhàm cửa miệng. Nỗi chịu đựng đã đến độ chai lì. Những vì sao đêm như mờ nhạt, khác với những đêm ở miền núi, tinh tú ở đấy như sáng hơn và gần hơn với đất. Rừng núi Trường Sơn làm con người trở nên bé nhỏ, cô cút. Tầm nhìn chỉ thấy những đỉnh cao vây phủ, ít thấy mặt trời vì rừng quá dày đặc thâm u. Nhưng ở nơi đây, con người phải kết chặt với đất đai. Bởi đôi chân con người phải lún ngập trong đất, trong sinh. Trên Trường Sơn, những con suối hiểm ác, trong vắt, lạnh như nước đá, quanh năm suốt tháng, bị che rợp bởi bóng mát, nặng nề âm khí, nhưng nơi này, nước ngọt lịm mang theo mùi

đất phù sa, hay chua ngắt của mùi phèn... Còn nữa. Cá tôm rau cỏ dư dật... Bởi vậy người xưa không hề bận tâm đến cơm áo, sắm chiếc xuồng trôi dạt theo sông, theo kinh, đến nơi nào cũng có bầu bạn, có rượu thay lời, có vọng cổ xềnh xang, có những cuộc tình mộc mạc...

Khi ông đến với rừng, mùa nước lớn. Chỉ có một con kinh từ chợ Tròn chảy vào rừng. Nhờ kinh này mà đám tù có thể bè những bè trầm từ rừng về trại. Nước lên gần bờ kinh, lai láng cả đầm lầy, nhìn hiu hắt chỉ thấy hàng lau bông trắng nổi lên khỏi mặt nước. Buổi sáng sớm kiểng tù khua đục dả, ông chụp chiếc áo tơi dầu, chuẩn bị dao búa hay lưỡi liềm, đôi chân trần, rồi lãnh phần cơm cho một ngày. Mùa nước lớn, buổi sáng nước chảy ra sông Hà Tiên, buổi chiều nước chảy ngược vào rừng. Hai bờ kinh là những doanh trại của một trung đoàn miền Bắc, gồm những mái nhà lá, mà mỗi ngày bọn ông đến để tiếp tục đắp nền, dựng vách... Mưa che mờ con kinh, đường dề trơn trượt, bụi lau, bụi sậy là ổ của vắt. Khi nghe hơi người, trăm ngàn con vắt như con sâu nhỏ, thi nhau bắn vào. Nghe hơi ngựa ngáy, vội gãi. Mới chợt nhận ra vắt đã bấu vào da thịt, nách, ngực, có khi ở hạ bộ mình.

Thời gian đầu tổ của ông có nhiệm vụ vào rừng đốn trầm, hay cắt tranh trong khi những tổ khác thì đào đất đắp nền nhà. Riêng về tranh, phải đúng chỉ tiêu. Tranh phải dài khoảng hai thước. Bó phải hai vòng tay ôm. Còn trầm thì phải thẳng. Bao nhiêu trầm cột, trầm kéo, trầm con đều có chỉ thị. Những người già thì được tổ phân công ở nhà lột vỏ trầm. Dao búa lưỡi hái thì nhận từ nhà rèn, cũng do bọn tù tự tay chế tạo. Ông gầy, vậy mà cũng theo những bọn tù khác, mạnh khỏe, dẻo dai. Ông khổ nhưng không buồn. Cái nghiệp chung mà. Ông không nhờ ai giúp. Ông có tâm hồn thì sĩ nên ông tìm

niềm vui qua thiên nhiên. Rừng tràn vào mùa bông nở, hương thơm ngất ngây cả một trời. Tại bìa rừng, ông có thể thấy cả một màu trắng điểm màu tím, màu hồng nhạt nở ngập trên trăm mẹ trăm con. Trăm cũng có mẹ có con, nương nhau giữa cõi người hung hiểm, để chờ một ngày con người tìm đến chặt đốn và phân loại. Rừng từ sáng đến chiều chỉ nghe tiếng đốn cây, vang vọng từ bốn phía. Những thân trăm thẳng băng hùng dũng, bên cạnh là những gốc trăm con yếu đuối, gốc tận dưới sinh, mà vẫn sống vững. Lá trăm mùi cay cay, cắn vào còn tê tê đầu lưỡi... Như vậy mà nhà tan cửa nát chiến trường đao búa thì nhau chặt đốn...Cho cây rừng còn xanh lá. Tiếng gọi thất thanh của một linh mục nào ngày xưa về thuốc độc khai quang. Mong một ngày tác giả về đây để thấy hoà bình rồi, không thuốc độc khai quang, mà tại sao cây rừng vẫn không còn xanh lá.

Còn nữa. Còn những chùm bông súng hoang dại, có bông đỏ thắm như màu môi son, có bông màu trắng màu da con gái trong phần kín mặt trời. Hay những chùm bông ô môi hay điên điển hoang dại mọc bên bờ kinh. Nhất là vào lúc hoàng hôn, mặt trời đỏ ối ở phía biên giới, và ông trở về ngược chiều ra hướng biển. Càng lúc ông càng nhận ra nỗi buồn bã bởi sự quạnh vắng của rừng trăm. Từ một rừng lau mênh mông, màu trắng như màu tóc của người mẹ già đến chút rắng đỏ như hắt lên vệt rực rỡ cuối cùng trước khi chìm vào trong bóng tối, cùng một đàn chim rủ nhau bay về núi càng lúc càng mất dần... Phải cảm tạ thiên nhiên trời đất đã cho những bông hoa để mà nương nhờ trong giòng lênh đênh tù tội này.

oOo

Ngày đầu tiên trong rừng trăm, những nhát chém đầu tiên vào gốc cây trăm, và những thân trăm bị đốn gục, không thương xót. Tỉa lá, tỉa cành, một khoảng màu xanh

lại biến mất, và gã tiểu phu bắt đất dĩ, lội trong biển nước, hì hục khuân, chuyển, bó từng bó tràm bằng dây choạy màu hỏa hoàng bóng rợn. Ngày đầu tiên, trả nợ núi sông, tổ tiên, lãnh tụ, quốc hội, đại tướng trả nợ kiếp người Việt Nam nhục nhằn, ta bắt đầu còm lưng chuyển tràm ra kinh làm con trâu con bò con ngựa. Ngày đầu tiên, không quen việc, lại đói, nên vừa đốn vừa nghỉ vừa thở hồng hộc. Đến một lúc tay run không cất búa lên nổi. Và buổi chiều trở về, bè tràm ngổ nghịch hết tấp vào bờ hết quay đầu muốn trở lại rừng. Nợ trả đến bao giờ mới dứt. Kinh thì có lúc sâu lúc cạn, làm ông có khi hụt hẫng, hai tay bơi, hai chân đạp, có khi nhón bước mà đi như bênh bồng...Đói, lạnh, mắt muốn hoa, mà đường về quê xa lắc lê thê, thấy gốc xoài mà cứ đi hoài không tới. Rồi nhào lên bờ, mà thở hổn hển. Má ơi, em ơi, con ơi, nhớ nước đau lòng con quốc quốc... Chưa bao giờ ông cảm thấy đói như vậy. Ông nhai hết bông súng này đến bông súng khác cũng đói. Ông cứ tự bảo lòng, gắng lên, chỉ chừng năm trăm thước nữa, là mình sẽ về lại trại, sẽ đi nhận phần cơm chiều. Gắng lên, gắng mà bước tới, một thước hay một thước. Nhưng bao tử lại không chịu vậy. Nó thúc hối ông. Nó làm mất ông hoa, cả người run rẩy. Nó khiến nước bọt trào ra khỏi miệng, và hai chân thì không thể cất bước. Nếu cho ông chọn giữa cái đói và cái chết, chắc ông sẽ chọn cái chết. Giữa lúc ấy, rõ ràng, ông thấy. Trời ơi, ông thấy. Ông thấy thau cơm. Thau cơm của chó. Nó nằm dưới hiên một trại lính Bắc. Nó nằm đấy, như ân điển đã ban xuống đời ông. Thau nhôm móp méo, đám ruồi bu đầy. Nó là quà tặng siêu phàm. Nó xuất hiện như nổi cứu rỗi, sau những lần thử thách. Ông vồ chụp từng bùm cơm nhão nhẹt mà nhai ngấu nghiến. Người ông run lên, vì quá đói hay vì quá đã. Ông chẳng cần bận tâm gì đến vị chua lè lợm mửa. Hay cái thau đầy bùn. Bây giờ nghĩ lại ông còn thua cả một con vật.

Trong tất cả công việc trong trại dành cho người tù, chỉ có câu cá là một công việc gian khổ, và nguy hiểm nhất. Việc nộp cá cho trại mỗi ngày một ký thì dễ dàng bởi cá trong rừng quá sức dư dật. Nhưng phải vào tận những khu hốc hiểm, ít người lai vãng, có đầm sậy âm u, đầy đĩa rắn, và nhất là phải bị tấn công bởi một thứ độc địa khác: phèn. Phèn như acid. Chỉ một ngày quần có thể mục và rả ra. Và mụn thì lở loét. Lông chân thì rụng. Bởi vậy ít ai chịu tình nguyện. Chỉ có ông. Ông tình nguyện. Ít ra, ông được tự do.

Phải. Cái tự do buồn bã. Cái tự do của một người ẩn sĩ xa lánh những hệ lụy của cuộc đời dù trong một khoảng thời gian tạm bợ. Ông có thể la gào chửi bới mà không sợ ai. Ông có thể trần truồng, ngồi trên nhành cây mà đại tiện, tiểu tiện. Ông có thể hát nhạc vàng nhạc xanh nhạc tím. Ông có thể kêu em ơi, con ơi, cha ơi, mẹ ơi...Nơi đây loài người không thấy mặt, chỉ có những thân tràm vươn lên trên biển nước đen ngòm làm bầu bạn. Ông là một con thú cũng nên. Con thú đang xa lánh đồng loại, sợ hãi đồng loại. Thỉnh thoảng ông nghe tiếng búa đồn củi vọng về. Không biết ai đồn, bạn hay là một kẻ tiểu phu. Tội tình cho rừng. Những thân cây tràm đứng mảnh vươn lên từ sinh, từ nước, để tạo nên những thân thẳng bằng rắn chắc, trơ bền cùng thời gian, và mưa gió, rồi có ngày cũng bị đồn sạch. Cả những cây tràm con mong manh, chưa đủ lá xanh cũng chịu cùng số phận. Người ta định chỉ tiêu bằng mè, rui, đòn tay. Bao nhiêu tràm đòn tay, bao nhiêu tràm mè. Người ta không cần biết thế nào là màu xanh. Nhạc vàng, nhạc xanh còn bị cấm hướng hồ là màu xanh của rừng. Luật của người thắng trận. Có buồn thì chỉ ngậm ngùi một giây rồi phải

trèo xuống nước, để làm bốn phận của một tên tù câu cá. Ông đã ôm lấy nổi hiu quạnh của riêng mình, như một nhà ẩn sĩ không hơn không kém.

Mỗi ngày vào lại rừng trầm. Rừng bây giờ không còn hung hiểm hay tai họa nữa, mà trái lại nó trở thành mái nhà của ông. Những lối nước quanh co, chằng chịt, những gốc trầm bị đốn chắn ngang như bãi chiến trường buồn bã, dẫn ông càng lợi vào sâu hơn. Trên mình ông treo lon cơm và bó cần câu bằng sậy. Mỗi ngày ta đi làm lao nhục, hay mỗi ngày ta đi tìm niềm vui cùng thiên nhiên. Bể càng sâu hơn, rừng càng tỏa hương trầm thơm ngát. Những chùm bông súng nổi lên giữa một đầm đầy lá súng xanh mướt. Chắc nơi này chưa ai đặt chân vì lá súng phủ ngập. Và nơi kia là một bãi lau, trắng mướt. Hay nơi nọ là một chiếc đầm mà cỏ đã phủ đầy, không nhận kỷ thì cứ ngỡ là mặt đất bình bằng. Mỗi ngày ông phải tính toán phân tích từng địa điểm trước khi bắt đầu vạch lối thả cần. Hồ dù cá nhiều, nhưng nước sâu, lại nữa, cá cũng như người ưa hưởng thụ, ngại gian khổ. Khi mặt trời lên thì ánh nắng cũng làm nước nóng theo. Cá phải tìm chỗ để chịu hơn để lánh nóng. Còn đầm sinh thì phải xa lánh, có ngày ham con cá lóc có râu, nặng cả ký lô, mà bị chết oan chết nghiệt vì sinh ngập đầu ngập cổ không ai biết mà cứu. Chỉ có đám lau sậy. Thường ở đó, trầm thừa thớt, nhưng cây nào cây nấy lớn như cổ thụ. Nước dù lên mắc cá, hay hai tắc, nhưng nó là nơi lý tưởng cho lũ cá lớn như lóc, trê... Có điều là vất vả rần lục và ong. Nhưng ông không còn cách gì khác. Chỉ tiêu mỗi ngày một ký lô. Những con cá ngon nhất thì dành riêng cho cán bộ quản giáo. Còn lại cho cả trại.

Trước hết, ông phải dọn lối để thả cần. Ông bây giờ như tên lính tiền sát viên, không cần biết những gì phía trước, cứ lợi bừa. Vừa đi vừa dọn sậy, dọn lau, bẻ nhánh. Mặc

đĩa trâu dưới chân, vắt xung quanh, hay những đàn ong hung tợn. Phải cảm ơn những năm làm lính rừng, giúp ông quen với những tai ách thường trực. Và mỗi một hay hai thước ông móc mỗi rồi dọn chỗ trống, đoạn thả cần xuống. Cần là một ống sậy khoảng hai tấc, cột dây nhợ hay gân với lưỡi câu từ ban chỉ huy trại phân phát. Ông chui rúc nhiều khi phải vùng vẫy để thoát khỏi đám sậy lẫn gai chằng chịt. Da thịt ông bị trầy xước. Mặc. Hiểm nguy đe dọa. Mặc. Thiên hạ sợ. Mặc. Bởi vì ông đã tìm ra niềm vui.

...Ông vạch lối làm thành một vòng tròn, đánh dấu chỗ đặt cần cẩn thận. Ông dọn bãi thành một khoảng trống đủ chỗ bỏ ống sậy. Đôi lúc ông chạm phải những con rất lục. Ông và rắn nhìn nhau kinh ngạc (có lẽ). Có khi ông đụng phải những bộ xương hay đầu lâu người và thấy trên sậy vướng những mảnh áo. Có lần ông thấy xác một chiếc trực thăng. Hôm ấy ông chọn lòng con tàu làm chỗ nghỉ chân. Ông ngồi lại đúng cái vị trí mà ngày xưa ông đã từng ngồi. Tức là ở giữa sàn tàu. Tự nhiên tim ông muốn đau. Trong bầu không khí tịch lặng của rừng tràm, mênh mông những bãi lau bãi sậy, và biển nước đen ngòm, thỉnh thoảng những tiếng chim rời rạc nổi lên, hình ảnh xác con tàu như kỷ vật ngậm ngùi. Không biết người phi công sống hay chết. Ngoài người phi công còn có ai nữa không. Có lẽ nay mai xác con tàu này sẽ phải biến mất, khi người ta khám phá ra nó cũng nên. Vỏ tàu bằng nhôm là món hàng vô giá trong thời buổi này, có phải vậy không?

Ông rời khoang tàu. Chỗ này mỗi lần nhảy, ta vẫn hay ngồi. Hai bên là những người lính trung đội. Trực thăng bay đến chóng mặt, dưới đất là xóm nhà rồi đến động cát, rồi đồi... Cảm ơn chiến tranh cho ta những cơ hội được đi trực thăng, xe tăng, tàu chiến không tiền để được nhìn rõ quê hương mình hơn. Có phải vậy không ?

Cuối cùng, sau khi tắt cả cần được thả xong, ông tìm đến một cây trầm lớn, trèo lên cành, và ngồi vắt vẻo chờ đợi. Ông dựa vào cành cây, mắt khẽ nhắm lại. Ông như một người ẩn sĩ tìm ra niềm vui qua thiên nhiên trời đất. Dưới chân ông là biển nước vàng đục. Bên tai ông gió ru rì rào và nhiều khi thổi đến mát lạnh. Ông lại nghe cả tiếng cá vẩy dưới kia, chắc chú cá nào đã mắc mồi. Thỉnh thoảng một trận gió thổi qua, là cả một rừng lau trắng rạp xuống. Mắt ông lại mờ đi. Ông cảm tạ thiên nhiên. Ông cảm tạ Trời đất. Ông cảm tạ rừng trầm quá đỗi dư dật và bao dung. Ông cảm tạ tiếng reo của gió như rì rào trên những ngọn lá trầm, và về êm đềm quá đỗi khiến ông muốn đắm chìm trong giấc mơ. Chắc gì những kẻ quyền uy thế lực có cơ hội như ông bây giờ. Họ phải lo nghĩ, nhiều khi ăn không ngon hay ngủ không yên... Họ làm sao nghe được trong trời đất tiếng gọi của rừng trầm, thấy những nụ bông súng mới hé nở hay là những chiếc bông đã nở rộ, nổi lên giữa đầm hồ... Họ làm sao được thưởng thức con cá lóc mà ông nướng trui bằng vỏ trầm khô. Khi độ nóng vừa đủ, da cá bị bốc, chỉ còn thịt trắng nõn bùi và thơm béo. Trời ơi cá nướng vỏ trầm mà chấm với muối thì ngon tuyệt. Khi thì cá lóc, khi thì cá trê, khi thì rấn nước. Ăn xong ông tự thưởng cho mình bằng một điếu thuốc rê hay thuốc Lào. Có khi ông hái lá nhả lỏng hay hà thủ ô làm trà. Ông không nghĩ ngợi đến thân phận hiện hữu nữa. Bây giờ ông có người khác lo lắng mất ăn mất ngủ vì ông.

Có phải vậy không?

Sau đó, ông ước độ thời gian để thăm chừng. Ông vạch cỏ, rẽ sậy, lau. Nhiều khi cá lòi đến hai ba thước mà ông rất tiếc lưỡi câu nên phải rán tìm cho được. Có con tham lam nuốt cả lưỡi thép vào tận sâu trong bụng, và ông phải cố lăm mới lòi được lưỡi câu ra khỏi miệng cá.

Phần lớn là cá lóc, cá trê, thỉnh thoảng có răn, hay cá rô mè. Những con cá rô mè vẩy cứng vàng bóng, cổ sức vùng vẩy... Những con cá trê mình mẩy trơn tru, dễ bị tuột hai con mắt lồi ra đến ghê khiếp. Nó mà chích thì chỉ trong tích tắc da thịt sưng vù, nhức nhối vô cùng tận... Ông có thể nghe tiếng nghiêng của chúng như rên rỉ vì đau đớn khi bị mắc mỗi. Đôi khi ông cảm thấy mình bất nhẫn. Chúng vẫn muốn sống, muốn được ẩn dưới đáy nước, trong bóng mát của rừng sậy hoang vu, như ông muốn sống.

Thỉnh thoảng ông nghe những tiếng bìm bịp hay vẹt trời kêu. Tiếng chim kêu buồn bã khi chiều xuống hay khi con nước bắt đầu dâng. Tiếng chim kêu giữa lúc hoàng hôn đỏ ối lai láng cả giòng kinh, và những hàng lau lách mờ nhạt. *Chiều chiều chim vẹt kêu chiều. Thương cha nhớ mẹ chín chiều ruột đau...* Những lời ca dao phát xuất từ tận lòng người, lòng trời đất, gần gũi quá chừng. Còn hơn là những sáo ngữ hay những câu đầy điển tích. *Bìm bịp kêu nước lớn anh ơi. Buôn bán không lời chèo chống mỗi mê...* Có ở trong cuộc mới hiểu được sự tình. Làm sao mà thấm thía được khi đọc hai câu mà ông đã học từ thời trung học của Bà Huyện Thanh Quan. *Nhớ nước đau lòng con quốc quốc. Thương nhà mỏi miệng cái gia gia...* Tiếng gọi của con chim quốc từ bên trời Tàu, lấy từ một điển tích Tàu, có phải ? Hồn Thực Đế ở Tàu mắc mớ gì mang vào văn chương Việt Nam trong khi nỗi buồn đến nghẹn khi thấy đàn chim đang inh ỏi gọi đàn về núi mà mình có cha có mẹ mà như không có... May mà người dân thấp hèn vẫn còn gìn giữ, để lưu truyền từ đời này sang đời khác. Để trở thành những vần ca dao vô danh mà giá trị gấp trăm lần giá trị văn chương quan cách.

Chiều chiều chim vẹt kêu chiều. Khi mà bóng chiều sậm xuống rừng tràm, khi mà rừng lau sậy phía xa trở nên

sậm đen, khi mà nước đã bắt đầu thấm vải lạnh tê da thịt, thì bỗng nhiên, trên nền trời, còn vương rắng đỏ, một đàn chim vịt bay ngang, in cánh giữa một mặt trời đỏ ối, và tiếng chim tiếp tục vang lên inh ỏi như nổi vui sắp trở lại cùng núi cùng rừng, thì lòng người không đứng lại bồi hồi xao xuyến. Đúng là cảnh sinh lòng. Vật mà người cảm. Còn con quốc nào, con ngựa hồ nào, tiếng kêu của nó hay tiếng hí của nó ra sao, ai hình dung ra được. Nếu có chăng, là chỉ có con người, một con người Việt Nam, sinh và lớn lên trong chiến tranh đang la gào thống thiết. Tôi rống cùng rừng, tôi là con khỉ cuối cùng của chủng loại.

oOo

Những ngày trong rừng tràm. Quanh đi quẩn lại những việc làm như lợp nhà, cất tranh, đốn củi, đắp nền nhà, hay đào kinh... Miền Tây vẫn yên tĩnh. Một năm chờ, hai năm chờ, rồi ba năm... Riết rồi cũng quen. Quen từng thước đường mà bọn ông đã đào đã đắp. Quen từng buổi sáng cả bọn xẽng trên vai, chân trần, quần vải bao cát, áo vá trăm mảnh mấp mờ trên đường đê. Quen từng buổi chiều trở về vẫn con đường mấp mờ hình bóng như thể ma trôi. Ông lặng lẽ trong tập thể. Ông không muốn ai kiểm thảo ông và ông cũng chẳng muốn kiểm thảo ai. Ông đã trải qua những cuộc biển dâu và đã hiểu thật cay đắng bằng những kinh nghiệm của chính ông. Xin đừng bỏ vào tai ông những nợ nần non sông, bốn phận, trách nhiệm nữa. Bây giờ chỉ mong làm sao được chén cơm cho đầy, dù ăn với muối cũng được. Bây giờ chỉ mong trở thành một kẻ sống sót.

Ông vẫn sợ nhất là việc đào kinh. Trại đã cho chỉ tiêu, mỗi tổ phải đào đắp bao nhiêu khối đất. Xong sớm là

ngủ sớm. Chính vì muốn ngủ sớm nên các bạn ông đã ra công đào, xăn, chuyển với tốc độ khủng khiếp khiến ông phải theo họ đến ngất ngư. Ông ốm nhất trong bọn. Người xăn thường là Hộ, lực lưỡng, với những lát xăn ngọt xớt. Từng khối đất như cây nước đá được chuyển từ dưới hầm lên bờ. Ông không thể nghỉ một giây. Chưa kịp khối đất này được chuyển, khối đất khác lại tiếp đến như thể không thương xót, tàn nhẫn. Ông thở hồng hộc. Hai tay muốn rụng rời. Đôi chân ông lún sâu trong bùn... Nhưng ông không bỏ cuộc. Ông vẫn ngẩng đầu ngẩng cổ.

Càng ở với rừng tràm, càng hiểu về sự thật của rừng tràm. Không phải đất đai phù sa màu mỡ, không phải lúa tốt cao quá đầu người, hể thả hạt giống xuống là lúa xanh um, dư dật. Trái lại trong lòng đất âm ỉ tai họa. Phèn. Phèn cùng khắp. Phèn khiến nước trở thành màu xanh dương, chua ngắt. Đó là lúc phèn chưa rút. Sau khi phèn rút, thì nước trở nên vàng đục, đóng những lớp váng như dầu loang. Nước muốn dùng người ta phải ngâm hay lọc một thời gian để phèn lắng xuống đáy. Phèn làm đám lúa xanh mơn mớn chỉ một đêm thì nhau héo úa. Phèn làm cả ruộng mạ mà tù binh ra công trồng, cũng bị vạ lây... Phèn làm vàng ố, mục áo mục quần, rụng lông chân. Những Kinh Một, Kinh Hai, Kinh Ba hay Kinh Tám Ngàn cũng không đủ để rút hết phèn. Phèn trở nên một tai họa như vắt đĩa muối sinh lây. Khó được một bát canh có mùi vị nước ngọt, mà trái lại nghe mùi chua ngắt. Nhưng những bộ óc siêu việt đã không hiểu về cái tai họa ấy. Họ chờ ghe bầu với những bao hạt giống, bắt tù binh dọn đất, dọn cỏ, thay trâu kéo bừa, tát nước vào ruộng rồi gieo hạt. Mạ lên nhanh, xanh um. Nhưng cuối cùng, không thấy hạt lúa hay những hạt lúa tếp sau đó cả ruộng thì nhau héo úa.

Tại sao ông ít nghe người ta nhắc đến tình tù tội (cải tạo) mà cứ nhắc hoài đến tình đồng đội chiến hữu. Hay có cái gì không được ổn ở cái tình này. Có phải ?

Riêng ông, thì ông nhớ. Cái tình tù tội chứa trong đôi mắt, con tim chứ không phải qua đầu môi cửa miệng. Cái tình ấy đã dịu dần nhau, giữ gìn nhau khi thân phận người thua cuộc bị chìm xuống tận đáy vực thẳm. Những người học trò cũ giúp gánh vác công việc cho người thầy của họ, chẳng hạn. Những ánh đuốc cháy bập bùng trong đêm, những tiếng la gọi ơi ơi thầy ơi, thầy BK ơi, khi vị giáo sư đại học này, bị kiệt sức trên đường lao dịch... Trong con tim của những chàng cựu cấp úy vẫn nồng nàn tình đồng đội, chiến hữu xa xưa. Thuốc men không có, nhưng vẫn có một vài viên thuốc ân nhân từ bạn tù, giúp ông qua được những cơn nguy khốn.

... Rừng trầm âm u, chôn những thân phận không thấy mặt trời, nhưng chính càng trong đau khổ, người ta càng nhận chân được cội nguồn của một thứ tình cao đẹp lớn lao hơn.

Tình tù tội phát xuất từ con tim chân thật không phải từ cửa miệng đầu môi. Đã cay đắng rồi những mỹ từ em chỉ yêu anh bình nhè, những bốn phận, danh dự, trách nhiệm, những lời đao to búa lớn... Họ đã cao bay xa chạy rồi. Và một số vợ sĩ quan đã tàn nhẫn quay lưng. Nhưng cũng có những bông hoa quý, quý vô cùng trao về những người đàn bà chung thủy hay những người tình vẫn còn nghĩ đến những kẻ thất thế... Tình tù tội mới thật sự là tình chân thật, để em đầu tắt mặt tối cùng những vòng xe đạp lăn tai ương, mà nuôi con, tiện tần gởi về anh gói thuốc hay bịt cà phê. Hay những bạn bè đồng nghiệp của em,

cũng nhin chút quà nhờ em mang về trong kỳ thăm nuôi thường lệ. Tình tù tội đã khiến cho những người bất hạnh càng gần nhau hơn. Dù kiểm thảo hàng đêm, dù bao nhiêu tai họa chập chùng, nhưng trong những đêm tối, ngồi trên sân trại, kẻ đàn kẻ hát, những cốc nước chè nhân lồng, hay cốc cà phê thăm nuôi, hay điệu thuốc Lào chuyển nhau, cho long lanh thêm những vì sao, cho ấm thêm hơi lạnh của rừng, cho nồng thêm hương trầm hương cỏ...Đâu có gì phải sợ, khi Hải chỉ đàn những bản nhạc không lời. Không lời nhưng con tim đau nhói, nhưng đôi mắt nhắm nghiền, nhưng cõi lòng xao xuyến bồi hồi. Họ đâu có hiểu nghệ thuật là gì. Họ chỉ kết án nhạc vàng nhạc xanh, làm sao họ hiểu trong một tấu khúc cổ điển của Mozart, Strauss là xanh vàng vô tận. Họ đâu có biết khi Trường đọc bài thơ Màu Tím Hoa Sim của Hữu Loan là mỗi đứa nhớ lại một thời mà kiêu hãnh, ít ra. Thơ kháng chiến mà. Một ngày lao dịch thì cũng xong. Một ngày vai mang nặng những bó củi, hay bè trầm, hay những cây đất sét thì cũng xong. Xong như phèn đã bắt đầu hòa vào nước, và nước màu xanh chua chất đã biến thành màu vàng đục, rồi những mạch nước bắt đầu rút phèn đi. Xong như một qui luật của con người từ trước đến bây giờ, từ khi xã hội hình thành. Được làm vua thua làm giặc. Nhưng tiếng hát lời ca kia, đêm quạnh lại những giọt cô đặc tâm khổ kia, vẫn còn bất diệt.

Những đêm như thế anh em quay quần chia cho nhau những mảnh cơ hàn. Miếng đường thẻ, điệu thuốc Vàm Cỏ hay điệu thuốc Lào. Những đêm như thế, lời nói dù thâm thì nhưng ấm áp làm sao. Đêm rừng trầm thường lạnh, vì xung quanh hơi nước, hơi ẩm bốc lên, thấy loang loáng một màu trắng nhạt lấp lửng trên những hồ những rạch hay giòng kinh. Thỉnh thoảng có tiếng chim kêu như tận trong rừng vọng lại. Một nhúm lửa trầm được đốt, vỏ trầm khô dễ cháy, và mấy thằng ngồi quanh

hơ sưởi đỡ lạnh. Tiếng lửa reo lách tách. Như vui cùng tấm tình chung của những kẻ bất hạnh.

Đêm rừng trầm, Hải nhắm nghiền đôi mắt. Cây đàn Tây Ban Cầm của anh, được chế tạo bởi ván thùng đạn pháo binh và dây đàn là dây điện thoại. Anh thuộc tổ lò rèn nên việc chế tạo không mấy khó khăn. Sau này, ông được dự nhiều buổi độc tấu Tây Ban Cầm của những người nhạc sĩ tài danh của thế giới, nhưng chưa bao giờ ông lại bị tiếng đàn của Hải làm mê thiếp đến như vậy. Có lẽ vì ở trong rừng trầm, thiếu thốn trăm bề nên tiếng đàn là cả một niềm cứu rỗi. Cũng có lẽ, người chơi đàn đã xuất thần. Khi anh đàn, người nghe im thính thít. Không cả một tiếng ho, sợ tiếng động có thể làm vỡ tan những giọt âm thanh ngà ngọc. Mắt anh nhắm. Vầng trán nhăn. Dưới bếp lửa, má anh lỏm vào. Những ngón tay như rỉ máu trên dây đàn. Anh chơi hết bản này qua bản khác, liên miên bất tận. Mặc những mắt, những tai đang rình mò, nghe ngóng. Mà làm sao họ có thể buộc tội hay kết án anh hay bọn ông. Khi những âm thanh kia vô ngôn, không xanh, vàng, đỏ tím.

Không ngờ đêm ấy là đêm cuối cùng Hải cho bọn ông thưởng thức ngón đàn tài hoa. Hải đã vượt trại. Cây đàn anh bỏ lại cho tổ. Không biết ai giữ.

Sau đó anh bị bắt và bị bắn.

Hải nguyên là trung úy Hải quân.

oOo

Hải bị bắt chỉ sau một ngày trốn trại. Anh bị đưa ra toà án nhân dân mà quan tòa là một mục đàn bà mang khăn sọc vằn, được đám dưới trưởng kêu là chị Tư Lài, để rồi chỉ chừng 5 phút, là tuyên án tử hình. Ông không được chọn để dự phiên toà nhưng ông nghe anh em nói lại,

Hải đã xin được hút thuốc, trước khi bị bắn. Sau đó, những người bạn ông đem xác Hải đi chôn, mới ra ngoài bìa rừng thì thấy mẹ Hải đã đứng ở trên bờ kinh. Không hiểu ai đưa tin mà bà đã biết mà đến. Bà đã muốn xuống bơi vào rừng, và bị cảnh vệ cấm cản không cho phép vào. Bà vẫn không biết con bà bị xử tử. Bên mình bà là cả một bị đồ. Những người bạn tù cúi đầu mà dấu nước mắt. Bà cứ nhìn ngóng vào bên trong bờ kinh, và hề thấy ai thì đôi mắt như chừng thăm hỏi. Tóc bà bạc trắng.

Ông đã trải qua những tháng năm ảm đạm như thế. ảm đạm cho ông và cho bạn bè ông. Giòng kinh mỗi ngày thấy những bóng ma chơi vơi trên bờ đất thịt. Đã quen rồi, những ngày gian khổ, những đêm họp tổ, hay những buổi sáng chôn chân nghe cán bộ chữ rửa lên lớp. Quen hay lọt vào tai bên này lại qua tai khác. Tuổi trẻ của ông người ta đã từng tập luyện như vậy. Trong quân trường người ta gọi là huấn nhục. Trong quân đội người ta nói là thi hành trước khiếu nại sau. Và bây giờ thì trở lại huấn nhục thêm một lần nữa. Nhìn lại đời ông, màu xanh ít thấy mà màu ảm đạm thì phủ tràn. Con ngựa thì lúc nào cũng ham rong duỗi, mà lão xà ích thì cứ quất roi vào mông, và kèm dây cương, lại che hai bên mắt. Cuối cùng, con ngựa thay trâu bò làm tiếp phần số của tuổi trẻ Việt Nam. Các người hả dạ chưa. Các người hài lòng chưa.

oOo

Rồi những nền nhà cũng được đắp xong, những mái lán được lợp bằng tranh, hay những chiếc sạp bằng những thân trầm con để đỡ lưng cho những giấc ngủ mê mệt... Trời mưa cũng như trời nắng thì cũng vậy. Có ai biết bạn mình đang nghĩ gì, thao thức gì, hay nhớ gì trong đêm mất ngủ. Có ai nghe tiếng mớ thảng thốt nửa đêm, hay tiếng róc rách của ai đi tiểu ngoài bóng tối. Đêm trong

mặt khu, người thua trở về phá rừng phá đất cho người thắng trận. Hôm qua trận mưa, làm đất nhão nhệch hay trơn trượt, để người tù phải bấu lấy 10 đầu ngón chân mà bám lấy đất. Rồi tiếng la tiếng hét man rợ nổi lên, từ trên bờ kinh, khi từng bè tràm này tiếp đến bè tràm khác được chuyển lên bờ. Buổi chiều lai láng một hoàng hôn đỏ sậm trên kinh chảy ra sông cái. Tiếng chim bìm bịp lại vọng ở bờ bụi nào. Lạnh. *Bìm bịp kêu nước lớn em ơi. Ngày tháng rừng tràm trâu ngựa mỗi mê....* □

Ý Yên

Một Lời Gọi Thu

Qua rừng chợt thấy rừng vàng ối
thảm cỏ loang màu triền núi xa
cây hỏi ráng chiều chiều chẳng nói
này Thu sang đó từ bao giờ?

Từ lúc mây dâng xám nẻo trời
ngõ ngàng theo lá úa rời ngôi
buồn đi xa vắng về lay gọi
tà áo Thu qua chẳng trả lời

Ôi một tình Thu hay ý Thu
xôn xao trên ngưỡng cửa sang mùa
từ ly hoàng cúc len hồng cũ
để biết quen nhiều cuộc tiễn đưa

Qua rừng chợt thấy rừng vàng ối
cỏ đã chen mờ vết chiến xa
Khói lửa đã tàn--- Thu vẫn đợi
vẫn một hành trang nổi-nhớ-nhà

(Thơ và Chinh Nhân)

Nguyễn Bắc Sơn

Bỏ xứ

Kỳ lạ nhỉ, giờ đây ta bỏ xứ
Theo trái phong du nín gió lên trời
Xin bái biệt cổ hành với nhà ga hoang không thiết lộ
Khói cửa chòi rơm, bãi cát trắng soi

Ở Đà Lạt, ngoài khung cửa kính
Giàn su xanh thở ấm má em hồng
Và tôi, kẻ mười năm không áo lạnh
Biết đời mình đủ ấm hay không?

Ở Đà Lạt ta tha hồ cuốc đất
Và tha hồ ẩn hiện giữa ngàn cây
Sẽ đi tìm cây cần trúc nhỏ
Tha hồ ngồi, câu đú câu mây

Ở Đà Lạt, lạc đà dẫm bầy đũa
Còng lưng ra mà cồng ba lô
Những hào sĩ đứng bên bờ nhật nguyệt
Vỗ tay cười khinh lớp sóng lô nhô □

Phạm Văn Nhàn

Hương Xưa

Tới trước một ngôi nhà, hấn dừng lại. Nhạc. Những dòng nhạc đang chảy vào tai hấn. Một bản nhạc quen thuộc đang phát ra từ ngôi nhà này. Phải rồi. Không thể nói là lầm lẫn được. Rõ ràng. Nhạc vàng. Một loại nhạc đang bị cấm.

Hấn ngồi xuống bên lề đường như có vẻ còn dè dặt ngó trước nhìn sau. Nhưng sau đó tiếng ca, tiếng đàn từ trong bản nhạc làm cho hấn mạnh dạn thêm không ngồi trên lề đường nữa, mà hấn tới ngôi bên cánh cổng sắt dưới giàn hoa ti gôn đang nở rộ. Những cánh hoa màu hồng phấn đang rắc đầy trước cổng trông thật đẹp mắt. Vâng, ngôi nhà to lớn quét vôi trắng của thời Tây để lại mà phải gọi là biệt thự mới phải. Những kiểu biệt thự này chỉ để dành riêng cho những ông lớn, bà lớn ở sau khi Tây rút đi, mà hấn đã đi qua nhiều nơi, nhiều chỗ hấn thấy: Sài Gòn, Đà Lạt, Nha Trang, Qui Nhơn...Những ngôi biệt thự này gần giống nhau, đều quét một màu vôi trắng. Nhưng đối với hấn chẳng bao giờ để ý tới; vì hấn chỉ là người lính như muôn vàn người lính khác. Hết đi hành quân trở về hậu cứ, nơi hấn tới là khu gia binh. Ở đó, hấn đã thấy được vợ con của lính trông thật tội nghiệp dưới những mái nhà tôn “ tiền chế ” hâm hấp nóng , nhưng không bao giờ thiếu vắng tiếng cười, tiếng nói, dù cuộc sống có vất vả. Nhiều khi có cả những tiếng khóc vật vã của vợ con lính trong đơn vị khi nghe tin chồng bị thương hay chết. Nỗi đau lòng đó hấn ghi trong lòng, đau thắt , nhưng thật tình, không lừa dối ai. Còn những ngôi nhà to lớn này, đóng cửa im ỉm, xa cách đối với những người

được sống trong khu gia binh. Dù là như vậy, hấn cũng chẳng để ý làm gì với những loại nhà to cửa rộng này. Có lần, đơn vị hấn được biệt phái về giữ an ninh cho một ngôi biệt thự, sau tết Mậu Thân. Ở đó hấn thấy những cậu ấm, cô chiêu trong ngôi nhà quét vôi trắng thường đi hợm, phách lối, kiêu căng. Nhưng rất sợ hãi, bởi tiếng súng đang nổ trong thành phố. Hấn nghĩ lại những đứa con của vợ lính của hấn trong khu gia binh, mười lăm mười sáu tuổi rồi mà vẫn còn đại khờ, ngây ngô. Cái bản chất đó khác xa các Cậu ấm, cô chiêu này.

Bây giờ hấn lại ngồi trước ngôi biệt thự quét vôi trắng. Ngôi không phải để chiêm nghiệm về một ngôi nhà to lớn mà so sánh với ngôi nhà nhỏ bé, khiêm tốn của hấn. Hấn ngồi vì nhạc thoát ra từ ngôi nhà này. Nhạc, đã kéo chân hấn dừng lại để nghe. Không phải ai cũng có thể mở máy to như vậy được. Mà thật ra máy móc trong các nhà của dân làm gì còn nữa. Từ cái radio nhỏ xíu cho đến dàn máy akai , tất cả đều là sản phẩm của mỹ ngụy. Đã của mỹ ngụy là đồi trụy, là phản động không được dùng. Cho nên hấn cũng như bao nhiêu người dân khác phải có cuộc sống văn hoá chung, không ai có quyền có của cải riêng được. Nghe nhạc phải nghe từ những cái haut parleur bằng thiết gắn trên các trụ điện vào những giờ được quy định. Nhạc cũng thế: Vị nhân sinh không vị nghệ thuật. Cho nên khi đi ngang ngôi biệt thự này, nhạc lại thoát ra, mà lại là nhạc vàng làm cho hấn ngạc nhiên, và sững cả người. Gớm, mới có chín, mười năm “giải phóng” mà sao nhớ dữ vậy.

Sau khi ra khỏi trại cải tạo, hấn lang thang hết ngày này qua ngày nọ để tìm việc làm. Nay thì chỗ này gọi. Mai thì chỗ khác gọi. Hấn không từ bỏ một chỗ làm nào, miễn làm sao có tiền để sống. Hấn quan niệm rất đơn sơ: chỉ có người xấu, chứ việc làm không xấu. Sự gian khổ

từ khi đi kiếm việc làm, cho đến khi lẫn xả vào công việc tìm được lúc nào hấn cũng cảm thấy vui vẻ, hồn nhiên như những năm nào còn trong quân ngũ. Nhiều khi hấn phải cảm ơn những năm hấn sống trong quân đội, học được nhiều cái hay, từ nhiều bài học rất thực dụng gian khổ từ chiến trường. Rồi tiếp theo là những năm đói khát trong trại cải tạo đã rèn luyện hấn phần đấu được trước bao nghịch cảnh. Hấn vượt hơn mọi người ở chỗ là vẫn còn một chút tư cách, dù nhìn bề ngoài trông thật thảm hại. Không như thằng bạn của hấn, thằng Vạn bán thuốc tây lậu, cứ khúm núm, sợ sệt có khi lại phải chạy trốn vào trong những dãy nhà trong khu phố khi bị công an rượt đuổi. Trước mặt những người công an đó thằng bạn hấn làm như vẻ nai, hiền từ như con gái nhà lành, một dạ, hai thưa rằng: em chả. Nhưng trước bạn bè cũ thì nó lại vênh váo, lên mặt, bởi nó có tiền và có em ở nước ngoài tiếp tế những thùng thuốc gỏi về. Còn hấn thì cứ lang thang tìm việc. Lang thang tìm việc không ra, lại có chút máu văn nghệ, văn gừng trong người. Thấy chán, tối một công viên thành phố, vừa nghỉ chân vừa nghỉ mát lấy giấy làm thơ chữ đời. Chẳng làm thơ yêu em được nữa. Mà thật tình yêu cũng hết nỗi khi đầu gối bắt đầu run. Một hôm hấn đem mấy bài thơ đã làm cho thằng bạn xem, bạn hấn đọc thấy thích, nhưng nói:

- Mấy gỏi mấy bài này cho báo đăng, bảo đảm hay hơn mấy thằng làm thơ bây giờ, nhưng chắc chắn mày vô tù lại, vì tội chàm biếm.

Hấn chỉ cười rồi xếp lại những bài thơ đó, cất vào trong túi áo. Thằng bạn hấn nói:

- Mày biết thơ mày làm gọi là thơ gì không?

Hấn hỏi:

- Loại gì?

- Chui !

Hai thằng cười ngất.

Nhưng hôm nay hấn không cười, mà hấn trầm ngâm.

Vâng, bản nhạc phát ra từ ngôi biệt thự này đã làm hấn giao động trong lòng. Gió từ dưới sông thổi lên làm rơi những cánh hoa ti gôn màu hồng phấn xuống vai hấn. Cánh cổng sắt với giàn hoa ti gôn che khoảng sân nắng mát rượi làm hấn thấy một thoáng nhớ mong mênh trong đời. Hấn nhớ lại....

Nhà em cũng có giàn hoa ti gôn trước cổng gỗ, với sân gạch nung đỏ au, và mái ngói âm dương mờ rêu phủ. Em vẫn thường hay ngồi hát trước hàng ba dưới mái hiên nhà, và những hàng cột gỗ lên nước đen bóng dăm chùng có cả trăm năm phơi sương phơi nắng với thời gian. Em ngồi hát cho hấn nghe mỗi khi hấn từ chiến trường được vài ba ngày phép trở về. Tiếng hát của em còn hay hơn những ca sĩ chuyên nghiệp. Tiếng hát đó như bay bổng, vương vãi trên những cánh hoa như hình trái tim. Hấn ngồi nghe em hát mà thầm nghĩ những cánh hoa hình trái tim đó đừng vỡ như những câu thơ của TTKH ngày nào.

Nhạc đang phát ra từ một dàn máy akai từ ngôi biệt thự.

“ Nhắm mắt cho tôi tìm một thoáng hương xưa ”

“ cho tôi về đường cũ nên thơ ”

“ cho tôi gặp người xưa ước mơ... ”

Hấn sửa lại bộ ngồi để nghe cho thoải mái. Vâng, để nghe cho thoải mái một bản nhạc thuộc loại cấm như hàng quốc cấm. *Nhắm mắt cho tôi tìm một thoáng hương xưa...* Em ở đâu, và tiếng hát ngày xưa đó đã bay bổng, vút mất như cánh hoa ti gôn vỡ như tim vỡ rơi rụng trước sân nhà em. Và, hôm nay, gió từ dưới sông thổi lên, vô tình lại những cánh hoa ti gôn của ngôi biệt thự này lại rơi trên vai áo hấn: Cho tôi tìm đường cũ nên thơ...

Con đường nào đưa hấn đi ngang qua đây. Con đường cũ

nên thơ. Hấn nhắm mắt như tìm lại một khoảng thời gian trong ngôi nhà hấn thuê mà em đã đến. Em đến trong ngôi nhà thuê của những thằng lính độc thân, bẽ bộn, dơ dáy trên sàn nhà toàn những tàn thuốc lá. Em không chê, mà còn như cảm thông. Em đến, ngôi nhà như bừng lên tràn ngập mùi thơm. Phải rồi, hấn nhớ như mùi hoa sứ. Hấn nhìn qua cánh cổng với những chấn song sắt, trong sân biệt thự trồng toàn những cây bông sứ. Những cây sứ đang trổ bông trắng điểm chút vàng nhẹ tỏa hương thơm thoang thoảng trong gió hè.

oOo

Có tiếng chó sủa trước sân, rồi có tiếng nói của người con gái từ trong phòng khách vọng ra. Có lẽ, con chó thấy hấn ngồi trước cổng, sủa vang. Con chó chồm tới, sủa dữ. Chó sủa mặc chó, hấn vẫn ngồi nhắm mắt để thưởng thức nhạc chứ không phải nghe chó sủa. Lâu lắm mới có nghe được bản nhạc hay. Đừng để ý tới ngoại cảnh. Nhưng rồi lại có tiếng người con gái gọi vọng từ mặt tiền sảnh của ngôi biệt thự:

- Minh. Mày ra xem ai trước cổng mà chó sủa dữ vậy?
- Sao bà không đi mà kêu tôi.
- Tao đang nghe nhạc.
- Tôi cũng vậy.

Hấn nhủ: sao ồn dữ vậy. Tiếng chó sủa càng dồn. Hấn ngồi nép qua một bên nơi góc trụ cổng. Mặc kệ. Mặc cho mày sủa. Mặc cho tiếng ai nói. Lâu quá, hấn không có nghe một bản nhạc vàng nào.

“ Nhắm mắt chỉ thấy một chân trời tím ngắt.
“ Chỉ thấy lòng nhớ thương chất ngất

Có tiếng guốc khua động trên lối đi trải sỏi . Hấn nghe, và hấn vẫn nhắm mắt để chỉ thấy lòng nhớ thương chất

ngất.

- Ông làm gì ngồi ở đây. Tối ăn xin hả? Người con gái ra đứng bên cạnh hắn, hỏi nhỏ nhẹ, rõ ràng, giọng Bắc. Rồi gọi vói vào trong nhà: Minh. lấy một lon gạo đem ra đây cho ông già ăn xin.

Bây giờ hắn mới mở mắt, nói:

- Không. Tôi không phải người ăn xin.

- Vậy ông làm gì ngồi đây?

- Nắng quá, tôi ngồi nghỉ mệt một chút thôi mà.

- Vậy mà cháu cứ tưởng ông đi ăn xin.

Hắn không nói đưa tay chỉ lên giàn hoa ti gôn đang phủ trên cánh cổng những lá xanh và những bông hoa màu hồng phấn nhạt nhỏ li ti. Lá và hoa che mát một khoảng sân nơi cổng. Rồi hắn nói:

- Trời nắng mà ngồi nghỉ dưới giàn hoa ti gôn này thì thú lắm.

- Ông ăn nói có văn vẻ. Thế mà nhìn ông, cháu cứ tưởng....

- Cô bé người Bắc?

- Vâng. Cháu người Hà Nội.

- Hà nội có mùa thu thật tuyệt vời. Tôi ao ước một lần ra đó để được ngắm.

- Ông cũng biết à?

- Không. Tôi chỉ biết qua thơ văn.

- Thơ của bác Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư, Tố Hữu?

- Không. Của Khái Hưng, của Nhất Linh, của Doãn Quốc Sỹ, của Mai Thảo, nhiều lắm cô có biết những nhà văn này không?

- Máy ông này của miền Nam hay miền Bắc?

- Miền Bắc. Họ lớn lên từ đó, từ Hà Nội như quê hương của cô bé. Nhưng sau 54 họ di cư vào Nam mang theo cả mùa thu Hà Nội vào văn chương sách vở mà chúng tôi mê mẩn một thời.

- Như vậy thì cháu không biết. Mà cháu nghe cô thầy nói trong Nam không có văn chương, chữ nghĩa thì làm sao

mấy ông này mang mùa thu Hà Nội của cháu vào Nam được. Có chăng là có của mỹ nguyệt. Giết nhau. Đánh nhau. Cướp của giết người.

- Ai nói với cô bé như thế?

- Cô thầy. Sách báo.

Tự nhiên giữa hấn và cô bé chuyển đề tài để nói với nhau. Con chó đứng trong sân nhà thấy hấn ngồi dưới giàn hoa sữa khi nãy thấy chủ và hấn nói chuyện cũng đi ra, lẩn quẩn bên chân chủ. Tiếng nhạc lại vọng ra to hơn. Cô bé nói vọng vào nhà:

- Minh ơi, mày vặn nhỏ lại có được không nào?

“ Cho tôi gặp người xưa ước mơ...Hay chỉ là giấc mơ thôi...”

-Hấn vờ hỏi:

- Nhạc này của miền Nam hay miền Bắc mà sao nghe hay quá vậy, cô bé?

-Nhạc của miền Nam đấy ông ạ. Miền Bắc không có loại nhạc này. Nhạc phải có sự chỉ đạo cho nên khô khan lắm. Mỗi lần nghe ngấy tới óc. Cháu không thích.

- Phải người ta gọi là nhạc vàng không?

- Đúng đấy!

- Chết. Cô bé không sợ công an bắt hay sao ?

- Ai dám bắt? Bố mẹ cháu làm lớn ở tỉnh mà. Máy chú công an đem cho bố mẹ cháu nhiều loại nhạc lắm. Mà bản nào cũng hay cả ông ạ.

Cô bé ngây thơ nói cho hấn nghe. Hấn nhìn lại con bé, và nghĩ đến con gái hấn. Cũng trạc tuổi thôi sau lại phải buôn đầu chợ , bán cuối chợ giúp mẹ. Mà còn phải gánh chạy vì bị đám quản lý thị trường rượt đuổi. Con nhà quan có khác, dù chế độ nào thì ngôi nhà Tây này đám dân đen không thể nào ngó tới.

Bản nhạc vừa dứt, hấn định đứng dậy bỏ đi. Nhưng con bé còn đứng hỏi:

- Ông có thích loại nhạc này không?
- Thích lắm chứ. Nhưng chắc là không dám nghe.
- Cô bé ngồi xuống nhặt một cánh hoa lên, mân mê. Hấn hỏi:
- Cô bé có biết hoa gì đây không?
- Biết chứ. Người ta bảo là hoa ti gôn. Ở Hà Nội có nhiều lắm.
- Cô bé có biết bài thơ nói về hoa này không?
- Cháu biết khi vào thành phố học đại học Văn. Bài “ Hai sắc hoa ti gôn “ của TTKH cháu có chép lại. Ở Hà Nội cháu không nghe ai nói đến TTKH cả, họ chỉ nói đến bác Tố Hữu, bác Xuân Diệu mà thôi. Cháu có đem bài thơ đó về hỏi bố cháu. Bố cháu nói không biết.
- Sao cô bé không học mà lại về nhà.
- Hè mà. Ông không biết sao?

Hấn nhìn qua bên kia đường. Những cây phượng đã trở hoa. Màu hoa phượng đỏ tươi bên lề đường dẫn về bến sông. Mãi lo kiếm sống hằng ngày mà hấn quên hết ngoại cảnh chung quanh.

Hấn nói thầm: hè đến. Hấn định đi. Cô bé hỏi:

- Ông hết mệt chưa mà đi ?
- Vâng, tôi thấy khoẻ lại rồi.
- Mà ông định đi đâu?

Hấn nhìn cô bé, mỉm cười. Hấn đi. Những cánh hoa ti gôn còn vương trên vai áo hấn. Cô bé đứng ngó theo. hấn nghĩ: tuổi trẻ nào cũng hồn nhiên, tuổi trẻ hai miền Nam Bắc. Chắc chẳng có chút hận thù nào như cô bé trong ngôi nhà quét vôi trắng mà hấn gặp hôm nay.

oOo

“ Nhắm mắt cho tôi tìm một thoáng hương xưa. Cho tôi về đường cũ nên thơ. Cho tôi gặp người xưa ước mơ... hay chỉ là giấc mơ thôi ...”

Tiếng nhạc như còn đuổi theo sau lưng hấn. Những cành hoa phượng nở đỏ rực trên đường ra bến sông về chợ. Màu hoa phượng đỏ tươi hay đỏ bầm dưới ánh nắng? Hấn thấy hình như màu đỏ bầm của máu trên thân xác của bạn bè hấn đang lớn vồn đâu đây. Tân Cảnh, Đắc Tô , Kontum, Bình Định, Phù Ly, Phù Mỹ.. những nơi hấn đã đi qua, máu đỏ bầm trên thân thể bạn bè và ngày hôm nay người ta không muốn nhắc đến nữa. Chỉ còn hấn là nhớ .

“ Cho tôi tìm một chút hương xưa...”

Mới đó, chỉ chín mười năm thôi mà thay đổi lạ làng. Những giọt máu bầm thâm đen trên cơ thể của bạn bè hấn đổ xuống trên chiến trường, người ta cũng đã quên hết rồi. Hương xưa chỉ tìm về trong thoáng chốc. hấn đưa tay lên mặt sờ. Tiếng cô bé Bắc kỳ hỏi: ông làm gì ở đây. Tới ăn xin hả? Tiếng cô bé nói như vọng lại đâu đây, xoắn trong óc hấn. Hấn nhìn xuống người, quần áo thế này: ăn xin cũng phải. Bao năm qua hấn không dám đứng trước gương để soi lại gương mặt hấn. Thay kệ. Già thì cũng chẳng sao. Nhưng bản nhạc hấn nghe hôm nay làm hấn quay quắt.

Nắng chói chang trên con đường lở lói. Dừng lại trên cầu, nhìn xuống dòng sông, hấn cố nhìn lại gương mặt của hấn in dưới dòng nước trong xanh. Già lắm phải không, nước ơi, sông ơi, ta nhờ mi soi bóng ta bên cầu mà đã bao năm thân ta như cỏ rác , như lau lách bên bờ kinh, như cỏ gấu, cỏ mực trên đồi hoang. Đã bao năm ta sợ mảnh gương soi rọi ta trong đó. Bây giờ nhờ dòng sông soi rọi lại ta, để cho ta biết: ta của ngày nào. Hấn nhủ thầm như thế thì một chiếc ghe máy chạy qua cầu, chân vịt của máy ghe tạo thành những vòng xoáy với những con sóng nhỏ lăn tăn xua đi gương mặt của hấn với

vụn trên mặt nước. Hấn bỏ đi xuống phố. Con phố chính như không chịu nổi sức nóng của tháng năm, và ngọn gió từ dưới sông thổi lên không đủ làm mát lòng người.

Mùa hạ đang tới và những tiếng ve sầu kêu vang trên những cành hoa phượng.

“Biệt ly, nhớ nhung từ đây...”

Con gái hấn không thấy được cảnh chia ly trong ba tháng hè với bạn bè. Đổi mới đã làm dập nát đời học sinh của con gái hấn. Phải kiếm sống, phải bươn chải mới có miếng ăn.

Tại hấn hay tại ai? Hấn không đổi thừa cho một ai cả. Tại tại ách lòng trời mới ra nông nổi. Hấn không buồn lòng bởi chiếc áo trên người hấn mặc hôm nay, rách rưới, vá chần vá chịt. Phải, mùa hạ đến, tiếng ve đang kêu rầm rang trong lòng phố làm hấn nhớ lại một khoảng trời rất xanh và tiếng hát của em ngày nào vào những tối chủ nhật trên đài phát thanh của tỉnh. Với giọng hát của em vút cao trên bầu trời đầy mây trắng, nồn nà nơi thành phố cũng có nhiều hàng phượng vĩ, cũng có gió biển, cũng có tiếng sóng vỗ vào ghềnh. Giọng hát đó như những nụ hoa mới nở vào một buổi sáng tinh mơ đánh thức hấn dậy, tươi vui trong ngôi nhà thuê ở khu sáu, Qui ngơn, cùng với những thằng bạn: trời không cho chết, từ một chiến trường về. Vẫn sống, để cùng hấn ngồi nghe em hát mỗi sáng chủ nhật trong ngôi nhà thuê của đám lính trẻ. Cứ thế, tháng này qua năm nọ cho hết niên khoá học của em, để rồi tiếng hát đó lại bay bổng về một phương trời nào đó, xa tít nơi em tới nhận nhiệm sở. Để rồi căn nhà thuê như vắng đi tiếng chim hót buổi sáng. Và, những ngày nghỉ cuối tuần hấn chỉ còn nhìn theo bóng dáng của những chiếc xe lam khuất dần ở cuối

chân núi Gềnh Ráng mà thần thờ nhớ.

Qui nhơn, khu sáu ơ, bao nhiêu thằng bạn còn lại hôm nay có nhớ đến đứa em gái của hấn không? Mỗi sáng chủ nhật nào cũng vậy, em đến với chiếc áo màu xanh chuối non, làm mát căn phòng dơ dáy của đám lính trẻ độc thân, hay có lúc em mặc chiếc áo màu huyết dụ mà hấn cứ tưởng màu áo nâu sồng của một ni cô đến từ một cõi an bình để cho đám lính trẻ cũng thấy an bình trong cuộc chiến. Và, mỗi lần em đến là tiếng hát lại cất cao.

Hương xưa. Bây giờ, hấn lại nghe những dòng nhạc năm xưa, xa tít, gọi lại những gương mặt của mấy thằng bạn thân lưu lạc nơi chân trời góc biển. Chiến trường như nuốt chửng từng thằng một. Mỗi đứa mỗi nơi. Sống hay chết rồi cũng chẳng ai hay biết. Có chăng còn một chút kỷ niệm. *Nhắm mắt chỉ thấy một chân trời tím ngắt. Chỉ thấy lòng nhớ nhưng chất ngắt....Hay chỉ là một giấc mơ thôi...*

Có phải thế không? Những thằng bạn trong đám “cô hồn” năm xưa. Một giấc mơ. Tiếng hát của em bây giờ vụt mất. Và hấn lại thả bộ đi dọc theo bờ sông, tới quán cà phê quốc doanh. Gọi ly cà phê :

- Ông cho tôi ly cà phê đen.

- Kẹt quá, buổi trưa cà phê hơi nguội. Người bán quán quốc doanh ngồi nói từ trong quây vọng ra.

- Không sao. Ông hâm nóng lại một chút là được.

Với hấn, người bán hàng như quen mặt, cười cười, rồi hỏi:

- Dạo này kiếm ra việc gì làm chưa?

- Chưa. Định ra đầu quân vào HTX muối.

- Ông đã làm lần nào chưa?

- Chưa.

- Nghe nói khổ lắm. Nước mặn ăn lở da lở thịt.

- Nhầm nhò gì ba cái lẽ tẻ đó.

- Không còn chỗ nào khác hay sao?

- Có lẽ khó tìm việc dạo này. Cứ ra làm thử. Còn hơn là con ở nhà đang chờ gạo.

Nói xong, hấn bưng ly cà phê hớp một hớp. Cà phê lạnh tanh. Nhưng còn hơn là không có. Nắng rực lửa ngoài đường làm chói chang đôi mắt.

oOo

Những ngày tìm việc chưa ra, hấn lại thả bộ xuống phố để tới quán cà phê quốc doanh uống ly cà phê bit tất rẻ mạt. Nơi đó hi vọng sẽ gặp vài người bạn cũ. Tháng năm, cơn mưa hạ bất chợt đổ xuống, ngôi quán ướt át. Người bán quán ngồi co ro trên chiếc ghế cao sau quầy, bó gối chẳng buồn gởi chuyện với hấn. Trời nắng hay mưa đối với hấn không cần thiết, mà thật sự hấn thèm một phút giây yên lặng trong ngôi quán quốc doanh này. Vì hấn biết hơn ai hết, chẳng ai thèm tới đây để uống ly cà phê bit tất rẻ mạt có mùi khét của bắp rang. Chỉ có hấn.

Mỗi lần tới ngôi quán bên sông là hấn lại đi ngang qua ngôi biệt thự quét vôi trắng. Hấn dừng lại trong thoảng chốc để nghe có dòng nhạc nào thoát ra từ trong ngôi biệt thự này nữa không. Nhưng không nghe thấy. Chỉ có thoảng mùi hoa sứ từ trong sân biệt thự mà thôi. Và cô bé Bắc Kỳ cũng không còn thấy nữa.

Những lần hấn đi tìm việc làm như thế, vợ hấn thấy thương. Thương cho người chồng lỡ cơ lỡ vận. Có lần vợ hấn nói:

- Thôi ông đừng đi tìm việc nữa. Ở nhà có tôi và con lo được rồi.

Hấn nghe vợ nói, thấy thương. Hấn nhìn lại vợ. Nhìn từ trên đầu xuống dưới chân. Khác nhiều lắm. Khác khổ. Chịu đựng. Đắng cay. Nhục nhĩ. Nàng không giống như đứa em gái ngày nào thường đến với hấn để cất tiếng hát trong căn phòng thuê dơ dáy ở Qui nhơn, hát bản

Phượng Cầu Hoàng cho hấn nghe. Mà vợ hấn, với chiếc áo blue trắng dịu dàng với những ngón tay chăm sóc, an ủi từng bệnh nhân. Bây giờ phải lam lũ khi phải cỡi chiếc blue trắng ra. Gót chân phải nứt nẻ. Tối tối phải lấy dầu dừa thoa mới hợp với trào lưu mới. Một cuộc đời. Hai thái cực. Hấn bị loại ra khỏi xã hội mang theo nhiều hệ lụy cho những người thân khác. Phải, hấn bây giờ như cọng cỏ khô trôi bèo bọt giữa dòng kênh nước đục. Chỉ có vợ hấn, con hấn hiểu hấn.

Tự nhiên nghe lại bản nhạc xưa từ trong ngôi biệt thự đó phát ra, như còn một chút gì để cho hấn nhớ □

Tháng 8/2002.

Phạm Cao Hoàng

Một mình với những trận mưa đầu mùa

Anh gởi em một chút tình xưa
bên bờ đá đầy bông hoa trắng
thấy gì không, trên bến sông kia
có phải mưa đã mù và mây lãng đãng

Nhớ gì không hỏi con đường lá ướm
chiều thôi mưa anh đợi em về
nay anh thấp chút tình xưa đã chết
chiều thôi mưa nghe gió rủ lê thê

Nhớ gì không hỏi nón che nửa mặt
chân ngập ngừng khua guốc se lòng anh
nay anh với cõi đời rách nát
chiều nghe mưa rượu uống một mình

Anh vẫn dặn lòng sẽ không buồn nữa
dù mùa mưa này em chẳng đến thăm anh
nhưng hỏi ơi, giữa đời nghiệt ngã
lòng anh đầy tiếng hát em chim xanh

Anh vẫn nhủ thầm, này ly rượu cuối
uống âm thầm cho vỡ trái thương đau
nhưng tóc em bay trong men rượu đắng
thì làm sao anh đập vỡ cơn sầu

Ôi bờ đá xưa và những bông hoa trắng
buồn một mình nghe mưa chết trong lòng
buồn một mình lang thang trên bờ vắng
chút tình xưa, em còn nhớ gì không ?

Hoàng Xuân Sơn

Tóc Khẽ

Nghiêng chằm thủy xuống môi cười đọng phải
nụ thuyền quyên nhìn mắt tảo xanh lơ
hoa bữa ấy xui chi màu hoang dại
mà chấp nê còn sóng tiếp trên bờ

Phải rồi gió thổi chim lưng lửng bóng
cúc cu về gáy rợp cả hồn trưa
chừng ai bảo cánh diều bay xa quá
còn riêng mưa nồng độ đến không ngờ

Nhé! mừng tượng giữa ngực đền hương trú
đời ngưng ngoảnh để có một lúc này
tóc rất khẽ mà tình hong chi vội
mưa thôi hồng và nắng sẽ tàn phai

Cứ nghe lại bên triền im tuyết vắng
biết đâu chừng âm thử tịnh đời ngây
thì cũng thiết một đêm dài tóc trắng
cũng thâm thương mù mịt giữa vơi đầy .

janvier 2002

Văn Ngồi

tặng Cao Vị Khanh

Ngồi bên cửa
lọt ưu phiền
để chừng năm tháng

đã quên
lòng người
một vòng dang rộng xa khơi
một ôm hụi hảnh
phiên trời thâm căn
ngồi nghe thương thế lịm dần
với mốc meo nắng
với tần ngần
mưa
 với mưa
 với mưa
 với mưa
với môi bần bật âm thừa khổ sai
ngồi bên lệ cổ di hài
để chừng năm tháng
đã dài
thiên thu
ngồi vàng vọt
bóng trắng
lu
với riêng ngồi lại
ao tù
thiết thân .

cuối tháng bảy không hai

LỮ KIỀU

ROSEÉ Và Con Bướm Chết Bên Thành Cửa Sổ

Một buổi sáng nào đó, trong trí nhớ hồi tưởng, một xác bướm nằm chết nơi thành cửa sổ phòng ta. Không có gì cả. Một con bướm chết. Một người chết. Một tình yêu chết theo. Dịu dàng biết mấy...

(Con bướm kia với đôi cánh rực rỡ đã một lần làm ánh mắt trẻ nhỏ sáng rạng ước mơ, và trong một lúc bí mật nào đó sự sống rời khỏi xác bướm – như đôi tay vẫy gọi – xa dần trong sương mù.)

Này em – một con bướm chết, không có gì cả, phải không? Dù bây giờ mùa xuân sắp đến. Dù bây giờ, chúng ta không còn nhìn thấy nhau.

Người con gái hai mươi tuổi *(có lẽ rồi thời gian sẽ làm nàng quên thời hai mươi tuổi của nàng.)* Đôi mắt to, hàng mi dài. Nhìn vào đó, lòng ta bình an, như viên đá kia đã chạm xuống lòng hồ. Bình an như sự sống và chết chẳng còn chia ly. Em nghiệm mà xem – Có phải chúng ta đã dành quá nhiều thời gian để cho nhau nổi ảo tưởng bình an đó?

Có ích chi – Con bướm đã chết – Dòng sông ngừng lại – Trong một phút bàng hoàng, thấy hiện ra rõ ràng chân tướng của mình.

Tôi yêu mến những chiếc cầu bắc qua sông, buổi sáng, soi mặt xuống tấm gương của trời. Những chiếc cầu nhỏ hơn, e dè hơn – đưa một người sang gặp một người bên kia bờ. Hãy tưởng tượng những bước chân kia.

Hãy hồi hộp những cõi lòng đó...

Tôi yêu mến ý niệm khởi đầu của chiếc cầu. Cầu chỉ có đầu chứ không có đuôi. Tôi ở đầu cầu – người đứng ở đầu cầu bên kia.

Oi, phải nhắm mắt để khỏi nhìn con quạ đen hung ác đang bay trên đầu chúng ta.

Trái bom thả xuống. Tiếng nổ dội lừa chúng ta vào nỗi bất hạnh chung. Chiếc cầu đã gãy – Chúng ta đứng ở hai đầu cầu, và phút chốc lát, người và tôi đã trở thành kẻ thù.

Bấy giờ trong đôi mắt kia, nhìn vào, chỉ còn thấy oán hận.

Trong góc nhà thờ, buổi chiều thứ tư hiu hắt, người con gái quì gối và nhìn lên. Người đàn ông ngồi cạnh nàng. Tiếng phong cầm trầm vang xao xuyến, như vọng từ lòng đất.

(Khúc nhạc nào vậy, có phải khúc Toccata của Bach trong phim La dolce vita. Oi – Fellini, người nghệ sĩ bi thảm của thời đại chúng ta, người đã nhìn thấy hơn ai cả những chiếc cầu gãy trong đời mỗi người. Phải không, Zampano? Phải không, Gelsomina?)(1) Em đã ở đó, đã quì gối bên cạnh tôi, khuôn mặt thánh thiện. Nhưng làm sao em hiểu lòng tôi lênhênh, cũng như làm sao chúng ta hiểu được bao nhiêu điều mơ hồ không thật vây quanh và áp bức đời mình?

Người nữ tu áo đen, trong ánh sáng chập chờn buồn bã, đã yên tĩnh cầu nguyện. Cái lưng thon gầy như phẳng gỗ, như xác bướm đã tan tành. Cầu nguyện, cầu nguyện.

Này em, có phải còn cầu nguyện là còn hệ lụy với cuộc đời nhỏ nhen. Tôi nhìn thấy nơi tay người nữ tu – chiếc nhẫn đính hôn với chúa.

Tôi nhìn người con gái và nói với nàng rằng, tôi là kẻ ngoại đạo – tôi không có đủ đức tin, nhưng tôi nghĩ rằng trong một ý nghĩa nào đó tôi đã đính hôn với em trước mặt Chúa.

Người con gái trả lời: “*Không*”.

Nhưng người đàn ông đưa tay ra, và nàng nắm lấy:
những ngón tay đực hạnh vô cùng!

Bấy giờ – chúng ta như kẻ tông đồ hành xác, đấm ngực mà kêu: “*Lỗi tại tôi! Lỗi tại tôi! Mía culpa!*”.

Nàng trả lời “*Không!*” Nàng nắm tay người đàn ông cay nghiệt và nước mắt nàng rơi.

Chúng ta có thể nào rơi nước mắt khi nhìn thấy xác con bướm chết. Xác bướm bình an và tự nhiên, tưởng như chưa hề hiện hữu nên không bao giờ mất đi.

Vô nghĩa.

Dừng đứng.

Nhỏ nhen.

Có phải những điều buồn bã ấy đã làm đầy trái tim người?

Làm sao mỗi ngày chúng ta tỉnh thức về thời gian, niềm vui, và cái chết?

Hay là phải đợi một biến động dồn ta đến bờ bến đau đớn.

Cái phút sự thật khốc liệt lay ta dậy. Ta mở mắt nhưng đã vỡ tan niềm bình an. Con bướm đã chết. Và chúng ta đã chia tay!

Ở bệnh viện, tôi có thói quen dừng lại trước giường người bệnh vừa tắt thở. Cái phút sự sống lặng lẽ rời đi khỏi thể xác nặng nề kia. Thật kỳ lạ.

Thật kỳ lạ.

Một cái gì hết sức mong manh, vây quanh khuôn mặt và vài phút trước đó còn hiện hữu trong thế giới chúng ta. Cái khuôn mặt vô tính kia làm náo nức đời sống.

Một ly nước trong, khúc bánh mì, một tấm khăn lau, một đôi dép, một tờ báo cũ – những vật dụng của người chết đã mất đi ý nghĩa sống của nó.

Một người chết, một con bướm chết, có bao giờ lòng hồi

tưởng khiến con người ngợp ngàng sự hiện sinh?

Em hai mươi tuổi, tuổi đẹp nhất của đời người... Người con gái đẹp không nên sống quá tuổi ấy: *Ý nghĩa kia thật quá lãng mạn, và ngậm ngùi, nhưng dù sao hãy giữ cho trí nhớ tôi – con mắt to, đen và hàng mi dài. Hãy giữ cho trí nhớ tôi bàn tay đức hạnh ấy.*

Tình yêu như sự chết – chỉ một lần và không thể lập lại. Có một lúc nào chúng ta mang đôi giày vạn dặm bằng khối tuổi thơ của mình. Cũng bằng đôi giày ấy chúng ta đến gần với cái chết.

Như con bướm đã chết. Chiếc cầu đã gãy.có gì đâu – kể cả giọt nước mắt một lần nào khóc cho mình, cho người – cũng đã khô. Biết đâu chẳng biến thành mây và mây bay đi... □

Nguyễn Đức Bạtngàn

từ những tác lòng cũ

bây giờ thì em trôi xa
giữa tim anh nở hàng bông trắng
trong bàn tay tìm lại lần về
trong đời anh men tình dậy trắng
hồn thì theo đêm khuya
em thì về biển cả
giữa vườn xanh nghe nước mắt đầm đìa
những lần sau là trăm lần vội vã
còn một mai em ngoài hiên tìm nhau
trên tàng lá thắm
có anh chong theo hơi hương quê nhà
có anh lao xao trên thời rong ruổi
nụ hôn thì sơn khô
anh ngã ngược trên tim mình
cùng xót xa em
giăng hàng mộng ảo
anh đứng thẳng trên đời mình
cùng tình yêu em giọng buồn xa ngoài
hải đảo
bây giờ anh biệt xứ
nhưng làm sao anh tự nhận mình là kẻ
lưu đầy
cũng như lần anh đi ngang da thịt em
nghe mồ hôi
rỉ buồn
trách cứ
em có còn là tiếng chuông
trên đỉnh trán mòn theo đầu ngón tay khô
làm hình tượng tặng nhau vùng trời quá khứ
trên ngọn tóc còn vương se một ý tình hoài

anh sẽ còn gì không sau cuộc đời
lỡ dở
ngày mai là chuyến xe
với khi anh tìm môi em thì rượu
vẫn quay quắt
như đã bao giờ
anh uống cạn và
nghe núi sông
đang đầy
một màu
quạnh quẽ
cám ơn em, u tối
ánh sáng có còn là vòng đai như vòng tay anh
ánh sáng có còn là bóng đêm
như sau bờ lưng em
đang kiên nhẫn kiếm tìm
còn gọi em là một đời bất phục
cám ơn em, nồng nàn
cùng hoan lạc đầu tiên
trong máu xương chúng mình
tinh khiết
cùng mỗi mê như hoài vọng chuyển tay
anh tình nguyện làm tên giữ ngọn hải đăng
giữa biển đời lệ ứa
em hãy tự tay làm vòng hoa kết gió trên đầu
với băng giá đi theo
và cùng nhau như riêng phần
lần lửa
cám ơn em, tù đầy
hãy trở về cùng anh như những lần đi xa
thuở trước
bởi vì trong tim anh luôn là một kẻ đại khờ
bởi vì trong máu anh
đã là tình anh
trút dần

cho kẻ khác
xin hãy chào bóng anh cùng anh
xin hãy rời xa nhau giữa giờ hoan lạc
một đứa con là một chuyện buồn
em đã đến hợp tình
như sợi khói bay theo
một
đời
sống
khác

(1971, từ giã ngày)

Cao Vị Khanh

Rau răm ở lại...

*gió đưa cây cải về trời
rau răm ở lại chịu lời đắng cay
(ca dao)*

Năm con lên ba tuổi, ba để mẹ và em ở lại với ngoại, ấm con về thăm nội. Đường về quê năm đó khó còn hơn sạn đạo. Đường xá, cầu cống sau gần ba mươi năm giặc phá, lở lói như một tấm thân tàn phế. Xe cộ thì sau mấy năm “giải phóng” trở nên hư hao, mệt mỏi như bầy ngựa già quá tuổi còn bị bắt đóng yên cương cứ vẫn thường hục hặc, bỏ cuộc giữa chừng. Khách đi đường thì như một đám giang hồ lang bạt, tay xách nách mang, chen chúc một cách nhẩn nại từ sáng sớm đến chiều tối để dành một chỗ đi. Bến xe như bãi chiến, người ta chụp giựt, xô đẩy, gạt gẫm nhau chẳng chút ngại ngùng. Ba một tay bế con một tay chen lấn như Triệu Tử Long phò ấu chúa tả xung hữu đột để giành mua cho được cái vé xe hạng chót bởi vì đa phần chỗ tốt đã được dành cho cán bộ đi công tác. Đến lúc thoát được vòng vây với tấm vé nhàu nát, cha con mình mừng như được vàng. Năm năm rồi ba không gặp lại nội. Ba thì tù đầy, đến khi được thả ra thì nội đã bị cướp nhà đuổi về quê. Nội con trên bảy mươi, mất hết tài sản, trở về làng xin lại miếng vườn hương hỏa, vỡ đất làm ruộng. Thiếu phân, thiếu xăng nhớt lại nhằm lúc trời làm hạn, mùa màng bị thất bát liên miên. Ông nội như già thêm trăm tuổi. Gót chân bà nội ngày trước trắng đỏ như son nay nghe nói teo tóp đen đũi vì sinh lầy nước đục. Còn ba bị cấm ra khỏi tỉnh, gia tài có gần hai ngàn quyển sách đã thành vô dụng, lớp đốt bỏ, lớp bị tịch thu, lớp đem bán ký cho người ta gói thịt. Ba nghèo lắm có khi thêm một hơi thuốc lá một

ngụm cà-phê mà không có được. Sức học trò đi vác mướn chỉ được cho làm hũ hợ. Mẹ vẫn còn đi dạy học với mớ tiền lương chết đói, không đủ mua thêm sữa cho con. Mọi sự chỉ trông cậy vào gánh bún của ngoại nuôi cả chục miệng ăn, kể cả ba, thằng thư sinh thất thời thất chí. Bởi vậy mà ba đành bỏ nội nhờ thương mồn mõi. Nhiều khi đưa con ngủ trên võng trưa, vô tình nhắc mấy câu hát ầu ơ mà buồn đến đứt ruột. Đến bây giờ, con lên ba tuổi, ba mới đưa được con về.

Chuyến xe đồ ọp ẹp, chật nít người, nổ máy vùng vằng một hồi rồi mới chậm chạp quay đầu rời cái thị trấn ven biển khi trời vừa rạng sáng. Sương đêm chưa tan, chấp chới trên đầu lá cỏ như trăm ngàn con mắt còn ngái ngủ. Con cũng vậy, con dụi đầu vào lòng ba như con mèo con lười biếng cuộn mình ngủ ngon lành. Ba cố chống chọi với cơn mệt mỏi, gồng cứng hai tay để nới rộng vòng ôm sợ người ta chạm tới con mình. Lòng xe tắt hết đèn tối mù mù, nồng nặc hơi người trộn lộn hơi súc vật. Hành khách đa số ngủ mê như chết, đầu gục gặc như bằng lòng lấm bởi vì dầu sao cũng còn một chỗ ngồi hay đứng để đi xa. Xe lắc lư, len lách qua mấy hố mìn đập điểm sà như miệng vết thương chưa lành, những đoạn cầu sắt gãy gập chấp nối bằng mấy miếng ván mỏng tanh, những xóm nhà lá bụi bặm, đứng buồn hiu hai bên đường ngóng khách. Đến giữa trưa xe qua Lộ tử, ba đón mua cho con gói xôi lá cẩm, nhìn ngó ruộng nước mông quạnh lòng thêm thắc thỏm khi nghĩ tới đường về còn quá xa sợ không tới kịp trước khi trời tối. Con thì vô tư, miệng nhai phúng phính miếng xôi, chỉ tỏ hỏi han liếng thoắng. Chắc trái tim nhỏ xíu của con cũng nhảy nhót liên hồi khi lần đầu tiên được đi xa và nhất là được hẹn cho về gặp nội, ông bà nội mà con chỉ được nghe nhắc nhở chớ chưa từng thấy mặt. Cái thời buổi gì mà khó khăn đến tàn nhẫn, cứ bứt lìa xô dạt đẩy đưa người ta đến bước lạc chợ trôi sông. Hòa bình rồi mà vợ chồng tiếp tục ly tán, con cái vẫn tiếp tục bỏ cha bỏ mẹ, anh em tiếp tục

thù nghịch và quê hương, quê hương mình thì cứ xác xơ điều tàn như một cõi đời tận thế. Ba có lúc nào không nhớ tới cha mẹ mà cứ biệt tăm biệt tích mấy năm trời. Nghĩ tới đó tự dưng ba nhìn xuống cái giỏ đựng mà mẹ đã cẩn thận gói ghém mấy chai nước mắm cùng với miếng cá khô, chút tiêu hột, chút đường trắng... lòng ba chùng xuống như sợi dây đàn đứt phụp. Túi quà nghèo nàn thui chột như đời ba bữa đó, không mấy may hy vọng dù chỉ là một chút mong manh. Nội nuôi ba ăn học chữ nghĩa mười mấy năm trời, đến bây giờ ba giống hệt đứa con hoang đàng đi làm ăn xa thất bại, tới lúc kiệt cùng quay đầu về quê, túi thì trống rỗng mà lòng thì nặng trĩu oan trái. Đưa con về thăm nội lần này ba lại sợ là lần chót bởi vì ba sắp phải nói một lời đứt ruột với ông bà nội. Làm sao không thấy xốn xang hả con.

Về tới bến phà sông Hậu thì trời đã chạng vạng. Ba ẵm con xách giỏ đồ chạy vội theo đoàn người cho kịp chuyển phà sắp tách bến. Gió chiều lồng lộng. Con ngựa mất, mất nhấm híp cười khúc khích khoái chí theo nhịp chân ba chạy dồn dập, lòng ba thì ngang ngựa như mặt sông đầy, làm sao qua cho kịp chuyển xe cuối về Chợ Vãng. Chiều xuống thật lẹ bên kia hàng dương cuối bãi. Con sông rộng chảy phẳng phẳng giữa mùa nước lớn như giục đẩy cơn sầu đi bất tận. Nước đỏ lơ phù sa trắng lớp nắng bạc cuối ngày, nhấp nháy liên hồi như giục người đi xa rảo bước. Tìm được xe thì sao hôm đã lên cao xé đột cây. Xe hết chỗ, ba phải gửi con cho người đàn bà ngồi băng chót ẩm giùm còn ba thì đeo trên lưng sau, tòn teng như tên hề làm xiếc. Chiếc xe nhỏ chạy lúc lắc như ghe nhỏi sóng. Lớp bụi lớp sương chiều là là hai bên đường làm mấy xóm nhà như dang ra xa, mất hút. Con đường trước mặt tối lơ mờ dài bằng thiên lý. Ngồi trong lòng bà khách lạ con cứ mếu máo nhoài ra đòi ba. Ba cứ phải luôn miệng dỗ dành vừa phải liếc mắt canh chừng mấy tàng cây de ra đường quật trúng. Đường về quê nội mà sao thị quá sơn trường con hả.

Xe vào tới đầu phố thì trời đã tối mịt, không còn dò để về đến chỗ ở mới của nội. Vậy là hai cha con phải tìm chỗ trọ đêm nay. Đêm vàng vọt mấy ngọn đèn đường, lơ mờ như những con mắt già hấp háy. Ba ẵm con xuống xe, lòng chột thấy bồi hồi khi nhìn ra trời đất cũ. Sau hết rồi cha con mình cũng về tới thành phố quê hương ba. Nơi ba đã trải qua một thời ấu thơ như con chim nhỏ trong chiếc lồng son của gia đình. Căn nhà xưa lợp ngói âm dương với dãy cột chạm liễn cẩn xa cừ, hàng cửa sổ lá sách để lọt tia nắng ban mai cùng ánh trăng xanh buổi tối như hai người bạn tâm tình của giấc mơ thời mới lớn. Khu vườn rộng thơm phưng phức hương bông nguyệt quế, nơi ba đã nuôi dưỡng những mộng ước đầu đời, đã tập làm những câu thơ tình lãng mạn, đã có những hẹn hò lén lút, những đưa đón vu vơ... Ở đó là lời giáo huấn sang sảng của ông nội, là lời thủ thủ vỗ về của bà nội, là cánh tay rắn chắc bảo vệ của mấy bác, sự săn sóc triu mến của mấy cô... Vậy mà đêm nay cha con mình về đây bơ vơ có một mình, mọi người đã bỏ đi mất biệt. Căn nhà xưa đã cháy từ đêm binh lửa Mậu thân, ông nội cất lại trên nền cũ ngôi nhà bánh ích nhỏ tường vôi trắng với mái ngói xinh xắn, vừa vặn khi sửa soạn về hưu. Giàn bông giấy còn sót lại sau cơn hỏa hoạn đã bắt đầu đơm bông đỏ tím tím trên vách tường như những trái tim nhỏ xíu. Tại đó ba đã làm lễ cưới mẹ có dây tơ hồng và tiếng pháo vui như ngày tết. Cuộc vui kéo dài ba ngày lại là lần sum họp cuối cùng. Bởi vì sau đó tai họa khủng khiếp đổ xuống, gia đình nội tan tác như một bầy chim vỡ tổ. Các bác các chú tù đầy tận ngoài Bắc xa xôi, các cô con người thì theo chồng lánh nạn ở nước ngoài, người thì phải nuôi con nuôi chồng cải tạo, đầu tắt mặt tối không còn dịp về thăm nội nữa. Ông bà nội thui thủi vào ra hết nhớ đứa này rồi trông đứa khác, mòn mỏi như hai cây tre lão còi cọc thất lạc mấy mục măng tơ. Đâu được nửa năm thì bán đồ bán tháo căn nhà gạch nhỏ vì sự hăm dọa trục xuất của mấy tên cán bộ nằm vùng, trở về làng cũ bên

bờ kinh xáng thối, cất lại căn nhà lá vách tre trên thảo đất dòm ra sông cái. Bởi vậy mà đêm nay hai cha con mình lang thang như hai người khách lạ ngay trong lòng phố quê hương. Ba ẵm con ghé lại một quán cơm dựng tạm bên vách tường rào ngôi trường trung học cũ, gọi một đĩa cơm và một ly nước trà đá. Ba đút con ăn từng miếng nhỏ mà lòng ba đau quặn. Phải không có cuộc tai biến này thì con sẽ về đây như một tiểu thư, kẻ rước người đưa, đâu phải cùng ba lặn lội cả ngày vẫn chưa gặp nội, đâu ghé ăn miếng cơm bên lề đường đầy bụi và sẽ đâu thấy ba chảy nước mắt khi chợt nhìn qua mấy chấn song sắt thấy dãy lớp rêu phong. Phải rồi, bên kia hàng rào là gốc phượng già cỗi đỏ rực mỗi bận hè về, là lối sỏi rợn rạo bước chân tuổi trẻ, ba thấy ba áo trắng quần xanh của những năm trung học, đứng cùng ông nội náo nức giữa sân trường chờ nghe xướng danh kỳ thi tú tài, ba thấy lại bà nội thức suốt đêm để may cho kịp chiếc áo mới sớm mai ba mặc buổi tựu trường... Bao nhiêu hình ảnh bỗng ùa về trong chốc lát. Hình ảnh nào cũng có nội kề bên.

Ăn xong ba định bụng sẽ tìm lại nhà một người bạn cũ ngủ ghé qua đêm chẳng dè khi tới nơi đã thấy cửa đóng kín mít lại thêm cái giấy niêm phong của công an. Hỏi ra mới biết chủ nhà đã bỏ đi vượt biên từ tuần nay. Ba bối rối như đứa trẻ lần đầu ra khỏi nhà mà lỡ lạc đường về. Con thì cứ lú lo hỏi sao chưa thấy nội. Đến lúc đó ba mới thật sự thấm thía ý nghĩa mấy chữ bơ vơ. Ba thất thế ẵm con ngược ra đầu ngõ mà lòng thì van vái cho tình cờ gặp lại một người quen. Vậy mà đi suốt mấy dãy phố chỉ thấy toàn mặt lạ. Đêm càng lúc càng đen ngòm đe dọa. Bầu trời nhếch nhác vài ba ánh sao thưa. Chung quanh nhà cửa im ỉm, tối om như cố tình lánh mặt. Ngoài đường đã bắt đầu thưa người đi. Một vài người còn nấn ná qua lại cũng vội vã như chạy. Ai nấy hốt hơ hốt hải chỉ mong cho mau rút ngắn đoạn đường. Không ai để ý tới ai nếu không chỉ là những cái liếc mắt dò hỏi kín đáo. Phần con chắc quá mệt mỏi hay

chắc buồn tình vì đi hoài mà không thấy tới, con dựa đầu vào vai ba ngủ vật vờ. Gió từ sông lớn luồn qua phố vắng thổi phần phật dấy cờ màu đỏ bầm càng làm tăng thêm cái vẻ im lìm nghịch lý của một thời đã hết chiến tranh. Bên hông nhà lồng chợ, chiếc xe bán đồ nhậu còn vài ba người khách muộn màng ngồi bu quanh ngọn đèn khí đá đốt leo lét. Kế đó mấy chiếc xích lô bỏ chổng gọng bên lề đường. Chắc mấy ông khách bụi đời này còn nấn ná cố kéo dài thêm dăm ba ly ảo mộng cho bỏ công lao lực suốt ngày. Giọng trò chuyện đã lè nhè mà vẫn còn hăng say đấu khẩu bất kể. Bỗng nghe ồm ồm một giọng hát vang lên từ góc tối khuất sau kệ rượu. *Cây cuốc cong...tang tình là...cây cuốc gãy...* Rồi nghe một giọng nói nhừa nhựa nhưng làm như còn tỉnh táo lắm nhắc nhở. *Thôi về ngủ đi hai. Mà say quá cần câu rồi, ở đó mà ca hát om sòm, mấy con bò vàng nó húc mày đổ ruột đó.* Bữa tiệc giang hồ trễ nãi như cũng muốn tan. Người đàn ông được khuyên can vùng vằng đứng lên, đưa tay lột chiếc nón vải đi rừng phất phất như phân bua. *Say đâu mà say, tửu phùng tri kỷ thiên bôi thiếu mà anh Tư.* Nói vậy nhưng anh ta vẫn quay lưng đi ra vừa lúc ba đi trở tới. Thấy ba anh cười giả lả định nói gì đó nhưng chưa kịp mở miệng thì đã la lên một cách bất ngờ. *Ê mày hả Tân, phải mày không Tân?* Hai tay anh đưa ra chụp cứng hai vai ba lắc lắc. Con giựt mình khóc ré lên. Mấy người còn ngồi lại đó cũng giựt mình nhóng cổ lên nhìn cái cảnh tao phùng ngộ nghĩnh này. Ba lúng túng vỗ vỗ lên lưng con vừa nhìn lên mặt người đàn ông cao lêu nghêu đứng ngược ánh đèn. Bóng tối đẩy những tảng đen lên trám hết mắt mũi chỉ còn hở có cái vết sẹo dài bên gò má trái, động đậy như một con rít đang bò. Ba và anh ta cùng thốt lên một lượt, mừng rỡ. *Anh hai rít, Tân đúng mày rồi.* Anh kéo tay ba đẩy lại góc bàn trống ấn ngồi xuống miệng thì la oang oang. *Trời ơi tui nói trái đất tròn vo mà, thấy không Tân, trời đâu nở phụ lòng người ngay, ngồi xuống đây nhậu với tao đêm nay chết bỏ, chú Thoàng cho một xi*

coi, tha hương ngộ cố tri chú ơi. Vừa nói anh vừa thọc tay vào túi quần móc một nắm giấy bạc ném lên bàn, nói tiếp không đợi tôi trả lời. Đ.M. ba cái tiền lẻ tẻ này, anh em mình đêm nay chơi xả láng, sáng về sớm. Anh làm như không thấy ba đang ôm con trong tay, miệng cười như mếu. Mà sao giờ này mà ở đây lại còn ôm con khư khư như Phạm Công công con đi tìm vợ vậy? Hối mà như không chờ đáp, anh đẩy cốc rượu mới rót còn sủi bọt về phía ba. Uống đi mày, rượu thuốc ngâm xuyên tâm liên trừ bá bệnh, một ly phá sâu thành, hai ly... Chưa dứt câu anh đã đánh ực một hơi cạn ly của anh rồi sửa soạn rót tiếp ly khác. Ba lắc đầu đưa tay cản. Thôi anh, em uống không nổi đâu. Em cần một chỗ cho cha con ngủ đêm nay thôi. Đến lúc đó anh mới khựng lại, cơn hào hứng qua đi đột ngột như quả bóng xì hơi. Ừ phải rồi mày đâu còn cái nhà nào ở đây nữa. Mấy thằng chó chết nó giết cái nhà của ông già rồi! Thôi lên xe tao chở về chỗ tao ngủ đỡ. Mai mày về dưới thăm bác tư hử? Nói cũng nhanh mà làm cũng nhanh, anh quơ tay hốt lại nắm tiền rồi cầm chai rượu đứng dậy. Mượn cái chai nhen chú ba, mai tui trả. Tui phải đưa thằng em với con cháu tui về ngủ. Vừa nói anh vừa đưa tay xoa xoa đầu con. Bỗng nhiên ba thấy mũi lòng muốn khóc. Anh hai Bình đây sao? Bình rít khét tiếng ở đại đội biệt kích tỉnh. Cái hỗn danh lạ lùng của anh là do viên đạn bắn sứt qua mặt còn để lại vết sẹo dài cả tắc giống như con rít đeo trên gò má trái. Anh Bình mà ông nội con đem về nuôi lúc mới vừa lên mười tuổi sau khi cha mẹ anh chết hết vì đạn pháo kích. Lớn lên, mới đậu được cái bằng trung học, anh đã bỏ đi lính còn nhấn lại mai mốt tao làm quan về cưới con Ánh ở sau nhà. À thì ra anh mê chị học trò kẹp tóc má đỏ au mỗi ngày vô tình qua lại trước cửa làm anh chết điếng. Đâu được khoảng ba tháng gì đó, từ quân trưởng Đồng Đế anh gửi thư về biểu ba viết hộ cho anh một lá thư tỏ tình với chị Ánh. Vậy mà ba cũng nghe lời. Thôi thì đủ câu đủ kiểu ba lục tìm trong mấy cuốn tiểu thuyết điểm tình của

Dương Hà, Ngọc Sơn chép ra gởi cho ảnh. Ảnh chép lại ký tên gởi về cho ba. Rồi ba tìm cách lén lút đưa cho chị. Vả lại ảnh đâu thể gởi thư trực tiếp cho chị bởi vì ba má chị khó dân trời. Vậy mà cá cắn câu. Từ đó ba trở thành con chim ô thước bắt cầu đưa tin cho Ngưu lang Chức nữ. Mỗi tình anh tiền tuyến, em hậu phương kéo dài đâu được gần năm rưỡi thì gãy đổ. Ba chị phát giác được mấy lá thư hẹn biển thề non của hai người vừa nổi giận vừa hoảng hốt bắt chị bỏ học đóng cửa nhốt luôn trong nhà rồi đem gả chị cho con ông bang có nhà máy xây lúa miệt Phước Hậu. Ngày cưới của chị, anh đang đóng đồn ở gần đó, xách lựu đạn về tính hỏi tội người tình phụ. Nhưng không biết nghĩ sao lại quay về kéo ba ra quán nhậu, uống hết chai bia này sang chai khác rồi khóc ngắt kể lể. *Đ.M. Tao bơ vợ côi cút. Trên đời chỉ có hai bác với mày. Mới tính có thêm con vợ mà lão tặc thiên chơi ác cũng nở phồng tay trên. Tao tính nổ một phát cho rồi đời cả nhà nó nhưng nghĩ đi nghĩ lại làm trai mà chết vì mấy cái... lẽ tẻ uống quá nên thôi.* Ba không biết nói sao, chỉ ngồi thừ ra tiếp rượu với anh cho anh đỡ buồn. Đến tàn cuộc anh phải vác ba về trả cho ông bà nội mà miệng thì xin lỗi rối rít. Tội nghiệp sau đó anh đi mất biệt. Được mấy năm mang lon thiếu úy giải ngũ trở về, mình mẩy đầy thương tích và dẫn theo một người đàn bà son phấn sắc lẹm, lỏn lổn đến thưa với ông bà nội phen này con xong nợ nước nguyện cưới vợ làm ăn. Nghe vậy ông bà nội cười tươi lắm, hứa sẽ cho tiền làm lễ.

Vậy mà chuyện đâu chưa ra đâu đã xảy tới cuộc sẩy đàn tan ghé. Cả nước chìm trong cơn dầu sôi lửa bỏng. Đàn ông con trai đa số lính trắng, kẻ chết kẻ tù đầy người thất lạc. Không gia đình nào là không có mất mát, nếu may mắn đã không xanh nắm cỏ thì cũng bị giam cầm biệt tích biệt tung. Đàn bà con gái thì cắt ngắn áo dài, bôi bác son phấn, nhảy một bước ra bán đứng bán ngồi giữa chợ trời nổi. Tiểu thơ khuê các gì một sớm một chiều cũng lấm

lem gió bụi. Đất nước đổi tuồng đổi lớp bày ra cảnh đời dị hợm. Cả một hoạt cảnh náo nhiệt của thời kỳ quá độ, quá độ náo nê.

Trong tình cảnh đó mà ba và con trở về ngay trên chính quê mình đêm nay không còn thân thích, chỉ còn gặp lại một người quen duy nhất, nửa tỉnh nửa say. Anh Bình chở cha con trên chiếc xích-lô của anh, chạy vòng vo qua mấy đường phố vắng tanh. Đêm càng khuya càng lạnh. Con rút mình sát vào ngực ba như con cuốn chiếu bị động, co quắp cái thân dậu nhũ. Anh Bình vừa đạp xe vừa chỉ trỏ giải thích huyền thiên. *Chành lúa này là ty lương thực, rạp hát kia là tòa án nhân dân. Còn cái đài chiến sĩ này nữa, có cái bảng đồng mà cũng cạy gỡ cho được...* Anh nói mà không cho ba kịp hỏi một câu. Mà chính ba cũng không muốn lên tiếng khi cảm thấy căng căng ở đầu mũi. Đến một lúc ba chợt thấy mình đang ở trên con đường quen thuộc dẫn về căn nhà cũ của nội. Vừa lúc anh Bình bật nói. *Để tao chở mày thăm lại cái nhà của ông già rồi về ngủ.* Bỗng nhiên ba thấy mình hồi hộp như sắp gặp lại một cái gì thân thiết lắm, một cái gì biết đã mất mà vẫn không muốn tin. Anh Bình cũng vậy, đang nói lang bang bỗng nhiên nín bặt. Khuya im như nín thở. Con đường trắng nhựa không có lè, cỏ mọc lan chen lấn sỏi đá. Hai hàng cây sao cao vút, thân đứng thẳng tắp giao tàng lá sum suê lại với nhau như cái vòm cong nhà thờ. Cách khoảng, vài ba ngọn đèn vàng yếu ớt không soi nổi tới mặt đường chỉ đủ sức làm lao chao mấy bóng lá. Con đường quen bỗng trở nên huyền hoặc như chỉ có trong ký ức. Cái ký ức đẹp như những bài thơ làm không trọn, vắt vướng đầu đó trong góc tối của lãng quên. Xe chạy một đỗi ngang khu đất thánh tây, rộng thênh thang dưới ánh trăng hạ tuần mọc muộn. Con trăng thui thủi một mình, nhả cái ánh sáng xanh lét lên hàng mộ đá lặng thinh. Mấy dãy thập tự trắng chạy song song thẳng tắp như một đàn thiên thần nhỏ đứng dang tay chịu trận. Anh Bình bỗng lên tiếng. *Coi vậy mà có yên dậu*

*mây. Sắp bị đuổi tới nơi rồi đó. Mà thấy mấy cái mả mới bốc dỡ đó không? ĐM. Mà kỳ này cũng thua quĩ rồi. Anh nói một hơi như cho đã tức rồi kết luận nghe xuôi xị Đúng là thời mạt pháp! Vừa lúc đó như một cơn mơ bất chợt, ba thấy lại căn nhà ngói đỏ của nội. Căn nhà nhỏ nhắn, hiền lành nằm nhẵn nại đằng sau cái cổng gạch với vòm sắt bắt ngang cong cong như chiếc mũ cánh chuồng. Khu vườn nhỏ trước hiên vẫn còn mấy chậu kiểng uốn hình long lân qui phụng. Đằng góc trái là hòn non bộ đang làm dở dang. Nhìn qua cửa lớn còn mở, ba thấy cả cái cửa hình vòng cung mở sang phòng ăn, ở đó những bữa cơm gia đình tụ mặt đông đủ những ngày giỗ tết. Ở đó ông bà nội nương nấu chắt chiu tuổi già như một đôi đũa gà còn đủ cặp... Ngôi nhà tựa trung cái giấc mơ khiếm nhường của cả một đời người đã hết mực thương chải. Cả đời nội lao tâm lao lực trải qua ba cuộc chiến tranh tàn khốc gom lại một căn nhà gạch nhỏ xíu định làm chỗ an nghỉ lúc về già. Vậy mà cũng bị giật mất trên tay lúc không còn sức tự vệ. Ba ngồi trên xe, vỗ nhẹ lên lưng con mà cứ như dỗ mình đừng khóc. Con trắng lẻ loi lúc này treo trên một góc nghĩa trang bây giờ trôi về đây, nằm chênh chếch ngay trên nóc nhà như một dấu hỏi buồn bã. Cuộc đời vô lý vậy sao? Ba nhìn qua vách trái không thấy bụi bông giấy đỏ. Chắc mấy người chủ mới không thích bông hoa bằng mấy giàn bầu mướp nên đã đốn bỏ. Tội nghiệp cái giàn hoa đã nuôi cho ba bao nhiêu là mơ mộng. Nghĩ tới vậy ba thúc anh Bình chạy đi. Từ lúc đó anh nín thinh luôn cho tới khi về tới chỗ. Cái nhà- đúng ra phải gọi là cái chòi- của anh là mấy tấm tôn dựng tấp vô bức tường của đại chủng viện, ngày trước là trường học của mấy ông cha, bây giờ dân vô gia cư từ đâu kéo về che rạp che dù đông hết sức. Sàn nhà ghép bằng mấy vĩ sắt lót phi đạo, chỗ hụp thì nổi bằng ván thùng đạn pháo binh. Trong nhà lấp ló một ngọn đèn cốc sáng lù mù. Vừa ngừng xe lại, nghe tiếng lục đục đã có tiếng khàn khàn hỏi vọng ra. *Anh hai về hả anh hai.* Anh Bình vừa thò*

tay kéo tấm bạt che xe vừa nhìn con nói trống. *Con nhỏ ngộ quá. Phải con vợ tao nó không bỏ đi chắc tao cũng có con để nựng. Ở nhưng mà thời buổi như vậy, sanh đẻ làm chi cho mệt. Nuôi nó lớn rồi đêm đêm nó chỉ “mơ thấy bác” thôi, nghe mà phát ức.* Anh đưa tay chống cao cái liếp cửa cho ba chui vô. Trong nhà một người đàn ông gầy gò đang ngồi phết hồ dán bao giấy thấy người lạ như giựt mình định chống tay đứng dậy. Nhưng vì lật đật anh ta té nhào. Anh Bình nhảy tới dang tay ra đỡ, miệng la oai oái. *Hổng thằng Nhơn, Lý Thiết Quài mà mày cứ làm như...* Đến lúc đó ba mới thấy anh bị cụt một chân. Anh ngồi thẳng dậy cười hiền lành, giơ tay phỉ phỉ cái ghế còn lại mời ba ngồi. Anh Bình giới thiệu ba với Nhơn rồi biểu ba đặt con xuống cái ghế bố nhà binh kê sát vách. Anh tay quạt muối tay giăng cái mùng cháo lòng dăn. *Tối nay cha con mày ngủ đây. Tao với thằng Nhơn ngủ chung bộ ván. Ở đây coi vậy mà yên lắm, không có thằng công an nào xét hộ khẩu đám dân ngu khu đen này hết.* Chật vật suốt một ngày con ngủ mê mệt. Ba đắp thêm cho con tấm khăn lông rồi quay ra. Nhơn đã dẹp đóng giấy báo qua bên, trên bàn anh Bình bày chai rượu với mấy trái cóc và một con khô cá sặt, vừa rót rượu vừa mời mọc. *Nhậu tiếp mày. Mày với thằng Nhơn vô cái trót tao coi.* Nói mà không chờ ai đáp ứng anh bưng ly nốc ực, khà một cái như khoái trá lăm, rồi chếp miệng. *Cỡ này trời trở lạnh chỉ có mấy thứ này mới trị được cái bệnh đau nhức của tao.* Cái sẹo dài trên mặt anh căng căng như muốn động đậy. Hai bên đuôi mắt nhăn nheo không giấu được chút buồn rầu mà cử chỉ và tiếng nói ròn rã như cố tình lấp liếm. Ba với Nhơn nhấp nhấp hụ hợ ly rượu. Thấy mọi người có vẻ trừ trừ ngần ngại, anh Bình cúi xuống mò mò trong cái rương đặt dưới gầm bàn móc ra một cái keo nhỏ giống như hủ chao lắc kêu len ken để ra trước mặt ba rồi nói. *Bộ mày muốn coi mấy cái kỷ vật cho anh rồi mới chịu uống hả.* Ba mở nắp thấy mấy đầu đạn nhỏ xíu và thêm mấy cục sắt đen sì. *Đồ thiệt không đó*

mày. Mà đã hết đâu. Còn đầy ắp trong này. Anh phanh áo chỉ mấy cái sọc dọc ngang giữa lồng ngực và mạng sườn, tay vuốt vuốt bắp đùi trái: Còn ở đây nữa, thiếu chút nữa cũng làm bại tướng cụt chươn như thằng Nhơn vậy. Nhơn cười bẽn lễn xoa xoa đầu cái chân cụt, đẩy miếng khô về phía ba. *Làm miếng đi anh, khô miệt vườn của tui, có tiếng lẩm.*

Đêm đó, anh Bình, Nhơn và ba ngồi nhậu lai rai cho tới sáng. Hai người thay nhau kể cho ba nghe cái cửa địa ngục đã chui qua để lộn lại làm người. Thử hỏi những người lành lặn mà còn tối tăm mảy mắt như vậy trong cảnh đời cay nghiệt, thì cái đám cụt tay cụt chân lục phủ ngũ tạng lộn tung phèo vì đạn mìn còn xác bất xang bang như thế nào nữa. Ba mệt dừ, mắt nhắm không lên mà không từ chối được miếng rượu cay hai người mời ép. Ba không từ chối được hai anh mà cũng không từ chối được lòng mình. Có lúc ba tưởng mình sắp say ngã quay ra đó mà sao vẫn không say, vẫn cứ ngồi tỉnh bơ, cỏi lòng tan hoang nghe tiếng rượu đổ ào ào trong đầu như tiếng thác kêu gào. Đêm đó ba không say được mặc dầu miếng đưa cay chỉ là trái cóc chua lòm và con khô khô quắt, mặc dầu chất rượu nóng đến muốn khè lửa, cháy họng. Bởi vì có nhảm nhò gì miếng đắng cay đó đâu con. Câu chuyện ba nghe được về những người thương binh bị đuổi ra khỏi bệnh xá trong ngày tiếp thu, lê lét trây trét máu me giữa đường phố vô tình còn làm ba đứt ruột gấp bội lần. Anh em ba đó chẳng, bạn bè ba, những người ba không từng quen biết, những người gánh chịu hai lần nỗi đoạn trường trong cùng một kiếp.

Bữa rượu tàn thì đêm vừa sáng. Mặt trời mọc lên uể oải sau nóc nhà thờ. Nhúm ánh sáng đầu ngày làm lộ ra mấy chỗ tróc sơn của cây thập giá có hình chúa đóng đinh. Coi bộ chúa độ rày cũng nghèo hơn độ trước. Còn cái xóm lao động mà dường như cũng lười trây ra. Chừng như không ai

tha thiết gì đến chuyện kiếm ăn. Hay là tại kiếm hoài mà không ra miếng ăn nên mọi người cứ thả lêu bêu như cái đám lục bình trôi sông lạc chợ. Mỗi đến khi có mấy gánh quà bánh rao lên inh ỏi mới nghe có tiếng con nít chạy giỡn, tiếng người lớn mắng nhiếc, tiếng lọc cọc buồn buồn của bánh xe thổ mộ. Cuộc sống hồi sinh một cách chậm rãi. Anh Bình giục mọi người sửa soạn rồi chất hết lên xe chở ra quán cà-phê đầu chợ. Căn nhà lồng cũ kỹ rộng mênh mông, bạn hàng thưa thớt bày biện mấy mặt hàng lạ lùng ngay trên thềm xi-măng. Rau cải thịt thà thì ít mà trái lại quần áo cũ, đồ vật dụng trong nhà thì nhiều kể cả mấy món đồ mà trước đây được giữ gìn như gia bảo. Khách hàng thì phần đông là người lạ mặt, quần áo thì rất một thứ vải ka-ki thô, vai mang kè kè cái túi vải cứ như đệ tử cái bang, đặc biệt người nào cũng nư nư trên đầu chiếc nón cối bất kể trời mưa hay nắng làm như đó là biểu tượng chắc ăn của thành phần tốt. Lắm khi trịnh trọng hơn, áo sơ-mi được nhét bỏ vào quần cần thận tội cái quên mang giày mà lại đi chân không thành ra trông lố bịch một cách tội nghiệp. Được cái là miệng lúc nào cũng xưng em ngọt xớt. Mấy bà bạn hàng cười cợt đưa đẩy mà chắc trong bụng không ngọt chữi thắm nên cứ thấy ngứa háy làm ra vẻ khó chịu khi khách vừa quay lưng. Cuộc mua bán diễn ra không mấy gì thân thiện. Người bán thì như bị bắt buộc mà người mua thì cứ láo liên như sắp bị gạt gẫm. Mấy căn phố tiệm ở hai bên hông chợ, cái thì kéo cửa sắt kín mít, cái mở hi hí như chẳng có gì để bán. Mấy tấm bảng hiệu xanh đỏ thì cứ chường mặt một cách vô duyên làm như không biết cái thời của nó đã qua. Giờ này muốn tìm một viên thuốc cảm thì phải chạy ra anh Xì đứng ở góc chợ cá, muốn mua mấy thước vải trắng về xé khăn tang thì kiếm chị hai ngồi dưới cột lồng đèn chợ còn ai vào mấy cái tiệm bít bùng đó nữa. Cách mạng làm đổi cái một quan hệ mua bán. Ngày xưa người bán ngồi dài cổ chào hỏi người mua, bây giờ người mua chạy vắt giò lên cổ tìm người bán. Cuộc đời đổi thay

thay đổi không ngừng, lâu lâu lộn lên lộn xuống cho lịch sử đỡ buồn. Vậy đó, hồi trước uống cà-phê đòi phin tây phin mỹ, bây giờ ly cà-phê chắc pha bằng vỏ cau khô hay sao mà uống vô cứ nghe chát ngắt! Vậy chớ dù sao chát nước đen đen, đắng đắng cũng làm tỉnh ngủ và cũng thêm chút đậm đà cho buổi chia tay. Anh Bình chạy đâu mua được hai cái bánh bao bỏ vô giỏ dặn đem về cho nội. Ba ngậm ngùi lắc lắc vai anh không nói được lời nào. Mà có lời nào nói nữa đâu con. Dường như chúng ta đang ở vào một thời kỳ mà mỗi lời chúc lành đều có vẻ mỉa mai thế nào. Nhơn cười hờn hậu dặn dò. *Thôi anh đi cho sớm. Ráng giữ thân anh bầy.* Anh Bình đưa thêm mấy bước nói với theo coi chừng gió máy cho con. Ba ẵm con xách giỏ đồ băng qua lộ xuống bến đò. Nước sớm lồng lộng. Gió lùa hết cái mùi tinh sương ngoài vàm lớn vào phố, mới nguyên. Mấy chiếc xuồng tam bản chen chúc kèn cựa nhau xĩa mũi lên bờ. Đò đậu tốt ngoài xa, bắt tằm ván dài cho khách đi cứ lắc lư kéo kẹt theo nhịp sóng. Mấy cô không quen sóng nước miệng la oai oái. Mấy cậu trai thì cười khoái chí, chọc ghẹo thả dàn. Đời vui hờn nhiên như vậy đó con.

Buổi sáng tỉnh ly trong trẻo như tấm lòng mộc mạc. Ba ẵm con xuống đò, lòng bồi hồi thấy lại con sông xưa. Ngồi gần mũi đò ba chỉ con coi sóng bắn tung tóe như những chùm pháo bông trắng xoá. Ngoài giữa dòng từng dề lục bình nở hoa tím tím trôi thanh thơi. Trời trong xanh không một vẩn mây. Thỉnh thoảng mấy con chim bắt cá phóng xuống như tia chớp rồi bắn vọt trở lên như sao xẹt làm thành một đường vòng cung tuyệt diệu. Sinh đẻ ở thành con làm sao biết được cái tình quyến luyến của ba đối với sông nước quê hương. Lẽ ra sáng nay đưa con đi trên sông ba phải vui lắm mới phải. Giữa trời mênh mông ba thấy mình trẻ thơ như trứng nước. Ba như nghe hết trong lòng cái rạo rức của sông nước chuyển mình Bởi vì chính dòng sông này là nguồn cội của gia tộc ta. Con biết không trên dòng nước chảy miên man đó còn lảng đãng khói sương của một quá

khử chập chùng, thuở ông bà ta tay dầm tay rửa xấn vào hoang địa, phá rừng chặn nước. Xương máu, mồ hôi, nước mắt không làm sao kể hết để dựng thành khoảnh xanh um, đùm bọc nhau nên làng mạc. Cả một dãy cù lao dài hàng mấy chục cây số, nằm nghênh ngang như đối đầu thách thức làm con sông Cái phải nhún nhường chảy tẻ làm hai. Vậy mà họ khiêm cung lắm con. Họ biết mình bèo bọt, biết lượng trời bao dung, biết hạt đất cưu mang. Họ chỉ gọi mảnh đất mà họ dành được của thiên nhiên tình quái là làng Bình Phụng, cái tên gọi hiền lành của loài chim cổ tích vẫn thường về trong những giấc mơ đêm. Họ yêu thương ruộng rẫy, bến nước, cầu ao mà từng đời cha ông để lại. Họ tiếp tục vun trồng rồi tiếp tục để lại cho đời sau nữa. Những hàng cau thẳng tắp như ý nghĩ thẳng ngay, những mái lá đơn sơ như tấm lòng giản dị, những sân vườn phẳng phiu như bụng dạ để hết ra ngoài. Cuộc sống bình lặng như hình ảnh con chim thần tiên xếp cánh về đậu cội yên lành. Vậy mà rồi đời làm giặc cho được. Giặc ngoài rồi đến giặc trong. Bắn giết, ám sát, đốt phá... xóm làng tiêu điều, đình miếu tan hoang. Người người bỏ nhà bỏ cửa chạy chết. Cỏ cây sông nước ở lại gánh chịu. Cả một dãy quê hương bây giờ còi cọc hoang tàn. Những cánh rừng dừa cụt đầu. Những gốc mù u bị tiện ngang ngọt xót. Những vườn chuối ngã rạp chỉ còn bụi con mà không còn thân mẹ. Những mương lạch bị cày xới năm lần bảy lượt. Và con người, con người thất điên bát đảo trở về tựa một đám hồn hoang... Bởi vậy mà buổi sáng hôm nay đưa con về lại quê nội mà lòng ba không thấy rộn rã như những lần về thuở trước, khi làng quê còn ngan ngát cây xanh. Bởi vậy mà đồ càng về gần làng chừng nào ba lại càng xốn xang chừng nấy. Ba sẽ thấy gì khi đặt chân lên bờ đất lở, căn nhà quạnh quẽ và hai mộng đời tàn rụi sau bao nhiêu đắp đổi lo toan? Ba còn thấy gì nữa đây con, chiếc cầu tre lắt lẻo như cuộc sống chông chênh của tuổi già đơn chiếc, cái bến nước hoang mang đã vắng bóng người qua?

Giữa trưa tới chỗ gặp nước ròng, dò phải đậu lại tuốt ngoài xa, cách bờ chừng mười sải tay. Ba ôm con nhảy đại xuống nước. Chân lún sinh, nước lên tới bắp vế. Đò rồ máy rồi quay mũi chạy đi. Sóng vỗ rập rình lên lưng áo. Mấy bụi bần nước gie ra sông đập thành phạch. Hai cha con ướm như kẻ chìm tàu, lần từng bước khó khăn lên bờ, sinh kêu ọc ạch dưới chân, ba nghe lạ như tiếng đời kêu khổ. Sau khi đã leo lên được cái bờ đất cao khỏi đầu người, đứng đó dòm quanh quất, ba sững sờ hồi lâu mới nhìn ra được cảnh cũ. Cái khoảnh đất trống ngó ra đầu vàm lạ hẳn. Còn tệ bạc hơn cả ba đã lo nghĩ. Đất đai vẫn là đất đai cũ mà sao không thấy có gì là thân thuộc. Cỏ cây vẫn là cỏ cây của bao giờ mà sao thấy quá đổi bơ vơ. Làm như cuộc sống ở đây đã ngừng thở từ một lúc nào. Làm như cảnh vật còn ngơ ngác ngác ngác, vẫn chưa tỉnh lại được sau cơn chiêm bao quá dữ dội. Miếng đất trống trước đây vẫn hợp chợ bây giờ cỏ mọc đầy đặc. Dây quán lá lúp xúp với vài ba cái sạp bày mấy thứ hàng nhà quê mới giữa trưa mà đã buồn thiu. Ngôi trường tiểu học mà ông cố con đã dựng lên bị sập mất gần hết. Phần còn lại mái lá tốc lổ chỗ. Cái hàng rào tre chỉ còn sót mấy phen mắt cáo ngã nghiêng không bao được hết vuông sân chơi nhỏ xíu. Cây điệp già ở một góc khuất đã thay không biết mấy lần lá mà bây giờ trơ trụi đến không đủ sức phe phẩy một dấu gió đông đưa. Bên hông trường con đường mòn nhỏ, mờ mờ như sợi chỉ se thưa, vắt qua cái lạch cạn nổi bằng khúc thân dừa dộp nát. Hỏi nhà nội người ta chỉ ở cuối đường mòn, sát mé nước. Nhìn ra, căn nhà lá của nội nằm tuốt ngoài đầu doi cửa mở toác hoác như một cội lòng trống trải. Gió thốc từ phía. Hàng cây sưa đũa trổng chắn gió nay đã cao nghều, đang cái thân gầy guộc chịu trận, rụng đầy bông trắng trắng. Vài ba người qua lại đưa mắt nhìn chăm bẵm chắc lạ lắm cái hình ảnh người khách bất ngờ. Ba bỗng con xách cái túi đệm nhắm hướng nhà đi thẳng chẳng muốn chào hỏi. Sao ba thấy buồn đến làm biếng cả một nụ cười. Chiếc

cầu dừa trơn trượt, làm sao bà nội con qua lại sớm hôm. Chưa gặp nội mà lòng ba đã tan tác. Con thì hớn hở khi nghe ba biểu kêu lớn tiếng. *Nội... nội.* Tiếng con ngong ngêu bay mất trong gió. Trước hàng hiên, con chó Lu đang nằm ghếch mỗ ngủ lim dim, đánh hơi lạ đứng lên sủa ăng ăng rồi như nhớ lại một điều gì bỗng nhảy cẫng lên, quảy đuôi tút tút, phóng ra rồi vừa sủa vừa chạy quẩn quít quanh chân ba. Tội nghiệp con Lu đã già lắm. Hai con mắt chảy trề xuống lem nhem, bộ lông vàng còi cọc. Ba ngồi xuống, cầm tay con vuốt vuốt lưng nó. Con Lu rên ư ư chừng như cảm động, lè lưỡi liếm liếm cánh tay ba. Con vật còn quên hơi người bỏ chạy tuốt vô nhà như để gọi chủ. Bà nội chắc đang nấu bếp, nghe tiếng sủa lật đật đi ra. Giữa khung cửa hẹp, bóng nội hiện ra, gầy guộc như một niềm sầu muộn. Ba nhìn nội mà chết đống trong lòng. Nội con già như cả thiên thu chum lại. Tóc bạc phơ lơ đỉnh một vệt mây thưa, đôi mắt sâu, hai gò má tóp lại nhăn nheo, dáng khom khom như sắp ngã. Bộ quần áo vải đen trắng mốc đến bạc lòng. Ba muốn kêu lên tiếng má mà sao miệng ba ngậm cứng. Bởi vì ba biết rằng nếu ba mở miệng chắc tiếng khóc sẽ lọt ra trước làm bà nội không kềm được xúc động. Nhưng có được đâu con, ba chưa kịp nói, nội đã ùa vỡ hết cả ghen ngào. Ba bỏ chiếc túi xách xuống đất, ẵm con chạy lại, ôm nội và con cùng một vòng ôm. Trời ơi nội nhẹ như một manh vải trắng, tay ba chạm mấy đầu xương thắc thỏm. Nội đưa tay ra ẵm con, con nhìn nội chăm chăm, miệng mếu máo như sắp khóc rồi không biết sao bỗng nhoẻn miệng cười. Con sờ rầm mấy vết nhăn trên mặt nội. Ba nhìn ngón tay con mủm mủm trên làn da khô héo của nội lòng bể ra từng mảnh nhỏ. Con lớn lên nội già đi là phải. Nhưng sự đối nghịch vô tình có vẻ cay nghiệt thế nào. Ngay lúc đó ông nội đi ruộng về tới, chân cẳng dính đầy bùn đất. Mặt ông nội đen sạm, mấy vết nhăn sâu như mấy luồng cày. Hai con mắt mệt mỏi nhưng vẫn còn lóe chớp tinh anh. Cánh tay trần đã bắt đầu xương xẩu để lộ những đường

gân ngoằn ngoèo. Ba nắm bàn tay chai cứng của ông nội và nước mắt ba kềm giữ từ nãy giờ bật trào ra như con nước lớn. Từ mấy năm nay, ba đã giữ tiếng khóc im ỉm trong lòng nhứt định không để mất một giọt dù là một giọt cảm hờn. Bây giờ ba khóc ngon lành. Tiếng khóc thoát ra từ nỗi ảm ức lâu ngày, bay đi trên nỗi nghiệt oan, dấy lên từ trong tận tuyệt. Khóc được, ba thấy như trút bớt cái tảng đá vô hình đã đeo khur khur giữa lòng từ mấy năm nay. Đã mấy năm nay ba tự dối gian để tìm sự an ổn, như vẫn cố tưởng ra một lần rào ngăn cản nào đó để chống chỏi sự tàn phá của thời gian và cuộc đời. Để hy vọng nội đừng quá khổ, đừng quá tàn tạ. Nhưng con ơi, thực tế không như vậy, thực tế tàn nhẫn hơn nhiều lắm. Ông bà nội con trong cõi già hiu quạnh vốn đã đau mòn thể xác, còn dậm thêm cơn thất ngật của thời cuộc. Cùng một lúc bốn người con trai và năm người con rể vào tù thử hỏi lòng dạ nào chịu nổi. Ngay trong mấy tháng đầu tiên, ông con lo buồn rầu rĩ đến độ sụt mất ngay một lúc hơn mười kí-lô. Mười kí thịt xương là bao nhiêu đêm không ngủ lòng thao thức gỏi gắm ra các trại tù U minh, Bến giá, Suối máu, Thái nguyên, Thanh hoá... Còn bao nhiêu mất mát suy sụp của tinh thần lấy cân nào đo được. Nội con như chiếc lá khô trong cơn bão dữ, gió đẩy gió đưa tan tác. Mất con, mất tài sản, mất luôn chỗ trú ngụ cuối cùng. Ông bà dắt díu nhau về quê cũ, dọn lại miếng đất hoang, che căn nhà nhỏ, bữa muối bữa dưa lẫn lữa. Hơn bảy mươi đầu còn sinh thú gì nữa, nội con sống chỉ để đợi chờ đó thôi. Đợi một ngày có đứa con nào ra tù trở lại. Ông con phát cỏ đào mương khai nước cấm lại giàn trâu, rẫy mía, trồng thêm chục cây cam, mười cây quýt chỉ để dành đám con trở lại có chút huê lợi mà sống. Bà nội con nát tay xước tre, chẻ lạt đan rổ chỉ để dành tiền mua thêm chút gạo thóc gỏi ra nuôi bầy con trong tù. Ba về nội vui được một chút, nhưng một chút có thấm được gì đâu với cái biển sâu của nội.

Bà nội ẵm con đi vào nhà. Ba theo ông nội đi vòng ra cái

sàn nước ghép bằng mấy mảnh thân dừa chẻ hai. Đã có mấy cây đu đủ trổ trái chín vàng ươm. Chuối cũng bắt đầu ra buồng. Dưới cái giàn rau vuông vức cao ngang thắt lưng trồng mấy bụi húng ngò, vài bụi hành lá, treo lủng lẳng cái ơ bẻ cắm một hai nhánh gừng. Một bầy gà con kêu tíu tít bơi xột xạc mấy gốc chuối bên hè. Cảnh vườn sau gọn ghẽ ngó ra con kinh nước đục lờ. Ông nội khoát nước rửa tay chân, ngó mông lung ra đầu vòm khuất sau mấy vạt bần được xanh um, nói nhỏ. *Cổ này trời trở bắc con đi đường mà sao mặc áo mỏng te vậy.* Tiếng nội khàn đục nhỏ lên lòng ba từng giọt dịu dàng. Đã lâu lắm đâu có ai nhắc ba ấm lạnh. Ba nghe lòng ba trĩu xuống nặng nề. Sao nội vẫn lo cho ba như ba còn nhỏ lắm. Còn nội, mai kia mốt nọ ở đây một mình lấy ai sớm thăm tối viếng mỗi khi trái gió trở trời? Chiều bỗng nghiêng xuống chạng vạng bên kia bờ. Con nước rong chảy suông sã qua mấy hàng dừa nước làm mấy tàu lá run run như vật mình vật mẩy, chốc chốc một vài con vịt trời lẻ bạn bay ngang qua kêu quang quác. Nhà quê buồn như một cảnh đời trễ muộn. Nội với ba quay vào nhà. Bà nội một tay ấm con một tay nấu bếp. Miệng hai chiếc hỏa lò cháy riu riu. Khói ám đen tẩm vách tre đã lâu ngày. Bàn cơm đã dọn sẵn ba cái chén với ba đôi đũa. Ba đi thẳng ra nhà trước. Nhà trống trơn. Bàn ghế kê tủ xưa đâu mất hết chỉ còn sót lại cái tủ thờ bằng gụ đen cằn xa cừ hình Khương Thượng ngồi câu cá bên bờ sông Vị, trên đó đặt bài vị ông bà cố và hàng chữ tàu nội con đã viết câu thụ dục tỉnh hê nhi phong bất tức. Cái bàn thờ cổ kính kê giữa gian nhà vách tre lợp lá trông lạc lõng một cách tội nghiệp. Ba đứng giữa nhà mà bỗng nhiên như lạc vào sa mạc, cái sa mạc của cõi lòng trống rỗng, mất tăm quá khứ. Mặc dầu đã nghe nói trước nhưng đến chừng thấy tận mắt cảnh nhà mới biết được lòng mình đau đến chừng nào. Như vậy nghĩa là nội con đã mất hết tất cả tài sản đặc biệt của một thời phong lưu bút mực. Từ những cái tủ sách lớn bằng cả tấm vách nhà chứa đến ngàn bộ sách quý đóng gáy da mạ chữ

vàng mà từ đó ba đã phiêu lưu thỏa thích vào thế giới chữ nghĩa đến cái bàn viết đóng theo kiểu án thư xưa mà ông nội đã cầm tay tập ba nắn nót mấy nét chữ đầu đời. Cái ghế trường kỷ chạm trổ rồng rắn lót bằng mấy phiến đá cẩm thạch ba đã ngủ những trưa hè mát rượi. Cái tủ đồ xưa với bộ tách trà ngũ liễn, chén men xanh đời Tống, tô sứ đời Thanh, lục bình da rạn... những buổi sớm tinh sương nội vừa uống trà vừa tỉ mỉ dần giải cho ba cái nguồn gốc xa đến mù mịt của nó. Tất cả đã mất hết, đã thất tán, đã lưu lạc vào một cội gió bụi nào rồi. Như chính người chủ phong nhã của nó cũng không còn chỗ đứng trong cái thời-buổi-của-những-kẻ-giết-người này nữa.

Bữa cơm chiều đạm bạc dọn ra với tộ cá lòng tong kho tiêu và đĩa rau lang luộc không làm ai ngon miệng. Chắc mọi người còn quá xúc động sau khi ba bậm gan nói với nội về cái chuyến đi sắp tới. Ba kể cho nội lòng tốt của người bạn dành cho gia đình mình một chỗ miễn phí trên chiếc ghe của anh ta tính khởi hành đêm mừng chín tết. Như vậy là còn hai tuần nữa ba sẽ bỏ nội đi xa. Như vậy là còn hai tuần nữa có thể ba sẽ không bao giờ gặp nội nữa. Ông nội đang và cơm nửa chừng buông đũa ngưng ngang, hớp vội ngụm nước trà, cặp mắt tối lại, chép miệng nói rất nhẹ. *Ba chờ cái tin đó lâu rồi.* Bà nội đang mớm cơm cho con khóc òa lên. Rồi thôi. Rồi không ai nói gì nữa. Đêm xuống mịt mù ngoài kia. Gió từ đầu vòm thổi xào xạc qua hàng lá thấp. Ông nội đi nằm sớm. Còn bà nội lo lui cui dọn dẹp mà thỉnh thoảng cứ nghe thút thít. Ba nằm trên võng đưa con ngủ, tim rã rời như vừa chạm phải chính ngay niềm tuyệt vọng khiến mọi tấm lòng vỡ ra, nát vụn. Đêm im lìm, biệt tích. Ngọn đèn cạn dầu cháy leo lét hắt bóng nội lên vách lá chập chùng. Cái bóng cũng buồn lây nên đổ xuống nằm xuôi tay nơi góc nhà. Biết vậy nhưng làm sao đây con. Dắt vợ con chạy trốn trước nạn nước ba đã cảm thấy tủi nhục hết sức lại còn mang thêm tội bất hiếu tày trời. Ra đi thì nguy hiểm chực chờ mà ở lại thì cũng như nhử mình trước miệng chó sói,

không biết bị bắt lại lúc nào. Mà có tiếp giúp gì được cho nội cũng cam. Đàng này một thân ba còn phải ăn nhờ ở đậu, chẳng làm được trò trống gì. Đã có lúc ba buồn và quẩn trí đến muốn tự vận. Muốn ra đi nhưng nhớ tới cảnh sinh ly tử biệt lại thấy bản thân mà ở lại rõ ràng là chỉ để chết chùm. Nghĩ tới ngày con lớn lên quần cái khăn quàng đỏ với tâm hồn bị nhiễm độc lòng ba không nở. Cái xã hội vô đạo làm sao ba thả con vào đó cho đành. Ra biển lớn chưa biết lênh đừ thế nào nhưng ở lại ba đắn đo thấy như chính mình cầm dao giết con. Vả lại đây là dịp may duy nhất. Giữa cái thời mà người ta tính đầu người bằng vàng lượng chưa kể những gian trá lừa lọc mà có người thiệt tình giúp đỡ chẳng đòi hỏi một xu nhỏ thì phải kể là hết mực hiếm hoi. Ba đã suy tính cặn cùng, cân phân lợi hại để sau cùng phải quyết định bỏ đi. Ba đã sắp xếp không biết bao nhiêu lời để về an ủi nội. Vậy mà đến chừng đối diện cảnh nhà miệng ba như cứng lại, mọi lời nói như bỏ trốn đâu mất. Làm như chữ nghĩa cũng đau lòng quá đổi nên lánh mặt để khỏi ngậm ngùi. Bà nội rửa tay rồi đòi bồng con vào giường ngủ chung. Ba nằm lại một mình trên võng khuya nghe đêm đi thăm thẳm. Nhìn qua kẽ vách sao hôm thưa thớt như một bầy đom đóm thất lạc. Chung quanh nhà tiếng côn trùng càng lúc càng rền rĩ. Có con vạc nào lẻ loi bay qua mà kêu nghe đứt ruột. Mãi đến gần sáng ba mới chợp mắt được một chút đã nghe tiếng lục đục nơi giàn bếp. Ông nội dậy pha trà sớm. Tiếng nước sôi reo lụp bụp khi gà chưa gáy sáng nghe như tiếng ai gọi lầm thầm. Ba ngồi dậy mở cửa ra sân sau. Sương đêm vả ra lênh lảng. Cây cỏ ướt như dầm mưa. Đêm sữa soạn quay đi còn bỏ quên lại vạt áo sương thả bay phất phơ trên mặt nước. Ngó quanh quất một lúc lại thấy lòng dấy lên niềm ân hận. Phải mình đang bứt lìa nướm ruột của cha mẹ già?

Ông nội lặng lẽ ngồi uống trà từng ngụm nhỏ. Chút khói mỏng như sương ngoài trời ai thổi nhẹ vào nhà phả lên mặt nội một vẻ gì hư ảo. Ba kéo ghế ngồi xuống bên nội nhấp chút trà đắng. Ông nội đằng hắng rồi nói chậm rãi, giọng

trầm thấp. Tại vận nước thôi con. Ba biết lòng con như biết lòng ba vậy. Nhà đông anh em, nhưng con là đứa ba từng yêu nhất. Lúc sanh con, giặc già tứ tung, má yếu quá nên chính tay ba bồng ẵm tắm rửa. Con ngủ với ba ngay từ mới sơ sinh. Năm năm nay ba khóc không biết bao nhiêu lần khi nhớ tới cảnh con tù đầy. Ba nuôi con bằng sữa mà ba còn nuôi con bằng chính hồn ba nữa. Trong mấy đứa con, con là đứa lớn lên giống tánh ba nhất. Ba thương hết thấy con cái, không phân biệt đứa nào, nhưng tại đúng thời đúng lúc, chính ba bắt miếng, dạy con nói, tập con đọc, cầm tay con đồ từng nét phẩy, nét sổ như muốn gửi gắm ở con những gì ba đã mơ ước cho mình mà không làm được. Ba cho con học theo tây để con không thua sút với người mà ba còn cho con học nho để giữ thay ba truyền thống của đạo lý gia đình. Lớn lên, con làm ba vừa ý lắm, chưa có điều gì để ba phải phật lòng. Ba biết con buồn khi phải xa cha xa mẹ. Nhưng con phải nghĩ thêm rằng cứu được đời con và cháu nội của ba là con cho ba má sống thêm vài năm nữa. Ba má già rồi, sống nay chết mai mà còn làm dây dưa khổ thêm con cháu thì cũng chi bằng chết sớm cho nhẹ nhàng con cháu. Tới giờ ba má sống đây cũng chỉ vì tội con. Ba ráng làm cho được vài công vườn phòng hờ mấy anh con có được thả về thì có chỗ mà nương náu. Chớ hơn bảy mươi rồi, ăn không còn thấy ngon, ngủ không đầy giấc thì kéo dài kiếp sống chỉ là hành xác thôi con. Chỉ tội nghiệp má con bầm sinh yếu đuối mà nhớ thương con cháu dần vật làm ba đứt ruột mà chỉ biết ngó chịu trận. Ba thì quần quật cả ngày ngoài vườn cũng khuây khỏa... Ông nội nói một hơi dài, trầm ngâm một lúc rồi nói tiếp: Con đi là phải. Xứ này không còn phải là chỗ của người có học. Đi để còn có cơ hội dạy dỗ con cái nên người như ý ba mong muốn. Vả lại trâu chậm thì uống nước đục. Ở lại một ngày là uống một ngày. Con đi xa xây dựng lại cho cháu nội của ba là báo hiếu cho ba má đó. Mang tội nó đi là giữ cho ba chút hy vọng của gia đình để còn có cơ nở mày nở mặt. Chớ còn ở lại đây chỉ có tận tuyệt thôi con.

Ba về đây cốt để thăm và tìm lời trấn an nội về chuyến đi xa của mình. Rốt cuộc chính nội tìm cách an ủi để giục ba đi. Đi để tìm đường sống. Lớn lên chút nữa con sẽ hiểu thế nào là lòng kẻ làm cha làm mẹ. Ông nội biết ba do dự nhưng ông nội còn biết hơn ba cái nghĩa của mấy chữ bao dung. Sự chọn lựa nào cũng có mất mát. Làm sao cho sự mất mát đó còn có ý nghĩa. Ba hiểu hết lòng của nội đang cố tình giúp ba hóa giải một hoàn cảnh khó xử chờ cha mẹ nào mà muốn xa con và nhất là biết rằng xa con lần này là xa đến vĩnh viễn. Ba khóc nhưng nội không khóc. Nội để tay lên vai ba xoa nhẹ nhẹ, cặp mắt già nhìn thấu cõi mệnh mông, lặng lẽ tới vô cùng. Nội nín thinh không nói gì nữa mà âm vang như còn dội lại trong lòng ba những lộn sóng dịu dàng. Sao tự dưng ba nhìn thấy trên gương mặt gầy gò héo hắt của nội một vẻ gì dũng mãnh lắm liệt của một bậc trượng phu xưa. Đó có phải là gương mặt của người hành giả tự nướng mình trong lửa đỏ để hiến cho đời miếng thịt cứu đói hay không?

Bà nội đã dậy từ lúc nào không biết từ trong buồng ngủ ấm con đi ra mà mắt đỏ hoe. Chắc bà nội đã nghe hết từ nãy giờ. Mà ba chắc đêm qua nội không ngủ được bao nhiêu bởi vì trông nội héo xèo như chiếc lá úa. Con thì đeo cứng lấy nội làm như quen hơi đâu đã lâu lắm rồi. Nghĩ cũng ngộ, con chỉ mới gặp bà từ chiều hôm qua thôi, vậy mà dường như hột máu xa đã nằm sẵn trong tim nội. Có phải không đó là cái người ta gọi là máu huyết ruột rà mà những chủng tử vẫn bay vùn vụt trong cõi thiêng để đợi giờ ngẫu hợp. Con nấn nín lấy nội, nhỏng nhẻo, nói năng lú lo làm nội vui nhiều hơn mà rồi chắc cũng buồn nhiều hơn, khi ba và con không còn ở đây nữa.

Ngày hôm đó bà nội nấu mâm cơm cho ba và ông nội ra cúng ở vòng mộ tổ tiên. Vòng thành xây bằng đá ong phần thì sụp phần người ta cạy gỡ trông hoang tàn đến tội nghiệp. Ngôi chùa nhỏ chỉ còn là đồng gạch vụn. Cỏ dại mọc lấn tới mộ chí. Ngó ông nội đứng lâm râm khấn vái ba

thấy lòng dấy lên nỗi thương cảm hết sức. Làm sao một mình nội đủ sức lo toan. Miếng ruộng, mấy công vườn, lại thêm mồ mả ông bà, chỗ nào cũng đòi công sức, tuổi bảy mươi đã mảnh như sợi chỉ còn trì kéo được bao lâu nữa? Tới phiên ba, ba phải khẩn vái thế nào? Hộ độ cho mình đi thoát nạn? Bảo trọng cho ông bà nội kéo dài thêm nữa kiếp nhục nhằn? Ba thấy mình như đứa con hoang đang đang phủ phục xưng tội trước những cặp mắt nghiêm khắc của cả một gia tộc. Đứa con cháu vô tài bất tướng đã để cho sụp đổ hết công lao của ông cha. Ở đây là cái xóm nhỏ nằm hiu quạnh cuối một góc trời, còn xa kia là cả một quê hương đã dành được từ trong núi xương sông máu. Tất cả đã mất hết như một cơn mơ. Một cơn mơ quá đỗi dẫn!

Ba lần thần đi vòng quanh mấy năm mộ. Mộ nhiều lắm, cả dòng họ ba đi đâu rồi cũng về nằm đây. Miếng đất nằm trên gò cao, ngó thẳng ra chỗ giáp nước, nơi có ba nhánh sông tụ lại. Nước chảy theo luồng, lững lững an nhiên bất kể ngày đêm. Những ngày mưa giông, sông đổ xối xả, khói nước bốc lên mịt mù ngó không thấy bờ. Chính chỗ xoáy nước sâu ngàn ngút đến chóng mặt đó có người nói là miệng rồng có vượng khí. Vậy mà sao chỉ thấy những đời đi thất lạc. Đã nhiều năm giặc đuổi người sống chạy thất điên bát đảo chỉ còn người chết ở lại đây nằm trơ trọi dưới ba tấc đất. Bây giờ hết giặc rồi mà con cháu cũng chẳng thể tự về, lại còn tính chuyện bỏ đi xa. Những người đầu tiên chọn cuộc đất có nghĩ được rằng sẽ có những đàn con cháu đi rồi không thể trở về? Trời trưa đứng bóng, không gợn một vẩn mây. Gió cũng bỏ đi đâu mất. Cả một không gian như đứng sững, bất động. Có một lúc ba thấy tưởng chừng thời gian cũng ngừng lại nữa, mỗi một hạt bụi một cọng cỏ đều có vương vất một cái gì đó cứ làm mình thắc thỏm như có bóng hồn xưa nào hiện về. Rồi mùi cỏ khô, rơm rạ pha lẫn mùi sỏi đá rong rêu lâu ngày bốc lên từ lòng đất phưởng phất một thứ hương cổ thổ làm người cứ ngầy ngật bồn chồn. Đằng sau chỗ nội đứng một và bông

lau bay phơ phất. Sao ba thấy nội xa như đã ở ngoài cõi lự.

Đêm đó trong nhà lục đục tới khuya mặc dù không ai có chuyện gì để làm. Ông nội dành con trong tay bà nội ẩm đi tới đi lui. Bà nội lẩn quẩn đi theo. Hai ông bà như có trăm điều để nói mà rồi không nói gì hết ngoài mấy chuyện mưa nắng. Mà có lời nào hơn để nói đâu con bởi vì một lời động đến chuyện đi xa sẽ là một lời tử biệt. Một lời nấn nối nghe ra như trăm trời vậy thôi. Ba hết nhìn ông nội, nhìn bà nội rồi nhìn con. Ba cố tìm một lời khuây khỏa bởi vì ba biết giờ ly biệt đã cận kề nhưng rồi ba cũng chỉ im lặng. Ba giờ khuya đêm nay chuyển đồ Tân Thiện lên tỉnh sẽ chạy ngang qua đây, ba và con sẽ từ giã nội xuống đò. Trong đêm tối mập mờ chắc mọi người sẽ không nhìn rõ mặt nhau, chắc mọi người sẽ khóc, có thể sẽ khóc rất thảm vì sợ mấy khách đi đò để ý. Nhưng dù thảm lắng cách mấy thì đó cũng sẽ là những giọt lệ cay đắng nhất của một kiếp người.

Nửa đêm ông nội bỏ đi vào phòng một lát rồi trở ra dúm vào tay ba tấm huy chương đồng của bà nội. *Con giấu đem theo làm kỷ niệm.* Cái huy chương Giáo dục bội tinh mà chánh phủ đã trao tặng cho bà nội như một tri ơn của đất nước sau hơn bốn mươi năm tận tụy dạy học, với cả ngàn môn sinh thành đạt giữ những chức vụ trọng yếu trong xã hội trước. Món kỷ vật mà ông nội đã trân trọng cất giấu sau bao nhiêu tai biến bỗng trở thành chút tài sản cuối cùng của gia đình mà nội muốn để lại cho ba. Có phải đó là lời dặn dò chót của một tâm hồn cao ngạo, chút khí tiết sót lại của kẻ sĩ ở cuối cuộc phong trần. Trong cái nhìn dịu dàng mà dứt khoát của nội ba nhìn thấy trùng trùng những tiếc thương, uất hận nhưng rõ hơn hết là cái kiêu hãnh kín đáo, lặng lẽ nhưng chắc nịch, của một người biết mình đúng và sẵn sàng hy sinh để bảo vệ niềm tin đó. Một ông già bảy mươi tuổi, sức sống đang chảy mòn đến giọt cuối mà sao lừng lững như chiếc đỉnh đồng giữa đình làng. Ba ôm

lấy nội và trong một thoáng ba thấy mình nhỏ nhoi, non nớt giữa lồng ngực nội mệnh môn. Ba bỗng thấy tiêu tan hết những đau khổ mà ba đã gánh chịu từ mấy năm nay bởi có đáng gì đâu con nếu đem so với cái núi trâm luân mà nội đã trần vai vác mỗi, nhất là từ lúc đời lộn kiếp thả cho thú dữ nhoi lên làm người. Hãy hình dung sự chịu đựng của lớp đất đá mỏng tanh đang kềm giữ cái khối dung nham hừng hực, con sẽ hiểu. Sự chịu đựng còn dữ dội hơn ngàn lần cơn phần uất cốt chỉ để bảo toàn người bạn đời tấm mỏng đang mồn hơi vì chờ đợi. Thử tưởng tượng cảnh người làm xiếc đi trên sợi giây căng ngang miệng vực vừa công thêm người bạn đồng hành mang thương tích thập tử nhất sinh, con đường khổ nạn thì dài như không có chỗ tới, con sẽ biết. Hình dung thêm chút nữa một ngày của nội giữa vòng dây thù địch, con sẽ thấy. Lợi bộ năm bảy cây số đường đồng từ hai ba giờ khuya, đến sắp hàng từ bốn giờ sáng để chờ mua năm ba lít xăng chạy máy bơm nước ruộng khi trời làm khô hạn, đến đứng bóng vừa tới phiên mình thì tên cán bộ xã lạnh lùng lắc đầu bảo không đủ xăng bán cho gia đình nguy. Răng có cắn chặt môi đến đỏ máu chắc cũng không nuốt được hết bão bùng. Vậy mà nội không nói một lời, không van xin cầu khẩn, nội không nói lời nào hết, chỉ lặng lẽ xách thùng lợi năm bảy cây số đường đồng trở về, chờ đêm canh nước xách gàu lặng lẽ ra xẻ mương tát nước. Suốt một mùa ruộng như vậy đó con. Suốt hai mùa, rồi ba mùa... như vậy đó con. Người đàn ông phong lưu văn vật, vốn liếng chữ nghĩa ngàn ngút, với lòng trung thực thẳng như giây cung và trọng nghĩa nhân hơn mọi thứ trên đời còng lưng đứng tát nước một mình đêm này qua đêm khác, con thấy không con, giữa bóng tối mịt mù của đêm quê hương khổ nạn, để dành lấy từ tay trời đất hạt gạo thừa cho mình và cho người bạn ấm lạnh của mình qua cơn dày dạn. Làm sao nói hết với con hằng hà tử nhục đờn đau của kẻ trượng phu cố giữ thế đứng thẳng băng trong khi miệng lang sói cấu xé. Bao nhiêu máu đã rỉ tuôn còn bao

hiều nước mắt đã nuốt trửng hết vào lòng. Năm năm đã qua, còn bao nhiêu năm nữa sau khi mình đã đi rồi, ông bà nội còn ở lại?

Khuya đó, ông bà nội đốt đuốc đưa cha con mình ra bờ sông chờ đò lên tỉnh. Nước lớn mình mông chảy lênh láng sát mé. Gió như bầy thú sút chuồng rượt đuổi nhau chạy giỡn ngoài vàm trống. Ba đứng giữa quần kín con trong chiếc khăn lông ôm sát vào lòng. Ông bà nội đứng hai bên chắn gió, dáng bà nội xiêu xiêu như tàu lá. Con chó Lu già sục cũng lẫn quần chạy theo chân, nằm ngốc mỗ bên chân nội. Ngọn đuốc cháy bập bùng, chập chờn mấy cái bóng im im. Đêm chưa muốn sáng thao thức chờ mấy vì sao đến muộn. Rồi đò tới. Ông bà nội ôm hôn ba và con lần chót. Ba quay mình bước xuống đò ngoái nhìn lên thấy bờ bãi lạnh tanh. Hình bóng nội lung linh như có như không. Đò quay mũi. Ngọn đuốc sắp rụi hắt đóm lửa cuối bùng lên đủ cho ba nhìn thấy hai khuôn mặt thân yêu lần nữa. Mặt bà nội ướt dẫm như sương. Mặt ông nội hun hút hần sâu như khắc. Ba còn thấy kịp nữa con hình như chân bà nội khịu xuống tay ông nội dang ra đỡ rồi đuốc tắt ngấm, đò chạy xa thêm, bóng tối trùm lên mù mịt. Đò chạy xa thêm. Ba mất nội và mất cả quê hương từ lúc đó.

Hai tuần sau, đúng như dự tính, ba mẹ và hai con rời bỏ Việt nam. Cũng đêm tối mịt mùng, cũng con thuyền nhỏ xíu. Nhưng lần đi này không có ai đưa tiễn. Cũng không có gì để cù bị mang theo. Tất cả ba đã bỏ lại từ hai tuần trước. Tất cả đã bỏ lại trong căn nhà nhỏ nằm cheo leo bên vàm sông Cái, giữa mấy luống đất khô cằn, trong nhịp võng hắt hiu, trên mâm cơm chiều thui thui. Ba đã bỏ lại hết ở đó đạo hiếu tử, nghĩa tận trung. Ba đã bỏ lại hết ở đó niềm nhớ thương với vợ, nỗi tiếc hận mang mang, và nhất là tấm lòng thương phế mã không lành. Ba chỉ đem theo có tấm huy chương đồng may giấu trong mấy lớp áo lạnh và một vừng hình bóng của nội rừng rực trong đầu. Khi thuyền ra tới cửa biển, ý thức vừa chạm đến cỗi lớn lao bỗng

nhiên ba nhớ nội thê thiết. Rồi cùng lúc hình ảnh tấm thân đầy thương tích của anh Bình, cái chân cụt của anh Nhơn, cơn uất hận của bao nhiêu người bạn tù đầy, cuộc sống tất nghên của những phận người còn kẹt lại đó... bỗng hiện ra chập chùng, chập chùng như từng lớp sóng nhấp nhô xa mút đến không thôi. Phải rồi, như sóng vỗ triền miên vậy, những vết thương trời biển đó sẽ còn đau mãi đến cuối đời. Cái cơn đau kỳ quái được nhắc nhở bằng mấy miếng đạn kẹt cứng trong xương thịt, bằng khoảng trống của bàn chân thất lạc, bằng chén cơm khô trộn lửng nước mắt, và sau hết bằng triệu triệu chia cách đoạn lìa. Người ta sẽ sống và chết với cái vết thương không bao giờ lành miệng. Bởi vì đó là những cơn đau quá khổ ở ngoài tầm cảm nhận của con người. Chính ba sau nhiều năm lưu lạc ở xứ xa tưởng lòng đã chai sạn, vậy mà lắm khi chợt nhiên nhớ lại thấy đau y nguyên như mới bữa hôm qua hôm kia. Cái đau thương không ở lại bên đó, nó theo sang bên này dù cách nhau một lòng biển. Cơn đau lớn quá, lớn tới muôn trùng. Mười năm sau bà nội con mất. Rồi tiếp đó vài năm, ông nội như chiếc đũa lẻ đôi cũng buồn mà qua đời. Cả hai lần miếng vải xé khăn tang cho ba để dành lại qua bên, không người đội. Ba ở bên này, cách trời cách biển, ba ôm hết hận tủi một mình. Cả hai lần sao ba thấy nỗi đau đông đặc đến gần như không chia sẻ được với ai. Hai lần ba ghé lại ngôi nhà thờ nhỏ cuối dốc phố, mặc dầu không có đạo, một mình ba ngồi trong góc khuất giữa buổi trưa vắng người. Ba ngồi ở đó, một mình, khóc lặng lẽ. Dưới cái vòm nóc cao đến thăm thẳm, sâu trong tận cùng của im hơi, ba nhìn thấy lại từng mảng đời qua. Kỷ niệm vụn rời, từng hồi từng đoạn chồng chất lẫn khuất vào nhau không đầu không đuôi. Từ hạnh phúc đến khổ đau sao chỉ có chập chùng đầu bể. Lần nào cũng vậy, ở cuối cuộc truy niệm ba vẫn thấy một nỗi ân hận lớn lắm. Làm như ba đã thiếu sót một điều gì chẳng những đối với nội mà còn đối với đời chung quanh nội nữa. Sao ba thấy nội như cả một trời quê hương ba đã

đánh mất. Nội và quê hương trộn lẫn vào nhau nằm bất ngát trong lòng ba đã tự một thuở nào, lâu lắm. Cái quê hương khốn khó tội tình của những-anh-bình, những-anh-nhơn, của mấy chục triệu anh em khác họ bị bỏ lại bơ vơ côi cút trong rẻ rúng lãng quên. Ba thấy nội như chính dòng sông bến nước ba đã qua một lần, và đã quay mặt đi luôn không ngoảnh lại. Sao có một cái gì giống nhau đến tê tái giữa hình ảnh nội tóc bạc lưng còng và mảnh đất cong cong cần cỗi. Phải không? Cũng bao nhiêu chùng ấy khổ đau, cũng bao nhiêu chùng ấy oan ức. Phải nội chính là cái quê hương lầm than mà ba đã nhớ thương một cách vô vọng và vẫn tiếp tục nhớ thương một cách vô vọng từng phút từng giây. Nhớ thương trong sự bất lực thảm hại bởi vì rồi ra ba có làm được gì đâu cho cuộc lầm than đó. Chùng như sẽ không bao giờ ba biết được hết cái biển khổ mà nội đã trầm luân cũng như nỗi tuyệt vọng mà đất nước đã hệ lụy.

Tuổi già cũng lạnh như đất mẹ, lệ nhỏ như sương đầu thấm ướt được vạt áo người đi xa quá bước. Có phải giọt lệ của nội là cơn mưa đầu hạ, hay chính cơn nước lớn nước ròng là nỗi lòng nội hoang mang? Làm sao ba biết được buổi chiều ba mươi tết nào nội trông đứng trông ngồi có đứa con nào về bất chợt, hay cơn nắng hạn nào làm đất đai nứt nẻ giống y như sự chờ đợi vô vọng làm khô héo tuổi già. Những đêm rằm nào con trăng bị xẻ làm đôi, nửa cho nội ở quê nhà nửa gởi cho bấy con thất lạc. Còn bao nhiêu mùa màng thất bát vì thiếu nước thiếu phân. Còn bao nhiêu ép uổng mà nội phải cam tâm, bao nhiêu thúc bách mà quê hương phải khứng chịu. Miếng cháo rau nội nhín nhút từng bữa cũng giống như cơn ngặt nghèo của đất nước túng cùng. Kể làm sao hết được cơn bởi vì chính những cái vụn vặt đó là đời sống hằng ngày của người bị lưu đầy trên chính quê hương trong khi bấy con cháu bị lưu đầy ngoài ngàn dặm. Nói cảm thông là cảm thông phơn phớt ngoài da làm sao đau thấu cái đau trong thịt. Nói thì nói là trăm cay

ngàn đấng mà thật ra làm sao đếm được cay đắng đây con. Người đi xa, rất xa, làm sao nghe được tiếng đoạn trường của người ở lại bởi vì chiếc cầu đoạn trường nào cũng lốt bằng mấy manh ván vô tình. Cho nên người ở ngoài có khi thấy lòng mình thanh thản tưởng như đời đã lặn hết phong ba.

Mà thật ra đâu phải vậy, mót ở bên kia biển lớn, cho mãi tới bây giờ, những phận người vẫn chẳng khác mấy cọng rau răm lúc trời trở gió, ở lại rồi gánh hết tội tình khi ngọn cải đã bỏ bay xa.

(gởi tặng em tôi)

Hạc Thành Hoa

Tinh cầu lạnh

Sương tan chiêm bao đêm nguyệt lạnh
Mây trắng về phơi bóng dị thường
Em đi tắt lửa đời mệnh bạc
Đêm trắng hoa cười lạnh buốt xương

Trời nặng vô biên hồn kinh động
Đất rộng mù khơi biết về đâu
Thần phách ngả nghiêng ta cười ngất
Một vết thương em vạ cổ sâu

Từng đêm trăng múa trên đầu sóng
Trăng cười khiêu vũ với yêu ma
Men nhạt không mờ đôi mắt héo
Gió quạt hồng thêm mảnh ác tà

Đêm là ánh sáng của trăng huyền
Hơi thở tơ chùng mặt đất nghiêng
Một bóng huỳnh qua tỉnh cầu vắng
Nghe trời tê dại nhớ thương em □

Ng~ th Tường Vy

Chứng đó, kỷ niệm

Trong tôi là giọt lệ mừng
Là hương sắc ủ nghe chừng dậy men
Là đam mê tưởng hoa niên
Là tình yêu, dấu muộn phiền không thôi
Là đêm phố cổ lạc loài
Là nụ hôn giấu mùi hôi bạc hà
Là dòng nhạc nổi trắng hoa
Là ngón tay nắn tình xa lại gần
Là hàng nút mở ân cần
Là nơ bướm đậu tần ngần vai ngoan

.....

Ờ còn hơi thở vội vàng
Còn giọt nước mắt ...muộn màng, khóc nhau.

Sầu ru

Ru em, bỏ dạ phân vân
Ru cho hết mấy lần xuân đời chờ
Ru như chất cả hồn thơ
Ru sao vết hết mộng mơ một đời
Ru em nhẹ lấm tình ới
Ru em mặn lấm mùi hơi vợ chồng
Ru bằng tình suốt nghĩa sông
Bằng con nước lớn nước ròng ru trắng
Bằng núi cản bằng đèo ngăn
Bằng xa thân thể bằng gần con tim
Bằng ngó chấp bằng tơ chằm
Bằng thiên thu ngắt lịm nằm, chịu ân

Ru em từ thuở tiền nhân

Từ trong hiện kiếp, từ lần mai sau
Dấu ru mà vẫn thấy sâu

Sáng trăng

Em xa như giọt sương gần
Em gần như ánh trăng tần ngần rơi
Em buồn như vệt son rời
Nửa phai ngấn cổ, nửa tươi rói đời □

Trần Bang Thạch

Mẹ Từ Trên Mây

“Thành quả mà chúng tôi có ngày hôm nay đều là do mẹ tôi hết. Từ trên mây, mẹ tôi luôn nhìn xuống anh em chúng tôi và hướng dẫn chúng tôi từng bước làm theo mẹ”.

Mở đầu cho bài phỏng vấn đăng trên tờ báo địa phương The NorthWest Star hôm nay là câu nói trên của người con trai nhỏ nhất của gia đình Hays, cậu Stanley, tháng này vừa tròn 22 tuổi, một tân khoa của Đại học Texas tại Austin. Bài báo có kèm bức ảnh màu chụp bốn cha con nhà Hays đứng sau mộ bia bà Carol tại khu nghĩa trang nằm trên đường Montgomery, vùng Tây Bắc Houston. Cả bốn người đàn ông đều có nụ cười rạng rỡ. Và tôi chắc chắn nơi tuổi vàng, hay theo cách nói của Stanley, nơi mây từng mây bạc trên cao, bà Carol cũng đang có cái cười thật tươi khi nhìn xuống thấp. Hôm nay đây là lần đầu tiên sau 14 năm cả bốn cha con mới có dịp cùng nhau mang niềm vui của mỗi người đến nghĩa trang tặng cho người vợ, người mẹ thân yêu đã chết 14 năm trước. Thời gian 14 năm để ước vọng thành hình chắc là không quá dài; nhưng 14 năm để phần hồn một người chết còn nặng nợ trần ai, cứ quẩn quanh nơi cõi thế này thì thật là dài. Dù sao thì đem thành quả đạt được trong học tập để dâng lên mẹ cũng là một hành động báo hiếu thật nhiều ý nghĩa và quý giá hơn bao nhiêu điều khác. Tôi nhớ tháng này cũng vào mùa Vu Lan, mùa báo hiếu. Chắc bốn người đàn ông trong ảnh không biết gì về ý nghĩa mùa Vu Lan của văn hóa ta đâu, nhưng chuyện hiếu thảo đối với ông bà, cha mẹ thì ai cũng có và có thể thể

hiện bất kỳ lúc nào. Sự trùng hợp này cũng là một điều thú vị.

Hôm đó tôi trách người làm bản tin đã không có bức ảnh nào của bà Carol Hays in trên trang báo để đọc giả miễn mộ nhìn được dung nhan của bà. Sau này nghĩ lại tôi thấy người ký giả ấy nếu không tể nhị thì cũng cao tay ấn lăm: Ông muốn nói với những đọc giả có ý nghĩ hời hợt như tôi rằng: lúc còn sống bà Carol đã quên mình mà lo cho chồng con thì khi đã chết rồi còn sá gì cái nhân diện của tấm thân ngũ uẩn. Phương chi nói tới thành quả của chồng con bà hôm nay chính là nhắc nhớ một đời vượt khó của bà, một đời tận tụy với chồng con, một đời đem niềm ước mơ của mình gieo vào tâm trí mấy đứa nhỏ. Đó, trên gương mặt vui tươi của người chồng có hình ảnh người vợ đã một đời đắng cay, khổ cực mà không một tiếng than. Đó, nơi khoe mắt sáng ngời của ba đứa con là tấm lòng bao la như trời như biển của người mẹ. Và trong niềm vui hôm nay của mọi người trong ảnh ta thấy lúc ẩn lúc hiện đâu đó trên mấy tầng mây bạc một dáng hình như thần như thánh với nụ cười làm sáng rực một vùng không gian. Cho nên hình ảnh bà Carol Hays mệnh mông, vĩ đại quá, làm sao có trang báo nào thể hiện được hết. Chắc chắn người vui nhất hôm nay phải là bà Carol Hays, người đàn bà da màu nghèo khó, phải đợi cho đến 14 năm sau khi chết mới thấy được ước mong của mình đã hoàn thành. Thật sự nếu ta biết được tình cảnh gia đình Hays lúc bà Carol còn sinh tiền thì ta mới thấy được hôm nay niềm vui của người chết to lớn tới cỡ nào.

Từ thời còn nhỏ, cô Carol La Salle đã sớm thấy cảnh đời đen tối của mình. Thuở đó chưa có những gì gọi là phong trào đòi nhân quyền rầm rộ, người da màu bị kỳ thị ở nhiều nơi. Đến đầu thập niên sáu mươi mới có những

vận động tích cực của những người như Mục sư tiến sĩ Martin Luther King. Gia đình La Salle từ Morocco di dân sang Hoa Kỳ từ sau thế giới đại chiến lần thứ nhì, cô con gái đầu lòng Carol lúc đó chỉ hơn một tuổi. Những năm tiếp theo bà La Salle sinh thêm 2 trai nữa. Cha là một cựu quân nhân thuộc quân đội Anh, trở thành một phế nhân với ống chân mặt đã bị miễn đạn cửa đứt, thị giác chỉ còn hoạt động một nửa, đó là những thương tích để lại sau trận Nuremberg hồi giữa tháng Tư 1945, trận đánh quyết định chiến trường Âu Châu. Mẹ là người đàn bà quê mùa sống ở miền quê hẻo lánh vùng cực bắc của Morocco, không chữ nghĩa, chẳng có một nghề trong tay và chẳng biết một tiếng Anh nào. Sang Mỹ, ông bà như bị đẩy vào một thế giới lạ lẫm, không bạn bè, không người thân. Mỹ quốc là một nước giàu, nhưng gia đình La Salle là những người nghèo nàn nhất trong số những người nghèo. Sau khi sanh người con trai út cuối năm 51 thì ông La Salle từ trần; mấy năm sau thì bà La Salle cũng theo ông mà ra đi, lúc đó cô con gái Carol chưa quá 10 tuổi. Chị em cô được một gia đình không con nhận nuôi. Tình trạng chị em Carol đã không khá mà còn tệ hơn nữa. Cha mẹ nuôi cũng là người da màu, không có nghề nghiệp nhất định; cả hai đều nghiện rượu rất nặng, họ sống thiếu thốn trong căn chung cư nghèo nàn vùng Fifth Ward. Bao nhiêu tiền trợ cấp của chánh phủ bị đổ vào bia rượu. Ba chị em Carol thường xuyên bị đói lạnh và bị đánh chửi. Trời sanh trời dưỡng, ba chị em cô lớn lên rồi cũng theo thời gian mà lớn lên như cây như cỏ; nhưng việc học hành thì bị gián đoạn thường xuyên vì gia đình cha mẹ nuôi cứ di chuyển hết khu nghèo nàn này đến khu u tối khác. Nhiều đêm Carol mơ thấy mình mặc một chiếc áo đầm mới, mang một đôi giày mới; mơ thấy mình cùng các em ngồi trong lớp đàn hoàng, không lo lắng, sợ sệt; mơ một ngày cả ba chị em cùng ra trường, mũ áo chỉnh tề, nét mặt rạng rỡ, hân hoan như hàng trăm

ngàn các học sinh khác trên toàn nước Mỹ. Đời thì có bao giờ giống như giấc mơ. Không học hành được bao nhiêu thì khi vừa đúng 16 tuổi Carol phải bỏ học để đi làm cho một công ty quét dọn nhà cửa. Đến năm 17 tuổi thì Carol lấy chồng. Cũng năm đó hai thằng em trai bỏ nhà đi mất. Sau này biết được một thằng bị băng đảng thanh toán ngay trên đường phố giữa ban ngày; còn một thằng thì ngồi tù chung thân vì tội giết người. Những khốn khó như cánh tay hộ pháp nối dài theo ngày tháng tiếp theo cứ đim Carol người đàn bà da màu bé nhỏ xuống hết vũng lầy này đến những hố thẳm khác, đim thật sâu, không cho nàng một lúc nào ngó ngoai để ngược nhìn một chút mặt trời le lói trên thân phận mình. Gặp phải một người chồng vũ phu, nghiện ngập, hút sách, bà Carol như một cánh lá sắp rụng xuống vực sâu nếu không có mấy đứa con làm lẽ sống. Là người đã mất cha mẹ từ nhỏ, bà Carol đã hiểu thế nào tình cảnh cút côi, nên nhiều lần bà gạt bỏ ý nghĩ ly dị. Bà cắn răng chịu đựng để các con còn sống dưới một mái nhà với cha. Là người hiểu rất rõ thế nào là cảnh sống của người thất học trong một xã hội văn minh, kỹ thuật, càng ngày càng trọng chữ nghĩa, nơi nào cũng đòi hỏi nghề nghiệp chuyên môn và xem trọng bằng cấp, nên bà Carol đã tận tâm, tận lực tạo điều kiện để các con thành những học sinh bình thường như những học sinh khác. Sự việc cậu con cả Andy bị đuổi học giữa năm lớp 11, rồi phải đi làm lao động cho một hãng thầu xây cất là một thất bại và là một nỗi đau quá lớn cho bà Carol, bà buồn khổ thật nhiều, bà đã khóc thật nhiều, nhưng bà không nản lòng. Bà biết sự cố gắng của bà chưa đủ, sự dạy dỗ của bà đối với các con vẫn còn thiếu sót. Bà biết bà cần phải cố gắng hơn nữa. Bà bỏ thêm nhiều thời giờ với các con hơn nữa. Bà tìm cơ hội đến nói chuyện với các thầy cô giáo của các con, bà tham dự các buổi họp phụ huynh học sinh, bà cùng các con, nhiều khi có cả ông chồng,

tham dự các thánh lễ mỗi Chủ Nhật. Là người ít học, nhưng bà Carol biết rõ một điều : cuộc sống là một sự vươn lên, vươn lên không ngừng, mỗi ngày mình thêm mới, thêm tốt đẹp thì tương lai sáng sủa càng đến gần. Cha mẹ bà và chính bà đã không có cơ hội nào để vươn lên nên tương lai tốt đẹp không hề đến với họ. Rất may cho bà, cậu con kế Antoine và cậu con út Stanley rất thương yêu mẹ và có vẻ rất nghe lời dạy bảo của mẹ. Bà Carol mừng rỡ suốt một ngày chồng bà rời bỏ con đường nghiện ngập để trở lại làm người cha tốt; cậu con cả trở lại lớp để ít nhất cũng có bằng tốt nghiệp trung học và có được một nghề chuyên môn; hai cậu con kế thì phải hoàn tất bậc đại học. Càng nghĩ nhiều tới viễn ảnh tốt đẹp ấy, bà Carol ngoài công việc nặng nhọc nơi chỗ làm, ở nhà bà kiên nhẫn, nhịn nhục sẵn sóc chồng, tận tâm dạy dỗ con cái. Bà như đã quên mình từ lâu. Có thể cái tên của bà bà cũng không còn nhớ!

Cho đến một ngày bà Carol không còn có mặt trên đời này để nghĩ đến mình hay tự tay sẵn sóc chồng con nữa. Có chăng là từ một cõi khác, bà Carol đã phù trợ cho những người thân yêu còn lại.

“ Năm đó tôi chỉ mới 8 tuổi thôi, nhưng tôi không bao giờ quên được đêm mùa đông lạnh lẽo, khắc nghiệt ấy. Đêm đó một cơn bão dữ dội đi ngang qua thành phố từ vịnh Mỹ Tây Cơ. Tin tức thời tiết đã có dự báo về cơn bão này nhưng không ngờ nó mạnh bạo đến như vậy. Nhà cửa, cây cối sập ngã nhiều nơi. Trên TV đã chiếu nhiều đám cháy. Đã có người chết. Mưa như trút nước từ một đại dương trên cao. Gió xoáy cuộn như những cơn vụ khổng lồ. Ba thì chắc đang say sưa ở một quán rượu nào đó. Còn mẹ thì có một lần điện thoại về, mẹ nói mẹ cố hoàn tất công việc quét dọn tại một ngôi biệt thự khu cực bắc ngoại ô thành phố. Anh Andy thì đang kẹt đầu

đó nơi chỗ làm. Trong nhà chỉ có anh Antoine và tôi. Anh Antoine năm đó 12 tuổi. Không còn điện, nhà cửa tối om. Căn chung cư bằng cây gỗ có số tuổi gần trăm năm không biết còn đứng vững được bao lâu trong cơn lốc xoáy đêm nay. Hai anh em chỉ biết nhìn cơn mưa đục trắng cả bầu trời mà mong những người thân trở về. Trong cơn giận dữ của trời đất với mưa to, gió lớn, sấm nổ rền trời, giữa cái lóe sáng của một loạt tia chớp, từ khung cửa sổ căn chung cư tầng thứ tư, anh em chúng tôi thấy mẹ như một cái bóng trắng mong manh len lách giữa hàng cây to ven đường, có lúc mẹ là chiếc lá nhỏ nhoi dong đưa trong trùng trùng gió bão. Sau này tôi nghĩ ông Trời đã nhiệm mầu làm nên những tia chớp đúng lúc chúng tôi nhìn về hướng ấy để thấy thật rõ ràng giây phút mẹ tôi đang lao đảo rồi từ từ khuy xuống mặt đường. Khi hai anh em chúng tôi xuống tới nơi thì mẹ đã ngất xỉu. Chung cư nghèo nàn không có thang máy, anh Antoine ráng sức cố mẹ chạy lên cả trăm bậc thang gỗ. Không có điện, chúng tôi thắp lên một ngọn nến nhỏ. Không còn đường dây điện thoại để gọi cấp cứu, anh em chúng tôi dùng phương pháp hô hấp nhân tạo và xoa nắn, ủ ấm, hy vọng mẹ tỉnh lại. Tôi chạy khắp các hành lang, gõ cửa từng nhà. Đâu có ai nghe được tôi trong tiếng thét gào của mưa gió và tiếng sấm rền. Thỉnh thoảng vài tia chớp ngoài cửa sổ để chúng tôi thấy tay chân mẹ có nhiều vết trầy xước rịn máu đỏ; còn mặt mẹ thì như tờ giấy trắng nhàu nát. Ngay lúc đó, dù còn bé, tôi cũng đã hiểu rằng mẹ đã một thân một mình chống chọi với cơn giận dữ của thiên nhiên để về với con cái. Mẹ đã quên mẹ hoàn toàn, mà trước mắt mẹ chỉ có mấy đứa con nhỏ đại trong cơn phong ba bão táp. Mẹ biết giờ phút ấy hai đứa con nhỏ của mẹ đang lo lắng, sợ sệt trong cái chung cư ọp ẹp, cũ kỹ, có thể sụp đổ hay phát hỏa bất cứ lúc nào. Như một tia chớp ngoài trời, mẹ bỗng ưỡn người tỉnh lại. Trong bóng đêm nhập nhòa, tôi thấy đôi mắt mẹ

bỗng sáng rực và đôi môi mẹ nhếch cười. Mẹ tìm bàn tay của anh em tôi, nắm thật chặt, cố gắng nâng hai cánh tay chúng tôi đưa lên cao. Mẹ không làm được, chúng tôi phải cầm tay mẹ nâng lên, mẹ lộ vẻ hài lòng. Với bốn cánh tay vươn cao, mẹ thì thào: *“Vươn lên...lúc nào cũng phải vươn lên...tiếp tục vươn lên làm con người tốt, có học và có đức. Phải có mục đích để nhắm tới. Đạt được một mục đích chưa phải là xong...Còn nhiều mục đích kế tiếp...Mẹ xin lỗi phải ra đi quá sớm, nhưng mẹ sẽ tiếp tục cầu nguyện, dẫn dắt và phù trợ các con, cả cha các con nữa. Hãy tha thứ cho mẹ... ”*. Mẹ tôi còn nói nhiều nữa nhưng người chỉ thì thào trong cổ họng. Rồi như ngọn bạch lạp lóe sáng lên lần cuối, mẹ bóp chặt tay anh em chúng tôi, nở một nụ cười thật rạng rỡ, rồi từ từ xuôi tay, nhắm mắt. Anh em chúng tôi chỉ còn biết kêu lên thảng thốt: *“Mẹ, mẹ, mẹ...”*. Anh Antoine chạy đi đập cửa khắp nơi. Đôi ba người đến, làm vài động tác sờ nắn, nói vài lời gì đó rồi buồn bã bỏ đi khi biết họ không thể làm gì được cho người đàn bà nghèo khó, xấu số, trong đêm mưa bão này. Chúng tôi cứ bấm số cái điện thoại vô hồn đã mất liên lạc với tổng đài từ lâu. Chúng tôi khan cổ gào khóc, cuối cùng tôi chỉ biết ngồi ôm xác mẹ suốt đêm; còn anh Antoine thì cũng suốt đêm quì ngoài hành lang giữa mưa to gió lớn cầu nguyện, hy vọng đáng quyền năng đã có mãnh lực làm nên mưa bão thì cũng có thể đưa mẹ trở về với chúng tôi. Tờ mờ sáng hôm sau thì anh Andy về nhà; mới hay mẹ đã chết từ đêm qua; anh thấy cái xe của mẹ đậu cách chung cư một con đường, nước ngập gần tới tay lái; còn ba thì về nhà sau khi thì thào mẹ đã được chở đi giải nghiệm tại quận hạt Harris.

Từ đó tôi đã cảm nhận được thân phận lẻ loi của mình. Tôi biết cái bóng mát dịu dàng đã xa anh em chúng tôi. Tôi biết tôi không còn nghe tiếng khóc rấm rức nào nuốt giữa khuya của mẹ. Và có lẽ cũng từ cái đêm bão bùng

đau đớn đó, anh em chúng tôi đã thấu hiểu sâu xa ước vọng của mẹ và những lời trăn trối của người.

Mười bốn năm đã qua rồi mà tôi còn nhớ như mọi việc chỉ mới xảy ra hôm qua. Bốn cánh tay chấp chới đưa lên cao và những lời thì thào trong mưa bão: *Vươn lên... vươn lên...* Mười bốn năm, như một thói quen từ nhỏ không bỏ được, ngày nào tôi cũng nhìn mẹ tôi trên mấy tầng mây bạc, lắng nghe từng lời âu yếm của người. Không biết từ khi nào tôi có ý nghĩ rằng cũng từ trên cao đó mẹ tôi ân cần dẫn dắt những người thân yêu của mẹ vượt ngàn thương khó. Bao nhiêu sạn đạo chúng tôi đã đi qua chắc chắn có mẹ tôi đồng hành. Tấm lòng của mẹ muôn đời vẫn là biển cả mênh mông, ngàn đời vẫn là rừng sâu núi dựng. Cây cành chúng tôi mỗi ngày một vươn cao, xanh tốt chắc chắn là cũng từ phân bón mẹ. Tôi biết mẹ tôi vui vô cùng khi tôi 14 tuổi đã đoạt giải Khoa Học Quốc Gia dành cho những nhà khoa học tương lai và suốt những năm học sau đó tôi được xếp vào hàng ngũ học sinh xuất sắc nhất của toàn nước Mỹ. Mẹ tôi đã dạy: Vươn lên nếu không muốn bị nhận chìm xuống đáy. Hai tháng trước tôi đã nhận bằng cử nhân toán với hạng tối ưu. Tôi dự trù thêm 4 năm nữa để hoàn tất chương trình tiến sĩ giáo dục, hy vọng được làm một giáo viên tiểu học tại một học khu nghèo nàn. Anh Antoine của tôi, với bằng cao học vật lý, đang là một giáo viên dạy lớp Ba tại khu Fifth Ward, nơi mẹ tôi cư ngụ thời con gái; anh cũng đang chuẩn bị trình luận án tiến sĩ 2 năm tới. Còn anh cả Andy của tôi thì đã trở lại lớp vào ban đêm để học xong chương trình trung học, tuy có chậm nhưng cũng đã hoàn thành năm trước. Anh vừa lấy chứng chỉ điện tại trường đại học cộng đồng tuần rồi. Hiện tại anh là một thợ điện của công ty điện lực lớn nhất thành phố. Từ trên cao nhìn xuống những thành quả của ba đứa con sớm côi cút của mình, tôi biết mẹ tôi vui lắm. Nhưng có lẽ một sự kiện khác cũng làm mẹ tôi vui thêm: đó là

việc hoàn thiện của ba tôi. Từ nhiều năm qua chắc chắn mẹ tôi nghe được những lần cha con chúng tôi nói chuyện, nhiều lúc thật gay go, như hai bên là hai kẻ thù sắp tận diệt nhau. Trong cơn say và nghiện thuốc thì ba tôi còn có khả năng phân biệt trái phải gì nữa. Nhưng những khi tỉnh, nghe chúng tôi nhắc tới mẹ, nhắc tới ước vọng của mẹ muốn mọi người thương yêu còn lại trên đời của mẹ trở thành người tốt, nghe gọi lại hình ảnh đau thương của mẹ vào một ngày bão nổi với đôi tay khẳng khiu, run rẩy, kiệt lực, bê bết máu mà cố đưa lên cao, ba tôi đã chạnh lòng. Biết đâu có nhiều lúc nào đó mẹ tôi đã tử tế với ba tôi những ân tình còn nặng giữa hai người. Năm này tháng nọ, dù có lâu nhưng cuối cùng ba tôi cũng đã trở lại làm người lành mạnh như bao nhiêu người bình thường khác. Còn hình ảnh nào đẹp hơn hình ảnh một ông già trên sáu mươi, trong một đêm trăng sáng đã ăn mặc trịnh trọng, mày râu nhẵn nhụi, quì trước sân nhà mình, hai tay chắp trước ngực, mắt hướng lên vùng trời đầy sao, nói thì thầm với người vợ đã khuất.

Mười bốn năm nay, chúng tôi vẫn viếng mộ mẹ, có khi thì một trong anh em chúng tôi, có khi thì cả ba anh em, có khi thì chỉ một mình ba tôi. Cùng đi chung như thế này thì chưa bao giờ, từ 14 năm nay. Cha con chúng tôi đã có ước hẹn là một khi mỗi cá nhân chúng tôi đã làm được những gì mẹ mong muốn chừng đó mới xứng đáng cùng nhau đến thăm mộ mẹ, coi như đó là một món quà cho mẹ. Chúng tôi biết niềm vui của mẹ chỉ hoàn toàn khi cả bốn người chúng tôi làm xong phần mình. Thật sự chúng tôi chỉ xong một phần; nhưng lo gì, chúng tôi biết vươn lên, chúng tôi thương mẹ, chúng tôi có tình thương đời đời của mẹ. Phải vậy không?

Mà này ông ký giả, tui nói cho ông biết, thà mất lòng trước mà đừng lòng sau, tấm hình ông chụp mà thiếu nụ cười của mỗi chàng đẹp trai con nhà nghèo học giỏi chúng tôi thì không đáng đâu nhen. Hư bột hư đường hết

đó. Còn bài viết mà thiếu tiếng cười của mẹ tui từ trên mây cao rớt xuống thì cũng hỏng hết. Nói chơi cho vui vậy thôi, chứ ông muốn viết gì thì viết, chúng tôi có mất mát gì đâu. Bốn người chúng tôi vẫn là những người đang trên đường đi tới. Người đàn bà yêu quý tuyệt vời của chúng tôi vẫn muôn đời ngự trên mây từng mây đó. Và luôn luôn cười.” □

(*Houston, mùa Vu lan và mùa tựu học 2002*)

Võ Tấn Khanh

Khúc Ly Hương

Thôi quê nhà, xin giã biệt, ta đi
Lòng có nặng cũng tay cười, vẫy nhẹ
Ôi Phan Rang đã nuôi ta từ tấm bé
Với dòng sông, bãi cát, những con đường
Những vườn cây, ruộng lúa, đầm nương
Và thị trấn nghèo lô nhô nhà mới cũ

Ta đã sống, đã ăn, đã thở
Lòng quê hương thơm ngọt tình người
Sớm mai hồng, trưa nắng biếc, chiều tươi
Tuổi nhỏ hiền như lời ru của mẹ
Tuổi nhỏ vui như mắt nhìn của chị
Và kiêu kỳ theo mỗi bước chân cha
Nắm tay thơm nồng hơi thở bạn bè
Ngần đó thứ tưởng nuôi đời ta lớn mãi

Thôi giã biệt, quê nhà ở lại
Chút tình sâu, nghĩa nặng, ơn cao
Nhớ em, có lúc chua ngoa có lúc ngọt ngào
Lòng vẫn mở khi ta về xin ngủ đậu
Lòng vẫn rộng- Nhưng có trời hiểu thấu
Tại vì sao ta phải ra đi
Tại vì sao ta không khóc buổi phân ly
Nhưng trong ngực cố dằn cơn tức tử

Đời khổ lụy, sá chi ta, rách rưới
Niềm vui nào rồi đến lúc cũng vô duyên
Bao nhiêu năm ngu ngơ mở chữ nghĩa thánh hiền
Tay phấn trắng vẽ vờ nuôi sự nghiệp
Người đen bạc lọc lừa, ta cũng biết

Thời nhiều nường ai tính chuyện vàng thau
Ân cừu, thôi cũng chỉ bọt bèo
Tan rất nhẹ theo những triền bão nhỏ

Lòng sẽ chật trăm ngàn nỗi nhớ
Buổi ta về phải khóc hôm nay
Buổi ta về, vui hơn lúc ra đi
Mừng tuổi sẽ rưng rưng trông mắt mẹ...

Tôn Nữ Hoài My là bút hiệu của Võ Tấn Khanh. Nhưng trước 1975 anh cũng không sử dụng bút hiệu đó nữa, và dùng tên thật của anh trên những bài thơ anh viết. Nhưng bạn bè vẫn nhớ bút hiệu cũ của anh nhiều hơn. Trước năm 1975, anh là nhà giáo.

Sau tháng Tư 1975, anh làm đủ nghề để sinh sống. Và hiện nay Võ Tấn Khanh về sống lại trên mảnh đất mà anh đã lớn lên ở thôn Thuận Hòa, bên dòng sông Dinh (còn có tên khác là Thuôn). Một vùng quê bất ổn vì chiến tranh, đất cày sỏi đá, mà khoảng năm 1969 tôi đã đến đó. Nhắc đến dòng sông Dinh, Trần Hoài Thư có nhiều kỷ niệm.

Biết được cuộc sống của anh hôm nay là nhờ Nguyên Minh (Ý Thức) đã cho anh địa chỉ của tôi, và anh gửi thư qua thăm, nói: đã nhận và đọc TQBT. Thích ghê.

Bài thơ: Khúc Ly Hương của Khanh, tôi nhận được vào tháng 8 năm 2002 từ Thuôn gửi ra. Trong thư, Khanh viết ”cũng chưa nhận được tin gì của Trần Hoài Thư cả, không hiểu Thư còn nhớ mình và Phan Rang không nữa. Nhân cho cái địa chỉ để gửi thư cho Trần Hoài Thư. Địa chỉ e. mail mình chịu thôi. Đã bảo là lạc hậu rồi, và lại đang sống ở nhà quê...”

Nguyễn Minh

Chuyến Tàu Cuối Đời

Suýt một chút nữa là tôi trễ chuyến tàu đêm vào thành phố. Các em tôi chờ đợi sốt cả ruột để đưa tôi ra ga. Chúng vừa thấy tôi về nơi đầu ngõ, đã vội vào nhà lấy hành lý của tôi để lên phía trước yên xe, và bảo tôi lên ngồi rồi rồ ga chạy bon bon trên con đường nhựa thẳng tắp một mạch 5 cây số để kịp đón chuyến tàu suốt Bắc Nam. Vừa vào trong ga đúng lúc còi hụ, tàu vừa dừng bánh em tôi xách chiếc hành lý nhỏ và kéo tôi bước vội đến toa số đã mua vé. Tàu chỉ đậu ở ga chưa đầy 2 phút không đủ để anh em tôi dặn dò nhau trước lúc chia tay.

Nằm trên chiếc giường nhỏ, và lắc lư theo con tàu chạy gập gềnh, vun vút trong bóng đêm. Tôi cứ trần trọc không sao ngủ được, cứ chập chờn bao nhiêu hình ảnh về Ngy Hữu, và chen vào đấy sao lại là bóng dáng của mẹ tôi. Một người bạn thân tôi vừa mới gặp. Một người mẹ thân yêu đã bỏ tôi đi, để tôi sớm trở thành kẻ mồ côi, về một nơi vĩnh hằng. Một người còn sống và một người đã chết từ lâu sao lại cùng một lúc vương vấn trong tâm trí tôi.

Chỉ cách đây vài giờ, tôi và Ngy Hữu ngồi với nhau, trong một quán ăn sân vườn, uống với nhau vài chai bia, tâm sự với nhau về tình hăng hữu, cùng những dự kiến về Ý Thức. Khác hẳn với những lần trước, cả một khoảng thời gian dài vô cùng, gần ba mươi năm, bạn bè cùng một nhóm văn thơ, anh tránh né không nói về văn chương mà anh chỉ khoe cách làm giàu của anh tại một thị trấn nhỏ bé, nơi mà anh đã nhận làm quê hương thứ hai. Trong tôi, từ đó anh không còn là nhà văn Ngy Hữu, mà anh là một thương gia Trần Hữu Ngũ giàu có nhờ hai bàn tay lao động cần cù, cùng một trí óc thông minh, và

tính tình trở nên keo kiệt. Mỗi lần tôi gặp anh để lúc ra về tìm tôi thất lại, đau nhói như có ai quất roi da lên thân xác mình, khi nhận ra sự thay đổi quá lớn và tàn bạo đối với một người bạn văn cùng một nhóm, từ thuở học trò: Gió Mai. Từ một thời tranh đấu cho một nền văn hóa dân tộc: Ý Thức. Thuở đó Trần Hữu Ngũ và Thùy Linh hay Ngý Hữu chỉ là một. Hào hoa. Phong nhã. Say mê. Cuồng nhiệt. Với bạn bè, với văn nghệ, với tình yêu, anh đều trải lòng mình với một niềm đam mê say đắm, không suy tính, đắn đo.

Ngày tôi trở về Huế, quê nội, tiếp tục việc học hành, tôi vào trường Nguyễn Tri Phương. Tuy rằng anh và tôi học cùng khối nhưng khác lớp, chúng tôi quen nhau và cùng vào một nhóm văn thơ, hàng tháng ra một tuyển tập, chép tay và chuyền nhau đọc. Trong những lần họp mặt, anh thường ngồi bên tôi. Anh hỏi tôi về thị trấn bé nhỏ mà tôi đã sinh ra, lớn lên, cùng kỷ niệm của tuổi thơ. Ngồi bên cạnh anh, tôi thấy mình ấm lại mặc dù mùa đông xứ Huế mưa dầm và lạnh căm. Anh vừa người, không cao như Lữ Kiều, Lữ Quỳnh, cũng không thấp như tôi, Châu văn Thuận, ở giữa, nhưng đũa nào cũng gãy mảnh khảnh. Tóc anh ngắn và gọn sóng lăn quăn. Cặp mắt lại nhỏ nhưng cái nhìn lại sắc bén. Nụ cười vẫn thường nở trên môi sau những lần anh kể chuyện cho bạn bè nghe về một bóng hồng nào đó mà anh vừa bắt gặp.

Tôi không bao giờ nghĩ là anh ra trường Sư phạm Qui Nhơn lại đổi về dạy học tại thị xã bé nhỏ này, nơi chỉ có gió cát, nóng bỏng, mọc đầy cây xương rồng, hướng chi là anh đã xem nơi đây là quê hương của mình. Có vợ, có con, có cơ ngơi giàu sang, và sau cùng là một nắm mồ trong khuôn viên của ngôi chùa Chà Bang. Chỗ anh yên nghỉ ngàn thu, ở trên lưng chừng đồi, nhìn xuống là cảnh đồng quê, có lũy mục đồng chắn dất những con trâu cày. Tuổi thơ của anh, ở tận làng Vân Dương, dọc theo nhánh sông Thọ Lộc sông Hương, ở mạn trên thôn Hồ Lâu,

đính liền với khoảng trời xanh bao la, những lũy tre làng, những con đường đất lầy lội, những đồng ruộng bát ngát trước mặt nhà và những con trâu cày mà anh thường chăn dắt, những con diều bay cao trong gió vi vu cùng tiếng sáo rép rất, vui đùa trong những ngày nghỉ học.

Thời trẻ trong nhóm anh là người say mê viết văn, làm thơ, viết tham luận, để hoàn thành một tờ báo văn học. Sau khi tốt nghiệp Tú Tài toàn phần, anh em chúng tôi đều tản mác khắp nơi. Lữ Kiều, Nguyễn Thanh vào Sài Gòn học Y khoa, Hồ Thanh Ngạn vào Nha Trang làm thủy thủ, Lữ Quỳnh đi dạy học ở quê anh trước khi phải động viên vào quân đội. Tôi, Ngy Hữu và Hồ Thủy Giũ chui đầu vào trường Sư phạm Qui Nhơn, chỉ còn Châu văn Thuận ở lại Huế miệt mài theo học đại học sư phạm. Vào Qui Nhơn, ba chúng tôi ở trọ chung một căn gác gỗ xiêu vẹo, Ngy Hữu viết thư cho anh em các nơi gửi bài về. Suốt cả mấy đêm liền chúng tôi thức khuya để hoàn thành một tờ báo văn học: Gió Mai tha hương. Và bài thơ “Cho tôi về thăm” của Thùy Linh (bút hiệu của anh thời đó) đã lan truyền rất nhanh các bạn bè ở Qui Nhơn, và khởi hứng cho Tín phổ nhạc. Tôi đề nghị hai bạn lấy tựa bản nhạc chỉ một chữ thôi. Nga. Tên một người con gái làm xao xuyến lòng Ngy Hữu, đã biến thành tên chung của chúng tôi. Mãi đến lúc này, bao nhiêu năm qua mà tôi vẫn thuộc lòng.

*Bây giờ tháng mấy rồi Nga nhỉ
Bây giờ tháng mấy rồi Nga nhỉ
Mà sao phượng đỏ đỏ đầy sân
Mà sao tâm hồn quá buâng khuâng*

*Bây giờ tháng năm hay tháng sáu
Nga mặc áo hồng hay áo xanh
Vườn xưa thơm non hay đã chín
Cho tôi về thăm Nga một lần*

*Tôi về như năm xưa gặp gỡ
Trời xanh và mây trắng lênh đênh
Tôi sẽ đứng gần bên song cửa
Khẽ liếc nhìn Nga rất êm đềm*

*Chúng mình sẽ không nói gì cả
Khi Nga đứng nhìn mây trắng bay
Khi Nga tựa mình bên song cửa
Lần đếm chấn song bằng ngón tay*

*Nga sẽ buồn như tôi sẽ nói
Bây giờ tháng sáu hay tháng năm
Mà sao giông giống năm tháng trước
Cũng mái nhà này cũng chấn song*

*Chúng mình yêu nhau ngày gặp gỡ
Một mùa nắng ấm một mai hồng
Đàn chim bên núi ngưng ca hát
Liếc mắt soi mình dưới đáy sông.*

Trong một đêm trăng, ngồi trước hiên nhà cổ, nơi thành phố lạ. Tín đàn guitar, Ngy Hữu hát và tôi lặng lẽ lắng nghe. Âm điệu du dương và có một chút gì liêu trai. Tín chết bất tử không để lại bản thảo. Tôi chỉ còn nhớ lơ mơ, từng khúc, nhưng cũng hát thầm trong miệng, khi đứng trước mộ anh trong một lần cùng Lữ Kiều về thăm.

Bao nhiêu lần tôi trở lại cái thị trấn bé nhỏ này, nơi đã sinh ra tôi, biết bao nhiêu kỷ niệm thời thơ ấu, lớn lên, rồi lìa xa từng khoảng thời gian vài ba năm, ở Huế, ở Qui Nhơn ở Sài gòn, rồi trở về, rồi lại bỏ đi. Thời thanh xuân Hữu và tôi gắn liền nhau, cũng tại thị trấn này. Hai đứa cùng say mê làm tờ báo Ý Thức, hậu duệ của Gió Mai. Chủ biên: Ngy Hữu. Kỹ thuật in ấn: Nguyên Minh. Một hình thức roneo tuyệt đỉnh. Lập nhà in roneo

Nguyễn tại 11 Nguyễn thái Học, tôi lấy tiền lời chỉ đủ đập vào tờ báo và xuất bản. Sau đó vào Sài Gòn làm báo, Y Thức phát triển thành bán nguyệt san văn học nghệ thuật, tôi nhượng lại cơ sở ronéo lại cho Ngy Hữu. Đã hơn ba mươi năm, bảng hiệu mang họ Nguyễn của tôi vẫn theo anh mãi mãi. Trước giải phóng một năm tôi lập một chi nhánh phát hành sách báo và nhà in offset tại thị trấn nhỏ này mang một bảng hiệu khác: Nhà Sách Tiếng Việt. Sau năm 75, tôi cống hiến máy móc in ấn cho chính quyền địa phương, tôi không thiết tha gì nữa khi cái đích sống của tôi không còn. Với Ngy Hữu, khác hẳn với tôi, anh duy trì, chịu đựng, cần cù, chắt chiu, rồi phát triển theo thời gian. Cùng một giòng sông chúng tôi đã tách ra hai nhánh. Một nhánh nước đục ngầu cuộn cuộn chảy kéo theo bèo trôi, lở đất sụp bùn. Một nhánh nước trong lờ đờ uốn khúc theo những lũy tre làng mọc ở hai bên bờ. Nhưng dưới đáy sông đó của hai nhánh vẫn còn cùng một ngọn sóng.

Gió từ ngoài thổi qua khung cửa hé mở cũng đủ lạnh làm tôi trần trở, hết nghĩ về Hữu tôi lại nhớ về những ngày còn lại cuối đời của mẹ tôi. Sau ngày chia đôi đất nước 54, một năm sau, con đường quốc lộ 1 đã thông suốt từ Sài Gòn ra tận Quảng Trị, mẹ tôi nôn nóng tìm về Tuy Hòa, quê mẹ tôi nơi bà đã từng sinh ra, lớn lên, lấy chồng rồi theo chồng làm công chức đổi về thị xã nhỏ bé và xa lạ này. Mẹ tôi tảo tần buôn bán nuôi con. Ba tôi cũng nghỉ sở làm sau một lần cãi vả với tên chủ sự người Tây. Ở nhà nuôi cầu thủ bóng đá, nuôi gà chọi. Theo năm tháng mẹ tôi đã tạo cho mình một vị trí cao sang trong thương trường. Mẹ tôi trở về thăm quê xưa, tìm lại những người thân mà đã chín năm kháng chiến họ phải kẹt lại vùng liên khu 5. Cậu tôi, dì tôi, các anh em cô cậu, bạn dì, của tôi đang còn nghèo túng, khổ sở. Mẹ tôi đi mua đất, mua nhà, tập hợp dòng họ ở trong cùng một khuôn viên. Lập lại nhà từ đường phía ngoại tôi. Xây lại

mồ mả ông ngoại, bà ngoại mà tôi chưa bao giờ thấy mặt. Tạo công ăn việc làm cho con cháu. Tạo cơ ngơi một tiệm bán xe đạp cho cậu tôi. Người cậu mà tôi vẫn thường nghe bà nhắc nhở, buồn phiền, lo lắng trong thời gian chiến tranh chống Pháp: *“Không biết cậu mày sao mà sống nổi trong cơ cực! Thuở nhỏ sống sướng quen rồi, chỉ biết ăn chơi, đàng điếm hút xách phá nát của cải của mẹ cha. Mặc dù cậu là con trai út, sau khi các người cậu, anh của mẹ đã chết hết, vì bệnh hoạn, vì súng đạn. Bây giờ cậu trở thành người con trai độc nhất trông coi từ đường. Giờ chiến rồi, Mẹ phải về.”*

Nụ cười mẹ tôi dần tan. Khuôn mặt bà rạn rở. Ôm tôi vào lòng bà kể lại chuyến trở về sau mười năm cách biệt. Chiếc cầu dài bắc ngang sông Đà Rằng mùa khô nước cạn chỉ trơ lên những bãi cát trắng xóa, còn con sông như một sợi chỉ trắng chạy dài trên tờ giấy học trò. Mẹ cùng các cậu, dì và các cháu dắt nhau xuống đó bắt ốc gạo, như những ngày còn thơ, vui chơi, chạy rượt bắt trên bãi cát mênh mông, rồi ven theo bờ sông có nước xấp xỉ mà lượm từng con ốc gạo nhỏ như hạt sạn bỏ đầy gáo dừa, về nhà bắt nước luộc, mấy chị em ngồi giữa sân phơi lúa trước nhà, nhìn trăng và gió thổi hiu hiu, vừa nói chuyện vừa lể ốc. Lại còn núi Nhạn. Mẹ leo dốc mỗi cả chân. Thuở đó mẹ đâu cảm thấy như vậy. Thấp đứng chờ vợ, rêu phong. Cây cối xung quanh hình như thưa thớt đi. Mẹ tôi đứng tần ngần một lúc, bà nhận ra đã thiếu một cái gì đó nơi này. Mẹ tôi đang lắng tai nghe, và mắt nhìn vào những tàng cây. Mẹ chờ. Mẹ đợi. Dì tôi hiểu ra và băng quơ nói: *“Chiến tranh mà chị. Tây thường đưa máy bay ra bắn phá, thả bom. Chúng nó sợ và bỏ đi. Chúng nó lánh nạn. Bây giờ ngừng tiếng súng nhưng chúng không trở lại như ngày xưa. Đã mất đâu rồi.”* Mẹ tôi nhắc lại những kỷ niệm thời còn gái bà thường cùng bạn bè kéo nhau lên núi Nhạn để vui đùa chọc ghẹo đàn khỉ dạn dĩ sống chung với con người.

Mẹ tôi mang về nhà thêm những con cháu phía ngoại, các anh chị đó xấp xỉ tuổi ngang với tôi. Chúng tôi thân nhau ngay sau khi Mẹ tôi giới thiệu tên tuổi vai vế. Mẹ tôi khuyên chúng tôi phải yêu thương nhau. Các anh chị ấy được ăn mặc đẹp đẽ và cấp sách đến trường. Một vài anh chị khác đã lớn tuổi mẹ tôi lại cho đi học nghề. Người lái xe ô tô. Người học may vá. Trong nhà tôi vang thêm tiếng cười vui của con cháu hai phía nội ngoại. Cháu của mẹ tôi. Cháu của ba tôi. Cùng những người cầu thủ bóng đá không bà con gì với chúng tôi cả. Mẹ tôi cũng chu toàn, cang đáng. Nên mỗi lần mẹ tôi trở về sau một chuyến đi buôn tận Sài Gòn, các anh thanh niên kéo nhau đạp xe đạp, đèo theo tôi lên tận Tháp Chàm, vào ga xe lửa để đón mẹ tôi. Những giỏ cần xé đầy trái cây miền Nam như măng cụt, xoài cát, vú sữa, sầu riêng, được mở tung ra và con cháu tự do muốn ăn bao nhiêu thỏa thích. Sau đó lại từng món quà cho từng người. Xấp vải sa tanh đen cho các chị. Những quần sọt thể thao, một trái banh da cho các chú cầu thủ. Những chiếc cặp học sinh, những cây viết máy, một bình mực Pilot to tổ bố, cho con cháu còn đang đi học. Riêng tôi, mẹ cho thêm một cái nón nỉ có vành rộng, và chúp nhọn, như mũ hướng đạo. Mẹ tôi buôn bán làm ăn giàu có nhất nhì ở tỉnh. Mẹ tôi thể hiện ngay trong đời sống chung quanh bà. Giúp đỡ những người nghèo, sa cơ thất thế. Nuôi nấng các cháu đã bị mồ côi cha mẹ. Bạn bè thân thích bà chia xẻ với họ những niềm đau, tế nhị kéo họ lên sau những lần té ngã. Mẹ tôi thường nói với tôi: *“Trời cho mẹ làm ăn giàu có để làm gì, nếu mẹ không biết cho, chia xẻ với những người bất hạnh. Giàu của đâu bằng giàu tình.”* Mẹ tôi mất đi là một thiệt thòi lớn về mọi mặt không riêng gì chị em tôi mà còn cả cho những người thân trong giòng họ nội ngoại, bạn bè của ba mẹ tôi và những người chung quanh hàng xóm.

Hình ảnh Ngy Hữu lại trở lại trong tôi, cắt đứt giòng hồi tưởng của tôi về mẹ. Cái cảm giác của một người tuổi đã bạc đầu được trở lại thành một cậu bé con ngày nào rúc trong lòng mẹ để mẹ nâng niu vuốt ve. Làm nũng, đòi quà. Một viên kẹo. Một chiếc bánh. Một chiếc áo mưa. Một cây súng gỗ. Quà của mẹ cho ngày còn thơ tôi đều nhận mà nước mắt rưng rưng. Cái cảm giác đó tôi đã mất đi từ lâu. Nhưng sao giờ tôi lại nhận được. Không phải của mẹ, mà lại của Ngy Hữu. Không phải ngày còn thơ. Mà lại trong những ngày cuối đời.

Trước khi ra về. Ngy Hữu gọi cô chiêu đãi đến tính tiền. Cô gái dáng cao và mảnh khảnh nhẹ nhàng bước tới. Cô đếm những lon bia để trên bàn, nhìn cái đĩa muối, hai cái khăn lau mặt, cô viết lên tập giấy cầm sẵn lên tay, xé ra đưa cho Hữu, miệng cười và nói nhỏ nhẹ. *“Lần đầu tiên em mới thấy Thầy uống bia, khác mọi lần; với vài người quen Thầy chỉ uống nước suối Vĩnh Hảo.”* Lời nói của cô gái làm tôi chột nhận ra, đã bao nhiêu năm, có hơn ba mươi năm tôi và Hữu mới ngồi với nhau, chỉ có hai đứa, trong một cái quán ăn, uống những lon bia, ngà ngà say mà nói chuyện về văn chương, về bạn bè ở xa.

Nhớ lại ngày nào, trên căn gác nhỏ, ngồi ở hành lang hẹp, hai đứa bạn thân tâm sự cùng nhau. Những người con gái đi qua trong đời. Như một áng mây trôi. Những mối tình si. Để trong lòng, ấp ủ. Rồi người cũng đành bỏ ta đi. Lấy chồng. Uống thêm một cốc nữa đi Hữu cho đỡ mắc nghẹn. Còn tôi, cũng thêm một cốc rượu nữa để lòng ấm hơn, trời không lạnh nhưng sao tôi lại muốn run run vì nhớ vì thương cô bé vẫn thường gọi tôi bằng chú. Ngày mới quen, cô bé có đôi mắt ngây thơ, yêu đời. Lúc yêu nhau, đôi mắt trở nên u buồn và hay ngán lẹ. *“Uống thêm một cốc để tiễn giùm tao Cúc lên xe hoa đi, Minh con.”* Tôi cầm cốc rượu uống một hơi, tôi chia buồn với Hữu hay tôi đang cố lấp nổi lo sợ một ngày nào đó Tuyên cũng bay xa. Chai rượu Rhum Hữu mua xách tới

đã cạn. Hai thằng bạn trút lên cho nhau những nỗi buồn khôn nguôi. Nước mắt cay nhỏ thành lệ. Mỗi đứa gọi tên người yêu, rất khẽ rồi không thành tiếng. Và gục đầu lên bàn, thiếp đi. Nhưng khi tỉnh dậy ngơ ngác thấy mình nằm trên giường ngủ, đứa này hỏi đứa kia: *“Mày điu tao hay tao đỡ mày lên giường.”* Không đứa nào trả lời được. Nhưng nỗi buồn của mỗi đứa đều truyền được qua cho nhau, cùng chia xẻ, cùng với đi. Lại bắt đầu một ngày bình thường, cấp cập đến trường lên lớp.

Cô gái – học trò cũ của Hữu – thối lại tiền thừa, nhưng Hữu để lại trên chiếc đĩa. Tiền bo. Cô gái ngạc nhiên, lưỡng lự. Tôi biết cô gái thắc mắc sự khác lạ, hào phóng đó của Hữu. Anh hỏi tôi mấy giờ tàu chạy. *“Bảy giờ”*. Trời đã chạng vạng tối. Trong quán đã lên đèn. Hữu hỏi tôi: *“Thôi mình về, ông còn phải đi một đoạn đường bộ cả năm cây số nữa mới tới ga, có thể trễ.”* Tôi cười, tỉnh bơ nói: *“Có sao đâu, không đi về thành phố được hôm nay, thì mai cũng xong.”* Hữu đứng tần ngần trong chốc lát, anh thọc tay vào túi quần lấy cái gì đó, nắm gọn trong lòng tay, rồi vội vã tay còn lại nắm bàn tay tôi. Tôi chưa kịp nhận ra điều gì anh đang thực hiện. Anh đặt vào tay tôi những tờ giấy bạc năm chục ngàn. Tôi định hỏi anh nhờ tôi mua gì ở thành phố. Nhưng tôi im lặng khi tôi nhận ra hàng hai mi mắt anh nhấp nhấp, và cái nhìn anh bỗng dịu dàng êm ái chứa đầy tình cảm. *“Mày lấy để tiêu vặt.”* Đời sống của tôi hiện tại ở thành phố rất vững chãi. Anh cũng mừng khi thấy đời sống gia đình chúng tôi ngày một vương lên, khá giả. Anh đâm ra lúng túng, vụng về. *“Tao biết chẳng có bao nhiêu, thậm chí là gì, nhưng đây là quà của tao, mày cầm lấy cho tao vui.”* Tự dưng tôi xúc động kỳ lạ, và hai mắt tôi cũng chớp chớp và nước mắt ứa ra từ khoé mắt. Tôi không hiểu sao mình mềm lòng khi nhận lấy tiền Hữu cho khi tôi không cần.

Con tàu vẫn chạy lắc lư, tiếng gió hú ngoài kia vẫn gầm

thét lọt vào tim tôi. Nhớ lại cái nhìn thiết tha, đôi môi nở nụ cười khẽ, cái nắm tay chặt của Hữu trước lúc chia tay, khi anh cho tôi tiền. Nhớ lại những lần tôi nhận quà của mẹ. Có liên quan gì với nhau mà làm tôi phải thao thức, so sánh.

Đến lúc này, tuổi mình đã xế chiều, tóc đã bạc phơ tôi mới nhận ra được câu trả lời mà tôi không hiểu được trong những ngày còn thơ. Khi nhận được quà mẹ cho lúc nào tôi cũng rưng rưng nước mắt. Đó là giây phút mẹ tôi thể hiện cách cho, không phải ban ơn mà là chia sẻ tình cảm, hạnh phúc đang dâng lên trong lòng mẹ sang qua những người mẹ yêu thương. Cái nhìn của mẹ đầy âu yếm. Cái vuốt tay nhẹ nhàng êm ái của mẹ lên đầu, lên má tôi. Nụ cười đầy vị tha, lời nói dịu dàng. Tôi ngã đầu vào lòng mẹ để tìm một hơi ấm. Cho quà không phải là một cuộc đánh đổi có điều kiện. Tôi chưa bao giờ nghe mẹ tôi nói: *“Mẹ cho con hộp kẹo này, con phải vâng lời Mẹ nhé.”*

Tàu vừa đến sân ga, tôi vội đón xe ôm về nhà. Việc đầu tiên là tôi gọi điện thoại cho các bạn. Chỉ gặp được Lê Ký Thương, tôi rủ hân chiếu nay tìm đến một quán cóc bên đường, tôi kể cho Thương nghe về Ngự Hữu, như một sự trở về con người văn nghệ. Tôi nói đang lẽ có đầy đủ anh em, mình uống cho hết số tiền chỉ có 100.00 đồng. Bây giờ chỉ có tôi với ông. Cửa một nửa để bữa khác cho anh em, uống mừng. Hai đứa tôi có rất nhiều kỷ niệm, gắn bó với Ngự Hữu những ngày còn làm báo YT ronéo. Chỉ nhắc đến thời điểm đó thôi. Ngà ngà say, tôi thấy hình như Ngự Hữu đang tiến đến ngồi bên cạnh chúng tôi, thảo luận hăng say về một nền văn hoá dân tộc.

Ngự Hữu mất sau một cơn đau tim, như Lữ Kiều đã báo trước cơn bệnh của anh dẫn đến cái chết đột ngột. Những

ngày cuối đời, anh giao cơ sở làm ăn lại cho chị Nữ, vợ anh, trông nom. Còn anh, một mình trong căn phòng có máy điều hòa, anh trở lại viết văn, làm thơ.

Thị trấn Khô, sau khi anh mất, vợ con anh mới xuất bản, như một món nợ anh phải trả cho cái thị trấn đã ưu ái đối với anh. Thị trấn khô như là một tự truyện. Trong các bạn, tôi đọc và nhận ra ngay, đó là một sự chấp nối giữa hai thời gian trước sau ngày giải phóng. Ngày tôi còn trông coi nhà xuất bản Y Thức anh có đưa cho tôi đọc tập bản thảo. Một vài chương cuối cùng, anh biết anh mới viết tiếp.

Giờ đây, đứng trước mộ anh, tôi mới nghiệm ra rằng: *Trong một con người không thể có cùng một lúc hai niềm đam mê đối kháng nhau. Tiền và văn chương* □

TQBT tưởng niệm nhà văn NGY HỮU. Anh tên là Trần Hữu Ngũ. Mất ngày: 14-7-1998 tại Phan Rang. Ninh Thuận. Chúng tôi nhận bài viết của Nguyễn Minh từ trong nước gửi ra trể, cho nên TQBT 6 phát hành vào tháng 7-2002 đúng vào tháng anh mất mà đi không được. Do đó, TQBT 7 đi lại bài viết của Nguyễn Minh như để tưởng nhớ một người bạn văn đã mất.